Đào Trinh Nhất

# NHẬT BẢN DUY TÂN 30 NĂM



# Mục lục

**ĐÀO TRINH NHẤT**

# NHẬT BẢN DUY TÂN 30 NĂM






Minh Trị Thiên Hoàng bệ hạ

(1852-1912)

# Lời thưa

**C**uốn Nhật Bản duy tân 30 năm của tác giả Đào Trinh Nhất có thể được xem như một cuốn cẩm nang dành cho những ai muốn tìm hiểu về đất nước, con người và văn hóa Nhật Bản, nhất là giai đoạn mà Nhật Bản thực hiện công cuộc duy tân. Cuốn sách sẽ giúp độc giả trả lời được những câu hỏi như: Đâu là khởi nguồn của công cuộc duy tân ở Nhật Bản? Sự lột xác thần kỳ của Nhật Bản phải chăng là do may mắn? Nhật Bản đã làm những gì để có những thay đổi ngoạn mục, trở thành biểu tượng cho cả thế giới? Liệu rằng chúng ta có học hỏi được gì từ bài học duy tân của Nhật Bản hay không? Để đem tư liệu quý đó đến với độc giả hôm nay, chúng tôi mạn phép tái bản lại tác phẩm Nhật Bản duy tân 30 năm dựa trên bản in năm 1936 tại Sài Gòn. Với mục đích có được một văn bản chính xác, nhất quán và rõ ràng cho độc giả ngày nay, chúng tôi đã có một số thao tác biên tập như sau: (1) Đính chính một số sai sót về tên nhân danh, tên tác phẩm được nhắc tới; (2) Thống nhất trong toàn văn bản về việc dùng các chữ nhất, nhật, sinh, tính, nhân, bệnh, bản… thay vì nhứt, nhựt, sanh, tánh, nhơn, bịnh, bổn…; (3) Thống nhất cách viết hoa, viết thường và (4) Sửa lỗi chính tả và bổ sung một vài chú thích khi cần thiết. Đối với những phần đính chính, bổ sung, chúng tôi đều ghi rõ là do biên tập viên [BT] thực hiện.

Đặc biệt, văn bản gốc có sử dụng rất nhiều hình ảnh minh họa, tuy nhiên do chất lượng hình ảnh kém, nên không thể phục nguyên được, do đó chúng tôi quyết định thay một số hình ảnh tương tự với hình ảnh trong văn bản gốc, được sưu tầm từ nhiều nguồn khác nhau, mục đích là cho cuốn sách thêm sinh động, hấp dẫn. Ngoài ra cũng giúp bạn đọc có một cái nhìn khách quan hơn về cuốn sách, chúng tôi xin giới thiệu bài viết của nhà báo Phan Khôi (1887 - 1959), người sống cùng thời với Đào Trinh Nhất về cuốn sách Nhật Bản duy tân 30 năm được đăng trên Sông Hương, Huế, số 32 (27 Mars 1937), trang 2, 8.

Với tất cả sự cẩn trọng trong công tác biên tập và trình bày, chúng tôi hy vọng có thể chuyển cuốn Nhật Bản duy tân 30 năm đến tay bạn đọc bằng một văn bản đáng tin cậy. Mặc dù vậy, trong qua trình làm việc, sai sót là

điều khó tránh khỏi. Chúng tôi mong nhận được những góp ý của bạn đọc để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản tới.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Ban biên tập

# Giúp độc giả khi đọc cuốn Nhật Bản Duy Tân 30 năm của ông Đào Trinh Nhất

**PHAN KHÔI**

Ông Đào Trinh Nhất, bạn tôi, mới rồi, trong một lúc xuất bản hai cuốn sách có giá trị ngang nhau. Cuốn Phan Đình Phùng đã được đem phê bình ở báo này số trước. Đến cuốn Nhật Bản duy tân 30 năm, tôi nghĩ viết một bài phê bình như thế nữa không có ích, chi bằng đứng về một phương diện khác hầu có thể giúp độc giả trong khi đọc cuốn sách ấy.

Nghĩ như thế rồi tôi viết bài này, coi cũng như bài tựa hay bài bạt cho cuốn sách về thế sự của Đào quân, chỉ khác là không được hân hạnh in vào trong sách của người.

Cuốn Nhật Bản duy tân 30 năm dày gần 300 trang giấy khổ lớn, lấy tài liệu ở hai chục pho sách hoặc chữ Hán, hoặc chữ Nhật, hoặc chữ Tây, để thuật lại công việc của một nước trong 30 năm cải cách mà thành hiệu. Trong chúng ta người nào có lòng sốt sắng, bỏ cả mọi việc mà đọc nó, cũng phải mất vài ba ngày mới hết. Khi đọc xong, ai nấy đem lòng hâm mộ sự thành công của người Nhật, là lẽ cố nhiên; nhưng nếu ai nấy thường tự hỏi: nước Nhật tại làm sao mà có được sự thành công ấy, thì chưa chắc lý hội lấy mà trả lời ngay cho mình được.

Một cuốn sách dài như thế, khi xem đến khúc sau có lẽ đã quên khúc trước, huống chi trong đó sự tình bề bộn lắm, thì lý hội cho được cũng là khó.

Vả còn điều này nữa, mình là người Việt Nam, khi đọc cuốn sử duy tân của Nhật Bản, phải thấy có sự cảm khái riêng trong lòng. Vì sao nước mình thuở xưa cũng ở trong một hoàn cảnh như họ mà mình lại không làm như họ được? Tôi tưởng người đọc sách ấy chẳng những muốn trả lời câu hỏi trên mà thôi, cũng muốn đáp luôn câu hỏi dưới.

Tôi đã đọc qua cả cuốn sách của Đào quân một bận. Về những điều ấy tôi đã lý hội kỹ. Tôi xin viết ra đây để trả lời hai câu hỏi kia. Ấy là một việc mà khi làm, tôi tưởng là có ích cho những người đọc sách của ông Đào.

* * *

Nhiều người An Nam hay nói: Nhật Bản là nước đồng văn với nước ta, họ cũng theo đạo Khổng Mạnh, họ cũng là một nước phụ dung văn hóa của nước Tàu như nước mình, thế mà họ duy tân, tự cường được đến như thế, còn nước mình ra thế này, đáng lấy làm tức.

Người nào nói như thế là chưa biết rõ nước Nhật Bản. Phải, họ thuở xưa cũng theo đạo Khổng Mạnh, cũng làm một nước phụ dung văn hóa của nước Tàu như nước ta thật, nhưng mà có khác nhau nhiều lắm trong sự giống nhau ấy.

Đọc sách của ông Đào, chúng ta thấy người Nhật có những cái tinh thần riêng của họ để làm nền móng cho sự lập quốc, như Đại Hòa hồn, Võ sĩ đạo, những cái ấy đã đành là không có ở nước ta rồi. Kể đến sự theo văn hóa Trung Hoa, nước họ cũng khác với nước mình nữa.

Người Nhật theo đạo Khổng Mạnh nhưng không theo cái học khoa cử, không bắt chước làm những kinh nghĩa, thi, phú, là thứ văn chương vô dụng. Sĩ phu họ không bị những cái bả vinh hoa của cử nhân tiến sĩ làm mê muội đi. Đầu óc của họ thuở nào đến giờ vẫn trong sạch, cho nên khi thấy có Tây học thì họ nhận biết là đáng theo mà theo ngay.

Lại thêm, người Nhật theo văn hóa Tàu mà những cái dở, những sự mê tín của người Tàu họ không chịu theo. Tức như người Nhật không tin địa lý, cũng không tin quỷ thần, đốt vàng mã. Nhờ đó, trong tư tưởng họ không vướng víu những cái tối tăm dơ bẩn cần phải mất thời giờ để gột sạch đi rồi mới hấp thụ cái hay cái tốt được.

Người Việt Nam ta từ triều Trần triều Lê về sau chỉ biết tôn chuộng cái học khoa cử, là cái học phù hoa vô dụng, làm cho sĩ phu trở nên đui điếc. Đã vậy lại còn mắc nhiều sự mê tín của người Tàu đưa qua cho, như là tin phong thủy, bói, số cùng vô số thứ dị đoan. Hồi triều Tự Đức, người Nhật

đã hăm hở theo Âu hóa rồi, nhưng người mình thì trong óc còn chất chứa không biết bao nhiêu sự tối tăm dơ bẩn, vậy nên cứ thủ cựu hoài mà không làm như họ được.

Cái trình độ văn minh của một nước thế nào, là coi ở học thuật tư tưởng của người nước ấy. Một nước mà muốn cải cách, cũng bắt đầu từ học thuật tư tưởng mà cải cách đi.

Học thuật tư tưởng của người Nhật lúc chưa tiếp thọ Âu hóa cũng đã không đến hủ bại như nước ta, nhờ đó mà họ tiếp thọ Âu hóa một cách dễ dàng. Đến khi biết Âu hóa là đáng theo, và quyết kế theo rồi, thì họ lại còn biết phá hoại học thuật tư tưởng của họ mà không hề dùng dằng đoái tiếc.

Trong nước ta hiện có một hạng người thủ cựu cứ phao ngôn rằng người Nhật Bản lúc duy tân, theo Tây là chỉ theo về phương diện khoa học cơ khí mà thôi, còn về phương diện tinh thần thì họ vẫn giữ các điều họ sẵn có.

Đọc qua cuốn sách của ông Đào Trinh Nhất, sẽ thấy lời nói đó là không thật. Vả, trong thiên hạ chẳng có lẽ nào lấy cái tinh thần cũ ra mà làm được sự nghiệp mới bao giờ. Cải cách thì phải cải cách từ tinh thần, tức là học thuật tư tưởng.

Du nhập cái tư tưởng công lợi của người Anh và người Mỹ. Việc này do ông Phúc Trạch Dụ Cát đề xướng ra. Ông cả gan kêu gào phá hoại văn hóa cũ mà ông cho là cái dư độc của chế độ phong kiến. Họ Phúc Trạch sáng lập ra Khánh Ứng nghĩa thục, chuyên ban bố cái tinh thần giáo dục của phương Tây. Cái tinh thần ấy cốt ở những sự: hoài nghi, phá hoại và cải tạo, làm cho sĩ phu hướng chiều về đường thực học và bồi dưỡng cái óc tự do độc lập của quốc dân.

Du nhập cái tư tưởng tự do của người nước Pháp. Việc này do ông Bản Viên Thoái Trợ đề xướng. Sách Dân ước luận của J. J. Rousseau dịch ra trong buổi ấy. Từ đây có dấy lên nhiều cuộc vận động mới về chính trị.

Du nhập cái tinh thần của đạo Cơ Đốc. Cơ Đốc giáo vào nước Nhật đã lâu, nhưng cái tinh thần của đạo ấy được thấm khắp giữa người Nhật là từ hồi đầu triều Minh Trị. Bấy giờ có người tên là Tân Đảo Tương, một tín đồ

của Chúa Cứu thế, lập ra cơ quan gọi là Đồng Chí xã, hết sức tuyên truyền giáo nghĩa của Chúa Gia Tô. Ông làm việc ấy bởi một đức tin chắc chắn, như có nói rằng: "Nếu không dùng đạo Cơ Đốc để cảm hóa quốc dân thì không bởi đâu truyền bá cái chân tinh thần của văn minh Âu châu được".

Du nhập cái tư tưởng quốc gia của người nước Đức. Việc này do ông Gia Đằng Hoằng Chi đề xướng. Ông có làm ra sách Nhân quyền tân thuyết, phản đối các thuyết bình đẳng tự do mà cổ xúy cái Chủ nghĩa Quốc gia theo thuyết tiến hóa của Đạt Nhĩ Văn.

Theo một cuốn sách văn học sử Nhật Bản, người ta đã công nhận bốn điều ấy là trụ cột trong cuộc duy tân thành công của người Nhật, đáng đem để trên hết những sự chấn chỉnh ở bề ngoài, như là mở quốc hội, ban hiến pháp cùng là tập rèn cơ khí, khuếch trương công nghệ...

Sự nhớ cũ bao giờ cũng choán một phần trong tâm lý loài người. Do cái tâm lý ấy, lại thêm cái lòng tự trọng nữa, người Nhật đến ngày nay đã cường thịnh rồi, bèn cất cao giọng lên mà xướng cái thuyết bảo tồn quốc túy. Chứ kể theo sự thực trên lịch sử, nếu đương hồi Minh Trị mà người Nhật cứ khư khư giữ lấy cái cũ của mình, không phá hoại và cải tạo, thì làm sao có ngày nay được? Cái lẽ ấy dễ hiểu lắm: tức như nước ta vào thời Tự Đức đã bo bo giữ lấy học thuật tư tưởng cũ, chuộng khoa cử và không chừa bỏ được mọi sự tin tưởng nhảm nhí, đi đón rước lấy văn hóa Âu châu thì ta đã phải mất nước rồi.

Cứ như những lẽ nói đây đã đủ trả lời cho hai câu hỏi trên kia, câu hỏi phát ra trong óc mọi người sau khi đọc cuốn Nhật Bản duy tân 30 năm của ông Đào Trinh Nhất. Tôi còn xin nói thêm mấy lời nữa làm kết luận.

Nước ta vì thâm nhiễm các cái di độc của văn hóa Trung Hoa, khoa cử và dị đoan mê tín, nên sự nhận biết về văn minh thế giới đã phải chậm hơn người Nhật 50 năm. Từ ngày khoa cử bỏ, người mình có khai thông ra một chút, nhưng bao nhiêu sự hủ bại vẫn còn choán trong tư tưởng, thành thử không tiến bộ cho nhanh chóng được. Bây giờ, đọc sách ông Đào, lấy việc nước Nhật làm gương, ta còn nên gia công trong sự cải cách về tinh thần,

trên cõi đất ấy còn có lắm phen phá hoại và kiến thiết rồi mới toan làm được việc gì...

# Vài lời nói trước

Sau hai mươi mấy tháng công phu tìm kiếm góp nhặt những tài liệu cần dùng, tôi đánh bạo viết ra cuốn sách này, trong tâm não chỉ có mấy cái quan niệm sau đây là cốt yếu.

Một là để đóng góp vào kho sách quốc văn một cuốn sử học. Nếu có những người chỉ ham đọc tiểu thuyết, thi ca, bài văn, thần quái chắc cũng có nhiều người biết đọc những sách về triết lý, về học thuyết, về khoa học, về lịch sử.

Huống chi, bao giờ đọc sử cũng là một điều cần dùng bổ ích cho sự học vấn, sự tấn hóa của người ta. Cuộc hưng vong suy thịnh của quốc gia dân tộc này, vẫn có thể do nơi sử học làm tấm gương nên soi hay là dấu xe nên tránh cho quốc gia dân tộc kia. Nếu muốn soi gương sáng, theo dấu hay, tự nhiên chúng ta nên biết chuyện Nhật Bản duy tân tự cường cũng như nên học sử Pháp quốc văn minh cách mạng, cùng là các nước tấn hóa hùng cường khác trong thiên hạ vậy.

Hai nữa, Nhật Bản duy tân tự cường thật là một hiện tượng lạ lùng quái gở ở trong lịch sử thế giới nhân loại, xưa nay chưa hề thấy có. Cái hiện tượng ấy phát ra một cách không ngờ, một cách đáng sợ, người ta ở đâu xa xôi ngàn muôn dặm, biển cách non ngăn, còn phải tìm tòi xem xét cho biết thay, nữa là mình đây ở gần một bên. Càng những dân tộc nào đang yếu muốn mạnh, ngu muốn khôn, dở muốn hay, hèn muốn giỏi, lại càng nên tìm tòi xem xét cho biết cái hiện tượng tấn hóa xưa nay có một đó.

Thật vậy, giữa lúc những nước chung nguồn hay khác nguồn văn hóa chủng tộc, xúm xít ở miền đông này, đều mê muội đắm chìm, làm con cá nằm giữa thớt dao chinh phục của Tây phương, duy có một mình Nhật Bản vùng dậy quật cường và chống ngăn được làn sóng xâm lược đang ào ào từ tây sang đông, chỉ tràn tới mé biển Trung Quốc và xóm đảo Nam Dương là hết. Mà họ quật cường mau lẹ quá chừng: trên con đường văn minh hiện thời họ rong ruổi vùn vụt như bay, trong ngoài ba bốn chục năm đuổi kịp Âu Mỹ đã đi ba bốn thế kỷ. Trăm công ngàn việc, bỗng dưng thay mặt đổi

hình hết thảy, mà quốc thế dân sự chỉ có tấn tới êm ru, không hề bị lay động tổn thương, không phải nhỏ một giọt máu. Thế là trái hẳn với cái công lệ[1] ở trong lịch sử biến cách xưa nay, phàm quốc gia dân tộc nào phút chốc đổi thay chính trị văn hóa như thế, thường không tránh khỏi một phen khiến cho thế nước rung rinh, máu đào lênh láng.

Lẽ thứ ba, tới kinh tế và chính trị. Ta với Nhật là hàng xóm láng giềng, địa thế ngó xiên nhau, chỉ tương cách có một con nước, một mặt biển không bao xa, vậy thì dầu muốn dầu không, lẽ tự nhiên phải có tiếp xúc quan hệ. Người ta phải biết căn nguyên và lực lượng của những kẻ từ cận lân bang, để hoặc lựa chọn có thể cùng ai thân giao, hoặc phòng ngừa ai có thể thừa cơ bắt gà đập chó nhà mình, không chừng có lúc ra mặt xâm vườn lấn đất của mình nữa là khác. Trong vòng quốc tế lân giao, bà con ta phải biết căn nguyên lực lượng của Nhật Bản, chính vì lẽ đó.

Vị trí nước mình, cũng như Trung Quốc, chính là một thị trường vừa tất nhiên, vừa thuận tiện để cho Nhật Bản phát dương cái lực lượng to lớn của họ về kinh tế, công nghệ. Lâu nay, chúng ta đã thấy họ bắt đầu khai khẩn nhiều thứ khoáng sản ở phía bắc Trung kỳ và từ từ mở mang các công cuộc mua bán đồ sộ ở mấy nơi đô thị lớn của ta. Còn vì nể ông địa chủ ở đây (tôi muốn nói người Pháp) ít nhiều, nên chi cái bước kinh tế họ đi vào xứ mình khoan thai mà chắc chắn, nhưng cứ tấn tới luôn. Bên Tinh Châu [Singapore][2], kinh tế lý tài Nhật Bản đang muốn áp đảo cả dân bản thổ và người Tây phương ở đó. Ở Xiêm La [Thái Lan] cũng vậy. Ở đây rồi cũng có ngày.

Bởi vậy tôi thường suy nghĩ, nếu như chúng ta không ráng phấn phát tự tồn, e một ngày kia không xa, đến những việc làm mối lợi lặt vặt, chẳng phải chỉ có Hoa Kiều là tay kình địch mà thôi đâu, sẽ thêm người Nhật nữa.

Phải biết lúc này chính là lúc Nhật Bản đang tầm ngầm bố trí thực hành cái chính sách Nam tiến.

Mãn Châu, Hoa Bắc chưa đủ. Nhật đang muốn xâm lược Hoa Nam và tính toan tràn lấn xuống cả một vùng Nam Dương gồm hết Ấn Độ, Hòa Lan, Phi Luật Tân [Philippines], Xiêm La [Thái Lan], Tinh Châu [Singapore],

mặc lòng những xứ này là lãnh thổ hay phạm vi thế lực của các nước Âu Mỹ. Báo giới Đông Kinh [Tokyo] từng nói lỡ miệng ra như thế, nhất là phe quân nhân. Tuy không nghe họ kể gộp cả tên Đông Dương mình, nhưng Đông Dương nằm vắt ngang trên con đường Nam tiến của họ tất nhiên họ để trong tâm mục chẳng cần nói ra.

Nước cờ ngày nay Nhật Bản sửa soạn đi tới, ba bốn chục năm trước đã có nhiều người Pháp tiên liệu rồi. Tôi nhớ hình như có người Pháp đã nói câu nói truyền tụng này: "Buông Á, lấy Phi" (Lâchons l' Asie, prenons l' Afrique). Người khác cũng tiên liệu mà chắc chắn hơn, ví dụ Thống tướng Pennequin, cách nay gần bốn chục năm, đã từng đoán định sự thế tất nhiên mai sau, cho nên ngay hồi bấy giờ, ông đã chủ trương chính sách khai hóa dân Việt Nam một cách rộng rãi và nên tổ chức ra quân đội Việt Nam hẳn hoi, để mai sau hợp lực với người Pháp giữ lấy quê hương đất nước này, chống ngăn cái làn sóng tham tâm vô yếm[3] của đế quốc Nhật Bản.

Nhiều lần trên mặt báo chí, tôi vẫn nhắc nhở tán thành cái chính kiến đó mãi.

Với giống người đông như ổ kiến mà chen chúc nhau, thiếu ăn nghẹt thở, thế tất phải xâm lấn tràn lan ra chung quanh cho được sinh tồn: với giống người thuở nay chỉ quen đánh úp người ta một cách bất ý vô tình, chứ không hạ chiến thư trước bao giờ, vậy tưởng xóm giềng lân cận như mình phải lo thủ thân[4] giữ miếng luôn luôn mới được.

Tóm lại, cuốn sách tầm thường này chỉ do mấy cái quan niệm đã giải tỏ trên đây mà viết ra.

Không hiểu tại sao Nhật Bản được văn minh hùng cường mau lẹ quá?

Ấy là một câu thường nghe nhiều bà con mình hỏi nhau.

Việc gì ở đời cũng phải có nhân quả tương sinh mới phát hiện ra được. Nói chuyện Nhật Bản duy tân tức là nói một chuyện nhân quả.

Phải, họ duy tân được là bởi họ có đủ tư cách lực lượng cần dùng, chứ không phải là một sự may mắn, ngẫu nhiên, theo như nhiều người lầm tưởng. Do sự xem xét vội vàng, nhiều người lầm tưởng quốc thế của Nhật Bản cũng như Xiêm La: chỉ là may mắn mà được độc lập tự tồn giữa lúc các quốc gia chung quanh đều bị chinh phục và giữa lúc những làn sóng Âu Mỹ xâm lược đổ tràn qua Đông Dương dữ dội. Trái hẳn lại, theo tôi tin chắc, giữa thế kỷ XIX, nếu liệt cường Âu Mỹ muốn lấy Xiêm La làm thuộc địa, thật dễ dàng như trở bàn tay, nhưng nếu muốn chinh phục Nhật Bản, chắc là không được. Vì Nhật có tư cách lực lượng để độc lập tự tồn. Tư cách lực lượng ấy như là hạt giống đã nằm sẵn ở dưới lớp đất rồi, đến lúc gặp thời tiết thúc giục, tự nhiên nó phải nảy mầm đâm ngọn mà trồi đầu lên thành cây.

Bởi vậy, độc giả mở sách ra, sẽ thấy một chương đầu hết, tôi không ngại gì phải viết dài dòng nhiều giấy, là cốt bày tỏ ra vì sao trong lúc ba bề bốn bên ai nấy đều yếu hèn mất nước, mà chỉ một mình Nhật Bản duy tân tự cường được như ngày nay, nhờ họ sẵn có những mầm hay giống tốt thế nào? Phải biết từ xưa, dân tộc họ đã có nhiều cái tính cách đặc biệt: thượng võ, hiếu chiến, tự tôn, rất trọng danh dự, coi chết như không. Về văn hóa tuy là họ cũng làm đệ tử Nho giáo và văn tự Trung Quốc, nhưng họ biết lựa chọn để dựng lên một nền văn hóa riêng. Ai nhắm mắt theo càn, cả từ văn tự, khoa cử, từ chương, chế độ, thì họ biết rút lấy tinh hoa, biết dung hợp, để lập ra một nền giáo dục thiết thực riêng, tự đặt lấy một lối văn tự riêng, chứ không chịu bắt bóng theo đuôi, người sao ta vậy. Ai say mê thờ kính mãi học thuyết Tống Nho, thì họ biết châm chước tùy thời và đón rước những cái học “Tri hành hợp nhất” và “Minh tâm kiến trí” của Vương Dương Minh. Ngay hồi Âu hóa chưa sang Đông, chỉ có năm ba thương gia giáo sĩ Tây dương phiêu lưu mạo hiểm qua đây, người Nhật đã biết lần mò dò hỏi về tình thế thiên hạ và học mót những thuật làm thuốc, thuật đúc súng, luyện quân của người ta, chứ không cố chấp tự kiêu như ai, một lúc có phúc đã được người Tây dương qua tận nhà mình cứu giúp và bày tài nghề ra trước mắt mình mà không biết mở mắt bắt chước!

Rồi đến giữa thế kỷ XIX, ngó thấy sức mạnh của Tây phương dồn dập sang Đông, có thể lấn lướt cả những Cù lao Cửu Châu Tứ Quốc 九州四国 [Kyushu Shikoku], người Nhật tự nghĩ nếu mình không mau tự cường bình

đắng với Tây phương, tất cũng mang họa vong quốc như ai. Ấy là lúc mầm giống nằm sẵn dưới lớp đất sâu đã được thời tiết thúc giục cho nứt mộng trồi đầu lên trên. Tức thời, từ triều đình, mạc phủ, quan lại, cho đến sĩ phu, hào kiệt, nhân dân, hết thảy đều tỉnh giấc thủ cựu, dốc lòng tự tán, ai nấy hăm hở như nhau. Dân tộc đã sẵn có tư cách lực lượng rồi, lại được vua quan sĩ thứ đồng tâm nhất đức, thành ra ngày nay hô lên, ngày mai làm liền, công cuộc duy tân phăng phăng đi tới như sóng tràn gió thổi: con đường văn minh Âu Mỹ đi chậm rãi trên ba thế kỷ, người Nhật rút lại có ba chục năm!

Muốn thì được; thật người Nhật đã biết muốn văn minh, quyết lòng tự cường, họ đã được văn minh tự cường đó. Bao nhiêu ý chí và nghị lực của con người ta, phô bày ra một mực rất cao. Chính họ đã treo lên lớn bự chói lòa một tấm gương "sống chết tự mình" cho tất cả những quốc gia suy vi, những dân tộc hậu tấn trong thiên hạ cùng soi, nên soi!

Vậy thì cuốn sách này chính là một cuốn sách nên viết ra; mà viết ra chắc không đến nỗi vô ích cho quốc nhân đồng bào thì phải.

**ĐÀO TRINH NHẤT**

**(Saigon, Octobre 1936)**

# Chương I. BA NGUYÊN DO LỚN

*Thử mở hết lịch sử nhân loại ra mà coi, đông tây kim cổ, có quốc gia nào chỉ sửa sang thay đổi trong 30 năm mà được mới hẳn mặt mày, trở nên tốt đẹp, như là Nhật Bản vậy không?*

**K**hắp các dân tộc ở trong thiên hạ thế giới xưa nay, không hề ai thấy dân tộc nào có cái lịch sử tấn hóa tự cường một cách vẻ vang, một cách lạ lùng, một cách mau chóng cho bằng dân tộc Nhật Bản.

Mạnh bạo vẻ vang?

Phải.

Bao nhiêu quốc gia dân tộc lớn nhỏ ở Đông phương mình, đến giữa thế kỷ XIX, là lúc bàn cờ thiên hạ đã xoay ra cái thế "mạnh được yếu thua, khôn sống mống chết" rõ ràng lắm rồi, thế mà vẫn còn mơ màng không tỉnh, một mực giữ riết những thứ hủ bại hèn yếu như xưa, thành ra lần lượt trước sau bị các cường quốc Thái Tây qua chinh phục lợi dụng hết thảy. Nhật Bản ở Đông phương cũng đang là một nước trong các nước hủ bại hèn yếu đó, bỗng chốc nổ vang như tiếng sét đánh, họ nổi lên duy tân hùng cường một cách thật là oanh liệt. Trải 30 năm ra sức sửa mình, mau chân lẹ bước, Nhật đuổi theo kịp Âu châu trên đường văn minh, rồi cùng một nước rất mạnh của Âu châu thử sức đánh nhau mà Nhật đại thắng, làm cho tai mắt tâm hồn cả thế giới đều phải rúng động kinh hoàng. Cho đến hiện nay, về binh lực, về cơ khí, về học thuật, về công nghệ… mặt nào Nhật cũng dư sức cùng các cường quốc Âu Mỹ thích cánh chen chân mà đứng vào hàng thứ nhì trong thiên hạ.

Nói cho phải, thực sự nhờ có Nhật Bản tự cường và tranh giành với Âu Mỹ được như thế, thành ra giống da trắng cũng bớt lên mặt coi rẻ giống da vàng; trái lại, còn lo sợ nay mai có cái họa da vàng (péril jaune) nữa là khác.

Mau chóng lạ lùng?

Phải.

Y như câu chuyện nghề võ đánh trả thầy. Con đường văn minh khoa học của người Thái Tây hao tốn biết bao tâm lực công phu, trải ba bốn thế kỷ xây đắp mới nên, và đi lần hồi từng bước, trải ba bốn thế kỷ bặt thiệp mới tới. Ai không nghĩ rằng những kẻ khác có giỏi học mót theo sau, cũng chẳng khi nào mau chóng tới mức kịp thầy cho được. Thế mà Nhật Bản phăng phăng sấn bước, chỉ trong vòng 30 năm là họ đủ theo kịp Âu Mỹ và dựng lên được cái lâu đài văn minh khoa học cũng đẹp lộng lẫy như của Âu Mỹ vậy. Rồi thì "quơ lấy gậy ông, đập lưng ông, lấy ngay giáo giặc để đâm giặc", bây giờ họ đem ngay những cái đã học của Âu Mỹ ra đua chọi tranh giành với Âu Mỹ. Thử coi lâu nay Nhật Bản có binh lực khiến cho Âu Mỹ phải kính nể, kiêng dè; còn các đồ công nghệ chế tạo họ đem qua bày đầy ở giữa thị trường Âu Mỹ mà bán cạnh tranh giá rẻ, làm cho Âu Mỹ phải rên!

Một dân tộc, một quốc gia đang ở trong vòng yếu hèn cũ kỹ mà thay đổi thành ra một nước giàu mạnh mới khôn, người ta gọi đó là cuộc tấn hóa. Lẽ thường, cuộc tấn hóa phải đi lần hồi từng chặng, từng bước. Nhưng cuộc tấn hóa của Nhật Bản đã thực hành và thành công một cách mau lẹ quá thế, ta phải bảo là họ chạy, họ nhảy, họ bay; cũng có thể nói là họ xẹt một cái như chớp nhoáng mà tới cõi văn minh phú cường, chứ có phải họ đi từng chặng từng bước gì đâu!

Thật vậy, thử mở hết lịch sử nhân loại ra mà coi, đông tây kim cổ, có dân tộc nào chỉ rong ruổi trong 30 năm mà theo kịp người ta trên con đường văn minh người ta đã đi ba bốn thế kỷ không? Có quốc gia nào chỉ sửa sang thay đổi trong 30 năm mà được mới hẳn mặt mày, trở nên tốt đẹp, như là Nhật Bản vậy không?

Ai cũng phải nói rằng không. Ai cũng phải chịu rằng xưa nay chỉ thấy có một mình Nhật Bản được vậy mà thôi.



Bá tước Đại Ôi Trọng Tín 大隈重信 [Oukuma Shigenobu] (1838 - 1922)
Người có công lao to lớn trong công cuộc Minh Trị duy tân.)

**VIỆC GÌ CŨNG CÓ NHÂN QUẢ**

Bởi vậy, tất ai cũng phải lấy làm lạ lùng nóng nảy, không biết Nhật Bản có những lực lượng gì và căn nguyên vì đâu mà cuộc duy tân hùng cường mau lẹ quá chừng như thế?

Cố nhiên là họ nhờ có vua quan tài giỏi khôn ngoan, có dân tâm sốt sắng hăng hái, mới hiểu biết những chỗ bắt buộc cần dùng của phong trào, của thời thế mà mạnh bạo tự tân tự cường cho mau. Đó là một lẽ căn bản. Song ở trên cái căn bản hiện tại này còn có những cái căn bản dĩ vãng xa xôi khác. Ấy là tinh thần dân tộc, là lịch sử quốc gia, Nhật Bản vẫn khác lạ hơn người ta; như là họ có sẵn mầm giống tốt đẹp chất chứa từ lâu rồi, đến nay gặp được công phu vun trồng, thời tiết thúc giục, làm cho mầm giống đó dễ đâm chồi nảy nhánh ra và rồi mau trổ bông tươi kết trái tốt vậy.

Trên đời, có vật gì không thai mà nên hình, có việc nào không nhân mà có quả cho được. Bởi thế, ngày nay nếu ta muốn biết vì sao Nhật Bản duy tân được mau lẹ vẻ vang thế kia, thế nào cũng nên xét qua về lịch sử quốc gia và tinh thần dân tộc của họ trước hết. Họ có cái kết quả rực rỡ như hôm nay vốn là nhờ có nhiều cái nguyên nhân đã ươm từ đời trước.

Theo ông Bá tước Đại Ôi Trọng Tín 大隈重信 [Oukuma Shigenobu] thì nguyên nhân ấy có ba.

Tôi xin giới thiệu liền để độc giả biết rằng Đại Ôi Trọng Tín là một người có dự phần công lao rất lớn trong cuộc Minh Trị Duy Tân và đã chứng kiến tất cả thời đại vẻ vang ấy từ đầu tới cuối. Ban đầu, ông kêu gào duy tân cải cách rất là hăng hái; sau bước vào trong chính giới hoạt động, trở nên một bậc yếu nhân, khi làm Tham nghị triều đình, khi làm Nội các Tổng lý. Lúc ở đàn chính trị bước xuống thì ông lo việc giáo dục, tự mở ra một trường đại học có chủ nghĩa cao, quy mô lớn[5] cốt để rèn tập nhân tài cho nhà nước dùng. Chính ông soạn ra bộ sách Khai quốc ngũ thập niên sử 開國五十年史, 1500 chương, biên chép công việc duytân từ trước đến sau, đầy đủ, rõ ràng. Nay tôi viết ra cuốn sách tầm thường để hiến độc giả đang coi đây, ngoài ra những tài liệu góp nhặt ở nhiều nơi khác một phần lớn là nhờ nơi tài liệu trong sách của họ Đại Ôi vậy.

Đại Ôi nói rằng Nhật Bản được biến hóa cường thịnh như ngày nay tuy có nhiều nguyên nhân, song bao nhiêu nguyên nhân gì cũng đều quy tụ cả vào ba điều cốt yếu sau đây:

Nối dõi Thần quốc, bền vững nguyên lành.

Dân tộc nhờ địa lý thiên nhiên mà sinh ra có nhiều tính chất đặc biệt.

Chế độ phong kiến gây nên những cuộc chia đất tranh hùng, chống chọi ganh đua nhau luôn luôn, thành ra rùi mài un đúc được chí bền sức mạnh và nảy ra lắm tài khéo tính khôn.

Đó là ba cái điều kiện thiết yếu, theo họ Đại Ôi, làm nền móng sâu xa cho cuộc duy tân Nhật Bản ngày nay. Trong bài tổng luận cuốn Khai quốc ngũ thập niên sử tác giả đem những tài liệu chứng cứ ra giải bày ba việc trên đây thấu suốt và lý thú lắm. Tôi dựa theo đó và phụ thêm nhiều kiến văn góp nhặt ở ngoài, lược thuật ra mấy đoạn sau này, để cho độc giả trước hết nên biết cuộc phát triển tự cường của Nhật Bản vốn có nguồn gốc sẵn sàng từ xưa ra thế nào?



Công tước Y Đằng Bác Văn 伊藤博文 [Ito Hirobumi] (1841 - 1909)
Người có công lao lớn nhất trong cuộc Minh Trị Duy Tân.

# 1. Nối dõi thần quốc

Sự tin tưởng của người ta, tuy cùng một tên, nhưng mà khác thể: có sự tin tưởng chỉ là mê hoặc, sinh ra có hại; có sự tin tưởng chính là dấu hiệu của lý tính, của tinh thần, của cái gốc sinh tồn hoạt động ở đời; sự tin tưởng ấy thành ra cần dùng và có lợi.

Phàm người có ôm giữ trong óc một điều tin tưởng gì đúng đắn vững vàng, ta thường thấy họ đi trên đường đời ít khi vương nhầm những nỗi trắc trở sai lầm, mà công việc họ làm cũng dễ thành công kết quả. Một dân tộc cũng thế. Ta xem dân tộc Nhật Bản tin tưởng họ là Thần quốc mà có những ảnh hưởng lợi ích cho quốc gia dân tộc họ ra sao thì biết.

## GỐC TÍCH THẦN QUỐC

Thật vậy, người Nhật tin rằng nước họ là Thần quốc 神國, nghĩa là một nước do thần dựng lên.

Tuy là một chuyện viển vông mù mịt, nào có gì làm bằng, nhưng vậy mà trong tâm não người Nhật xưa nay lớn bé trẻ già, ai cũng đều tin tưởng như thế; tin tưởng một cách chắc chắn, vững vàng, lại còn có vẻ tự cao nữa là khác.

Theo quốc sử Nhật Bản, nguyên là 3000 năm về trước, trên trời có ba vị thần hiển linh:

- Thiên ngự trung chủ tôn 天御中主尊

    Amenominakanushi no mikoto

- Cao hoàng sản linh tôn 高皇産霊尊

    Takamimusuhi no mikoto

- Thần hoàng sản linh tôn 神皇産霊尊

Kamumimusuhi no mikoto

Ba vị thần xuống phàm kinh doanh thống trị ở trên tám cù lao Nhật Bản. Thần "Thiên ngự trung chủ" làm chúa tể, ở ngôi chính thống, là đức nguyên tổ của các Thiên hoàng (Mikado 天皇), nước Nhật về sau. Còn hai vị thần "Cao hoàng sản linh" và "Thần hoàng sản linh" thì là ngoại tổ của Thiên hoàng. Thuở đó ba vị thần kết hôn với nhau, sinh nở ra thần con thần cháu, dòng dõi phồn thịnh. Duy có dòng dõi thần "Thiên ngự trung chủ" là dòng dõi chính thống chân truyền đời đời nắm quyền thống trị nước Nhật; còn dòng dõi hai thần kia thì làm các chức lớn, phò trợ nhà vua, như là tể tướng, chư hầu, tướng quân… Thành ra vua Nhật là con cháu chính tông của thần đã đành, mà đến các quý tộc danh gia trong nước cũng là con cháu của thần nữa.

Cách sau mười mấy đời truyền nối dòng dõi của ba vị thần nói trên đây, tới "Thiên Chiếu đại thần 天照大神 Déesse Amaterasu Omikami, tục gọi là Nữ thần Mặt trời, hay là thần Quốc tổ 國祖, vì chính thần tạo lập ra ngôi vua nước Nhật xưa nay.

"Thiên Chiếu đại thần" sai vị thần cháu ngài hóa sinh hình người, lên ngôi vua thống trị nước Nhật; khi đó ngài ban cho hoàng tôn ba món thần khí, là một cái gương, một thanh kiếm, một hòn ngọc, và có lời dạy rằng: "Ngôi báu này, con cháu của thần chính tông đời đời truyền nối nhau, cùng trời đất trường sinh vô tận". Từ đó Nhật Bản dựng thành quốc gia và có vua cầm quyền trị dân một cách chính thức. Ba món thần khí là cái dấu tỏ thiêng liêng quý báu của nhà vua, từ xưa đến nay, mỗi đời Thiên hoàng lên nối ngôi trị vì, trước hết có cuộc tế lễ rất tôn nghiêm, để bái lĩnh ba món thần khí này, tức là vật truyền quốc chi bảo vậy. Mỗi món thần khí chỉ tỏ ra một đức tính:

Ngọc Bát bản quỳnh khúc 八阪瓊曲玉 tỏ ra đức nhân ái từ bi;

Gương Bát chỉ 八咫鏡 tỏ ra đức trong sạch sáng suốt;

Kiếm cỏ trĩ 薙草劍 tỏ ra sức mạnh bạo cả quyết.

Vị hoàng tôn vâng mệnh "Thiên Chiếu đại thần" lên ngôi trị vì, khai sáng nền quân chủ Nhật Bản là Thần Võ thiên hoàng 神武天皇 [Jimmu Tennou]. So sánh với Tây lịch, thì ngài tức vị vào khoảng trước Thiên Chúa giáng sinh 660 năm; so sánh với Hoa lịch, thì ngang vào năm thứ 17 của Châu Huệ vương; còn so sánh với nước Nam ta, thì phỏng chừng vào lúc cuối đời Hùng Vương 16 hay là Hùng Vương 17, lối đó.

Vậy là Thần Võ thiên hoàng chính là thủy tổ của Chiêu Hòa thiên hoàng, đức vua đang tại vị của Nhật Bản ngày nay. Tính cộng triều vua từ Thần Võ tới Chiêu Hòa, 124 đời, tính năm thì tới nay (1936) được 2.596 năm. Thế là từ khi Nhật Bản dựng nước có vua đến giờ, chỉ có một dòng họ truyền nối làm vua, chứ không có sự thay triều đổi họ như các nước khác.

Trên kia đã nói Nhật là nước của Thần tạo lập ra, và vua Nhật là dòng dõi chính truyền của thần, cho nên phàm là người Nhật, ai cũng tin tưởng, kính thờ, tôn trọng, không được xâm phạm hay là nghi hoặc bao giờ. Sự tin đó chôn chặt vào trong tim óc người Nhật cứng như đinh đóng vậy.

Ai có ý bất kính hay là hoài nghi, kẻ ấy phạm tội rất lớn. Còn nhớ cách nay 30 năm, một nhà bác học đại danh là ông Koumei, giáo sư ở trường Đế Quốc đại học tại Đông Kinh ngỏ ý nghi hoặc về gốc tích Thần Võ khi xưa không phải là Thần, tức thời ông bị cách chức. Lại năm 1926, cũng vì câu chuyện đó, mà ông bác sĩ Tetsu Onjiro bị cách chức nghị viên trong viện Quý tộc. Một vài chứng cớ như thế đủ chỉ tỏ cho ta thấy người Nhật tin tưởng về cội rễ quốc gia quân chủ của họ một cách thành kính vững vàng ra sao vậy.

Giờ ta thử xét sơ coi sự tin tưởng đó có những ảnh hưởng hay cho lịch sử quốc gia Nhật thế nào?

## KHÔNG CÓ CÁCH MẠNG

Thuở xưa, kẻ làm quân chủ hay lấy thần quyền làm khí cụ, nghĩa là bày đặt nương dựa vào sức quyền thiêng liêng của thần thánh để cho dễ cai trị sai khiến muôn dân. Ta coi không mấy nước ban đầu mới có quốc gia lịch sử mà không ỷ thị thần quyền làm gốc. Song về sau ngôi vua nước nào cũng

có những sự tranh giành mà thay triều đổi họ luôn luôn, chứ không hề thấy nước nào có một dòng họ giữ lấy ngôi vua mãi được.

Chỉ duy có Nhật Bản, từ khi lập quốc đến nay, gần 2600 năm, và trải 124 triều vua, đều là con cháu của Thần Võ thiên hoàng một dòng truyền nối mà thôi. Vì lòng dân xưa nay tin chắc rằng nước họ là Thần quốc, vua họ là Thần tôn (con cháu của thần), vậy cái ngôi chí tôn chỉ có dòng dõi của thần mới là xứng đáng và muôn đời không thể đổi thay, cũng không ai được xâm phạm tới; trái lại, ai cũng phải kính thờ ủng hộ.

Bởi vậy, thuở nay Nhật Bản không có cách mạng bao giờ; thực là một sự lạ lùng đặc biệt của họ.

Cách mạng nói đây, nghĩa là một cuộc mưu toan đánh cướp hay đổi thay ngôi quyền thống trị. Ấy là việc thay triều đổi họ làm vua; nước nào trong thiên hạ cũng có trải qua cảnh đó năm lượt bảy phen; chỉ có nước Nhật là không.

Tuy là xưa kia Nhật Bản cũng có một vài kẻ gian thần giết vua, và chính trong hoàng tộc cũng từng xảy ra cái nạn tranh ngôi hại lẫn nhau chứ chẳng phải không, nhưng vậy mà trong nước không hề vì đó mà đến đỗi có những cuộc rối loạn nổi lên. Có lúc dòng vua hầu tuyệt rồi cũng trở lại phồn vinh như cũ. Có lúc họ Đằng Nguyên 藤原 [Fujiwara] cũng là một dòng dõi của thần lập ấu chúa, cầm đại quyền, nếu như ở nước khác thì dễ sinh ra việc đoạt quyền thoán vị như chơi, song họ Đằng Nguyên thì vẫn thờ vua một cách cung kính. Cho tới về sau, luôn mấy trăm năm, Thiên hoàng ở ngôi chỉ như phỗng đá, làm vua hư danh vậy thôi, bao nhiêu đại quyền trong nước đều về tay tướng quân nọ tướng quân kia kế tiếp nhau nắm giữ, gọi là Mạc Phủ tướng quân 幕府将軍 [Bakufu Shogun] giống như kiểu “vua Lê chúa Trịnh” ở lịch sử nước Nam ta. Song đời họ nào làm tướng quân cũng vẫn dốc lòng tôn kính hộ vệ Thiên hoàng, chứ không một ông nào dám có ý dòm ngó ngôi báu. Những lúc như thế, ở nước khác có thể đổ bể ra bao phen cách mạng rồi, nhưng ở nước Nhật thì yên ổn như thường.

Đến lúc ban đầu Minh Trị duy tân, nhà nước sửa sang thay đổi mọi việc, tuy có một vài hào kiệt chí sĩ nóng nảy dấy binh làm dữ, có người cho đó là

việc cách mạng, nhưng kỳ thực chỉ là việc hối thúc nhà nước cải cách cho mau, và đối phó với ngoại bang cho cứng cáp mà thôi, chứ kẻ dấy binh đó bản tâm không có chỗ nào phản nghịch Thiên hoàng hay làm hại quốc gia. Bởi vậy đời Minh Trị sửa mới luật pháp, không cần để khoản trị tội phản nghịch vào, mà những tội trái lệnh vua hay quốc sự phạm cũng coi như tội cách mạng ở các nước khác.

## KHÔNG BỊ NGOẠI XÂM

Dân Nhật do nơi sự tin tưởng mình là Thần quốc mà sinh ra lòng tự tôn; do nơi lòng tự tôn mà sinh ra sức tự vệ rất mạnh, không chịu để cho ai xâm phạm tới Thiên hoàng và không chịu ai ở ngoài tới lấn hiếp đất nước non sông của họ được.

Lịch sử quốc gia của họ trải hai ngàn mấy trăm năm, bị giặc ngoài tới đánh trước sau bốn lần:

1. Đời vua Khoan Nhân [寛仁 Kannin] (Tây lịch năm 1019) bị giặc Khiết Đan.
2. Đời Văn Vĩnh [文永 Bunei] (1274) bị giặc Nguyên.
3. Đời Hoằng An [弘安 Kouan] (1284) cũng bị giặc Nguyên nữa.
4. Đời Ứng Vĩnh [応永 Ouei] (1418) thì bị Mông Cổ kéo binh qua đánh.

Thế mà lần nào họ cũng đánh giặc phải lui.

Thuở đó có dân nào hùng cường cho bằng Mông Cổ, dòng dõi của Thành Cát Tư Hãn 成吉思汗 là người anh hùng oanh liệt, đã quét sạch Á châu, lại đem binh qua đánh tới Âu châu, khiến cho Âu châu bây giờ nhắc tới vẫn đang lo sợ cái vạ "da vàng". Dòng đó đã chinh phục Trung Quốc, làm vua Trung Quốc rồi (tức là nhà Nguyên 元), bèn thừa thế đem chiến thuyền qua đánh Nhật Bản, nhưng bị thủy quân Nhật nhân được sức gió mà đánh lại binh Nguyên thua chạy không kịp[6].

Thế là xưa nay không có người khác nước nào tới xâm lăng đất nước Nhật Bản đặng, vì họ cho đất nước họ là Thần quốc, dòng giống họ là Thần tôn, nên họ ra sức tự vệ, không chịu ai ăn hiếp được họ. Nói gì 70 năm nay, duy

tân hùng cường rồi, họ chỉ đánh người ăn người thì có, chứ không biết chữ "thua" là nghĩa thế nào?!

## ẢNH HƯỞNG VỀ TÂM TÍNH

Dân Nhật là một giống dân chuộng sự sạch sẽ nhất trong thiên hạ, không ai không biết.

Sở dĩ họ có cái đặc tính đó, hoặc do địa lý phú tính tự nhiên cho họ, song xét đến cội rễ cũng bởi nơi dân tâm rất mực tin thần kính thần mà ra. Họ nói thần rất ghét sự dơ dáy, tránh sự ồn ào, bởi vậy mình kính thần tất phải giữ sao cho tấm thân mình tinh khiết thanh tịnh luôn luôn mới được. Đó là một cái gốc giáo hóa của Thần quốc ngay từ thuở xưa, rồi sau thành ra phong tục của xã hội, thiên tính của quốc dân, coi sự tinh khiết thanh tịnh, như một nền đạo thiêng liêng, ai nấy phải tu phải giữ vậy.

Ta nên biết thần ở trong tâm não người Nhật tin tưởng, khác hẳn ý nghĩa với thần của nhà tôn giáo; mà cách họ kính thần cũng không giống cách dân Tàu hay dân Nam mình kính thờ vậy đâu. Người Nhật đối với thần, thờ kính thần, nhưng không hề có ý khấn vái lạy lục để thần làm cho mình thỏa sự dục vọng gì, hay là cầu lấy sự phúc lợi riêng cho mình; nghĩa là họ không thờ thần hầu trông có những sự lợi thân ích kỷ; trái lại họ chỉ sợ mình không được thanh khiết, đến đỗi bị thần ghét bỏ mà thôi. Tóm lại cái thâm ý của họ kính thần là lo tu thân, chứ không phải cầu lợi.

Đạo kính thần của họ cần nhất là mỗi người lo giữ sáu căn cho được trong sạch 六根清浄. Sáu căn là: tai, mắt, mũi, miệng, thân và tâm. Họ nói rằng nếu như giữ được sáu căn trong sạch, không có một điểm nhơ bẩn nào dính vào, và sáu căn bao giờ cũng sáng suốt như thủy tinh, vậy thì mình có thể ở yên giữa trời đất thanh tịnh, rồi tự nhiên được thần ban phúc cho, chứ tự mình không phải khấn vái cầu cạnh chi hết.

Coi một chút vậy đủ biết Nhật Bản từ xưa đã có một nền văn minh tinh thần khá lắm rồi. Vả lại họ sẵn có tục kính thần, cho nên trải mấy ngàn năm trong lịch sử, dễ hấp thụ lấy những văn hóa ngoại bang đưa tới. Đạo giáo, Nho giáo và Phật giáo của Trung Quốc và Ấn Độ truyền sang, người Nhật đều đón rước dung hòa, lựa chọn lấy những cái sở trường của người

ta để làm ra cái đặc sắc của họ. Cho tới lúc họ gặp văn minh Thái Tây truyền qua cũng thế.

Ông Đại Ôi Trọng Tín phán đoán cuộc duy tân tấn hóa của đồng bào ông bằng câu sau này, tôi tưởng đúng lắm:

“Phàm vật gì trắng tinh sạch sẽ thì chất của nó dễ cảm hóa chịu đựng. Người Nhật nhờ có tinh thần thanh tịnh sẵn sàng, cho nên đến lúc tiếp rước đặng văn minh ngoại bang đem lại, là có thể xem thấy chỗ tốt đẹp mà lựa chọn bắt chước liền, chứ không nghi nan do dự chút nào. Tâm não người Nhật không chứa cái tính cố chấp của nhà tôn giáo, thành ra như nước trong suốt, đựng trong cái bình bằng pha lê cũng trong suốt, nay lấy màu sắc mà rót vào, tự nhiên thấy vẻ hồng hào tốt đẹp lộ ra được ngay. Sở dĩ người Nhật dễ tấn tới về vật chất và tinh thần là tại vậy đó”.

## 2. Địa lý giúp người

Ngoài ra, quan niệm cao xa của người Nhật kính thần tin thần, như đoạn trên đã nói, tới địa lý cũng là một sức mạnh tự nhiên, nó giúp công góp lợi vào cuộc phát triển tấn hóa của họ một cách lạ lùng, ta không nên không xét.

**ĐỊA LỢI VÀ THIÊN THỜI**

Mạnh Tử cho thiên thời, địa lợi, nhân hòa là ba việc cần dùng lợi ích cho một dân tộc có thể hưng vượng, thì ra Nhật Bản có đủ cả ba.

Nhật Bản hiệp liền nhiều cù lao lớn nhỏ liền khít nhau mà thành ra một nước ở riêng hẳn ngoài biển, cách biệt đại lục (大陸, continent) vừa chừng, không xa quá mà cũng không gần quá. Nước Nhật chiếm được địa lợi đó rất hay.

Nhất là cù lao chính, chỗ đóng quốc đô, khí hậu bình thường mà ở cách đại lục khá xa; còn nơi ở gần đại lục hơn hết, chỉ là mấy cù lao bé nhỏ Nhất Kỳ (壱岐 Ikino) và Đối Mã (対馬 Tsushima) ngó ngay qua đồi đất Cao Ly. Tuy gọi là gần, nhưng cũng không đến đỗi quá gần, như là Hồng Mao[7] đảo quốc gần với đại lục Âu châu: Hai bên phân cách nhau do một khu biển nhỏ hẹp, thành ra hôm nào trời quang mây tạnh, bờ bên này có thể ngó thấy rõ bờ bên kia.

Bởi địa thế Hồng Mao ở gần khít đại lục, cho nên thuở xưa thường bị các dân tộc ở đại lục tràn qua chinh phục. Còn Nhật Bản thì ở xa cách đại lục, không ngó thấy nhau được, mà chính khoảng phân cách lại là biển rộng sóng to, không phải hẹp hòi êm lặng như biển Manche kia, cho nên thuở xưa người Nhật mới đầu lập quốc, dân ở đại lục kéo qua thực dân, rồi đồng hóa với Nhật thì có, chứ đem binh qua chinh phục thì không.

Xưa kia Nhật Bản có thể khóa "cửa" đất nước họ lại mà tự trị tự tồn, cũng có chỗ quan hệ bởi gió thổi mà ra. Ven biển xứ họ, hằng năm tới kỳ xuân hạ có gió mùa thổi mạnh, làm cho biển dậy sóng lớn, ghe thuyền không lui

tới đặng. Qua mùa đông mới êm; lúc ấy mới có ghe thuyền của người Âu châu và người Tàu ra vào buôn bán. Đời nay, nghề hàng hải có tàu bè máy móc vừa mạnh vừa mau, chẳng kể gì sóng gió, chứ đời xưa, sóng gió đối với cuộc sinh tồn của Nhật Bản có quan hệ lớn lắm. Bởi nhờ có sóng gió ngoài biển mà làm bức thành ngăn cản ngoại địch, nên chi mỗi năm họ chỉ phải lo giữ gìn đất nước trong sáu tháng mà thôi. Còn sáu tháng kia đã có sóng gió giữ giùm, họ được yên tâm lo việc sinh tồn giáo hóa trong nước vậy.

## NHIỀU THỨ MÁU TRỘN CHUNG MÀ THÀNH GIỐNG NGƯỜI NHẬT

Thế giới có hai đảo quốc đều hùng cường là Hồng Mao và Nhật Bản; cả hai có gốc phát tích về chủng tộc thật là giống nhau: Hai đàng cũng do những dân tộc ở đại lục tràn qua cù lao mà sinh nhai đồng hóa rồi sinh ra một giống người riêng.

Chỉ có chỗ khác nhau là một đàng trộn ít máu, còn một đàng trộn rất nhiều máu. Hồng Mao chỉ có mấy giống dân Normands, Saxons và Celtes ở đại lục qua xâm lược, lâu ngày mấy giống đó dung hợp rồi đồng hóa với nhau thành ra dân tộc Hồng Mao gọi là "Ăng lô Sắc xông" (Anglo Saxons) hùng cường ở thế giới ngày nay; còn dân tộc Nhật Bản thì phát nguyên bởi cả chục giống người kết hợp lại mà hóa ra.

Đời Thượng cổ, chính giống người Ái Nô (靉奴 Ainos) là thổ dân ở rải rác khắp các cù lao Nhật Bản. Sau có các dân tộc ở ngoài tới xâm chiếm đất đai, đánh giết người Ái Nô bị tiêu diệt lần mòn, còn sót lại bao nhiêu thì phải thụt lùi mãi về mấy cù lao ở phía Bắc (Bắc Hải Đạo 北海道 [Hokkaido]). Bây giờ ở đó còn sót lại chừng vài muôn người giống Ái Nô mà thôi.

Thuở xưa có nhiều giống dân từ đại lục và đất xa tới sinh tụ khai thác đất Nhật Bản, nhưng kể mấy giống trọng yếu thì là người Hàn, người Mã Lai [Malaysia], người Ấn Độ, người Mãn Châu, người Mông Cổ. Xưa kia việc giao thông hàng hải, biết bao nguy hiểm, gian nan, thế mà mấy giống người đó dám vượt biển, qua thực dân ở cù lao Nhật Bản, ấy đều là hạng

người giàu lòng mạo hiểm, có tài kinh doanh, chứ không phải là bọn tầm thường xiêu dạt đâu.

Chắc họ đã biết quần đảo Nhật Bản có địa lợi thiên thời rất thuận tiện, rừng biển đất đai có vật sản rất phong phú, nên chi họ mới kéo nhau qua khai khẩn sinh nhai. Ban đầu mỗi giống dân còn chia ra từng bộ lạc riêng, rồi lần hồi về sau họ hỗn hợp lại, họ đồng hóa với nhau. Giống người gọi là Nhật Bản dân tộc chính do cuộc hỗn hợp đồng hóa lâu đời của các giống kia mà đẻ ra. Nói rằng nhiều thứ máu trộn chung lại mà đúc ra giống dân Nhật là vậy đó.

Người Nhật vẫn cho sự hỗn hợp mà thành ra dân tộc họ, có cái cớ quan hệ bởi địa lý là nhiều hơn hết. Chính địa lý đã lựa lọc lấy những tính chất và tinh thần tốt của các giống người kia mà rèn đúc ra tính chất và tinh thần tốt của dân tộc Nhật Bản trải 26 thế kỷ nay.

Họ Đại Ôi nói cái dũng khí của người Nhật là tự giống Mông Cổ di truyền. Người Nhật có máu dũng cảm của Thành Cát Tư Hãn (成吉思汗 Genghis Khan), nhưng lại khéo hóa mất thói tàn nhẫn, nham hiểm của Mông Cổ đi, chỉ có tinh thần thượng võ và mạnh bạo hăng hái với giống nòi quốc gia thì vẫn giữ y. Như hồi đánh nhau với Nga là một nước cường đại gấp mấy Nhật, thế mà người Nhật có tinh thần dũng cảm để thắng trận được, ấy là tính khí kiên cường thượng võ của giống Mông Cổ đời xưa truyền cho vậy. Người Nhật lại có tính khí mạo hiểm của giống Mã Lai, nhưng biến hóa được cái gốc dữ dằn độc ác. Xem lúc sửa soạn duy tân, không biết bao nhiêu là chí sĩ thanh niên Nhật nô nức mạo hiểm đi qua các nước Thái Tây để học lấy những cái hay của người ta rồi về đóng góp vào công cuộc duy tân cho được mau thành; nếu không phải là giống người vốn sẵn có tính mạo hiểm thì đâu có thành công rực rỡ tự cường hăng hái được như thế!

## TINH THẦN DUNG HÒA

Người Nhật thấy kẻ khác có tài gì hay, làm sự gì phải, họ liền học theo bắt chước cũng làm được như vậy ấy là nhờ nơi giống họ có tinh thần dung hòa mau lắm.

Tinh thần ấy, vốn họ có sẵn từ xưa.

Thuở họ lập quốc được ít lâu rồi, phải giao thông với Trung Hoa đại lục, tự nhiên cũng chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc như nước Nam mình. Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo cho đến các lễ nghĩa pháp luật của Trung Quốc, món nào Nhật Bản cũng đón rước tiếp thu về xứ họ. Song họ khéo dung hòa lựa lọc chỗ hay của người cho thành ra chỗ hay riêng của họ, thích hợp với sự cần dùng của họ, chứ họ không nhắm mắt theo càn, hễ văn hóa người ta thế nào thì cứ rước y về mà thờ, mà dùng thế ấy, không dám thay đổi chút nào! Bởi vậy cùng là đám học trò văn hóa Trung Quốc như nhau, mà cậu học trò Nhật Bản khéo dung hòa, về sau thành đạt vẻ vang; còn mấy cậu khác là Việt Nam và Cao Ly thì lại cùng ông thầy học Trung Quốc tới nay đang còn yếu hèn xui xẻo một lũ!

Trên đường lịch sử mấy ngàn năm xưa, Nhật Bản trước đã dung hòa được các dân tộc đến ở xứ họ, sau lại dung hòa cả học vấn nghệ thuật từ đại lục đem qua nữa. Coi nội một chỗ họ dùng Hán tự mà thay đổi và bổ thêm ra thế nào, thì đủ thấy họ có tinh thần dung hòa ra thế nào?

Ai cũng đã biết dân tộc Nhật Bản là do mấy giống người Mã Lai, Mông Cổ, Mãn Châu… hỗn hợp lại mà đẻ ra nhưng thử hỏi tiếng nói của Nhật có phải là tiếng nói của một giống người nào trong đó chăng? Không! Các giống dân ngụ cư đã bị dung hòa mà sinh ra dân tộc Nhật Bản rồi đến tiếng nói của họ cũng bị dung hòa mà lập riêng ra thứ tiếng nói Nhật Bản nữa. Còn sót lại chăng là ít nhiều tiếng Cao Ly, tiếng Ái Nô, tiếng Thát Đát[8], có trộn lẫn vào trong tiếng Nhật, giúp cho văn học Nhật được phát đạt.

Tiếng Nhật và tiếng Tàu điệu nói khác hẳn nhau. Từ hồi có Hán tự truyền sang, thì văn chương bằng chữ Hán liền dùng theo, nhưng rồi sau có chữ âm (音字 Onji) phát minh ra, gọi là "Giả tự 仮字", chính là chữ riêng của Nhật bày ra, dùng xen lộn với chữ Tàu chứ họ không dùng đặc Hán tự mà chỉ đọc khác âm như nước Nam ta xưa nay. Đã vậy mà phép làm văn đặt câu, họ cũng sửa theo cách thức riêng của họ nữa. Ta cầm cuốn sách hay tờ báo Nhật bây giờ, thấy chữ Tàu có xen lộn lối chữ viết những nét cong co nhấp nháy, ấy là chữ riêng của Nhật đó.

Chữ riêng đó khắp nước đều hiểu đều dùng, thành ra cuộc thống nhất và việc giáo hóa ở nước Nhật được dễ dàng lợi tiện quá.

Ta xem họ học chữ của người mà khéo biến cải thành ra một lối chữ riêng của họ như thế, có phải họ có tinh thần dung hòa hay lắm giỏi lắm không?



Chức Điền Tín Trường 織田信長 [Oda Nobunaga] (1534 - 1582)

Ông là tướng quân trong thời kỳ Chiến Quốc ở Nhật, là người có công rất lớn trong việc thống nhất Nhật Bản, chấm dứt thời kỳ chiến loạn kéo dài trên khắp cả nước.

Bất cứ học vấn nghệ thuật gì của các nước ngoài mà họ bắt chước và thâu thập, họ cũng dung hòa hết thảy. Cuối thế kỷ XVI, có giáo sĩ Tây phương qua truyền đạo Cơ Đốc, tướng quân cầm quyền nước Nhật bấy giờ là Chức Điền Tín Trường 織田信長 [Oda Nobunaga] cho phép truyền đạo tự do. Không bao lâu mà số người Nhật chịu phép rửa tội có đến mấy trăm muôn. Hồi ấy những môn học của Tây phương như vũ khí, dùng binh, làm

thuốc, thiên văn, công nghệ, người Nhật đã từng học tập ít nhiều. Ví dụ nhiều nơi trong xứ có thành quách giống kiểu Tây, chính là người Nhật học kiểu xây thành đắp lũy của người Y Pha Nho [Tây Ban Nha] và người Bồ Đào Nha truyền cho mà xây đắp lên vậy. Coi vậy đủ thấy giống dân Nhât biết học theo chỗ hay của người ngoài một cách mau chóng chứ không e ngại cố chấp gì cả.

Về sau, người Ý, người Bồ, chung cả người Tây dương bị Nhật Bản "khóa nước" cấm vào, cũng là có một duyên cớ.

Vì các cố đạo Thiên Chúa thừa lúc người Nhật theo đạo hăm hở nô nức quá rồi các ông ỷ sức làm càn, đốt phá hết nhiều miếu thần chùa Phật, để cho những người không phải giáo đồ sinh lòng tức giận. Phần thì bởi người Tây phương thấy dân Nhật theo đạo mau lẹ dễ dàng, bèn có âm mưu muốn chiếm trị Nhật Bản. Thấy người ngoài có ý chẳng tốt như thế, cho nên Mạc Phủ nước Nhật liền ra lệnh khóa nước cấm đạo và sinh lòng ngờ vực ngoại nhân. Họ nói bởi ngoại nhân bao tàng họa tâm[9], tự nhiên buộc họ phải làm cái chính sách "đóng cửa" để giữ mình vậy.

Chứ chi ngoại nhân có lòng ngay tốt bụng thì Nhật Bản đã chẳng khóa nước cấm đạo, mà có lẽ Nhật Bản đã sớm duy tân từ hồi thế kỷ XVII hay XVIII rồi không chừng. Đến giữa thế kỷ XIX, phong trào "tỏa quốc, bài dương"[10] đang sôi nổi trong nước, nhưng khi có ông Đề đốc Perry nước Mỹ đem một đoàn tàu binh tới nơi tử tế, xin Nhật Bản mở cửa thông thương, người Nhật xét ra thật có hảo ý, tức khắc tấm lòng phấn khích của dân tiêu tan đi lần lần, và hiểu ngay sự duy tân tự cường là sự cần dùng cấp bách. Rồi tới vua Minh Trị lên ngôi, hạ lệnh cải cách, kỷ nguyên mới mẻ của Nhật Bản từ đó mở ra. Nếu người Nhật không có tinh thần dung hòa sâu xa lâu đời, thì họ không biết người biết mình một cách mạnh bạo như thế.

## 3. Phong kiến mài dũa tài trí của nhân dân

**K**hông ai không bảo chế độ phong kiến của xã hội loài người khi xưa là chế độ độc hại. Nó bóc lột, đè nén, ức hiếp, hành hà người ta đủ cách; bao nhiêu kẻ làm dân phải tháo mồ hôi, đổ máu mắt ra để cung phụng một giai cấp ở trên, đến đỗi họ làm mọi trọn đời không lúc nào cất đầu yên xác được. Bây giờ người ta nhắc lại chuyện cũ, nhớ tới dấu xưa, ai cũng lắc đầu trề môi, cho là gớm ghiếc.

Xã hội Nhật Bản từ thuở có lịch sử mà đi, chính là một xã hội phong kiến, y như Âu châu cổ thời và nhiều xã hội khác. Song, ngày nay người Âu châu hay là ai đâu nhắc lại dấu tích phong kiến của xã hội mình ngày xưa thì giận hờn và lên án nọ kia, chứ người Nhật thì khác hẳn: Họ cảm ơn mến đức của chế độ Phong kiến ở xứ họ trải mấy ngàn năm mới kỳ!

Thật vậy, họ nói:

"Phong kiến có công mài dũa tài trí của dân tộc chúng tôi, trau dồi tính cách của dân tộc chúng tôi, trở nên khôn ngoan, mạnh bạo lâu đời, đến khi tiếp xúc với phong trào mới mà chúng tôi lấn lướt theo kịp ngay, là nhờ vậy đó".

Thế thì lai lịch phong kiến của Nhật Bản ra sao, ta nên xét qua; nhất là xem thử chế độ Phong kiến đã nảy nở, dùi mài cho dân tộc họ có những tài trí và năng lực gì?

Chế độ Phong kiến Nhật Bản chia ra hai thời đại trước sau nối tiếp:

1. Cổ phong kiến (古封建), bắt đầu từ lúc có lịch sử cho đến đời Điểu Vũ (鳥羽) Thiên hoàng, nhằm cuối thế kỷ XII của Tây lịch. Thời đại này trải qua một ngàn mấy trăm năm.

2. Tân phong kiến (新封建), khởi từ hồi võ tướng Nguyên Lại Triều 源頼朝 [Minamoto no Yoritomo], dựng lên Mạc Phủ, xưng chức tướng quân, nắm trọn đại quyền nhà nước, lấy tiếng thiên tử để sai khiến chư hầu. Từ

lúc có Mạc Phủ thì Thiên hoàng chỉ là hư vị thôi, không có quyền hành gì hết. Họ này làm tướng quân ít lâu thất bại, tới họ khác lên kế, mãi đến đời MinhTrị 明治 [Meiji] Thiên hoàng thì Mạc Phủ mới dứt. Thời đại này có dư 700 năm.

Trải hai thời đại, cộng lại trên 2000 năm, tức là gần trọn cả lịch sử Nhật Bản, có nhiều cuộc trị loạn hưng vong, có nhiều việc chính trị giáo hóa, có khi vương quyền suy mà chư hầu thịnh, có khi vương quyền thịnh mà chư hầu suy, kể cả lai lịch thì rất là rắc rối dài dòng, vả lại không phải là chủ ý của đoạn này. Ngó theo đề mục, đoạn này chỉ cốt trưng bày ít nhiều cái đặc sắc do những thời đại phong kiến đã sản sinh ra cho dân tộc Nhật Bản thôi.

## THỜI ĐẠI CỔ PHONG KIẾN

Địa thế Nhật Bản, do nhiều cù lao góp lại thành nước, tự nhiên có chỗ thích hiệp sẵn sàng cho những cuộc chia xé chiếm cứ nho nhỏ. Nhứt là lúc ban đầu, có những ngoại tộc mới tới thực dân và khai thác. Nền phong kiến ở Nhật Bản xây đắp lên ngay từ đó.

Mỗi miền, mỗi ấp, đều có người làm đầu, xưng là quân trưởng (君長) hay tù trưởng (酋長). Hạng trên là dòng dõi của Thần, đàn ông gọi là Ngạn (彥) giữ việc cai trị, đàn bà gọi là Viên (媛) làm tế chủ, lo việc kỉnh thần. Còn hạng dưới là giống người thường, gọi là Khôi Soái (魁師), hay Hộ Bạn (戸畔), đều rèn tập cung tên gươm giáo, hay ganh đua việc vũ dũng để tranh giành quyền lực với nhau.

Thế là gốc gác dân tộc từ hồi Thượng cổ, đã có tinh thần chuộng võ. Tinh thần ấy, do sự dùi mài, tranh cạnh, về sau càng ngày càng mở mang ham chuộng, cho đến thành ra một cái đạo về việc võ, gọi là võ sĩ đạo (武士道 Bushidou).

Đàn bà cũng có địa vị tôn trọng rất sớm; bởi vậy, trong đời "Tiểu phong kiến" nói đây có chỗ do đàn bà làm quân trưởng, và cũng ưa việc vũ dũng, mặc dầu giống họ vốn có cái thiên tính nhu mì hiền hậu. Đàn bà Nhật Bản từ cổ thời đã vậy, hèn chi về sau ở trong lịch sử họ, có mấy đời Thiên hoàng là đàn bà và có tay nữ anh hùng như bà Thần Công hoàng hậu (神功

皇后 - Jinguu Kougou) tự đem binh vượt biển, đánh bắc dẹp đông, nghĩ không nên lấy gì làm lạ.

Đời "Tiểu phong kiến", từng huyện nhỏ ấp con, có người xưng hùng làm chúa, lấy võ lực để tranh giành lẫn nhau thì có, nhưng không ai thống thuộc ai. Đến lúc đức Thần Võ là chánh tông của thần, lãnh ba món thần khí, lên ngôi Thiên hoàng, dựng quốc đô ở đất Đại Nụy[11], nghĩa là lúc Nhật Bản lập thành quốc gia quân chủ và lịch sử bắt đầu từ đây, thì các ông chúa nhỏ kia đều phải tòng phục về Thiên hoàng. Ai không chịu phục thì Thiên hoàng ra oai đi đánh. Bởi vậy các tù trưởng phải đem dân mình mà quy hóa hết thảy, trừ ra có mấy giống dân ở miệt đông bắc và miệt tây là cứng cỏi chống cự lại. Nhất là giống người Ái Nô. Thành ra trải mấy thế kỷ, người Nhật phải tranh cạnh và chinh phục mấy giống thổ dân cứng đầu cho kỳ được mới thôi. Ví dụ đuổi tuốt giống Ái Nô phải dồn mãi về cù lao ở tận phía bắc, đến nay giống ấy đã lần mòn tiêu diệt, chỉ còn lại có vài muôn người.

Nhờ có các cuộc chinh phục như thế, mà từ xưa người Nhật đã dùi mài được cái tinh thần chiến đấu tranh hùng, có thể nói họ là giống người cứng cỏi, hăng hái từ trong trứng đẻ ra.

Theo tục từ xưa, dân tộc Nhật Bản chia ra làm ba bực: Một là quý tộc, hai là sĩ tộc, ba là bình dân.

Quý tộc là con cháu của các vị quân trưởng đời Thượng cổ; dòng dõi của thần cũng là quý tộc. Mỗi nhà quý tộc đều có họ riêng. Sĩ tộc là hạng dân có chức nghiệp, phần nhiều làm nghề nông. Còn hạng lao công điền tốt cùng là bọn người làm việc khó nhọc nặng nề, thì đều thuộc về bình dân.

Tuy có sự chia rẽ giai cấp như thế, nhưng mà tính cách dân tộc và phong tục xã hội có chỗ rất tốt, là mấy giai cấp không khinh khi bức sách lẫn nhau. Trái lại họ nương dựa lấy nhau, một đằng có quyền, một đằng có sức, để lo việc khai thác sinh tồn. Mỗi giai cấp có sự cạnh tranh thứ nhất, là cạnh tranh nhau về danh dự. Vì danh dự mà ai nấy đều gắng gổ về mọi việc công tác kinh doanh, thành ra sự phân biệt giai cấp đã không hại gì, lại còn có cái sức thúc giục quốc dân, khiến cho ruộng đất mở mang, chức

nghiệp mở mang, và xây dựng lên cái văn hóa của mỗi giai cấp, cùng ngày càng phát đạt thêm mãi.

Thì chính vì chỗ cạnh tranh danh dự của hạng quý tộc và sĩ tộc, đua nhau làm nhà cửa cho sang trọng, bận y phục cho tốt đẹp, bày ra yến hội luôn luôn, thành ra từ văn nghệ, ca nhạc, cho đến nghề dệt và nghề kiến trúc, đều được mở mang, tấn tới.

Sĩ tộc và bình dân, ngoài công việc chức nghiệp của họ, lại ganh đua nhau luyện tập võ nghệ, đến đỗi hương thôn nhiều nơi hóa ra trường giảng võ, và nông phu cũng có lắm người rành giỏi nghề võ, gây nên cái phong trào thượng võ, ở khắp xã hội, rồi có phái mới là phái võ sĩ nổi lên.

Lúc này, chế độ Phong kiến kiểu xưa đã biến đổi rồi, không phải mỗi huyện ấp nhỏ có người làm chủ như trước nữa. Giờ trong xứ đã đông dân, đất nước đã mở rộng, mà quyền nhà vua cũng mạnh lên, triều đình bèn đổi cách xưa tổ chức quốc huyện (國縣) ra làm quốc quận (国郡); họp nhiều huyện nhỏ thành một quận lớn, hết thảy đều thống thuộc về triều đình. Việc sửa đổi này nhằm đời Thiên Trí Thiên hoàng 天智天皇 [Tenji Tennou], giữa năm 671 của Tây lịch.

Tuy chế độ phong kiến xưa đã bãi đi, nhưng lại có chế độ phong kiến mới bắt đầu nẩy chồi đâm gốc ra.

Tân phong kiến dựng lên bởi quý tộc yếu mà sĩ tộc mạnh.

## THỜI ĐẠI TÂN PHONG KIẾN



NGUYÊN LẠI TRIỀU 源頼朝 [Minamoto no Yoritomo] (1147-1199) - Người dựng lên chế độ Mạc Phủ, thế kỷ XII.

Thời đại này là thời đại các võ gia tranh hùng, kế tiếp nhau xưng là tướng quân, mở ra Mạc Phủ, giành hết quyền chính của Thiên hoàng mà thống trị mấy trăm chư hầu trong nước. Chư hầu cũng đều là võ gia nổi lên, mỗi người chiếm cứ một nơi xưng hầu xưng bá, lắm lúc tranh quyền ỷ mạnh, đánh nhau lung tung. Có lúc Nhật Bản chia ra thành hai chính phủ, gọi là Nam triều, Bắc triều; có lúc chư hầu phân ra làm hai phe đảng, gọi là Đông quốc, Tây quốc. Thời đại nầy nước Nhật có những cuộc binh tranh nội loạn luôn luôn, xem y như đời Xuân Thu Chiến Quốc bên Tàu vậy. Chính người Nhật cũng đặt tên cho cái chặng lịch sử này của họ là "Chiến Quốc thời đại".

Trên kia đã nói bởi quý tộc yếu, sĩ tộc mạnh, mà dựng lên chế độ Tân phong kiến.

Quý tộc yếu là vì dòng dõi họ hay vui chơi yến ẩm, rất mực xa hoa, sau phải mang nghèo, phần nhiều không còn giữ được nghiệp nhà nữa. Trò đời, dòng sang trọng thế mấy, hễ đã mang nghèo thất thế, thì tự nhiên phải suy yếu đi có lạ gì.

Trong khi phần nhiều quý tộc ham vui xài sướng, thì sĩ tộc cặm cụi khai phá ruộng đất và chịu khó tìm tòi bươi móc ra đủ mọi nguồn giàu mạch lợi. Họ lại chăm chỉ tập rèn những thuật bắn cung cưỡi ngựa, đấu kiếm múa dao để cho được ra làm quan ở triều đình, phục dịch với quý tộc; nhân vậy mà họ xây dựng được nghiệp nhà của họ cũng truyền nối vẻ vang. Họ tự xưng là võ sĩ, dựng lên gia nghiệp gọi là võ gia (武家 Buke), đối với dòng dõi quan quyền quý tộc tức là công gia (公家 Kuge).

Võ gia ban đầu ở trong xã hội có phần thấp hèn sánh với công gia, song về sau công gia tuy sang trọng mà hơi nghèo, còn võ gia thì giàu có lớn, thành ra võ gia có thế lực mạnh, tranh hàng với công gia, lấn lướt cả công gia. Huống chi tinh thần thượng võ trong nước lúc này nồng nàn sôi nổi, ai cũng tập võ, ai cũng kính mến võ sĩ, làm cho võ gia càng được vẻ vang lừng lẫy hơn nữa.

Người Nhật thuở xưa chuộng võ, mà có sự tin tưởng, sự tu luyện một cách cao xa, coi việc võ gần như nhà tôn giáo coi Trời Phật, và dựng lên cái đạo gọi là "Võ sĩ đạo" (武士道 Bushido).

Ta nên xét sơ cho biết cái tinh hoa của Võ sĩ đạo, vì nó chẳng những là đặc sắc và căn cơ của thời đại tân phong kiến đang nói chuyện đây mà thôi. Chính nó là hương thơm, là vẻ đẹp thứ nhất của tinh thần dân tộc Nhật Bản xưa nay. Ta thấy họ hùng cường tấn hóa như bây giờ, và có những cử chỉ yêu nước khác thường, dũng cảm khác thường, ấy là do nơi tinh thần Võ sĩ đạo từ xưa đã cảm hóa un đúc mà ra vậy.

Cả dân tộc Nhật Bản có cái hồn chung hồn nước là Đại Hòa hồn 大和魂 [Yamato Damashii]; hồn ấy, mỗi người làm dân nước Nhật phải tâm niệm, kính thờ, giữ gìn, thao luyện. Nước Nhật đời cổ, có một cái danh

hiệu là Đại Hòa; bởi vậy, lối chữ riêng của Nhật, ta thấy ở sách vở báo chí của họ xen lộn chữ Hán vào đó, người ta thường gọi là Hòa văn 和文 [Wabun], Đại Hòa hồn tức là quốc túy tinh thần của dân tộc Đại Hòa, chính dân Nhật Bản. Hồn này ở trong tâm não người Nhật cũng thiêng liêng cao quý như Thượng đế ở trong tâm não nhà tôn giáo.

Chỗ tốt đẹp của Đại Hòa hồn là ở những tính cách này: trung trực, bác ái, chuộng võ, giữ mình trong sạch, có lòng nghĩa hiệp và biết sỉ nhục, có khí tượng rộng rãi hào phóng, hăng hái quả quyết, ở đời sấn bước đi tới, gặp việc nguy hiểm không từ… Từ xưa, về đạo xử thế lập thân, người Nhật lấy Đại Hòa hồn làm mực thước mà tự tu tỉnh và khuyên răn nhau, tức là gìn giữ trau dồi những đức tính tốt đẹp như thế.

Võ sĩ ở trong xã hội Nhật Bản, chính là hạng “nêu cao gương sáng” của Đại Hòa hồn hơn hết.

Không phải hễ là kẻ sức mạnh bắn tài, liều mình dám chết thì đủ gọi là võ sĩ đâu. Võ sĩ có riêng đạo của võ sĩ tôn nghiêm cao thượng; trước hết phải trau dồi đầy đủ những đức tính của Đại Hòa hồn, rồi lại có những sự giữ gìn thao luyện riêng nữa mới thiệt là võ sĩ.

Cần nhất võ sĩ phải giữ tròn danh dự nhiều phía: Danh dự thân mình, danh dự nước mình, danh dự của gia môn mình bây giờ, danh dự của con cháu mình mai sau. Mỗi cái cử chỉ ở đời, võ sĩ phải suy nghĩ sao bảo tồn danh dự trước hết, chớ không nên tiếc gì cái sinh mạng có chừng có hạn, mà để nhơ danh xấu tiếng về muôn đời. Song, sinh mạng mình chỉ có một, không có hai, bởi vậy phải đắn đo cân nhắc cái chết cho nhằm thời lợi việc thì mới hữu danh; nếu để mất sinh mạng mình vào lúc không đáng chết, thì cũng không đủ làm cho rỡ ràng danh dự được. Thành ra, phàm là võ sĩ, tất phải giữ gìn tâm chí mình thẳng ngay sốt sắng luôn luôn, không thể sơ sót chậm trễ được bao giờ.

Sự tranh cạnh phấn đấu của võ sĩ, không những là lựa chọn chỗ chết mà thôi, lại phải làm sao cho chết thật trong sạch xứng đáng, có vậy mới làm vẻ vang được tiếng tăm nhà mình.

Võ sĩ làm việc rất quang minh chính đại; lúc bình thường đối với kẻ thù, không hề tỏ ra vẻ gì giận hờn ganh ghét; lúc chiến đấu thì dũng cảm, đánh ngay trước mặt người ta, chứ không chịu dùng những ngón hèn nhát là đánh ngầm giết lén. Ra chiến trường bao giờ cũng ung dung vui vẻ; thắng trận thì bảnh bao hớn hở, nổi tiếng anh hùng dũng sĩ đã đành, còn rủi có bị thua mang nhục mà chết, thì cũng chết một cách thái nhiên, gọi là “chết có vẻ anh đào” 死有櫻色, nghĩa là chết mà nét mặt vẫn tươi tắn hồng hào như bông anh đào khi rụng xuống cũng giữ cái sắc thiên nhiên của nó vậy.

Người võ sĩ Nhật Bản phải có tinh thần phong thể đại khái như vậy đó.

Sự thiệt, võ sĩ đạo là tinh anh luân lý của Nhật Bản, chính nó un đúc ra cái nguyên khí quốc dân. Vận nước nhờ đó mà rỡ ràng, thói dân nhờ đó mà cứng cỏi; nội những dấu tích gì sáng tỏ vẻ vang ở trong lịch sử Nhật Bản, đều do từ gốc nguồn võ sĩ đạo mà phát ra tất cả. Bởi vậy sẵn dịp tôi muốn nói qua về lai lịch võ sĩ đạo, tưởng không phải là chuyện dư. Phải, chỉ nói qua mà thôi, nếu muốn nói kỹ về vấn đề này thì mấy cuốn sách e cũng chưa đủ.

Nói cho đúng, thì gốc tích võ sĩ đạo thật là phát nguyên từ “đời thần” 神代 [Kamiyo], nghĩa là đời còn thần làm chủ) mà đi. Nào sùng bái tổ tiên, nào kính sợ vua chúa, nào vũ dũng, nào thành tín, nào giản dị chất phác, ấy đều là tính riêng của giống người Nhật ở đời Thượng cổ. Ngay đời đó người ta đã ưa mang gươm dao bên mình và lấy việc vũ dũng làm danh dự.

Xuống đến “đời người” 人代 [Hitoyo], nghĩa là đời do người làm chủ, kể từ Thần Võ Thiên hoàng 神武天皇 [Jinmu Tennou] là vua khai sáng nước Nhật, chủ nghĩa chuộng võ càng thịnh. Trong triều ngoài quận, trên vua dưới dân, ai cũng chuộng võ, cả nước là binh. Đấng thiên tử làm nguyên soái, các quan đại thần làm phó tướng. Chính Thần Võ Thiên hoàng mới lên làm vua, dựng ra nước Nhật, đã đem quân đi đánh đông dẹp tây, mở mang bờ cõi, rồi từ đó về sau không mấy triều vua mà không dùng binh chuộng võ, rất đỗi đàn bà là Thần Công hoàng hậu 神功皇后 [Jingu Kougou] cũng đem quân vượt biển đánh tới Tam Hàn (三韓), làm cho Nhật thêm rộng bản đồ, vang danh oai võ. Từ xưa, giống người Nhật chinh phục

được những bộ lạc man di và nổi tiếng tới đại lục, chính là nhờ có cái tinh thần thượng võ vậy.

Lúc Nho giáo truyền sang, càng giúp cho tinh thần thượng võ được phấn chấn thêm, vì nghĩa lý đạo nho cùng với tinh thần thượng võ của người Nhật rất là thích hợp.

Lần lần đến đời hai họ Nguyên (Lại Triều), Bình (Thanh Thịnh) giành nhau cái ngôi bá chủ, lấy võ lực đua tài, dùng binh đao đấu sức; họ nào cũng có đảng phe, tử đệ, chăm lo rèn tập việc võ, bấy giờ trong xứ mới thành ra có giai cấp gọi là võ gia (武家 Buke), có danh hiệu gọi là võ sĩ (武士 Bushi). Vẫn biết dân tộc Nhật Bản sẵn có tinh thần tư tưởng chuộng võ từ xưa, nhưng mà thiệt đến đời này thì việc võ mới dựng ra có cách giáo dục huấn luyện riêng, có luân lý đạo đức riêng. Nhất là đời này, bọn quan văn hủ bại đáo để, mà nhà võ sĩ thì có căn bản giáo dục gọi là sự đạo đức, cho nên giữa lúc thiên hạ loạn lạc đảo điên, gọi là hạng người trung dũng, nhân từ, thẳng ngay, lẫm liệt, có thể vãn hồi thế đạo nhân tâm, chỉ duy có võ gia mà thôi, võ sĩ đạo bởi đó mà dựng lên vậy.

Sau Nguyên Lại Triều 源頼朝 [Minamoto no Yoritomo] đánh thắng Bình Thanh Thịnh 平清盛 [Taira no Kiyomori], mở ra Bá Phủ ở đất Kiêm Xương (Mạc Phủ 幕府 [Bakufu] bắt đầu tạo lập ra từ lúc này, nhằm cuối thế kỷ 12 của Tây lịch), rồi thi hành lối chính trị võ gia, bày đặt ra chế độ riêng của võ sĩ, bây giờ võ sĩ đạo xây dựng lên một cách hoàn thành.

Các đức tốt là: trung, dũng, tiết, nghĩa, hiếu hạnh, quả cảm, liêm sỉ, cương trực, khoan nhân, bác ái, kiệm cần, chăm chỉ, ngay thẳng, thật thà…, đều là những đạo đức mà nhà võ phải trau dồi dạy dỗ con cháu từ hồi còn thơ. Chính nhà võ sĩ, cả đời cũng phải giữ gìn những mỹ đức ấy.

Ta nên biết rằng gọi là Võ sĩ đạo (武士道 Bushidou), chữ "đạo" 道 có nghĩa là một nền giáo dục, lại cũng có nghĩa là một nền tôn giáo, một con đường đi nữa.

Do theo họ Nguyên xướng xuất, phàm là con nhà võ thì phải thờ vị thần Bát Phan (八幡神 Hachiman no Kami) hết sức cung kính. Họ Nguyên dựng

đền thờ thần ấy ở tại Kiêm Xương là kinh đô của mình, để làm vị thần thủ hộ cho toàn thể võ gia trong nước. Ngày nay di tích vẫn còn.

Nguyên là trước đó có vị cao tăng đắc đạo thành Phật, lúc sinh bình ông là người cao khiết, giản dị, thường dạy người đời đừng thèm sợ chết. Cách tu tâm dưỡng tính của vị cao tăng này rất hợp với sở nguyện sở hành của con nhà võ, cho nên họ Nguyên tôn lên làm thần của võ gia. Giữa đời đó nước Nhật có chuyện loạn ly chiến đấu luôn luôn, nếu như người ta không giác ngộ về lẽ sống chết cho hẳn hoi, thì không lấy gì làm gốc cho sự can đảm hùng cường được. Bởi thần Bát Phan khuyên dạy thế nhân đừng thèm sợ chết, thật là trúng vào trái tim khối óc của võ gia, cho nên võ gia càng hoan nghênh thờ phụng rất mực. Ngoài đền thờ chính ở Kiêm Xương, khắp nơi trong nước, nơi nào cũng dựng đền nguy nga đồ sộ để thờ thần ấy. Nhờ vậy mà võ sĩ đạo thêm vững gốc nguồn, nâng cao tôn chỉ.

Về sau, tới hồi nước Nhật chia hai: Nam triều, Bắc triều, có vị anh hùng là Nam Mộc Chính Thành 楠木正成 [Kusunoki Masashige], trung quân ái quốc một cách tuyệt đối; người Nhật cho Nam Mộc chính là người đại biểu rất cao của võ sĩ đạo, có chi tiết sự nghiệp ghi chép sử xanh, đến nay ai nhắc tới cũng tỏ lòng cung kính. Sinh thời, Nam Mộc đủ hết mọi đức tính nhân từ dũng cảm và có gan to chí lớn, thấy triều đình có kẻ gian thần hại nước hiếp vua, Nam Mộc không thể nào dương mắt ngồi ngó được, bèn đem cả con cháu họ hàng mình lập thành một đạo quân, thề trừ quốc tặc cho đến chết mới thôi. Người Nhật cho Nam Mộc là bậc trung dũng nghĩa liệt, chính đại quang minh, trong thiên hạ không ai sánh kịp và chính Nam Mộc treo gương vũ dũng đạo đức cho muôn đời soi chung.

Kế đó, có những người như Tân Điền 新田 [Nitta], Cúc Trì 菊池 [Kikuchi], Danh Hòa 名和 [Nawa]… đều là hạng liệt sĩ kế tiếp nhau nổi lên, tỏ ra cái tư cách của nhà võ sĩ chân chính, có ảnh hưởng tới dân tâm sĩ khí của Nhật Bản xưa nay. Hồi Nhật Nga chiến tranh (1904-1905), có những kẻ liều mình cự giặc như hạng Quảng Lại Võ Phu 広瀬武夫 [Hirose Takeo], tử trận ở cửa Lữ Thuận 旅順 [Ryojun], hay là hồi Nhật Hoa chiến tranh ở Thượng Hải, đạo binh 19 của Tàu chống cự mạnh quá, binh Nhật không thể nào phá được trận địa của họ ở Miếu Hàng trấn, lúc ấy có ba tên lính Nhật liều chết ôm lấy viên đạn cốt mìn mà xông đại vào, mới bắn phá

được trận địa ấy và đuổi được đạo binh 19 phải lui, đại khái những tay anh hùng vì nước quyên sinh như thế, người Nhật bảo là noi dấu võ sĩ đạo của hạng Nam Mộc hồi xưa cả đó.

Từ đời Nguyên Lại Triều xướng lập võ sĩ đạo cho tới ngày nay trên 800 năm, trong lịch sử Nhật Bản có những vị anh hùng lẫm liệt, thương nước bỏ mình, tỏ ra tinh thần võ sĩ đạo, nhiều thật là nhiều, không thể kể hết được.

Trên kia đã nói Đại Hòa hồn 大和魂 [Yamato Damashii] cái hồn thiêng của dân tộc Nhật Bản, phàm là người Nhật đều phải gìn giữ kính thờ. Hồn ấy ký thác ở Võ sĩ đạo, hiển linh ở Võ sĩ đạo. Bởi vậy có người cho Đại Hòa hồn và Võ sĩ đạo là một mà thôi.

Đàn bà con gái, cũng là tín đồ Võ sĩ đạo vô số. Phụ nữ Nhật đời Thượng cổ, chính họ cũng thượng võ, và khuyến khích yêu mến hạng con trai vũ dũng. Ví dụ như bà Thần Công hoàng hậu 神功皇后 [Jinguu Kougou] tự đem binh đi đánh giặc, đủ tỏ ra đàn bà có khí phách anh hùng ra làm sao! Sau có Võ sĩ đạo nổi lên thịnh hành, bọn phụ nữ nhà võ cũng lo trau dồi huấn luyện những đức tính dũng cảm, kiên trinh, hòa nhã, tiết nghĩa, không thua gì đàn ông. Bởi vậy hạng liệt phụ hiền nữ ở trong lịch sử Nhật Bản có số nhiều, chẳng thua gì nước nào khác, có lẽ còn nhiều hơn nữa. Rất đỗi vợ con võ gia đều ganh đua tập võ, đeo gươm giữ mình, và khi con gái xuất giá, lấy con dao thanh kiếm, là đồ cưới quý trọng hơn hết. Tục này đến lúc đầu duy tân cũng còn.

Ta coi lai lịch và tinh thần Võ sĩ đạo như thế, bảo Võ sĩ đạo là nguyên khí của quốc gia, luân lý của dân tộc Nhật Bản chính là sự thiệt vậy.

* * *

Nãy giờ, mê man theo bóng Võ sĩ đạo mà chúng ta đi xa đường quá: giờ ta nên quay về mục đích, là câu chuyện tân phong kiến.

Dân tộc Nhật Bản, ngay từ khi hỗn hợp thành giống riêng, tạo lập ra một nước, đã có sự sinh tồn phấn đấu, khiến họ có tinh thần thượng võ tự nhiên rồi. Về sau, cuộc sinh tồn phấn đấu càng ngày càng phải dồn dập

cần dùng, thì tinh thần thượng võ lại càng ngày càng mở mang rộng lớn. Đến đời tân phong kiến, chính do tay võ sĩ dựng ra, Võ sĩ đạo rất là thịnh hành, đào tạo cho lịch sử Nhật Bản có một kỷ nguyên mới, một đặc sắc mới, chẳng những có ảnh hưởng lợi ích ở đương thời mà thôi, lại có ảnh hưởng lợi ích cho cuộc duy tân tấn hóa về sau nữa. Thiệt vậy, đến đời Minh trị, từ Đức Xuyên Khánh Hỉ 徳川慶喜 [Tokugawa Yoshinobu] từ bỏ Mạc Phủ mà đem quốc gia đại quyền dâng trả lại Thiên hoàng, cho đến những anh hùng hào kiệt, chí sĩ cao nhân, ai nấy ra sức hô hào thúc giục mà giúp vào cuộc duy tân mau làm mau xong, nhất thiết đều có dũng khí và di phong của Võ sĩ đạo khi xưa truyền lại cả.

Tân phong kiến là thế nào?

Tóm tắt chế độ ấy như vầy: Lúc võ gia nổi lên chống với công gia tức là sĩ tộc tranh quyền quý tộc – mà được thắng thế rồi, một người trong đám võ gia, có binh dũng tướng mạnh sức lớn oai to hơn hết, bèn lấy thế lực ấy mà tự xưng là tướng quân, mở ra Mạc Phủ, đoạt quyền Thiên hoàng, và sai khiến cai trị tất cả mấy trăm chư hầu lớn nhỏ trong nước. Nói về quyền bính, gần giống như cách "vua Lê chúa Trịnh" ở nước ta thuở xưa; nói về danh nghĩa, thì không khác gì tình thế của đời Xuân Thu Chiến Quốc nước Tàu; bọn Tề Hoàn, Tấn Văn lấy sức mạnh tự xưng là bá chủ, làm bộ nâng đỡ thiên tử nhà Chu để sai khiến hiếp đáp chư hầu cho dễ.

Thiệt vậy, lúc nước Nhật có Mạc Phủ dựng lên, chính là lúc Thiên hoàng mất quyền, chỉ còn ở ngôi vua cho có vị vậy thôi, bao nhiêu quốc gia đại chính đều do ông tướng quân nắm giữ hết; chư hầu tuy vẫn chiếu lệ triều cống Thiên hoàng, nhưng họ phụ thuộc về Mạc Phủ và kiêng sợ Mạc phủ hơn.

Đó là chế độ tân phong kiến.

Chế độ này bắt đầu dựng lên hồi cuối thế kỷ XII theo Tây lịch, hai võ gia thế lực là Nguyên Lại Triều 源頼朝 [Minamoto no Yoritomo] và Bình Thanh Thịnh 平清盛 [Taira no Kiyomori] cùng nhau giành giật Thiên hoàng, tranh cướp chính phủ; rốt cuộc họ Bình bị bại diệt, họ Nguyên thắng trận rồi mở ra Mạc phủ ở đất Kiêm Thương, xưng là tướng quân, thâu trọn

quyền binh mã cả nước vào trong tay, và bắt chư hầu phải tòng phục mình. Mạc phủ dựng lên từ đó, nhằm giữa năm Tây lịch 1186.

Mỗi vị tướng quân làm chúa như thế, truyền được ít đời con cháu, rồi có họ võ gia khác mạnh thế thừa cơ nổi lên đánh bại họ võ gia trước mà giành ngôi tướng quân. Khởi từ họ Nguyên, trải qua mấy họ Bắc Điều 北條 [Houjou], Túc Lợi 足利 [Ashikaga], Thượng Sam 上杉 [Uesugi], truyền nối mãi cho đến họ Đức Xuyên 德川 [Tokugawa], là dòng Mạc phủ chót hết, nước Nhật ở trong thời kỳ chế độ tân phong kiến này có trên 700 năm. Riêng họ Đức Xuyên làm chúa được lâu bền hơn cả, cha truyền con nối, có dư 250 năm, tới giữa thế kỷ 19 vừa rồi, tướng quân chót hết của họ Đức Xuyên là Khánh Hỉ nạp trả đại chính cho Thiên hoàng, thế là Mạc phủ dứt, tức là chế độ Tân phong kiến dứt. Rồi đó Minh Trị Thiên hoàng ra tay duy tân cải cách, đưa nước Nhật vào cõi văn minh hùng cường tới ngày nay.

Thời kỳ tân phong kiến hơn 700 năm, do sự Mạc phủ thay quyền đổi họ, tướng quân mạnh được yếu thua, khiến cho nước Nhật trải lắm phen nội loạn lung tung. Có mấy lần trong nước đánh nhau thê thảm đến hàng đôi ba chục năm mới dứt; nào là triều Nam triều Bắc, nào là nước Đông nước Tây, chia rẽ tranh giành, hợp rồi tan, tan rồi hợp, trị kế loạn, loạn kế trị. Có phen rối loạn, tưởng là ngôi Thiên hoàng đến phải rung rinh, đổ ngã, nhưng rồi lại khôi phục tôn nghiêm như xưa, bởi vậy dân Nhật càng tin rằng vua là con cháu chính tông của Thần, không thể nào suy vi hay thay đổi được.

Dầu sao mặc lòng, thời kỳ này dân Nhật mở mang tấn hóa dữ lắm. Chính nhờ sự tương tranh tương đấu không ngơi, mà dân tộc họ từ trên xuống dưới, dùi mài được tinh thần năng lực thêm hay thêm giỏi ra không biết bao nhiêu. Lạ nhất là khi loạn cứ loạn mà đám bình dân vẫn yên tâm về mọi việc kinh doanh khai thác của họ. Văn học, nghệ thuật, công nghiệp, nông tang... nhất thiết đều được tấn tới thịnh vượng, chứ không vì sụ nội loạn mà phải suy sút ngưng trệ gì; đó là nhờ dân họ mạnh chí tấn thủ lắm mới được như vậy.

Các triều Mạc phủ cũng có công lao khai hóa với quốc dân nhiều lắm. Nhất là triều Đức Xuyên lo sắp đặt giáo dục, mở mang văn hóa, rất dày

công phu. Nhờ họ Đức Xuyên mà cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX, nước Nhật đã biết cái lợi giao thiệp buôn bán với Âu châu, nhất là với Hòa Lan, và đã biết thâu thái ít nhiều học thức của Thái Tây, nhất là y học. Xem đại khái như vậy, thì nói rằng chế độ Phong kiến có cái lợi un đúc tinh thần, có cái công dùi mài trí hóa cho dân tộc Nhật Bản, chẳng phải là đúng với sự thật lắm sao?

Tóm lại, dân tộc Nhật Bản trước hết nhờ sự tin tưởng mình là Thần quốc mà được bền bỉ lâu dài, ai nấy có óc tự tôn, xưa nay không bị ngoại hoạn; lại nhờ có địa lý nung nấu cho dân tộc có nhiều tính chất tốt; sau hết nhờ chế độ phong kiến đắp đổi đã thao luyện tinh thần trí hóa cho họ; ấy là ba cái đặc sắc của họ có đã lâu đời, làm căn bản sẵn sàng, cho nên đến khi gặp thời thế, phong trào mới thúc giục, tự nhiên họ tấn hóa tự tân được mau lẹ tốt đẹp vậy.

Chúng ta đã xét biết ba cái nguyên do lớn này rồi, ta phải nghĩ rằng người Nhật rong ruổi có 30 năm mà theo kịp Âu Mỹ trên đường văn minh tân thời, vẫn biết là họ anh hùng dũng cảm đã đành, nhưng cũng là lẽ đương nhiên, không lạ. Thấy một người có gia phong, có tài đức, nay được phú quý hiển vinh mà ta cho là đáng lắm, thì ngó thấy cuộc duy tân hùng cường của Nhật Bản, ta có thể nào suy nghĩ khác hơn, là vì họ có một cái dĩ vãng rỡ ràng đặc biệt từ trong trứng nở ra kia mà!

# Chương II. MỘT ĐOÀN TÀU MỸ

*Năm 1853, Nhật Bản đang đóng cửa ngủ ngon, giữ chặt thói cũ, chính Đề đốc Perry đem một đoàn tàu Mỹ lại thị oai mà làm cho họ giật mình tỉnh giấc, phát phẫn tự cường; Nhật Bản bước vào kỷ nguyên duy tân khai quốc.*

**N**gày nay dân tộc Nhật Bản trở nên một mối lo phiền đáo để cho Âu Mỹ, hình như Âu Mỹ có ý buồn rầu ân hận rằng mối lo phiền đó tự họ làm ra, tự họ rước lấy.

Trước kia người Nhật đang ngủ ngon giấc thủ cựu, ai bảo Âu Mỹ chúng ta kéo đến đấm cửa rầm rầm, đánh thức họ dậy, cho bây giờ phải lo!

Ấy là một tiếng ân hận, gần đây thường nghe thốt ra ở câu văn cửa miệng của nhiều văn nhân chính khách phương Tây. Một danh sĩ Pháp là ông Maurice Dekobra mới đây qua Nhật chơi rồi về viết cuốn Samurai huit Cylindres, cũng hơi có cái giọng than thở như thế. Ta có thể cho là tư tưởng chung của người Tây phương giữa lúc Nhật Bản đang hồng hộc về chính sách đế quốc và đang lấn lướt cạnh tranh về kinh tế công nghệ như là lúc này:

"Trải bao nhiêu thế kỷ, Nhật Bản vẫn ở biệt tịch một mình, người Âu châu "không biết tới". Duy có ít người Hòa Lan được ở tạm trong một cù lao Nhật Bản để mua bán với dân họ. Sự thiệt, thuở ấy họ có muốn biết ta (Tây phương), họ có muốn làm quen với ta, với văn hóa của ta đâu.

Khi không Đề đốc Perry Hoa Kỳ đem một đoàn tàu chiến đến bờ biển Nhật mà "bắn súng đại bác nổ đùng đùng" để bảo cho Nhật biết rằng Hoa Kỳ không chịu cho họ ở biệt tịch, chẳng giao thiệp gì với nước ngoài.

Những kẻ thù nghịch với Nhật bây giờ thử suy nghĩ coi cái cử chỉ của Đề đốc Perry thuở đó phải hay là không? Chúng ta có quyền gì được tự phụ rằng văn minh của chúng ta tốt đẹp hơn hết (chứng cớ gì đâu), rồi tới

khuấy rầy Nhật Bản, buộc họ “phải tiếp rước ta, bắt họ phải ký những tờ điều ước mà bản tâm họ không muốn ký” chút nào.

Theo gương “tốt” đó của Hoa Kỳ, tới Anh, Pháp, Hòa Lan và gần hết các nước Âu châu, ùn ùn kéo qua Nhật Bản, giơ sức mạnh ra mà chiếm tô giới nọ, đòi hoa lợi kia. Con vi trùng đế quốc đi theo tàu trận của phương Tây mà truyền vô nước Nhật đó…”

Thiệt sự, tới năm 1853, Nhật Bản đang đóng cửa ngủ ngon, giữ chặt thói cũ, chính tự Đề đốc Perry đem một đoàn tàu Mỹ lại thị oai mà làm cho họ giật mình tỉnh giấc, phát phẫn[12] tự cường; Nhật Bản bước vào kỷ nguyên mới, bắt đầu từ đó. Cũng bởi thế, nên tôi lấy “Một đoàn tàu Mỹ” mà mệnh đề cho chương này, nói về cái lai lịch duy tân khai quốc của Nhật Bản.

Nghĩ lại, có lẽ ông Hóa Công là tác giả cuốn Lịch sử nhân loại, khéo sắp đặt biên chép để chỉ tỏ ra chỗ nên hư hay dở của loài người cũng kỳ. Cùng là một việc đem tàu lại thị oai: Năm 1853, đoàn tàu Mỹ vào cửa biển Phố Hạ, làm cho Nhật Bản tỉnh ngộ tự tân; năm 1858, đoàn tàu Pháp tới cửa Đà Nẵng, giúp cho nước Nam ta trở nên lãnh thổ bảo hộ của Pháp quốc. Chớ chi thuở đó vua quan mình giỏi, dân tộc mình khôn, thì có lẽ nước Nam đã nhờ Pháp quốc có lòng tốt chạy sang đánh thức mà được tỉnh ngộ tự tân như Nhật Bản kia rồi.

## ĐỀ ĐỐC BÁ LÝ ĐEM MỘT ĐOÀN TÀU VÔ CỬA CẤM

Lúc này đang hồi Nhật Bản nghi kỵ người ngoài, đã ba trăm năm nay khóa chặt cửa biển, không cùng nước nào giao thông, và không cho ghe tàu ngoại quốc ra vô buôn bán. Trừ ra có ít nhiều người Hòa Lan và người Tàu được ở buôn bán tại cửa Trường Kỳ (長崎 Nagasaki) mà thôi. Thuở giờ cũng chưa có nước Âu Mỹ nào ra mặt chính thức yêu cầu Nhật Bản phải mở cửa thông thương; bắt đầu, nước Mỹ sai sứ đi tàu trận qua Nhật Bản yêu cầu việc đó trước hết.

Triều Hiếu Minh Thiên hoàng năm thứ 6, mùng 3 tháng 6, âm lịch, nhằm ngày 8 tháng 7 năm 1853, quan Thủy sư Đề đốc Hoa Kỳ là Bá Lý (柏理), theo sách Nhật, còn nguyên danh Hoa Kỳ là Matthew C, Perry) dẫn 4 chiếc tàu trận vào đậu ngay cửa biển Phố Hạ 浦賀 [Uraga], hỏi Giang Hộ tướng

quân 江戸将軍 [Edo Shougun] về việc giao thông. Hồi này chính họ Đức Xuyên làm tướng quân, đóng ở thành Giang Hộ (Edo, tức là Đông Kinh bây giờ), cho nên gọi là Giang Hộ tướng quân.

Bấy giờ tại cửa Phố Hạ, có chức quan Phụng hành 奉行 [Bugyo] của Mạc phủ đặt ra để xem xét các ghe tàu ra vô trong vịnh biển Giang Hộ (tức là vịnh Đông Kinh). Phàm tàu ngoại quốc, dầu cho là tàu chiến đưa sứ quan nước nào đi tới, cũng chỉ được vô cửa Trường Kỳ, chớ ngoài cửa ấy ra thì đều bị cự, không tiếp. Công cuộc mua bán của ngoại nhân cũng chỉ được phép mở ra tại Trường Kỳ, vả lại chỉ có người hai nước Hòa Lan và Trung Hoa được phép ấy thôi.

Giữa lúc Nhật Bản hạn chế người ngoài rất nghiêm, canh phòng cửa biển rất kỹ, thế mà tàu binh Mỹ quốc bỗng dưng ở đâu chạy vô ngay cửa Phố Hạ được, làm cho trên Mạc phủ, dưới quốc dân, đều sửng sốt hãi kinh, xôn xao rúng động, coi như một cách thình lình có giặc ngoài tới đánh nước mình vậy. Lập tức Mạc phủ và chư hầu sắp đặt võ bị sẵn sàng, phòng rủi có biến; còn các quan đương đạo thì đều diễu võ dương oai, để tiếp kiến Đề đốc Mỹ quốc.

Tại sao tàu Mỹ lại vào Phố Hạ?

Nguyên là Đề đốc Bá Lý trước khi chưa sang nước Nhật đã từng dọ xét kỹ càng nội tình của Nhật mà biết rằng Nhật đãi người ngoài, chỉ cho vô cửa Trường Kỳ mà thôi, chớ không chịu cho vô cửa nào khác hơn. Lúc ấy có một vị thầy thuốc Hòa Lan ở ngụ tại Trường Kỳ đã lâu, nghe tin Đề đốc Bá Lý sắp tới, ý muốn dâng công, bèn viết thư nói cho đề đốc hay rằng nếu như sứ quan Mỹ quốc do cửa Trường Kỳ mà vô, thì mình đây giúp làm thông ngôn, và giới thiệu với chính phủ Nhật Bản được. Tuy vậy trong óc Đề đốc Bá Lý đã tính toán đâu đó sẵn sàng rồi, nên chi ông không vô cửa Trường Kỳ mà lại đến ngay Phố Hạ. Trong ý ông ta chẳng muốn theo đuôi Hòa Lan, làm nhẹ thể Mỹ quốc đi; ông muốn tới ngay Mạc phủ Nhật Bản mà đòi phải mở cửa biển khác cho Mỹ giao thông ra vào. Mỹ đòi thương nghị yêu cầu như thế, thật là khó lòng cho Nhật, vì xưa nay chưa bị nước nào đòi gắt thế ấy bao giờ. Đề đốc Bá Lý biết trước rằng thế nào Mạc phủ cũng không chịu nghe, cho nên ông ta cho đoàn tàu trận chạy tuốt vào cửa

Phố Hạ là cửa cấm và bắn súng đại bác chỉ thiên đùng đùng, ấy là để ra oai với Nhật vậy.

Tuy ra oai như thế mặc lòng, đến việc yêu cầu thương nghị thì Đềđốc Bá Lý lại dùng cái ngón hưởng đãi khoan thai, rất là khôn khéo. Có mấy người thông ngôn của ông đem theo, đều giỏi Hán văn và tiếng Hòa Lan, thành ra sự giao thiệp với người Nhật được thuận tiện dễ dàng lắm.

Quan Phụng hành trấn phủ Phố Hạ, vâng lệnh của Mạc phủ bảo Đềđốc Bá Lý rằng nên đưa tàu trận chạy tới cửa Trường Kỳ rồi sẽ nói chuyện.

Đềđốc Bá Lý dư hiểu từ trước rằng thế nào Nhật cũng có lời nói đó, nhưng ông trả lời không chịu bỏ đi đâu hết. Luôn dịp, ông nói bắn tin cho Mạc phủ biết rằng: “Vạn quốc giao thông với nhau, ấy là sự tự nhiên của đạo người lẽ trời phải thế. Bây giờ thế giới đã thay đổi khác xưa, không dung cho nước nào một mình đóng chặt cửa ngõ lại được. Nếu Nhật cầm cự không nghe, chẳng trái với đạo người lẽ trời lắm sao?”.

Rồi đó ông ngỏ ý nhất định cứ đậu tàu chiến tại Phố Hạ, chờ Mạc phủ thương thuyết, chớ không chịu đi.

Mạc phủ đành chịu, vì không biết lấy cách gì chống cự, xua đuổi cho nổi, chỉ nói thối thác rằng: “Việc đổi lệnh quốc cấm để mở đường giao thông, là việc rất quan trọng, nói chuyện với nhau hấp tấp không được. Vả chăng hiện nay Tướng quân nước tôi đang đau bệnh nặng, không thể quyết định việc lớn mau rồi được đâu”.

Thiệt vậy, lúc bấy giờ Mạc phủ Tướng quân là Đức Xuyên Gia Khánh 德川家慶 [Tokugawa Ieyoshi] mới mất, mà Nhật giấu kín, không dám phát tang, chắc là phòng sợ Mỹ quốc thừa cơ Nhật Bản vô chủ mà bức sách gì chăng!

Đềđốc Bá Lý bèn giao hẹn:

“Vậy thì để sang năm tôi sẽ trở lại cùng quý quốc thương thuyết cũng không muộn gì. Tới lúc đó xin chớ có chần chờ thối thác chi nữa”.

Đoạn ông đưa ra bức quốc thư của đại Tổng thống Mỹ quốc cùng các tặng phẩm, trao cho quan Nhật trấn thủ Phố Hạ chuyển dâng về Mạc phủ giùm, rồi ông sai cả đoàn tàu nhổ neo kéo đi.

Cái cử chỉ của Đề đốc Mỹ thật là ngộ nghĩnh, thật là quân tử; đã đem cả đoàn tàu vào đại cửa cấm, bắn súng ra oai, thế mà lại bỏ đi, ước hẹn năm khác, để cho Nhật Bản có ngày giờ suy xét sự lợi hại, chớ không phải thấy người ta yếu mà ép càn hay là ăn hiếp ngay. Về sau người Nhật mỗi khi nhắc nhở tới, vẫn cảm phục cái trí lực chín chắn tử tế của Đề đốc Bá Lý, và cho ông là người mở mối duy tân khai quốc cho Nhật Bản vậy.

## NÊN HÒA? NÊN ĐÁNH? CẢ NƯỚC XÔN XAO

"Biết người, biết mình", là sự cần dùng ở đời cho một người, cũng như là cần dùng sinh tử cho một nước. Một nước không tự xét mình yếu hèn, không rõ tình thế thiên hạ, bỗng dưng có ngoại nhân lại muốn giao thiệp tử tế với mình, mà mình cự tuyệt và chống cự người ta, ấy là một cách ngu dại, tự rước lấy cái bại cái chết vào thân vậy.

Nhật Bản khôn ngoan, không phải một nước như thế.

Hồi đó, ngoại quốc tới cầu giao thông với họ, không phải chỉ có một mình Mỹ quốc thôi đâu. Cũng trong năm Hiếu Minh thứ sáu, ngày 17 tháng 7 (Tây lịch ngày 21 tháng 8 năm 1853), tức là cách sau việc Đề đốc Mỹ quốc đem tàu binh vào Phố Hạ như đã nói ở trên đúng một tháng 13 ngày, có một vị Đề đốc Nga quốc cũng dẫn 4 chiếc tàu binh vô cửa Trường Kỳ, yêu cầu mở đường Nga Nhật giao thông.

Đề đốc Nga gửi quốc thư trình Mạc phủ và xin Mạc phủ cử Toàn quyền đại thần mau mau xuống Trường Kỳ thương thuyết. Trong khi chờ đợi, Đề đốc Nga ở Trường Kỳ muốn lên trên bộ, nhưng quan Trấn thủ Nhật cản ngăn khôn khéo, không cho người Nga lên bờ. Nga đợi hoài không thấy tin tức, nên ngày 23 tháng 10 năm đó (Tây lịch 23 tháng 11), cả đoàn tàu Nga nhổ neo kéo đi.

Trong lúc này, Nhật Bản nhờ có người nước Hòa Lan (和蘭 Hollande) cư ngụ trong xứ mà được biết công việc và tình thế nước ngoài. Những người

Nhật nào biết đọc sách Hòa Lan và cùng người Hòa Lan giao du thân cận, mà được nghe lóm một hai chuyện ngoại giao bí mật, thì cũng biết sơ về tình thế các nước Âu Mỹ ít nhiều. Ngoài ra, hết thảy dân chúng không ai hiểu biết lòng dạ mặt mũi ngoại nhân và công việc của nước ngoài ra sao? Nếu có một hai người nào tinh khôn lanh lợi mà hơi rõ tình thế ngoại bang chăng nữa, lại cũng không hiểu việc ngoại giao là cái quái gì?

Bởi vậy, sau khi đoàn tàu Mỹ đã nhổ neo đi rồi, có nhiều người Nhật suy nghĩ vơ vẩn rằng nước Mỹ là nước ở ngoài ngàn muôn dặm, xa xôi cách trở quá đi, họ bảo sang năm lại tới, làm sao mà tới cho kịp; vả lại biết chắc đâu họ có trở lại hay không?

Còn Mạc phủ thì tự hỏi: Nếu như sang năm, sứ Mỹ trở lại thiệt, thì nước ta trả lời với họ thế nào được đây?

Bấy giờ Mạc phủ bèn hỏi khắp chư hầu lớn nhỏ về sự nên hòa hay nên đánh. Dư luận trong nước rất là xôn xao, kẻ bàn vầy, người nói khác, bối rối phân vân, không ai biết nhất định thế nào được hết. Vừa gặp giữa lúc Tướng quân Gia Định 家定 [Iesada] lên nối ngôi, việc nội chính còn đang bộn bề, rắc rối, thành ra Mạc phủ vậy, dư luận cũng vậy, chưa có ai rảnh trí mà suy nghĩ tới việc mở nước thương cho đặng.

Nói về Đề đốc Bá Lý, sau khi nhổ neo ở Phố Hạ ra đi, đem cả đoàn tàu chạy về Thượng Hải, rồi đậu luôn tại đó. Chỉ phái một chiếc tàu chạy về Mỹ quốc để báo cáo về việc hẹn hò với Nhật Bản ra sao. Ông lại tính trước về sự qua năm Nhật Bản e còn chần chừ dây dưa, nên ông tăng số tàu trận thêm nhiều hơn nữa, và sửa soạn để đợi đúng ngày hẹn ước lại đi.

Qua năm, giữa hồi tháng 2 năm 1854, nhằm tháng giêng năm đầu của niên hiệu An Chính nước Nhật, Đề đốc Bá Lý lại kéo đoàn tàu trận vào cửa Phố Hạ. Nhưng vì Phố Hạ ở cách thủ đô của Mạc phủ là Giang Hộ hơi xa, nên chi lần này Bá Lý cho tàu chạy tuốt vô tới vịnh biển Giang Hộ, nhắc lại chuyện năm ngoái, yêu cầu sao cho năm nay cũng phải thương thuyết để ký điều ước Nhật Mỹ thông thương giao hảo cho rồi.

Mạc phủ bày tỏ nông nỗi khó khăn, và nói về sự tàu Mỹ vô tới Giang Hộ như thế là không nên. Đoạn, Mạc phủ ngỏ ý muốn cùng Bá Lý mở cuộc

thương nghị ở Phố Hạ như năm trước, nhưng Bá Lý một hai không nghe. Sau Mạc phủ năn nỉ hoài, Bá Lý mới chịu lấy Hoành Tân làm chỗ thương nghị.

Hai bên bàn bạc thỏa thuận rồi ký tờ điều ước Nhật Mỹ giao hảo thông thương; Nhật Bản gọi là "Bá Lý Thần Nại Xuyên ước chương, 柏理神奈川約章" nghĩa là tờ điều ước của Bá Lý ký với Nhật tại Thần Nại Xuyên (Kanagawa).

Tờ ước này ký ngày 3 tháng 3 niên hiệu An Chính nguyên niên của Nhật, tức ngày 31 tháng 3 năm 1854. Ấy là ngày mở mối duy tân tự cường cho nước Nhật vậy.

Đây nên nhắc lại hồi tháng 11 năm trước, Đề đốc Nga chờ đợi tin tức của Mạc phủ không thấy, thì bỏ Trường Kỳ đem đoàn tàu trận đi qua Thượng Hải, gặp Đề đốc Mỹ tại đây, bàn tính rằng cả hai đội chiến thuyền Nga Mỹ hiệp lại ra oai, bắt buộc Nhật Bản phải mở cửa thông thương, chắc là Nhật sợ hoảng hồn mà vâng lời ngay. Song, Đề đốc Bá Lý không nghe cái mưu đó, vì không muốn hiếp bức Nhật Bản quá. Rồi đó một mình ông dẫn đoàn tàu Mỹ đến Giang Hộ, kết quả cùng Nhật ký xong thương ước một cách êm đềm tử tế.

Sau, tàu Nga lại đến Trường Kỳ rồi lại bỏ đi nữa. Mãi đến ngày 11 tháng 7 niên hiệu An Chính thứ 5, tức là ngày 7 tháng 8 năm 1858, Nga mới tới Giang Hộ cùng Nhật thương nghị xong và ký tờ ước như là Nhật đã ký với Mỹ.

Thế là Mỹ thông hảo với Nhật trước, rồi sau mới tới Nga, bởi vậy Nhật cho Mỹ có công đầu hết trong cuộc duy tân khai quốc của mình, và có lòng cảm mến tin yêu Mỹ lắm. Thật là nhờ có Bá Lý lúc đó sắp đặt tử tế khôn ngoan, có phước cho Nhật lắm vậy. Ngày nay, Nhật có hờn Mỹ ghét Mỹ cũng chỉ để trong bụng thôi, chớ bề ngoài vẫn ân cần niềm nở, vì họ nhớ ơn xưa của Mỹ đã làm cho họ phát phẫn tự cường đó.

## BÊN TRONG TỜ ĐIỀU ƯỚC THẦN NẠI XUYÊN

Phải biết thuở ấy Nhật Bản cự tuyệt người ngoài và đã trải qua một thời kỳ cấm đạo giết đạo không vừa gì, nếu như một nước nào khác đã đem tàu trận tới trước hết, chắc là ỷ mạnh ăn hiếp Nhật Bản nọ kia và thừa cơ Nhật đang hèn yếu mà ra tay chiếm đoạt không chừng! Song nước Mỹ lúc bấy giờ đối với Nhật thiệt là quân tử, chỉ muốn giao hảo thông thương chớ không muốn ỷ mạnh ăn hiếp chút nào, xem ngay việc đề đốc Nga rủ hiệp sức ra oai bức bách mà đề đốc Mỹ không nghe, đủ biết Mỹ thành tâm và có độ lượng với Nhật ra thế nào?

Ngay đến tờ điều ước Mỹ nài Nhật ký tên, cũng chẳng có khoản nào là Mỹ dành lấy miếng béo phần ngon mà hiếp bức gì Nhật trong đó.

Thiệt vậy, tờ ước Thần Nại Xuyên chỉ có 12 khoản rất là vắn tắt đơn sơ, chưa có bàn định giao ước gì về việc bán buôn đổi chác giữa hai nước; Mỹ chỉ xin Nhật mở hai cửa biển Hạ Điền và Sương Quán cho tàu bè của người Mỹ lui tới ra vào; còn cách đối đãi với người Mỹ thì xin Nhật đừng có gay gắt như là đối đãi người Hòa Lan kia. Sự thiệt, lúc ấy tiếng là người Hòa Lan được Nhật để cho ở buôn bán tại Trường Kỳ, nhưng không khác là bị Nhật cấm cố chút nào.

Tờ ước Nhật Mỹ nói đây lấy sự thân ái giao thông của người hai nước làm tôn chỉ cốt yếu, mà không phân biệt sang hèn mạnh yếu gì hết. Hai bên đối đãi nhau bình đẳng. Nếu nước này gặp lúc ghe tàu nước kia bị nạn, thì phải cứu vớt giúp đỡ cho nhau, hễ họ muốn mua sắm các thức cần dùng chi cũng không bị ngăn trở…

Đại khái tờ ước chỉ có vậy đó thôi.

Tuy lúc này Nhật đang khóa cửa, không thích mua bán giao thiệp với ngoại bang, nhưng đến việc cứu nạn phò nguy là việc nhân đức, không lẽ nào Nhật từ chối cho được. Đề đốc Bá Lý chỉ lấy có chỗ đó cảm lòng người Nhật, chớ không kiếm chác hay thắt ngặt những chuyện khó khăn rắc rối gì, thành ra Mỹ được Nhật vui lòng mở cửa thông thương ngay, lại có chỗ nhớ công mến đức của Mỹ nữa là khác.

## MẤY ÔNG CỐ ĐẠO LÀM CHO NHẬT SINH NGHI GHÉT NGƯỜI ÂU CHÂU

Xem qua đoạn trên, ta đã biết rằng giữa thế kỷ XIX là lúc năm châu qua lại, bốn biển giao thông rồi, mà nước Nhật cũng như nước Nam mình, cản ngăn chém giết Thiên Chúa giáo đồ và cố giữ cái chính sách "đóng cửa nhà, cự người lạ", cho đến đỗi nước Mỹ sau Nga đem tàu trận tới hăm dọa một cách khôn ngoan, tỏ bày về chỗ lợi hại, kèo nài mãi, Nhật mới chịu mở cửa thông thương.

Tại sao vậy?

Tại sao đến lúc bấy giờ, Nhật còn trốn tránh ngoại giao và cố giữ chính sách khóa cửa?

Có phải là dân họ ngu dại dã man, không biết sự thông thương giao hảo với nước ngoài là có lợi chăng?

Nếu thiệt họ khờ khạo không biết cái lợi đó thì sao cách ít lúc sau họ biết mở tung cửa ngõ ra cùng người ngoài giao thông, rồi họ nhảy vọt lên một cái, là được duy tân hùng cường, ngang vai bằng lứa với các nước giàu mạnh nhất nhì trong thế giới?

Vậy thì ở trong tất phải có những duyên cớ gì, ta không nên không xét. Ta nên trở lại chỗ dĩ vãng của Nhật Bản một chút mà xem thực tình, tự nhiên câu hỏi trên đây được tiếng trả lời minh bạch lắm vậy.

Kể tới hồi bắt đầu duy tân cải cách, Nhật Bản có lịch sử đã trên 2500 năm, vốn là một nước từng thâu góp được văn hóa của đại lục đưa sang mà dùi mài tô điểm, thành ra có một cái đặc sắc bày tỏ rõ rệt rồi. Tức như sau đời Trung cổ trở đi, bao nhiêu học thuật kỹ xảo của mấy nước ở đại lục như Trung Hoa, Ấn Độ, Triều Tiên đều truyền qua Nhật Bản rồi tiêm nhiễm biến hóa mà trở nên một nền học thuật kỹ xảo riêng của Nhật Bản.

Đến tư tưởng tính tình, tuy là dân Nhật chịu sự cảm hóa của người đại lục, nhưng mà về sau dân Nhật cũng tự thay màu đổi vẻ, khác hẳn người đại lục. Thế là giống người Nhật có cái tính cách riêng, tự họ sáng tạo ra cái đặc sắc của họ vậy.

Khi có tàu Mỹ vô cửa Phố Hạ, là khi Nhật Bản đã sẵn có những nền tôn giáo, luân lý, văn học, chính trị, luật pháp, mỹ thuật, công nghệ, thảy thảy đều tấn tới khá lắm rồi, chớ không phải là xứ man mọi gì đâu. Lúc ấy mà có người Tây Âu coi thường xem khinh Nhật Bản, tưởng đâu nước này giống như mấy cù lao ở Nam dương kia, ấy là người Tây Âu tối mắt lắm.

Vậy mà sao Nhật Bản cứ khư khư ôm chặt cái chính sách khóa cửa ngồi nhà, không ngó ngàng cần thiết chi tới cuộc ngoại giao với ai?

Câu hỏi đó chính người Nhật họ trả lời như vầy:

"Nào có phải lỗi tự Nhật Bản chúng tôi đâu; kỳ thiệt là tại người Âu Tây thuở trước vụng tính mà ra. Phải biết rằng người Âu bắt đầu để chân vào nước Nhật trên 360 năm trước kia, chớ phải tới giữa thế kỷ XIX thì đất nước chúng tôi mới thấy có bóng người Âu châu sao! Nếu như họ muốn thành tâm giao hảo với chúng tôi thì chúng tôi có cự tuyệt ngoại giao hay khóa kín cửa ngõ làm chi!"

Lời người Nhật nói vậy đúng với chân tình thiệt sự lắm.

Phải, xem sử Nhật Bản, ta thấy từ đầu thế kỷ XVI, đã có người Tây phương lui tới đất nước của giống dân Đại Hòa rồi. Trước hết là người Bồ Đào Nha (Portugals) sang Nhật vào hồi 1541, kế đến người Y Pha Nho. Rồi sau tới người Hòa Lan, người Hồng Mao nối gót nhau vào nước Nhật, hoặc truyền đạo, hoặc bán buôn. Đông nhất là hai nước Bồ và Y. Lúc đó, thiệt Nhật Bản không cự ngoại nhân ra vô buôn bán và cũng chẳng cấm cản gì về sự truyền đạo.

Song vì mấy ông cố đạo Bồ, Y truyền giáo được thong thả thịnh vượng rồi thì ỷ y lạm dụng cái thế lực của tín đồ. Lăm le muốn can phạm đến chính quyền trong xứ. Chính phủ Nhật dò xét ý tứ của bọn ngoại nhân truyền giáo muốn thừa cơ xâm lấn đất nước của Nhật, vì đó mới có cái tư tưởng ngờ ghét xua đuổi người ngoài nổi rùm lên khắp nước.

Sự thiệt, bọn này có phải chuyên tâm giảng đạo mà thôi đâu, phần nhiều ỷ mình và được trớn rồi thò ra lắm cái cử chỉ âm hiểm ngang tàng, làm cho Mạc phủ Nhật phải nghi, nhân dân Nhật phải giận. Nào là phá hoại những

chùa phật miếu thần và chê bai công kích tôn giáo của Nhật sẵn có từ xưa; nào là cậy mình có thế lực mà hay ăn hiếp dân không theo đạo, sinh chuyện thưa kiện lên tới cửa quan hoài. Vì đó mà chính phủ Nhật phải để ý ngờ vực người Tây phương và lo ngại giáo đồ Cơ Đốc có âm mưu phản trắc.

Lúc bấy giờ, tuy cùng là người Âu châu đi kiếm ăn phương xa với nhau, nhưng mà người Hòa Lan và người Y Pha Nho đang có chuyện xích mích; về cuộc buôn bán ở Ấn Độ và ở Nam Dương, người hai nước Bồ Đào Nha và Y Pha Nho cũng đang giành ăn với nhau kịch liệt. Đã vậy, lại về tôn giáo, đàng thì theo Cơ Đốc tân giáo (Protestantisme), đàng thì theo La Mã cựu giáo (Catholicisme), tuy là cùng gốc mà khác nhành như thế, thành ra như lửa hồng nước lạnh không đụng được nhau. Bọn giáo sĩ qua truyền đạo Thiên Chúa ở Nhật thuở ấy, chính là phe La Mã cựu giáo, và phần đông là người Bồ, người Ý.

Người Hòa Lan khôn lanh quá; họ thấy Mạc phủ Nhật Bản có ý lo ngại mấy vị cố đạo Bồ, Y, thì họ càng đâm thọc thêm, nói rằng phe đạo La Mã bạo tàng họa tâm. Mạc phủ nghe lời, bèn hạ lệnh cấm. Thế là người Hòa Lan trừ được kẻ nghịch của họ mà thâu hết mối lợi buôn bán ở nước Nhật vào trong tay.

Cái lệnh cấm đạo gây nên sự rối loạn một lúc, Mạc phủ thấy rõ cái ảnh hưởng của La Mã cựu giáo có hại, nên chi lại càng nghiêm cấm hơn nữa. Nhân muốn phòng ngừa sự lo về sau, Mạc phủ chỉ cho riêng người hai nước Hòa Lan và Trung Quốc được ở Trường Kỳ mà thôi, còn thì nhất thiết ngoại nhân đều bị ngăn cấm, không được tới lui buôn bán gì hết.

Ta xem sơ lai lịch như thế, đủ rõ cái nguyên nhân chỉ tại mấy người giáo sĩ Bồ, Y ngang tàng nham hiểm, mới khiến cho Nhật Bản phải lo thân mà cấm đoán ngoại nhân, tuyệt đường giao thiệp, làm hại lây cho những người chuyên nghề bán buôn; chớ ban đầu Nhật Bản có ngăn cản người ngoài vào xứ họ thông thương và truyền giáo đâu.

Hai vị Mạc phủ tướng quân đã thi hành chính sách “khóa nước” đó, trước là Phong Thần Tú Cát 豊臣秀吉 [Toyotomi Hideyoshi], sau là Đức Xuyên Gia Khang 徳川家康 [Tokugawa Ieyasu]. Tới nay, người Nhật không hề

chê trách gì hai ông trước kia khóa nước là sai lầm thất kế chút nào. Trái lại, họ nhìn nhận là sự đương nhiên, và so sánh công cuộc của hai vị tướng quân Phong Thần cùng Đức Xuyên đã làm đó, cũng như thuở Anh quốc, nữ hoàng Elizabeth đã đánh đuổi người Y-pha-nho và cấm nghiêm cựu giáo kia vậy. Việc làm hai đàng tuy có khác nhau nhưng đến bản ý cũng thế mà thôi.

Nhật Bản khóa nước bắt đầu từ họ Phong Thần làm Tướng quân, kế tới họ Đức Xuyên lên thay quyền nối ngôi, cha truyền con nối mấy đời, cứ giữ mãi cái chính sách ấy, trước sau luôn 250 năm. Mãi tới năm 1854, Đềđốc Bá Lý nước Mỹ tới gõ cửa lần thứ hai, rồi cùng Nhật Bản ký điều ước Thần Nại Xuyên, như trên đây đã nói, bấy giờ Nhật mới mở cửa ra thông thương giao hảo với các nước ngoài vậy.





*

- Đức Xuyên Gia Khang 徳川家康 [Tokugawa Ieyasu] (1543 - 1616)
- Ông là người sáng lập và cũng là vị Shōgun (Tướng quân) đầu tiên của Mạc phủ Tokugawa

- * Phong Thần Tú Cát 豊臣秀吉 [Toyotomi Hideyoshi] (1537 - 1598)
- Được coi là người thứ hai thống nhất Nhật Bản

# Chương III. TRONG LÚC KHAI QUỐC

*Trên từ chư hầu dưới khắp quốc dân, bỗng chốc đều sáng trí tỉnh hồn, bao nhiêu cái khí khái " khóa nước cự dĩ" đang sục sục như lửa cháy dầu sôi, nay bắt đầu lần hồi tiêu tan đi hết, mà đổi thay chói rạng bằng cái khí khái " duy tân tự cường" .*

**N**hật Bản nhìn nhận cái ngày Đề đốc Bá Lý đem tàu binh tới ra oai gõ cửa, bắt họ ký tờ ước ở Thần Nại Xuyên, ấy là ngày mở mối duy tân tự cường cho nước họ. Nghĩa là Nhật Bản có kỷ nguyên lịch sử mới, bắt đầu từ ngày ấy mà đi.

Kể về tinh thần thì phải, nhưng về thiệt sự thì chưa. Thiệt sự đến năm 1868, Minh Trị Thiên hoàng 明治天皇 [Meiji Tennou] đem văn võ bá quan tế cáo trời đất tổ tiên thề nguyền 5 khoản, rồi hạ lệnh nhất thiết cải cách duy tân, bấy giờ mới thiệt là ngày Nhật Bản bước vào kỷ nguyên mới.

Cái thời kỳ 13 năm, từ 1854 đến 1867, nội tình quốc sự của Nhật Bản có lắm việc biến động đổi dời, tức là những việc khơi nguồn đắp móng cho cuộc duy tân tự cường của họ. Bởi vậy, trong thời kỳ này, chính thể, quốc tình Nhật Bản ra sao, cùng là ảnh hưởng trí thức của ngoại nhân đối với những hạng duy tân chí sĩ ở Nhật ra sao, ta cũng nên xét qua cho biết.

## BỌN NHÀ NHO OÁN TRÁCH MẠC PHỦ VỀ VIỆC MỞ NƯỚC

Như trong khoản dưới chương I đã nói: về đời cận cổ, Nhật Bản sinh ra chế độ phong kiến mới, là Mạc phủ tướng quân, kéo dài một hơi đến 700 năm. Bắt đầu từ Nguyên Lại Triều dựng lên chế độ ấy (Tây lịch 1986).

Ông đại tướng quân thay mặt Thiên hoàng, nắm lấy thực quyền chính trị nước Nhật, tự lập ra chính phủ riêng có thực lực, gọi là Bá phủ 覇府 [Hafu] hay Mạc phủ 幕府 [Bakufu] rồi phong cho các tướng sĩ thân tín của mình, mỗi người làm chúa một châu quận tức là chư hầu; hết thảy ở dưới quyền thống thuộc của đại tướng quân. Họ Nguyên là ông tổ của chế độ Mạc phủ vậy.

Từ đó về sau, trải qua nhiều cuộc trị loạn hưng vong, có mấy lần Mạc phủ thay dòng đổi họ, theo lẽ mạnh được yếu thua. Trong khi đó, Thiên hoàng vẫn truyền nối một hệ thống từ xưa, nhưng ngài chỉ ở ngôi báu làm vì, chớ quyền hành thì không có.

Hồi Đề đốc Bá Lý đem tàu binh vô gõ cửa Nhật Bản, và ký tờ ước Nhật Mỹ ở Thần Nại Xuyên 神奈川 [Kanagawa], chính là hồi Mạc phủ lập ở Giang Hộ 江戸 [Edo], dòng dõi họ Đức Xuyên 徳川 [Tokugawa] làm tướng quân. Chính Đức Xuyên tướng quân đã thuận ký tờ ước Nhật Mỹ vậy. Lúc này trên tướng quân có đức Thiên hoàng ngồi hư vị ở kinh đô, còn dưới tướng quân thì có 300 chư hầu lớn nhỏ, chia nhau cai trị nước Nhật, tình thế rõ ràng là nước phong kiến như Trung Quốc đời Chu, hay là như Âu châu cổ thời.

Họ Đức Xuyên nối nhau làm tướng quân, cầm chính quyền Nhật Bản luôn 250 năm. Trong hai thế kỷ rưỡi đó, chỉ duy có lúc hạ lệnh khóa nước, đuổi các giáo sĩ Bồ và Y, rồi bọn tín đồ Thiên Chúa ở trong xứ nổi lên làm loạn ít lâu, ấy là lúc có nội loạn khiến cho Mạc phủ phải dùng binh lực đánh dẹp mà thôi, ngoài việc ấy ra, cả nước được yên ổn rất lâu dài, ta có thể nói rằng cổ kim đông tây chưa có nước nào được một lúc thái bình vô sự lâu quá như thế.

Nhưng thái bình lâu lắm cũng có chỗ hại; từ tướng quân chư hầu đến sĩ tốt nhân dân, trên dưới đều thong thả vui chơi, luôn mấy trăm năm, không phải động binh luyện võ, thành ra tướng quân vốn lấy võ lực oai trị thiên hạ mà võ lực ấy lâu ngày không dùng, tự nhiên phải suy yếu đi. Thình lình đến lúc có ngoại nhân đem tàu trận tới gõ cửa ra oai, bắt phải khai cảng thông thương, thì Mạc phủ đành phải vâng theo, chớ không thể chống cự mà giữ riết cái chánh sách khóa nước hơn 200 năm nay được nữa.

Bấy giờ cả nước náo động kinh hoàng, nghị luận nổi lên như sấm vang bão dậy; ai cũng xôn xao trách oán Mạc phủ sao có sái phép tổ tiên, bỏ lệ quốc cấm, cho ngoại nhân tới lui buôn bán, để gây điều tai vạ hiểm nghèo cho quốc gia? Dân cho Mạc phủ chuyên quyền làm vậy là bất trung với vua, có tội với nước.

Nhất là đám nhà nho thủ cựu càng quai mỏ già hàm thống trách Mạc phủ hơn hết.

Phải, cùng trong thuở ấy, nước Nhật cũng không khác chi nước Nam mình đây, có đám nhà nho chỉ bo bo thủ cựu, thích rung đùi ngâm thơ, ngoài Nghiêu Thuấn Khổng Mạnh ra họ không biết việc thiên hạ là gì hết. Huống chi Nhật Bản còn có cái tình thế đặc biệt, là trải hai trăm mấy chục năm trời đóng chặt cửa ngõ, cấm tuyệt ngoại nhân, thành ra tình thế bên ngoài ra sao, trong xứ ít có ai hay biết. Lúc ấy quốc dân vẫn đang say mê chuyện đọc sách Tàu, đang sùng bái những Nghiêu Thuấn Khổng Mạnh, mà giữ thói cô lập tự tôn, coi nhỏ thiên hạ, tưởng trên đời không còn có ai và cũng không ai bảnh bao hơn mình. Bỗng chốc có việc ở Phố Hạ phát ra, Mạc phủ nhượng bộ, khác nào một tiếng sét đánh vang lừng, đám nhà nho nghe phải chát tai nhức óc, rồi túa lên bi thương phẫn khích nọ kia, nhưng nhắm lại đó cũng là lý thế tự nhiên, không có chi lạ!

Trái lại, Mạc phủ nắm chính quyền ở trong tay, thường có dịp cùng người Hòa Lan trú ngụ tại Trường Kỳ chuyện trò hỏi han, nhờ vậy mà hơi rõ tình thế Âu Mỹ văn minh ra thế nào, cho nên Mạc phủ tự biết việc khai quốc là nên, là cần, không sao đóng cửa từ khách được nữa.

Song, khốn nỗi lúc này Mạc phủ đã yếu thế đi rồi, chẳng những không đủ sức để cản ngăn làn sóng quốc dân chống chọi oán trách mình, lại cũng không dám công nhiên ra mặt để mở mang cuộc ngoại giao cho thiệt hẳn hoi rộng rãi mới là đúng chỗ cần dùng lợi ích cho nước nhà. Té ra Mạc phủ đã thiếu lòng tự tin, mà cũng không trí dũng đoán, cho nên tiếng rằng mở cửa ngoại giao, chẳng qua chỉ là việc do sự thế bắt buộc vậy thôi, Mạc phủ chập chờn lỡ dở ở giữa khoảng nửa úp nửa mở, nửa làm, nửa không, có hại cho đại cuộc nước Nhật vô số, nếu không thì Nhật có lẽ được duy tân tự cường sớm hơn mươi năm trước rồi.

Ví dụ hồi năm 1854, Mạc phủ đã cùng Đề đốc Bá Lý ký tờ hiệp ước tại Thần Nại Xuyên rồi, trên kia đã nói tờ ước này nội dung rất là giản dị, chỉ nói sơ về khoản ghe tàu đi biển có gặp hoạn nạn trôi dạt vô bờ, thì người hai nước cứu giúp lẫn nhau mà thôi, chớ chưa đả động gì đến việc giao thông mậu dịch. Mới vậy mà nghị luận phản kháng đã nổi lên trong dân

gian um sùm, làm cho Mạc phủ lính quýnh. Cách hai năm sau, (1856) viên tổng lãnh sự Mỹ là Cáp Lợi Tư (Harry, theo sách Nhật: 哈利斯) đến tận Giang Hộ yết kiến tướng quân xin đổi lại tờ ước trước kia, mà ký tờ ước hòa thân và mậu dịch cho phân minh; luôn dịp ông ta khuyên Mạc phủ nên mở toang cửa ngõ ngoại giao với tất cả các nước. Rồi đó hai bên ký tờ ước mới, gọi là tờ ước Giang Hộ.

Lúc này, làn sóng phản kháng càng nổi lên cao, Mạc phủ lo sợ quốc luận ồn ào, liền sai sứ đem tờ ước trên đây về kinh đô dâng lên Thiên hoàng ngự lãm và xin Ngài phê chuẩn cho. Song bao nhiêu lâu nay triều đình đã xa cách với thực quyền chính sự, còn các vị công khanh đại thần trong triều cũng không có ông mô hiểu biết sự tình hải ngoại ra thế nào; thành ra triều đình không biết sao mà phê chuẩn tờ ước, để mặc tướng quân nhận lấy trách nhiệm. Vả lại, các ông chư hầu có quyền to thế mạnh, đang muốn dựa oai triều đình để chống phá cái chính sách khai quốc của Mạc phủ, vì họ không chịu thay đổi lệ cũ phép xưa, họ càng tâu bày xúi giục triều đình đừng có phê chuẩn tờ ước.

Bởi mấy lẽ đó, sứ thần của tướng quân phải bồi hồi thất ý ở kinh đô, rồi đành trở về Giang Hộ tay không. Mạc phủ càng thêm lúng túng lo sợ, chẳng biết day trở thế nào! Thiệt, hồi này là hồi nội tình Nhật Bản rắc rối khó khăn: Trên thì có cái triều đình không quen thuộc chính sự, dưới thì có đám chư hầu không thông hiểu ngoại tình, còn quốc dân lại hầu hết thủ cựu, chí sĩ đua nhau hô hào nghị luận vang rùm, bao nhiêu mũi tên đều nhắm cả vào Mạc phủ mà bắn. Võ lực của Mạc phủ đã vì sự thái bình lâu đời mà suy yếu rồi, nay muốn đè ép quốc luận để tự quyền làm việc lợi cho nước nhà, cũng là không đủ sức mới khổ!

Bên trong bị có tình thế khó khăn như vậy, còn bên ngoài thì các nước Âu Mỹ hằng ngày tới thúc giục Mạc phủ mau mau ký điều ước với họ và mở hết các hải cảng ra. Trong lúc đó, quan ngoại giao của Mạc phủ gặp gỡ tiếp rước người ngoài càng nhiều, thì càng biết rằng việc khai quốc là việc phải làm, chớ không thể nào chần chờ thối thác được. Chỉ tiếc rằng Mạc phủ không dám công nhiên tỏ bày lợi hại để hiệu triệu quốc nhân, thống nhất quốc luận, thành ra việc làm vẫn cứ phải làm, mà không dám làm mạnh bạo và bị nghị luận xôn xao công kích hoài!

Dầu sao mặc lòng, ta cũng phải nhìn nhận rằng Mạc phủ cam chịu quốc luận xôn xao công kích, nhưng cứ xóa bỏ chính sách khóa nước đã mấy trăm năm, mạnh bạo mở cửa ra cùng Âu Mỹ giao thông mậu dịch, ấy là Mạc phủ có công lao ở trong cái cơ sở khai quốc của Nhật vậy. Cơ sở này có biết bao là hạng danh nhân chí sĩ, hoặc lấy tri thức, hoặc lấy khí khái, đóng góp tài năng tâm lực vào mà xây dựng lên; có lắm người lấy máu thịt mà đóng góp vào nữa là khác.

## MẤY ÔNG CÁC LÃO VỚI VIỆC NGOẠI GIAO KHAI QUỐC

Giữa lúc Đề đốc Bá Lý mới đến Phố Hạ yêu cầu Nhật Bản mở cửa thông thương, thì vừa gặp nhằm lúc Mạc phủ Đức Xuyên có tang sự: Tướng quân Gia Khánh 家慶 [Ieyoshi) mang bệnh qua đời (1853), con là Gia Định 家定 [Iesada) lên nối ngôi, chưa quen việc chính, kế vài năm cũng mất (1858). Tới Gia Mậu 家茂 [Iemochi), tuy còn nhỏ tuổi, nhưng vì là dòng chính, nên được lên nối chức tướng quân cho đến năm 1866 tạ thế. Vậy là trước sau 13 năm trời, ngôi tướng quân ba lần đổi chủ, mà hết hai đời chủ là trẻ con, thành ra bao việc chính đều ủy thác quan hệ ở trong tay mấy ông các lão (閣老 [Kakuro], bực đại thần lão quan của Mạc phủ) gánh vác lo liệu hết thảy. Cũng may có mấy ông này là hạng tuấn kiệt, nặng lòng ưu quốc, rõ biết thời cơ; chính tay mấy ông vun đắp lên cơ sở khai quốc buổi đầu, chớ nếu Nhật Bản gặp phải bọn lão thần ngu muội như tình cảnh một vài xứ khác ở phương Đông này cùng trong lúc đó, thì e vận mạng nước Nhật cũng xui xẻo như ai rồi không chừng. Thế mới biết cuộc hưng vong suy thịnh của một nước, khôn nhờ, dại chịu, có quan hệ ở hạng người chấp chính lắm thay!

Các lão của Mạc phủ lúc bấy giờ đương đầu với cuộc ngoại giao khó khăn và tự nhậm công việc quốc gia trọng đại, cả thảy có bốn người là: A Bộ Chánh Hoằng 阿部正弘 [Abe Masahiro], Quật Điền Chánh Mục 堀田正睦 [Hotta Masayoshi], Tỉnh Y Trực Bật 井伊直弼 [Ii Naosuke] và An Đằng Tín Chính 安藤信正 [Andou Nobumasa].

A Bộ Chánh Hoằng vốn là người để tâm xem xét về sự tình của các nước ngoài, biết rằng Nhật Bản đến lúc không khai quốc không xong, cho nên lúc có tàu Mỹ kéo tới ra oai ở Phố Hạ thì chính ông ta chủ trương khai

quốc, chính ông ta quyết định việc ký tờ ước Nhật Mỹ ở Thần Nại Xuyên. Bình thời, ông hay khuyên nhủ thúc giục đám thiếu niên anh tuấn nên đọc sách Hòa Lan, xét việc Âu Mỹ. Lại mướn thầy Hòa Lan tới chỉ vẽ cho Nhật Bản rèn tập về lục quân và hải quân lối mới. Vì một phần gánh vác quốc gia đại nhiệm, lo nghĩ nhọc nhằn quá, Chánh Hoằng phát đau, một phần nữa sức yếu tuổi già rồi, gánh vác đại sự không nổi nữa, bèn tấn cử và giao phó cho Quật Điền Chánh Mục nắm giữ then chốt ngoại giao. Lúc ấy ngoại giao là việc quan hệ hơn hết cho quốc gia. Không bao lâu, Chánh Hoằng qua đời thì Chánh Mục lên nối trọng chức.

Chánh Mục tuy không tự đọc chữ Hòa Lan được, nhưng mà sai bọn gia thần hằng ngày đọc sách Hòa Lan rồi thuật lại cho mình nghe. Nhờ vậy mà Chánh Mục cũng thông hiểu tình thế hải ngoại nhiều lắm, mới dám mạnh bạo cùng quan tổng lãnh sự Mỹ là Cáp Lợi Tư thương thuyết mà ký hai tờ ước khác về việc thông giao và việc thông thương, như đoạn trên kia đã có nói qua.

Hồi đó dưới Chánh Mục, có mấy tay văn quan anh tuấn, như bọn Nham Lại Trung Chấn 岩瀬忠震 [Iwase Tadanari], Tỉnh Thượng Thanh Trực 井上清直 [Inoue Kiyonao], Xuyên Lộ Thánh Mô 川路聖謨 [Kawaji Toshiakira], đều là hạng có tài năng cao rộng, hiểu rõ việc ngoài. Mặc dầu quốc luận sôi nổi công kích về việc khai quốc thế mấy, bọn này cũng cứ đốc thúc tán thành việc đó là cần dùng cấp bách và hết sức biện bạch lợi hại cho mọi người nghe. Họ chính là hạng tiên phong chí sĩ khai quốc vậy.













1. A Bộ Chánh Hoằng 阿部正弘 [Abe Masahiro] (1819 - 1857)
2. Quật Điền Chánh Mục 堀田正睦 [Hotta Masayoshi] (1810 - 1864)
3. An Đằng Tín Chính 安藤信正 [Andou Nobumasa] (1820 - 1871)
4. Tỉnh Y Trực Bật 井伊直弼 [Ii Naosuke] (1815 - 1860)

Nhất là Nham Lại Trung Chấn học rộng văn hay, có tài hùng biện. Tờ ước Nhật Mỹ ở Giang Hộ, chính là do tay Trung Chấn thảo ra.

Ấy tức là tờ ước mà Mạc phủ sai sứ đem về kinh đô tâu xin Thiên hoàng phê chuẩn, nhưng triều đình để mặc Mạc phủ làm sao thì làm, như chuyện ở trên xa đã nói. Lúc đó Chánh Mục bị Tổng lãnh sự Mỹ là Cáp Lợi Tư yêu

cầu phải ký tờ ước này, đem về kinh đô tâu xin Thiên hoàng phê chuẩn chưa xong thì vừa đụng có việc kế vị ở trong nhà tướng quân xảy tới, thành ra Chánh Mục và bọn đồng chí bỗng mất quyền hành. Thế là tờ ước Giang Hộ trên đây còn đang lôi thôi chưa biết triều đình nhất quyết lẽ nào, thì trong ngôi các lão ở Mạc phủ đã có chuyện tan rã, thay quyền đổi tay.

Tới đây, Tỉnh Y Trực Bật phò ấu chúa là Gia Mậu và gánh lấy đại sự, làm như thủ tướng của Mạc phủ, có toàn quyền nhiếp chính, gọi là Đại lão 大老 [Tairou]. Lúc này cả kinh đô và toàn quốc, những kẻ không chịu sự mở cửa giao thông, càng sôi nổi xôn xao dữ lắm. Mấy tờ ước đã bàn định ổn thỏa rồi, phần nhiều có cơ đến phải hủy bỏ.

Nhưng Tỉnh Y là người can cường quyết đoán, mỗi việc gì cũng hỏi han các lão là Tùng Bình Trung Ưu 松平忠優 [Matsudaira Tadamasu] rồi tự mình gánh vác trách nhiệm nặng nề một cách rất là mạnh bạo. Tháng 7 năm 1858, Tỉnh Y cứ việc ký tên trong tờ ước mới với Mỹ, ấy chính là tờ ước Giang Hộ đã nói kia vậy. (Tờ ước này qua năm sau hai bên có thêm vô mấy khoản về ngạch thuế nhập cảng, còn đại thể thì cứ giữ mãi tới năm Minh Trị thứ 27 tức là 1894, nghĩa là lúc Nhật Bản duy tân hùng cường rồi, tuy phải sửa lại toàn văn, mà đại ý vẫn để y cũ không đổi; vậy càng tỏ ra thuở tân cựu giao thời, về việc ngoại giao, Nhật Bản đã có tay cứng lắm rồi).

Hồi năm 1858, sau khi tờ ước Nhật Mỹ ở Giang Hộ đã ký rồi, có nhiều nước khác đến xin Nhật Bản ký ước với họ, thì cũng phỏng theo kiểu mẫu của tờ ước Giang hộ này cả. Bởi vậy tờ ước Giang Hộ đối với lịch sử duy tân của Nhật Bản là một việc trọng yếu lắm.

Lúc ấy theo chân và bắt chước Mỹ quốc mà được cùng Nhật Bản ký kết giao ước, có Anh, Nga, Pháp và Hòa Lan; người Nhật gọi chung là “Ngũ quốc đính ước” (五国訂約).

Tuy các nước lấy sự tử tế mà yêu cầu Nhật Bản mở cửa nước ra cùng họ ký tờ giao hảo thông thương, chớ trong đó họ vẫn giữ lấy phần hơn và không đãi Nhật Bản bằng cách bình đẳng. Liệt cường đãi Nhật hồi đó cũng như kiểu đãi Trung Quốc mấy lâu nay vậy. Nghĩa là ở trong những cửa

biển Nhật Bản mở ra làm chỗ ngoại quốc thông thương, có vạch riêng từng khu vực cho ngoại nhân ở tự do, gọi là “cư lưu địa” 居留地 [Kyoryuuchi], tức là tô giới (concession). Thuế ở đất cư lưu, về phần ngoại nhân thu, cho tới ngoại nhân có kiện thưa hay phạm tội gì, hoặc riêng họ với nhau, hoặc dính với người Nhật, cũng đều do quan lãnh sự của họ xử phân, gọi là “lãnh sự tài phán quyền 領事裁判権 [Ryoujisaibanken]”, (droit d’exterritorialité), chớ họ không chịu quyền xử phân của quan tòa Nhật, vì họ cho pháp luật của Nhật còn non nớt thấp thỏi, không đáng xử người văn minh.

Ngay lúc bấy giờ, người Nhật cũng biết thế là mất quyền, là nhục quốc, nhưng ban đầu đành phải cam chịu, không biết làm sao. Đến sau khai quốc rồi, không ngày nào mà chính phủ và quốc dân Nhật không phấn phát lo toan để xé những điều ước bất bình đẳng ấy đi. Có cách lo toan nào khác hơn là mình tỏ ra mình mạnh; hễ mình mạnh thì tự nhiên người ta phải nhường bước và coi mình ngang vai bằng bậc ngay. Trải mấy chục năm Minh Trị duy tân, Nhật Bản đã tỏ ra họ mạnh, nên chi đến năm Minh Trị thứ 27 (Tây lịch 1893), đầu hết là Anh quốc cùng Nhật sửa tờ ước cũ, ký tờ ước mới, không còn có tô giới và quyền lãnh sự tài phán nữa.

Kế tới trận Trung Nhật chiến tranh, là đám vật lộn giữa “cậu tý hon” với “ông khổng lồ”, mà cả lục quân, hải quân Nhật Bản bá chiến bá thắng, làm cho binh mã nhà Thanh chạy thối bán chết, manh giáp không còn. Liệt cường thấy vậy phải nảy ra tấm lòng kiêng nể Nhật Bản. Bấy giờ các nước Mỹ, Nga, Ý, Đức, Pháp, Áo, Hung… hết thảy đều nối chân Anh quốc, cùng Nhật sửa lại điều ước khác hẳn. Tóm lại, đến cuối năm Minh Trị thứ 30, tức là năm 1897, tất cả các nước Âu Mỹ đều cùng Nhật xé bỏ ước cũ, ký lại ước mới, lấy tinh thần rất bình đẳng mà đãi Nhật; thế là bao nhiêu cái dấu vết táng quyền nhục quốc ở trong những điều ước ký với ngoại bang bắt đầu từ năm 1854 trở đi, tới nay Nhật Bản tỏ sức mạnh của mình ra mà bôi trơn rửa sạch vậy.

Nhân nói chuyện “Ngũ quốc đính ước” trong lúc Mạc phủ mới khai quốc mà cây viết kéo thẳng tới chuyện 40 năm về sau, giờ ta lại nên trở về gốc cũ mà nói tiếp theo cho biết những tay lão thần chí sĩ của Nhật lo toan công

cuộc khai quốc lúc ban đầu hết sức khổ tâm và đến đỗi lưu huyết ra thế nào?

## MÁU CỦA CÁC TƯỚNG TIÊN PHONG KHAI QUỐC

Trên kia đã nói hồi đó người Nhật hầu hết vẫn đang mê man Nho học, có thói tự đại tự tôn, rất mờ mịt tối tăm về tình thế Âu Mỹ. Trừ ra có đôi ba chục người được đọc sách Hòa Lan và năm bảy ông lão thần phò tá Mạc phủ, hơi biết sự thế ngoại quốc, là hiểu cái chỗ nước nhà cần kíp khai quốc mà thôi. Thiệt nhờ có hạng cầm quyền và hạng có học ngoài như thế, nước Nhật mới được mở mặt mở mày, chớ nếu họ cũng tối tăm cố chấp như nhất ban dân chúng thì dòng giống non sông Đại Hòa đâu có vẻ vang rực rỡ như ngày hôm nay.

Nhưng lúc ban đầu, mấy người đi tiền đạo tiên phong mạnh bạo khai quốc, mà bị dân chúng xôn xao công kích, thiệt họ mang lấy khổ tâm ở vào khổ cảnh, không biết sao mà nói cho cùng.

Hơn 250 năm khóa chặt hải cảng, cấm tuyệt ngoại nhân, nay Mạc phủ tự biết là sự cần dùng lợi ích cho nước nhà, mà mở cửa giao thông với ngoại bang, không thể không được. Song, dân chúng cho là việc trái nghịch với phép nước lệ xưa, nổi lên la ó rầm rầm: Mạc phủ chuyên quyền làm xằng! Mạc phủ phá hoại quốc pháp! Lúc trước, một vị các lão phò tá tướng quân, cầm quyền Mạc phủ là Quật Điền Chánh Mục, sai sứ đem tờ ước Giang hộ (tờ ước Nhật Mỹ thông thương) về kinh đô xin Thiên hoàng phê chuẩn mà không xong, kế tới Tỉnh Y Trực Bật lên nối chức thế quyền, nghĩ mình là bậc đại lão Mạc phủ, thôi thì cứ việc quyết định ký tờ ước với Mỹ cho xong, rồi sau tâu lên cho Thiên hoàng hay cũng được, vì đó là việc ở trong chức quyền của mình được tự tiện mà.

Song, bọn chí sĩ tôn quân không chịu như thế; họ cho đại lão Tỉnh Y làm chuyện tự chuyên thế ấy là thất kính với đức Thiên hoàng ở trên, và lại làm cho ấu chúa (chỉ vào tướng quân Gia Mậu đang còn nhỏ tuổi) mang tiếng bất nghĩa. Thành ra dư luận nổi dậy như núi đổ sấm vang, trách tội Mạc phủ đáo để, cái khí phẫn uất của dân lúc này ồn ào nóng nảy quá, không thể nào cản được. Tuy vậy, Tỉnh Y cũng ra sức đè nén cái làn sóng

phản đối và cứ việc hô hào chủ trương khai quốc. Khốn nỗi, phe tán thành thì hiếm hoi, còn phe phản đối thì đầy tràn trong nước. Bọn oán trách Mạc phủ và phản đối chính sách khai quốc, đến đỗi kết phe lập hội, dùng tới võ lực, ai tán thành khai quốc thì họ "làm thịt". Lúc này mặc dầu có bọn chí sĩ vì phạm tội quốc sự mà bị hạ ngục rất nhiều, nhưng phong trào phản đối vẫn cứ nồng nàn sôi nổi.

Chính mình Tỉnh Y, giữa ngày 24 tháng 3 năm 1860, từ nhà riêng đi vô trong thành bái yết tướng quân, bị mười mấy người tử sĩ đón đường đâm chết. Tỉnh Y là người thứ nhất bị thiệt mạng vì chính sách khai quốc vậy.

Nghĩ lại, bước đầu duy tân cải cách của một quốc gia nào cũng phải có những sự rối loạn hy sinh như thế. Người Nhật nhìn nhận rằng máu của Tỉnh Y và những kẻ tiếp theo Tỉnh Y, chính là những tài liệu để xây dựng lên đài văn minh cường thịnh của Nhật Bản ngày nay.

Tỉnh Y là người sáng suốt dũng cảm, chỉ vì yêu nước, lo sự lợi ích cho nước mà bị chết oan mạng, chừng đó oai quyền Mạc phủ càng suy, quốc luận xôn xao càng gắt. Đã vậy rồi các nước bắt chước Mỹ quốc mà tới yêu cầu kết giao với Nhật mỗi ngày mỗi đông, làm cho Mạc phủ ở trong cái cảnh ngộ càng thêm khó khăn bối rối hơn nữa. Nhưng đến đây, việc nước đã làm thì đành phải làm tới, chớ không sao thụt lui được nữa. Bởi vậy Mạc phủ thây kệ quốc luận công kích xôn xao, lại nghe lời thỉnh cầu thông thương của nước Bồ Đào Nha, rồi cùng nước này ký một tờ ước, y như kiểu đã ký với năm nước trước kia.

Người đứng giữa con sóng ngoại giao, trước mũi tên quốc luận hồi này là An Đằng Tín mục. Trong nước chê bai chính sách khai quốc của Mạc phủ càng ngày càng hồng hộc như trận bão cơn giông, nhất là sau khi Tỉnh Y Trực Bật bị đâm chết, rồi, bọn phản đối lại hay dùng võ lực đánh đập xâm phạm tới ngoại nhân nữa.

An Đằng ở cảnh khó khăn như thế mà điều đình được êm thấm và không thất tín với liệt cường, thật là có công ngoại giao nhiều lắm.

Rồi sau, An Đằng cũng bị bọn phản đối đón đường chém cho một dao, nhưng may khỏi chết.

Bọn phản đối chính sách ngoại giao khai quốc đây, có cái danh hiệu là Nhương Di đảng 攘夷党 [Jouitou], mục đích của họ hết sức chống ghét ngoại nhân; nói rõ, là người Âu Mỹ, mà họ cho là hạng man di nhung địch.

Nghĩ cũng thú vị ly kỳ cho cái thuyết Nhương Di của người Nhật hồi đó, ban đầu có một ý nghĩa, rồi sau có một ý nghĩa khác. Ban đầu, họ khi rẻ Âu Mỹ, cho là di địch, cho nên nhất thiết họ cự tuyệt bài trừ, không chịu cùng Âu Mỹ giao thông, không muốn cho Âu Mỹ vào trong nước họ. Rồi một lúc sau, có dịp cho họ hoảng hồn sáng mắt, ngó thấy Âu Mỹ rõ ràng tài, mạnh, khôn, giỏi, mình phải học theo bắt chước mới được, thì bấy giờ mau mau họ tỉnh ngộ tự tân, cố học lấy những tài hay sức mạnh của Âu Mỹ sinh tồn cạnh tranh, một ngày kia lấy ngay gậy ông đập vào lưng ông cho sướng!

Ấy, nhờ họ có cái tinh thần mau tỉnh ngộ tự tân và tỉnh ngộ rồi thì rất hăm hở mạnh bạo về sự tấn hóa cho nên cuộc duy tân tự cường của họ được mau thành công kết quả đó.

## MẤY TIẾNG SÚNG LÀM TAN MẤT KHÔNG KHÍ NHƯƠNG DI

Kể ra người Nhật coi Âu Mỹ như di địch và có óc cự tuyệt ngoại nhân trải đã lâu đời rồi, chớ không phải đến hồi bắt đầu khai quốc này mới có đâu. Căn do phát ra thiệt từ 300 năm trước, bọn giáo sĩ Bồ, Y cậy thế lộng hành, gây nên một phen rối loạn trong nước, thành ra Mạc phủ phải hạ lệnh khóa cửa, xua đuổi ngoại nhân. Ban đầu Mạc phủ lại truyền lệnh Nhương Di khắp nước, dạy dân cư xung quanh mé biển hễ thấy ghe tàu ngoại nhân kéo tới thì phải đánh đuổi đi. Người Nhật có lòng ngờ ghét ngoại nhân, phần nhiều bởi đó mà ra.

Về sau Mạc phủ tuy có bớt phép nghiêm cấm đi, nhưng mà chuyện xưa còn in sâu trong óc dân, và lại lòng dân ngờ ghét ngoại nhân lâu ngày đã thành thói quen, chôn chặt vào trong trái tim khối óc rồi. Bởi vậy đến lúc khai quốc lòng người nổi lên phản đối mới dữ.

Bao nhiêu đời nay nước nhà vẫn nghiêm cấm ngoại giao, đến giờ bỗng chốc bị ngoại nhân kéo tới nài ép phải ký điều ước nọ kia, tuy là Mạc phủ cùng ít nhiều chí sĩ thức thời tự biết chính sách "khóa cửa cự di" là không

thể ôm giữ được nữa, nhưng mà chư hầu và quốc nhân hầu hết không hiểu tình thế ngoại bang liệt cường ra sao, thành ra họ thấy Mạc phủ khai quốc thì túa lên, phản đối dữ dội.

Lúc này trong hai trăm sáu chục chư hầu nước Nhật, có hai chư hầu đất lớn thế to, vào bậc cường phiên 強藩, là Tát Ma 薩摩 [Satsuma] và Trường Châu 長洲 [Choushuu] chống chọi chính sách khai quốc gắt gao hơn hết. Bao nhiêu kẻ chí sĩ bất bình kéo đến đất nước của hai cường phiên mà âm mưu hoạt động, rồi phong trào phản đối dữ tợn tràn lan khắp nước.

Họ nhao nhao lên cầu khẩn đức Thiên hoàng xuống chiếu khu trừ ngoại nhân; hoặc muốn lấy thế dân tâm dân khí mà ép buộc Mạc phủ không khai chiến với ngoại nhân không được. Nhưng Mạc phủ và hạng chí sĩ thức thời đã dư hiểu sức mạnh của Âu Mỹ và cũng dư hiểu sự khai quốc là sự cần dùng lợi ích cho Nhật Bản, thế thì Mạc phủ có khờ dại gì sinh sự khai chiến với Âu Mỹ mà mang hại cho quốc gia, vả lại chống cự liệu được mấy hơi?

Nhất là đám sĩ phu đã chịu giáo dục Hán văn, tức là bọn nhà nho, thuở nay vẫn tự tôn tự đại, khinh rẻ người Tây phương, cho người Tây phương là di địch, bây giờ thấy Mạc phủ chủ trương khai quốc, tiếp rước ngoại nhân, thì họ phùng mang trợn mắt, la ó nhiều hơn ai hết.

Họ bất bình cùng trong một lúc kêu gào toan tính cả hai chủ nghĩa: Một là tôn vương, nghĩa là phá đổ Mạc phủ đi, khôi phục quyền chính Thiên hoàng như 700 năm về trước; Hai là nhương di, tức là xua đuổi nhất thiết ngoại nhân, chẳng giao hảo thông thương gì ráo.

Năm 1861, dân tâm quốc luận đang phực phực như lửa nóng nước sôi thế ấy, lại nhè xảy ra một việc ngoại giao rắc rối, làm như lửa cháy còn đổ dầu thêm. Ấy là việc Nga quốc bỗng dưng đem binh chiếm giữ lấy cù lao Đối Mã 対馬 [Tsushima], định làm một nơi đồn lũy cho đội chiến thuyền của họ đóng tại Thái Bình Dương. Mạc phủ hết sức năn nỉ mà Nga không chịu rút binh đi, trả đất lại cho Nhật. Sau Mạc phủ phải cậy ông công sứ Anh can thiệp gần nửa năm trời, bấy giờ Nga mới chịu lui. Nhưng Mạc phủ cậy

mượn ngoại bang cứu giúp mình như thế, làm cho dân tâm càng thêm tức giận, và từ đó lại càng thù ghét ngoại nhân.

Tóm lại bọn thủ cựu bất bình, trước hết còn lấy ngôn luận kêu gào, kế sau dùng tới thủ đoạn tàn sát. Hoặc chém những người chủ trương tán thành việc khai quốc; hoặc đâm giết mấy tay lão thần mưu quốc trong phủ tướng quân, tức như chuyện Tỉnh Y Trực Bật bị giết chết và An Đằng Tín Mục thọ thương đó. Muốn làm cho Mạc phủ phải khai chiến mà nguy, và muốn khiêu khích cho thành cuộc đại biến, nên họ lại tới mấy nơi hải cảng thông thương, kiếm chuyện gây gổ với ngoại nhân rồi đập phá cửa nhà và chém giết người ta nữa. Lúc này có nhiều ngoại nhân bị hại; đến đỗi một quan Thông ngôn của công sứ Mỹ quốc cũng bị bọn thủ cựu bất bình đón đường đâm chết, làm cho công sứ các nước đều phát giận, rủ nhau hạ cờ xuống, bỏ Giang Hộ mà đi Hoành Tân.

Người các nước ở Nhật Bản hồi này đều lấy làm nguy; hai nước Anh Pháp phải đem binh ở dưới tàu lên thành Giang Hộ để bảo hộ dinh công sứ của họ tại đó. Vậy cũng chưa đủ, các nước suy nghĩ tất phải ra oai trừng trị để cho bọn thủ cựu bất bình ở trong nước Nhật khiếp vía một phen, có vậy thì sau ngoại nhân mới ở yên ổn được. Ấy là họ tính thế ra oai giữ mình vậy thôi, chớ hẳn không dè đâu rằng mấy phát súng thần công của họ sắp bắn ra, chính là tiếng chuông đồng hồ báo thức, làm cho người Nhật tỉnh ngủ vùng dậy, đổi ngay đầu óc, rồi thì ba chân bốn cẳng, chạy rượt theo kịp Âu Mỹ trên đường tấn hóa văn minh!

Các nước chủ tâm nhè mấy cái đầu nào cứng nhất mà gõ vào ít hèo, tự nhiên toàn thân phải rúng, họ biết lúc bấy giờ hai chư hầu Tát, Trường là hai cường phiên đứng đầu phản đối khai quốc và thù ghét ngoại nhân hơn cả, cho nên họ quyết tới giữa nhà hai cậu này mà trừng trị một phen cho biết mặt nhau chơi.

Năm 1863, mấy chiếc tàu Anh kéo tới bắn phá thành trì Lộc Nhi đảo 鹿児島 [Kagoshima], là đất phong của chư hầu Tát Ma 薩摩.

Qua năm 1864, bận này lớn chuyện hơn bốn nước Anh, Pháp, Mỹ, Hòa Lan hợp tàu binh lại thành một đại đội, rầm rộ kéo tới Hạ Quan 下関

[Shimonoseki], là đất thuộc về chư hầu Trường Châu mà chĩa súng vào bắn phá rầm rầm.

Hai hiệp súng này chẳng có ý nghĩa chi là cách cừu thù đối chiến; chẳng qua chỉ như câu chuyện "trò" Nhật mới định tựu học nhà trường văn minh mà lại có ý khinh thầy, ghét thầy, cho nên "thầy" Âu Mỹ muốn gõ sơ một vài cây thước dằn mặt vậy thôi!

Nhưng, thiệt là hai hiệp súng tỉnh hồn duy tân, hai hiệp súng cứu tinh độ mạng cho người Nhật được trở nên vẻ vang tốt đẹp.

Thiệt vậy, lúc bấy giờ hai cường phiên Tát Ma, Trường Châu và tất cả bọn nhà nho tự phụ, bọn thủ cựu bất bình, nghe hai hiệp súng tan thành bể núi này rồi, ai nấy đều mở mắt giật mình biết rằng ngoại nhân có súng lớn tàu to thế nọ, tài cao sức mạnh thế kia, mình đây dễ gì đuổi xua chống cự họ được. Chống cự họ mãi sẽ đến nguy hại quốc gia trước mắt cho coi. Trời ơi! Họ không phải là di địch đâu, ta "nhương" gì nổi? Vả lại có muốn "nhương" họ thì ta cũng phải làm sao có những súng lớn tàu to, tài cao sức mạnh như họ, hay là hơn họ mới được chớ. Thôi bây giờ mình phải khai quốc, phải cùng họ giao hảo hòa thân, không còn có thể nào đừng được nữa.

Vậy rồi trên từ chư hầu dưới khắp quốc dân, bỗng chốc đều sáng trí tỉnh hồn, bao nhiêu cái tâm não, cái khí khái "khóa nước cự di" hôm đang sục sục như lửa cháy dầu sôi, thì nay bắt đầu lần hồi tiêu tan đi hết, mà đổi thay chói rạng bằng cái tâm não, cái khí khái "duy tân tự cường", đầu dây mối nhợ thật là mở ra từ đây.

# Chương IV. MỞ CUỘC DUY TÂN

*Từ nhỏ đến lớn, từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, nào là chính trị giáo dục, nào là văn hóa võ bị, nào là công thương, lý tài, nào là cơ khí, nghệ thuật, cho đến những chuyện y phục tầm thường, tập quán lặt vặt, chẳng sót một vấn đề nào hay một phương diện nào mà không hóa xưa theo nay, đổi cũ ra mới.*

**S**ự đổi thay vận mạng của một dân tộc quốc gia, đã đành trước hết phải nhờ có bọn đương quyền khôn ngoan sáng suốt và bọn chí sĩ thức thời làm hướng đạo tiên phong, nhưng cũng phải nhờ nơi dân tâm dân khí có biết hăm hở tấn hóa tự cường mới được. Đó là hai sự cần dùng cho cuộc tấn hóa, phải nương dựa lấy nhau và cùng đi với nhau.

Nếu có bọn đương quyền và chí sĩ sốt sắng cải cách song bị phần đông người ta còn quá ngu si thủ cựu, tự họ không muốn khôn, muốn mạnh, hay là họ tưởng mình đã khôn lắm mạnh lắm rồi, như vậy thì việc quốc gia lợi ích, khó lòng trông mong thi thố thành tựu gì được. Trái lại nếu chí sĩ có, dân tâm có, nhưng vô phước mà bị đám người cầm quyền là lũ đầu óc ngu dại, cứ ngồi lỳ trên cao, lấy quyền to sức mạnh của chúng để đè ép cản trở ý muốn tấn hóa của dân, thì việc quốc gia đại kế cũng không trông mong gì làm nổi. Dân tộc nào gặp cảnh ngộ thế ấy, kết quả đố khỏi hoặc là trong nước nổi lên một phen cách mạng đổ máu gớm ghê, hoặc là bị mất nước với người ta, nếu không cũng bị lợi dụng và yếu hèn mãi; chắc ai cũng ngó thấy nhiều quốc gia bị lôi kéo đắm chìm vào trong cảnh dưới đó cảnh vong quốc nhiều hơn. Nhật Bản đã có dân khá, lại không bị quan ngu, thành ra họ tấn hóa tự cường được là phải lắm.

Tuy ban đầu Mạc phủ nhất định chủ trương khai quốc mà dân tâm xôn xao phản đối; chẳng qua chỉ là sự hiểu lầm chốc lát đó thôi; tới chừng có mấy hiệp súng ở Lộc Nhi đảo 鹿児島 [Kagoshima] và Hạ quan 下関 [Shimonoseki] thì cả nước tỉnh ngộ như chớp nhoáng và mạnh bạo thay đổi tư tưởng ngay. Chớ không cố chấp. Bao nhiêu tâm lực trước kia để vào

chủ nghĩa “tỏa quốc nhương di”, nay dồn cả về một mục đích “văn minh cải cách”, vậy rồi nền duy tân dựng lên.

## ĐỨC XUYÊN MẠC PHỦ DÂNG TRẢ CHÍNH QUYỀN



ĐỨC XUYÊN KHÁNH HỈ 徳川慶喜 [Tokugawa Yoshinobu] (1837-1913)
- Người kết thúc chế độ Mạc Phủ, năm 1867.

Sau khi các nước ra oai bắn phá thành trì của hai cường phiên Tát, Trường rồi, thì cái tư tưởng “tỏa quốc nhương di” của bọn thủ cựu khắp trong nước đều theo làn khói thần công đại bác của ngoại nhân mà tiêu tan đi liền. Cuộc biến đổi tư tưởng này phát khởi từ cuối năm 1864, chính lúc Hạ Quan vừa mới bị đoàn tàu bốn nước hợp lại ra oai bắn phá, làm cho đảng “nhương di” giật mình hoảng vía, biết ngoại nhân có sức mạnh ghê, nước

mình không sao chống cự nổi; chống cự thì chỉ hiểm nguy thiệt hại cho mình.

Trông người rồi ngẫm lại ta mà cảm! Chẳng những người Nhật đã tỉnh ngộ không nên "tỏa quốc nhương di" mà thôi, đồng thời họ lại tỉnh ngộ về chỗ sinh tử tồn vong của họ, tất nhiên phải tấn hóa duy tân cho bằng những kẻ đã tới bắt buộc họ mở cửa thông thương và đã giơ súng ra hăm dọa nọ kia mới được. Giờ họ xoay ra cái tư tưởng "đảo Mạc tôn Vương" 倒幕尊王 [Sonnou Toubaku], để làm cơ sở cho cuộc duy tân cải cách.

Năm 1866, tướng quân Đức Xuyên Gia Mậu qua đời. Đức Xuyên Khánh Hỉ 徳川慶喜 [Tokugawa Yoshinobu] vô ngồi Mạc phủ để nối nghiệp nhà, cầm quyền nước.

Qua năm sau 1867, Hiếu Minh Thiên hoàng 孝明天皇 [Koumei Tennou] thăng hà, thái tử mới có 15 tuổi, lãnh ba món truyền quốc thần khí 2500 năm mà lên nối ngôi báu. Tân quân lên kế vị năm 1867, qua năm sau 1868 đổi niên hiệu là Minh Trị nguyên niên, ấy là Minh Trị Thiên hoàng 明治天皇 [Meiji Tennou]. Viết tới đây, tôi chợt nhớ lại câu thơ truyền tụng của Corneille[13]: "Giá cao chẳng đợi tuổi già mới nên" (La valeur n'attend pas le nombre des années), thật đúng hết sức. Vua Minh Trị lên ngôi tuy còn nhỏ tuổi mặc lòng, nhưng đã có tài cao trí lớn, chính ngài ra tay cải cách duy tân, mở ra kỷ nguyên mới cho nước Nhật, đưa nước Nhật lên cõi phú cường hạnh phúc vậy.

Trong khoảng ba bốn năm đang nói đây, nhân tâm quốc luận hăm hở kêu gào chủ nghĩa "đảo Mạc tôn Vương" dữ lắm. Ai cũng bảo chế độ phong kiến trên 680 năm nay là chế độ Mạc phủ cầm quyền, bây giờ phải đến ngày kết thúc rồi. Ở đời này mà trong nước Nhật Bản còn có hai chính phủ: Một nơi chỉ giữ lấy danh phận hư không, một nơi thì nắm trọn thực quyền chính trị, khiến cho phép tắc chính lệnh tách ra hai ngả, thể thống quốc gia coi chẳng ra sao. Hồi nước nhà còn khóa cửa sống riêng một mình, tuy không hại gì cho công việc quốc gia, chớ một mai đây khai quốc tự tân, thì việc bang giao tất phải lấy danh nghĩa Thiên hoàng để tỏ ra với liệt quốc mới được. Có hai chính phủ cùng đứng trong một xứ, lấy danh nghĩa mà nói, là sự trái ngược không thể nào dung. Vậy nay muốn lo quốc

gia đại kế thì trước hết Mạc phủ nên đem chính quyền dâng nạp lại triều đình, và xóa bỏ cái chế độ phong kiến bảy trăm năm nay đi, để Thiên hoàng chủ trương, quốc gia thống nhất, có vậy thì việc lớn mới có thể kết quả thành công được.

Ban đầu, do những nhà chí sĩ có thanh danh kiến thức đứng lên hô hào xướng xuất chủ nghĩa “tôn Vương đảo Mạc”, sau có nhiều ông Chúa phiên 藩主 [Hanshu] (cũng tức là chư hầu) hùng cường trong nước nghe lấy làm phải, bèn ra sức tán thành. Tháng 4 năm 1867, triều đình vời các Chúa phiên về kinh, nhóm hội chư hầu, để hỏi ý kiến về quốc sự, thì mấy ông Chúa phiên thế lực đều tâu nên bãi Mạc phủ. Rồi đó mấy ông sai sứ tới khuyên tướng quân Khánh Hỉ dâng nạp quyền chính về Thiên hoàng.

Khánh Hỉ là bậc anh hùng quyết đoán, yêu nước kính vua, tự trong bản tâm đã có chí muốn bỏ ngôi tướng quân của mình lâu rồi, song còn sợ giữa lúc quốc bộ gian nan mà mình bỏ chức thì trên vua dưới dân cho là mình trốn lánh trách nhiệm chăng; nay thấy dân tâm sôi nổi, quốc sự dập dồn, tất phải có cái quyền tôn nghiêm thống trị của đức Thiên hoàng mới có thể sửa sang đại cuộc, lo việc duy tân được. Bởi vậy khi nghe lời khuyên rất phải, thì Khánh Hỉ vui mừng nhận theo liền. Rồi đó Khánh Hỉ viết biểu dâng lên triều đình, lời lẽ rất trung thành thống thiết, xin nạp lại quyền chính về Thiên hoàng; tự mình lui về ở ẩn tại Tỉnh Cương, như là một tên dân thường vậy.

Ấy là việc ngày 14 tháng 10 năm 1867.

Thử hỏi thế gian có mấy người ở ngôi cao chức trọng, có oai lớn quyền to, biết vì quốc gia đại kế mà bỗng chốc lui bước từ ngôi được một cách thái nhiên quân tử như Đức Xuyên Khánh Hỉ (徳川慶喜 Tokugawa Yoshinobu] vậy không? Nghĩ lại có lắm quốc gia đến lúc ngửa nghiêng hầu mất, mà bọn quyền thần ngu dại, quan trưởng hư hèn, còn ngồi lỳ bám chặt lấy cái danh vị hư vinh của chúng, không để cho những người có tài đức thế vào, có lẽ cứu chữa được cơn nguy cuộc rối. Than ôi! Quốc gia nguy vong mà bọn ngu hèn cố vị tham quyền, thật là đáng giận, đáng bỉ!

Khánh Hỉ trả quyền lui bước, thế là cái gia nghiệp tướng quân của họ Đức Xuyên trải 250 năm đến đây hạ màn, mà cả cái chế độ Mạc phủ ở Nhật Bản dựng lên từ cuối thế kỷ XII đến đây cũng chung cuộc.

Từ đó, toàn quốc về đức Thiên hoàng thống trị, chính phủ mới thành lập, kỷ nguyên mới bắt đầu.

Nhân nói về chung cuộc Mạc phủ, tưởng nên xét qua ảnh hưởng luôn thể, cho tiếp câu chuyện, rồi sẽ trở lại công cuộc Minh Trị duy tân.

Một cái chính thể lâu đời bền gốc, có quan hệ thâm thiết với lịch sử, với chủng tộc, với quốc gia, như là Mạc phủ ở nước Nhật, nay bỗng dưng xóa bỏ đi, mặc dầu Khánh Hỉ tướng quân là bực quân tử cao nhân, tự mình vui vẻ ngôi phú quý nhất đời như là thảy chiếc giày hư vớ rách đi nữa, nhưng bề nào việc đó cũng là một việc đại biến, không có lẽ nào không có ảnh hưởng tới thế đạo nhân tâm và quốc gia chính trị ít nhiều. Chắc hẳn trong trí Khánh Hỉ [Yoshinobu] tưởng ai cũng kính vua, yêu nước và có độ lượng quân tử như mình, cho nên khi thấy sự mình thoái vị là sự chính đáng cần kíp, thì vội vàng dâng biểu phụng hoàn đại chính rồi thì xuống ngôi tìm chỗ đi ẩn ngay, chẳng có liệu trước tương lai và sắp đặt hậu sự gì cả, vì đó mà xảy ra có nội loạn rắc rối một hồi.

Bấy giờ trong nước chia ra làm hai phái đông tây, một phái tôn Vua, một phái phò Mạc, xung đột nhau để giành lại quyền thế. Phái phò Mạc là một số chư hầu ở miền đông, không muốn khai quốc duy tân, vả lại có mang ơn Mạc phủ đã phong hầu chia đất cho, ngoài ra còn tám muôn tướng sĩ là gia thần bộ hạ của Mạc phủ, bấy lâu họ chịu ơn cơm áo tướng quân, tự nhiên họ phải dốc lòng trung thành ủng hộ tướng quân đến cùng. Sau lúc Khánh Hỉ bỏ ngôi lui bước rồi, thì cả bọn chư hầu và tướng sĩ phò Mạc nổi lên làm loạn ở nhiều nơi, nhât là ở Quan Đông 関東 [Kantou], Áo Vũ 奥羽 [Auu], và Sương Quán 箱館 [Hakodate], ra mặt chống cự với triều đình. Ban đầu loạn đảng ép Khánh Hỉ trở về Giang Hộ một lúc để dựng Mạc phủ lại như cũ, nhưng Khánh Hỉ không chịu. Công sứ Pháp quốc muốn lấy binh lực giúp cho Khánh Hỉ thu hồi đại vị, Khánh Hỉ cũng không nghe, chỉ khăng khăng giữ vững cái chí tôn Vua trả quyền, và lại ăn năn việc mình sơ sót ban đầu khiến nên có loạn. Song, loạn đảng không có bao nhiêu người

và chí hướng của họ cũng trái nghịch với nhân tâm thời thế, thành ra không có thực lực gì. Binh triều đình chỉ mất công đánh dẹp có hơn một năm, từ 17 tháng 1 năm 1868 tới 27 tháng 6 năm 1869, thắng luôn bốn trận, thế là bình định được nội loạn, càng tôn thêm oai quyền của triều đình.

Hồi đó Khánh Hỉ vẫn ở yên tại Tỉnh Cương, lấy thú gảy đàn xem sách làm vui, trải 30 năm mới dời về Đông Kinh; đến năm 1902, tức là năm Minh Trị thứ 35, đức Thiên hoàng triệu vô bệ kiến và phong cho Công tước. Hình như lối 1910 hay 1911, Khánh Hỉ mới qua đời[14]. Người Nhật đối với Khánh Hỉ rất tôn kính nhớ thương, vì cái cử chỉ cao minh quân tử của Khánh Hỉ đã từ bỏ quyền hành, phụng hoàn đại chính, kể ra cũng là người có công với lịch sử duy tân của nước Nhật vậy. Nếu như lúc đó Khánh Hỉ không chịu kết thúc Mạc phủ, thì nhân tâm không khỏi chia lìa, quốc thế chẳng chịu ảnh hưởng, chẳng những là cuộc duy tân e chậm trễ khó khăn, mà lại còn sợ có một phen cách mạng biến động gớm ghê, không tránh khỏi được.

## NĂM LỜI THỀ VỚI TRỜI ĐẤT THÁNH THẦN

Minh Trị Thiên hoàng lên kế vị ngày 14 tháng 2 năm 1867, đến ngày 14 tháng 10 năm đó, tướng quân Khánh Hỉ dâng biểu xin trả lại Thiên hoàng tất cả đại chính quốc gia, để ngài thống nhất toàn quốc, thực hành duy tân. Trong tờ biểu có câu nói như vầy, tỏ ra tấc lòng Khánh Hỉ yêu nước kính vua rất là thành thật.

"Hiện nay việc ngoại giao càng ngày bề bộn khó khăn, trừ phi quyền chính triều đình tóm thâu về một đường, thì mối giềng phép tắc khó lòng mà dựng lên được.

Hạ thần trộm nghĩ ngày nay tất phải sửa hẳn lệ xưa đi, đem chính quyền dâng lại triều đình, rộng cho quốc dân cạn lời công nghị, và muôn việc đều trông thánh thượng xem xét quyết đoán, rồi cả nước đồng lòng hiệp sức, cùng nhau bảo hộ hoàng quốc, như thế thì nước nhà có thể tấn tới ngang hàng với vạn bang trong thế giới đặng. Khánh Hỉ tôi tận trung hy vọng cho quốc gia chỉ có một việc đó."

Triều đình chuẩn y lời tâu, liền ra tờ đại hiệu lệnh, bá cáo trong nước về việc vương chính phục cổ (王政復古 quyền vua trở lại như xưa), tóm tắt lời cốt yếu như sau này:

"Đức Xuyên Mạc phủ tâu xin trả lại quyền chính của triều đình đã giao phó cho từ xưa nay.

Triều đình y theo lời tâu đó.

Vậy từ nay trở đi, chức Nhiếp quan[15] cùng là Mạc phủ đều bỏ dứt hẳn. Bây giờ triều đình trước hết tạm đặt ra 3 chức Tổng tài, Nghị định và Tham dự để trông coi liệu định các việc, lấy cái tôn chỉ của đức Thần Võ lập quốc ngày xưa làm gốc. Không kể là thế tộc võ biền, kẻ trên người dưới, phàm là quốc dân, thì ai nấy đều phải đồng lòng ra sức lo tính việc chung.

Triều đình khuyên hết thảy dân chúng từ đây đều nên gắng gổ tự tân, rửa cho sạch những cái thói hư tật xấu, đem lòng sốt sắng tận trung, đặng làm việc công, giúp nhà nước…"

Ấy là mấy lời đầu hết của Minh Trị Thiên hoàng ra hiệu lệnh duy tân vậy.

Một nước ôm giữ những phép xưa thói cũ từ mấy ngàn năm, ngày nay bỗng chốc thay đổi sửa sang nhất thiết, cho hợp thời thế và kịp Tây phương, thật là một việc quan hệ lớn lao hết sức. Muốn bày tỏ chỗ quan hệ đó ra, và muốn cho dân biết những cái tôn chỉ duy tân ra thế nào, nên chi tháng 3 năm 1868, Minh Trị Thiên hoàng bèn dẫn hết thảy triều thần văn võ, cùng là các bậc phiên chúa chư hầu (lúc này cũng đang còn chư hầu, hai năm sau mới bãi hẳn) làm lễ rất nghiêm trang long trọng, tế cáo trời đất tổ tiên, đọc lời thề gồm có 5 khoản:

Mở ra hội nghị rộng rãi, trăm công ngàn việc đều lấy theo công luận mà quyết định;

Trên dưới một lòng, ra sức sửa sang việc nước.

Văn võ một đường, từ công khanh đến thứ dân, đều được toại chí, khiến cho lòng người hăm hở sốt sắng.

Thảy bỏ hết những thói hư mối tệ chất chứa lâu đời, từ đây gắng gổ duy tân tự cường, hợp theo công đạo của trời đất.

Cầu trí thức ở thế giới, làm cho nước nhà trở nên mạnh lớn vẻ vang.

Rồi thề sao làm vậy, 5 lời thề này chính là chí nguyện, quy mô và chính sách của vua Minh Trị sửa sang thay đổi nước Nhật, trước sau có chừng 30 năm, là trở nên một quốc gia văn minh, một dân tộc hùng cường, đứng ngang hàng với các nước Âu Mỹ. Vua Minh Trị là người sáng tạo ra nước Nhật mới vậy.

## ĐẠI KHÁI CÔNG CUỘC PHÁ CŨ ĐỔI MỚI TRONG 30 NĂM

Công cuộc Nhật Bản duy tân vừa mau chóng mạnh bạo, vừa vĩ đại hoàn toàn, y như lời Minh Trị Thiên hoàng đã thề với trời đất thần minh, khi đã dốc lòng ra tay biến hóa cải lương, thì mỗi việc gì cũng biến hóa cải lương hết thảy. Từ nhỏ đến lớn, từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, nào là chính trị giáo dục, nào là văn hóa võ bị, nào là công thương, lý tài, nào là cơ khí, nghệ thuật, cho đến những chuyện y phục tầm thường, tập quán lặt vặt, chẳng sót một vấn đề nào hay một phương diện nào mà không hóa xưa theo nay, đổi cũ ra mới.

Có thể ví dụ như một cái vườn có ngàn gốc cây mọt hư khô héo, người Nhật là lão làm vườn, đã đào từng gốc cây đó liệng đi, mà trồng cây khác mới lạ tươi tốt thế vào. Cách ít lâu, cái cảnh nhánh khô lá rụng, tiều tụy thê lương của miếng vườn kia đều biến đi đâu hết, giờ ta ngó thấy toàn là cây lạ bông thơm, có muốn tìm lại những dấu tích xưa cũng không còn nữa. Thiệt, Nhật Bản trừ cựu canh tân tới vậy lận!

Dưới đây có nhiều việc quan hệ sẽ nói riêng hẳn từng nơi, nhưng ngay bây giờ thiết tưởng cũng nên tóm thâu cái đại quan cho biết công cuộc biến hóa của nước Nhật vừa mau chóng mạnh bạo, vừa vĩ đại hoàn toàn ra thế nào?



Ba tay chí sĩ có công với cuộc Duy tân:

- Đại Cửu Bảo Lợi Thông 大久保利通 [Ookubo Toshimichi] (1830-1878) (trên)

- Mộc Hộ Hiếu Doãn 木戸孝允 [Kido Takayoshi] (1833-1877) (giữa)

- Tây Hương Long Thịnh 西郷隆盛 [Saigou Takamori] (1828-1877) (dưới).

Sau khi vua Minh Trị hạ chiếu duy tân rồi, thì nước Nhật cũ bị xô một cái, là đổ ụp xuống. Về mặt chính trị, ngay năm Minh Trị thứ nhất, đã bãi Mạc

phủ rồi, còn chư hầu tuy chưa bãi, nhưng chẳng qua họ chỉ còn danh nghĩa vậy thôi, chớ thực quyền như trước không có nữa. Triều đình vời các chúa phiên về kinh làm mấy chức Nghị định 議定 [Gijou] và Tham dự 参与 [Kinyo]; lại cho mỗi đất phiên lựa chọn đôi ba người có tài về triều làm Cống sĩ 貢士 [Koushi] tức là một chức quan nghị sự. Những người này hợp lại thành như một hội nghị để phò tá nhà vua trong việc quốc chính. Ban đầu, nhà vua làm như thế, là cách huấn luyện và sắp đặt cho dân sau này có nghị viện cả dân công cử như ở các nước.

Đến năm Minh Trị thứ 4 (1871), chế độ Phong kiến bãi hẳn: các Chúa phiên (les daimyos) đem hết đất nước của mình nạp lại triều đình, đổi ra làm huyện. Tới năm Minh Trị thứ 23 (1890) mới có Hiến pháp ban hành và có Chúng nghị viện 衆議院 [Shugiin] mở ra từ đó.

Về mặt bình dân, xưa kia họ là hạng người lao khổ, ở dưới quý tộc và sĩ tộc, tới năm 1867, lệnh duy tân tuyên bố hết thảy nhân dân bình đẳng; ruộng đất để tự do, người nông dân bây giờ làm chủ ruộng mình, không phải chỉ như khi xưa họ nai lưng cày cấy làm mọi cho Chúa phiên, cho quý tộc.

Các cửa biển đều mở toang ra cho ngoại nhân ra vô buôn bán tự do. Trải 1000 năm, Thiên hoàng vẫn đóng đô ở thành Kinh Đô 京都 [Kyoto], giờ vua Minh Trị dời đô về Đông Kinh 東京 [Tokyo] tức là thành Giang Hộ của Mạc phủ Đức Xuyên trước.

Cả âm lịch, triều đình y quan cũng bỏ cũ theo mới.

Tóm lại chỉ trong ít tháng, bao nhiêu dấu cũ lệ xưa của Nhật Bản biến tiêu đi hết, nhường chỗ cho những cách tây phép mới thay vô.

Sự thay cũ đổi mới của Nhật Bản mau lẹ quá chừng, ai cũng phải kinh hoàng sửng sốt.

Mỗi việc nhỏ lớn gì cũng phải tạo lập ra mới mẻ hết thảy, thế mà mỗi việc nhỏ lớn gì họ cũng tạo lập ra đủ hết. Không sót cái hay nào của Tây phương mà Nhật không bắt chước; không có cơ quan chế độ nào hữu ích của Tây phương mà Nhật không làm theo. Xe lửa, tàu thủy, nhà băng,

xưởng máy, cùng là mọi việc giáo dục, công nghệ, khoa học… thứ nào Nhật Bản cũng tổ chức ra có đủ hết thảy trong một lúc.

Ta thử xem một vài con số như dưới đây, sẽ biết người Nhật họ chạy phăng phăng trên con đường duy tân mau lẹ ra thế nào?

Năm 1870, nghĩa là sau khi quyết chí cải cách mới có ba năm, thì đã làm xong con đường xe lửa thứ nhất, nối liền Đông Kinh với Hoành Tân, 28 cây số. Con đường này họ làm hết hai năm mới xong, là vì họ tự làm lấy, chỉ mua tài liệu của Âu châu và mướn một vài người Âu châu làm đốc công thôi. Đến năm 1880, đường xe lửa dài được 117 cây số. Qua 1893 được 3.010, tới 1903 lên 6.800.

Dây thép cũng tuôn ra mau như đường sắt vậy. Liền sau khi hạ lệnh cải cách một năm, cuối năm 1868, đã có đường dây thép thứ nhất từ Đông Kinh đi ra. Đến 1893, kéo dài được 13.576 cây số.

Việc quốc phòng cũng lo sắp đặt ngay từ ban đầu, học theo cách luyện quân của Pháp và Đức. Xưởng đúc súng đạn mở ra nhiều nơi. Sáu tháng đầu tiên, còn dùng người Âu châu, trông coi chỉ vẽ; từ sáu tháng sau trở đi thì nhất thiết người Nhật làm một mình. Về hải quân cũng vậy, trước hết họ còn mua của Âu châu một đội tàu chiến, gồm có 7 chiếc tuần dương, 7 chiếc thiết giáp, 17 chiếc khinh hạm, 30 chiếc ngư lôi, và lại phái nhiều thanh niên nhân tài đi qua Âu Mỹ học tập hải quân. Không bao lâu, họ tự mở ra trường luyện tập lấy và tự mở ra xưởng đóng tàu trận một mình, không phải nhờ cậy gì Âu Mỹ nữa.

Trong nước, từ trên xuống dưới, khắp chợ tới quê, ai nấy đều hăng hái về việc tự tân tự cường. Các ông Chúa phiên đã trả đất lại cho triều đình rồi thì xoay ra làm chủ ngân hàng, chủ xưởng tàu, chủ nhà máy, còn tên tá điền lao khổ của mấy ông lúc trước thì bây giờ ra làm thợ máy nọ kia.

Về việc kết xã lập hội để mở mang thương mãi kỹ nghệ, người Nhật cũng làm mau như bay, như biến. Kể tới năm 1894, nghĩa là duy tân chưa đầy 30 năm, trong xứ đã có: 1.200 công ty có vốn tới 300 triệu; 130 nhà băng lớn; 30 công ty bảo kê sinh mạng; 17 công ty điện khí.

Giữa thời kỳ duy tân, về mặt công nghệ bằng cơ khí, chỉ trong vòng mươi năm, người Nhật mở ra những nhà máy nọ nhà máy kia đầy rẫy ở các đô thị. Ngay hồi năm 1880, nghĩa là mới duy tân có 14 năm, đã có 20 nhà máy lớn, dùng tới 20.000 thợ. Nói chi bây giờ công nghệ cơ khí của họ phát đạt tới cực điểm, làm cho Âu Mỹ phải sợ; những ống khói nhà máy tua tủa lên trời, riêng một châu thành Osaka, ngó như một đám ngọn cỏ đâm cao lên trên mặt đất vậy.

Tàu buôn của họ cũng mở mang rất sớm: Năm 1890, đã có 855 chiếc tàu buồm và 580 chiếc tàu chạy bằng máy hơi rồi.

Việc canh nông tấn tới sửa sang có kết quả lạ lùng: Từ nghề trồng dâu trồng trà, cho đến làm ruộng cấy lúa, nhất thiết đều kinh doanh theo cách mới, cho nên hoa lợi thêm ra rất nhiều.

Công nho trong khoảng 20 năm đầu, tăng số thu nhập lên ba lần nhiều hơn; kho bạc mỗi năm thu vô tới 580 triệu. Số xuất cảng cũng tăng lên bốn lần trong khoảng 12 năm: Từ 347 triệu hồi năm 1890 mà lên tới 1.326 triệu trong năm 1902; thật cổ kim đông tây chưa ai có cái kết quả lạ lùng như thế.

Lúc đầu, Âu châu thấy Nhật Bản bắt chước họ thì họ cười thầm và nghĩ cho là vô hại, bởi vậy họ vẫn kêu là cậu nhỏ Nhật Bản (le petit Japon). Nhưng đến năm 1894, họ thấy cậu học trò của họ thì phải giật mình, đổi ngay cái tư tưởng khinh thị ban sơ. Năm 1894, cậu bé tí hon Nhật Bản dám đánh ông khổng lồ Trung Hoa, chỉ trong mấy trận, là ông khổng lồ bị cậu bé con đánh ngã nằm ngay đơ. Trung Hoa phải để cho Nhật chiếm cứ Triều Tiên là miếng mồi Nhật vẫn thèm muốn từ xưa; ngoài ra còn phải bồi thêm Liêu Đông nữa. Nhưng liệt cường Âu châu ép Nhật phải trả Liêu Đông cho Tàu; Nhật đành lấy Đài Loan thôi. Sau Tàu nhường Liêu Đông cho Nga; Nga được đất này, trong lòng hớn hở cho là mình thắng trận ngoại giao, không dè vì đó mà ít lâu về sau mang lấy một cái thua đại nhục.

Đến năm 1900, lại có dịp cho người Tây phương kính phục cái giá trị của Nhật Bản hơn nữa. Năm đó, nước Tàu có giặc Quyền Phỉ (les boxers)[16] nổi lên, chủ ý là thù nghịch đánh phá người ngoại quốc; có trút ngàn người

Âu châu bị giặc bao vây ở Bắc Kinh, không đường tẩu thoát, mà cứu binh chưa tới, tình thế rất là hiểm nguy. Trong 8 nước cùng ra binh để can thiệp vào cuộc nội loạn này, đội binh Nhật Bản tức tốc tấn lên Bắc Kinh đầu hết, giải được trùng vây, nhờ đó mà những người Âu châu mới thoát nạn.

Rồi cách 4 năm sau, 1904-1905 bỗng dưng như một tiếng sét đánh rung đất vang trời, cả thế giới đều sửng sốt ngẩn ngơ: Cậu bé Nhật Bản dám nhảy lên đấm cú một ông khổng lồ khác là Nga La Tư [dân tộc Nga], lúc bấy giờ là một nước hùng cường đệ nhất thiên hạ. Ai không bảo ông khổng lồ này nhai ngấu Nhật Bản như chơi. Thế mà trong 18 tháng, Nga bị bại trận thảm thê: Trên bộ thì thua về tay Nãi Mộc tướng quân 乃木将軍 [Nogi shougun], binh Nga không còn manh giáp mà về; dưới nước thì thua về tay Đông Hương nguyên soái 東郷元師 [Tougou Heihachiro], cả đoàn tàu trận Nga trên ba chục chiếc bị Nhật bắn chìm ở eo biển Đối Mã. Lần thứ nhất trong lịch sử nhân loại, người da vàng đánh ngã người da trắng. Chẳng phải riêng một mình người Nhật lấy làm khoan khoái vẻ vang, mà cả đại lục Á châu, dân tộc hoàng chủng cũng có ý vui mừng hỉ hả nữa. Từ đó, người Tây phương bắt đầu để tâm lo nghĩ về "cái họa da vàng" (péril jaune) mai sau. Từ đó, bắt đầu sản xuất cái vấn đề rắc rối lo ngại, gọi là vấn đề Thái Bình Dương (Question du Pacifique), mà người Nhật chính là chủ động!

Một vài việc làm, một vài con số, như đã lược thuật trên đây, đủ bày chứng cớ cho ta thấy công cuộc duy tân tự cường của Nhật Bản chỉ làm trong một thời kỳ rất ngắn, và được thành công mau lẹ, kết quả vẻ vang là dường nào?

Một nước đang cũ hết sức cũ, yếu hết sức yếu, bỗng chốc trong vòng chỉ có 30 năm, xoay đổi ra mới thiệt là mới, mạnh thiệt là mạnh, cái kết quả lạ lùng đó vẫn biết là trên nhờ có bực anh quân thánh chúa là Minh Trị Thiên hoàng, nhưng chính là do nơi cái thông minh, cái lực lượng, cái khí khái chung cả dân tộc Nhật Bản mà nên vậy.

Viết tới đây, tôi chợt nhớ lại bài ca Á tế Á của cụ Tán Thuật[17] có đoạn nói về cái thành tích Minh Trị duy tân như vầy:

*Mênh mông một dải Đông Dương,*

*Nước non quanh quất trông càng thêm đau.*

*Cờ độc lập đứng đầu phất trước,*

*Nhật Bản kia vốn nước đồng văn.*

*Phương Đông nổi hiệu duy tân;*

*Nhật hoàng Minh Trị anh quân ai bì?*

*Sức Thần Võ riêng về một họ,*

*Vùng Phù Tang chói đỏ góc trời!*

*Kể đời một trăm hai mươi hai,*

*Năm hai ngàn rưỡi năm mươi có thừa.*

*Sẵn cơ hội trời đưa lại đó,*

*Chốn kinh thành Giang Hộ dời sang.*

*Dẹp Mạc phủ, bỏ Phiên bang,*

*Đổi dòng chánh sóc, thay lòng y quan.*

*Khắp trong nước dân đoàn xã hội;*

*Nhà học đường đã ngoại ba muôn.*

*Việc kỹ nghệ, việc bán buôn,*

*Nơi lò nấu sắt, nơi khuôn đúc đồng.*

*Trà, tơ, lụa, gai, bông, nhung, vũ,*

*Mọi đồ sơn vân mẫu pha lê.*

*Gươm và quạt, tán và xe,*

*Đủ mùi hải lục, hiệp nghề công thương.*

*Đất Đại Bản mở trường đúc súng,*

*Xưởng Đông Kinh riêng cũng một nhà,*

*Trường Kỳ thuyền cuộc mở ra,*

*Dã Tân, Tu Hạ, ấy là hải quân.*

*Thuyền với pháo đã trăm lần chấn chỉnh,*

*Lại ngư lôi bác đĩnh ai tày?*

*Quan quân luyện tập đêm ngày,*

*Một nghề so với Thái Tây kém gì!*

Duy tân rồi tới năm Giáp Ngọ (1894), vì chuyện Cao Ly mà Nhật Bản đánh Tàu đại thắng:

*Năm Giáp ngọ đùng đùng sóng gió,*

*Vượt quân sang thắng trỏ Tam Hàn.*

*Quân Lục áo, tướng Đại san,*

*Ra tay cho biết lá gan anh hùng.*

*Đông tam tỉnh đã thu trong tay áo,*

*Người trắng da ngơ ngáo giật mình.*

*Cuộc hòa đâu khéo thình lình,*

*Chủ trương này bởi Nga đình vẽ khôn,*

*Bụng ái quốc ghê hồn Nhật Bản,*

*Giận xung quanh khôn cản nghĩa đồng cừu.*

*Đã toan trở súng quay tàu,*

*Y Đằng khen khéo mưu sâu vãn hồi.*

*Nhận bồi khoản với Bánh đài nhượng địa,*

*Trong mười năm rồi sẽ xem nhau.*

*Nga kia lớn nước lại giàu,*

*Bên giường giấc ngáy dễ hầu chịu yên.*

Tới trận Nhật Nga đại chiến hồi 1904-1905, Nhật cũng toàn thắng:

*Giáp Thìn trong tháng chạp tây,*

*Chiến thư hai nước định ngày giao tuy.*

*Trận thứ nhất Cao Ly lừng tiếng,*

*Khắp hoàn cầu muôn miệng đều khen.*

*Sa trường xung đột mấy phen,*

*Ngọn cờ Áp Lục, tiếng kèn Liêu Dương.*

*Hải quân nguyên soái Đông Hương,*

*Lục quân Nãi Mộc, ai đương anh hùng?*

*Hội liệt quốc diễn tuồng hòa nghị.*

*Chấu đá voi, sự ấy cũng nực cười.*

*Xem trong hòa khoản mười hai,*

*Điều nào Nga cũng chịu lui trăm phần.*

*Cuộc tang hải khuất thân từng lúc,*

*Đám liệt cường nay cũng chen vai.*

*Khen thay Nhật Bản nhân tài,*

*Từ đây danh dự còn dài về sau.*

Cả bộ sử tấn hóa tự cường của Nhật Bản, cụ Tán Thuật mô tả thâu rút vào trong khuôn khổ mấy vần thơ khéo lắm.

## CÁC NƯỚC ÂU MỸ CÓ CÔNG GIÚP ĐỠ NHẬT BẢN DUY TÂN RA THẾ NÀO?

Vấn đề này cũng nên biết, vì nó có ý nghĩa và có chỗ quan hệ lý thú của nó.

Có người yên trí rằng mấy thế kỷ trước, người Âu Mỹ lần mò qua Đông phương là chỉ có mục đích "thực dân lược địa"[18], mưu lấy sự tư lợi mà thôi, chớ họ có lòng giúp đỡ cho ai khá lên như họ bao giờ. Với xứ nào, họ cũng dùng cách "tiên lễ hậu binh"; cho mấy ông thầy tu qua trước rồi kế đưa binh lính tới sau, kiếm cớ kia khác choán đất người ta thì có, khi nào giúp ai?

Sự yên trí này cũng có một phần phải ở trong, nhưng còn một phần chưa thiệt là phải. Có xứ họ tới cốt để lược địa thực dân, mà cũng có xứ họ tới sẵn lòng giao hảo thông thương và phò trợ khai hóa cho; ấy là tùy nơi tình thế và lực lượng của giống người trong xứ mà họ để chân vào. Tạo hóa đối với muôn vật, cái gì mọc lên được thì vun bón thêm cho, cái gì nghiêng ngả thì đạp xô cho ngã; ở giữa loài người mạnh yếu với nhau cũng có cái lẽ thường như thế. Dân mạnh tới một xứ yếu, thấy xứ này vua hèn dân ngu, nói phải chẳng nghe, dạy khôn không hiểu, thì họ không chiếm trị còn để làm gì? Thứ quốc gia dân tộc thế ấy chẳng mất vào tay kẻ mạnh này cũng mất vào tay kẻ mạnh khác; sự suy vong đó đáng kiếp cho cái xứ có vua hèn dân ngu và sự xâm lược cũng là cái quyền tự nhiên của giống mạnh.

Còn như tới xứ nào xem ra có hạng trên trước khá, và dân cứng cỏi, thông minh, thì kẻ mạnh kia chẳng tiếc gì mà không vừa giúp cho khá, chỉ vẽ cho hay, chớ muốn nhai muốn nuốt chưa chắc đã trôi, chi bằng vun bón phò trợ người ta, cũng là cách kết giao cầu lợi cho mình được.

Âu Mỹ đối với Nhật Bản trong thế kỷ vừa qua ở vào trong cái trường hợp như vậy đó.

Trong cuộc Nhật Bản khai quốc duy tân, cố nhiên là Nhật học theo bắt chước Âu Mỹ đã đành, nhưng chính thiệt Âu Mỹ cũng có lòng lành ý tốt mà phò trợ cho nhiều lắm.

Giữa thế kỷ XIX, vì vấn đề thông thương đính ước, mấy phen hầu gây ra cừu thù đại biến, mà rốt lại Nhật Bản cũng được liệt cường Âu Mỹ ân cần vừa giúp cho được tỉnh ngộ duy tân tới cùng. Ngay lúc đề đốc Bá Lý nước Mỹ đem đoàn tàu chiến qua bắn súng ra oai, nhưng trong ý vẫn có lượng khoan thai tử tế, chỉ muốn cùng Nhật Bản giao hảo thông thương mà thôi; về sau cơ nghiệp vẻ vang mới lạ của Nhật Bản dựng lên, thật là có nguồn suối đi ra bởi đó.

Kế sau đề đốc Bá Lý, tới Cáp Lợi Tư qua làm công sứ Mỹ ở nước Nhật, ông này rõ biết quan lại của Mạc phủ chưa rành ngoại giao, nên chi ông thường lấy chân tình thổ lộ và giảng giải cho nhà cầm quyền Nhật Bản lúc bấy giờ biết rõ những cái lợi khai quốc thông thương ra thế nào. Sở dĩ Mạc phủ quyết lòng khai quốc là nhờ có sự khuyên bảo lợi ích của công sứ Mỹ ban đầu, thây kệ dân tâm phản đối xôn xao, Mạc phủ cũng cứ khai quốc. Cáp Lợi Tư lại khuyên Nhật Bản cần nên cấm tuyệt a phiến, kẻo có hại to cho nòi giống; nhờ vậy mà Nhật Bản tránh hẳn được cái độc a phiến từ đó đến giờ.

Hồi trong nước nổi lên phong trào “Nhương di” điên cuồng sôi nổi, xảy ra tới vụ đánh chết viên thông ngôn ở dinh công sứ Mỹ, làm cho công sứ các nước phát giận, gửi thư trách hỏi chính phủ Nhật Bản sao không hết lòng bảo hộ ngoại nhân. Duy có một mình Cáp Lợi Tư rõ biết nội tình dân tâm Nhật Bản, và cũng lượng xét Mạc phủ có thành tâm khai quốc lắm, thành ra chính viên Thông ngôn của ông bị hại vì tay của bọn thủ cựu ở Nhật, mà

ông làm lơ, không trách hỏi phiền hà gì. Đến đỗi công sứ các nước khác giận quá, rủ nhau hạ quốc kỳ xuống mà bỏ đi Hoành Tân, không chịu ở Giang Hộ nữa, vậy mà một mình ông Cáp Lợi Tư vẫn ở Giang Hộ không nhúc nhích, lại còn vì Mạc phủ điều đình giùm cho êm vụ bất bình này.

Trong hồi Nhật Bản bắt đầu khai quốc, mỗi việc gì người Mỹ cũng lấy lòng tử tế chỉ vẽ giúp đỡ cho, có bổ ích cho cuộc tấn hóa của nước Nhật nhiều lắm.

Năm 1859, Nhật Bản sai sứ qua Mỹ để trao đổi tờ ước đã ký với nhau, chính phủ Mỹ phái tàu trận ra đón rước và nghị viện Mỹ bỏ thăm quyết nghị lấy lễ quốc tân 国賓, là lễ đãi khách chung cả nước mà tiếp đãi Nhật sứ, khiến cho người Nhật lấy làm cảm động hết sức.

Cũng nhờ có chuyến đi sứ này mà nhiều người Nhật Bản càng dễ hiểu biết rành rẽ về những lễ nghĩa ngoại giao.

Cùng theo đi sứ lúc đó có hai người chí sĩ về sau in sâu những dấu tích to lớn vẻ vang trong lịch sử Nhật Bản duy tân, ấy là Thắng Lân Thái Lang 勝麟太郎 [Katsu Rintarou] và Phúc Trạch Dụ Cát 福澤諭吉 [Fukuzawa Yukichi].



Thắng Lân Thái Lang 勝麟太郎 [Katsu Rintarou] (1823 - 1899)

Thắng Lân Thái Lang vốn là người ăn lộc của Mạc phủ, mà đến lúc Minh Trị duy tân lại sốt sắng hô hào, có công với đại nghiệp quốc gia nhiều lắm. Còn Phúc Trạch Dụ Cát thì qua xem xét văn hóa Âu Mỹ, rồi về nước chuyên tâm vào công việc giáo dục thanh niên, rèn đúc nhân tài; nhiều tay anh tuấn trong buổi duy tân là học trò của ông đào tạo ra, chính ông đã mở ra một trường đại học rất lớn đến nay vẫn còn gọi là Khánh Ứng đại học 慶応大学 [Keiou Daigaku].

Thuở đó người Nhật xuất dương cầu học ở các nước Âu Mỹ rất nhiều, mà chính người Âu Mỹ đem văn nghệ học thuật của họ vô truyền bá cho Nhật

Bản cũng chẳng ít; nhất là người hai nước Mỹ và Anh đối với Nhật Bản dày công lao phò trợ hơn hết.

Ban đầu khai quốc, nhờ Công sứ Mỹ là Cáp Lợi Tư mỗi việc bày lợi tránh hại cho Nhật, như đã nói sơ ở trên. Sau tới Công sứ Anh là A Nhĩ Ca Quật (阿爾哥窟, viết theo sách Nhật) khuyên bảo chỉ vẽ cho Nhật Bản đúc ra tiền tệ mới, khiến cho Nhật Bản tránh được một mối hại to. Nguyên là hồi đó, chế độ tiền tệ của Nhật còn lôi thôi, nên chi vàng bạc trong xứ bị lọt mất ra nước ngoài rất nhiều; quốc dân thấy vậy kinh hoàng, nhưng không biết cách nào ngăn cản cho được. Bọn thủ cựu càng được trớn mà oán trách Mạc phủ về sự hại mở cửa cho ngoại nhân vô thông thương. Công sứ Anh lo giùm cho Nhật, bèn trung cáo Mạc phủ mau mau đúc ra tiền vàng và in ra giấy bạc, nhờ đó mà cầm cản được cái hại lọt vàng ra ngoài. Người Nhật ghi nhớ luôn luôn rằng công đức này của công sứ Anh cũng có lợi cho Nhật như công đức của công sứ Mỹ đã khuyên bảo cấm tuyệt a phiến kia vậy.

Đến cuối năm 1867, Khánh Hỉ tướng quân dâng nạp đại chính về Thiên hoàng Minh Trị. Chính phủ Thiên hoàng tư giấy khắp công sứ các nước hay rằng những tờ ước do Mạc phủ lúc trước đã ký với các nước, nay vẫn kế tiếp thi hành và việc giao hảo vẫn y như cũ. Có một bọn chư hầu không ưng cải cách, liền chia trong nước ra làm hai phe: Đông và Tây, xung đột với nhau. Ấy là nội loạn. Trong vòng ít tháng, binh triều dẹp yên được loạn ở Quan Đông, Áo Vũ; rồi một năm thì loạn ở Sương Quán cũng êm. Lúc đó nhân tâm chưa trọn lòng quy hướng triều đình, nghiệp thống nhất chưa được hoàn thành, mà ngoại nhân đối với chính phủ cũ, tức là Mạc phủ, xem ra tình ý vẫn còn trìu mến không phai. Nay chính phủ mới bỗng chốc nói về việc kế tiếp giao hảo, công sứ các nước chợt nghe, dầu muốn không sinh lòng nghi ngại cũng không được. Bởi vậy các nước còn đang dụ dự về sự nhìn nhận chính phủ mới.

Duy có công sứ Anh đứng ra nhìn nhận chính phủ Thiên hoàng trước hết, rồi sau công sứ các nước lần lượt nhìn nhận theo, nhờ vậy mà địa vị chính phủ mới lập ra đối với ngoại bang được danh nghĩa nhất định. Công sứ Anh đối đãi như thế, là vì ông với mấy ông tham tán của ông ngày thường kết giao với đám chí sĩ Nhật, rõ biết nội tình nước Nhật, nay cho sự Mạc

phủ trả quyền triều đình chính là việc duy tân cải cách, chớ không phải là cách mạng gì mà bảo rằng không nên nhìn nhận chính phủ mới. Nhân đó ông nói giùm với công sứ liệt quốc mà chính phủ Thiên hoàng được nhìn nhận đều hết vậy.

Tóm lại, ban sơ khai quốc có tình thân của nước Mỹ, trong lúc duy tân, có lòng tốt của nước Anh, người Nhật kể ngoại bang phò trợ cho họ khai hóa tấn bộ, có hai việc đó là lớn hơn cả. Là vì Mỹ quốc lấy tình thân thiện mà mở ra kỷ nguyên mới cho Nhật. Anh quốc thì lấy đại nghĩa mà giúp cho việc chính của Nhật Bản được dấy lên.

Ngoài ra, còn nhờ có hai cái thế biến cũng làm gốc nguồn cho cuộc duy tân của Nhật nữa.

Một cái thế biến từ trong ra.

Một cái thế biến ở ngoài vào.

Ta đã biết rằng khởi từ năm 1853 trở đi, Nhật Bản đang là một nước thủ cựu đáo để và đóng cửa tuyệt giao với ngoại quốc gần ba trăm năm, vụt chốc mạnh bạo khai quốc rồi mau chóng duy tân được, là nhờ có một bọn chí sĩ từng đọc sách Hòa Lan, biết chuyện Âu Mỹ, đứng lên kêu gào thúc giục mà ra.

Ý hẳn có nhiều độc giả phải sửng sốt muốn hỏi điều này: Quái lạ! Từ năm 1854 trở về trước, Nhật Bản vẫn công nhiên đóng cửa tuyệt giao, vậy chớ làm sao có bọn chí sĩ từng đọc sách Hòa Lan biết chuyện Âu Mỹ được? Còn như anh Tàu với nước Nam mình đây, chẳng hề đóng cửa tuyệt giao lúc nào, thế sao Tàu với mình không có ai biết chuyện của Tây phương được mảy may cóc rác gì, thiệt là khù khờ tức tối quá! Chính nước Nam mình, hồi đời vua Lê có lập ra một chỗ riêng gọi là Phố hiến[19] cho người Tây phương tới cư ngụ thông thương tự do; lại sau đến đời Gia Long, đức thầy Bá-đa-lộc có rước nhiều người Pháp kỹ sư và quân gia tới xây thành, luyện quân, đóng thuyền, đúc súng cho vua nhà Nguyễn; ấy chính là những dịp cho ta mở mắt ra ngó thấy tài hay của Tây phương và có thể học khôn họ được, nhưng vậy mà chớ hề có ai biết thâu thái lấy trí thức Tây phương

một chút, đáng tiếc biết bao! Tới nay Nhật Bản hùng cường vinh diệu thế kia, còn Tàu với mình yếu hèn thấp thỏi thế này là đáng kiếp lắm.

Phải, tôi cũng suy nghĩ như thế.

Thuở xưa ở Nhật, Nho học và Hán văn cũng thịnh, cũng tôn như ở các xứ chung quanh cùng chung một nguồn văn hóa với họ, song đám sĩ phu học giả họ không quá cố chấp lỳ, tự cao bậy, hết thảy ai cũng như ai đâu. Kỳ thiệt, trong đám nhà nho cố chấp tự cao, có nảy ra ít nhiều người có chí, muốn hiểu rộng thấy xa, chịu khó xem xét tài khôn sức mạnh của người ta, chớ không bo bo ôm chặt lấy những lý thuyết của Nghiêu Thuấn Khổng Mạnh, tưởng trong trời đất không có gì hơn được nữa.

Bởi vậy, giữa đời Mạc phủ đóng cửa tuyệt giao, trừ ra cho người Hòa Lan và người Trung Quốc là được phép ra vô mua bán tại Trường Kỳ mà thôi, thì trong nước Nhật đã có ít nhiều nho sĩ cầu kỳ ham học, biết cái học thuật phương tây có lắm chỗ hay. Họ bèn rủ nhau đọc sách Hòa Lan, để nghiên cứu về những môn học luyện binh, đúc súng, chữa bệnh, cùng là các khoa thiên văn, bác học, hóa học nữa.

Những nhà chấp chính có trí rộng, cũng biết để tâm xem xét Tây học; hoặc tự học lấy, hoặc sai người học rồi thuật lại cho mình nghe. Ví dụ hồi giữa thế kỷ 18, có nhà Hán học là Thanh Mộc Văn Tàng 青木文藏 [Aoki Bunzou] vâng lệnh Mạc phủ sai học chữ Hòa Lan, để tâu bày tình thế và học thuật Tây phương cho tướng quân biết. Kế sau có những nhà Lan học như Tiền Dã Lương Trạch 前野良沢 [Maeno Ryotaku], như Bân Điền Huyền Bạch 杉田玄白 [Sugita Genbaku], đem sách thuốc Tây phương dịch ra tiếng Nhật.

Ngoài ra, có nhiều nhà văn học, nhà chính trị, theo mấy thầy thuốc Hòa Lan học tập Tây văn. Dầu không thông hiểu Tây văn, nhưng mà nhờ gần gũi ngoại nhân rồi cũng nghe qua học thuật và tình thế liệt quốc, cái hạng sĩ phu đó lần hồi nảy ra cũng đông.

Ấy là giữa đời thủ cựu, trong nước Nhật đã có một bọn người tiên giác, từng nghiên cứu học thuật phương Tây rồi vậy.

Tới năm 1853, có đoàn tàu trận Mỹ quốc vô cửa Phố Hạ, cả đám nhà nho thủ cựu trề môi nhún mỏ, tỏ ý khinh khi người Mỹ là mọi rợ, nhưng riêng hạng thức giả thì không nghĩ như thế. Hạng này tuy còn số ít mặc lòng, cũng mạnh bạo đứng ra chống cãi với tất cả dư luận sai lầm trong xứ; ráng sức khuyên can ai nấy chớ có coi thường Tây phương là mọi rợ mà nguy. Quốc dân hăm he muốn đánh ngoại nhân, thì hạng thức giả tỏ bày lợi hại, bảo đừng có chọc ghẹo đánh lộn với người ta mà thua chết. Dư luận xướng lên chủ nghĩa "Nhương di" um sùm; hạng thức giả cố giảng giải cái chỗ không thể nào "nhương" được đâu, tất phải giao thiệp đón rước người ta, để lượm lặt lấy những chỗ hay của họ mà bổ vào chỗ dở của mình mới đặng.

Rồi ít năm sau, vụt một cái thời thế nhân tâm xoay đổi như chớp nhoáng, người Nhật thay đổi tư tưởng, mạnh bạo duy tân, đó là nhờ có số ít thức giả mở trí tỉnh hồn trước mà khuyên lơn dìu dắt hết thảy quốc dân vậy.

Cái thế biến từ trong biến ra có nguồn gốc mối manh như vậy đó.

Người Hòa Lan, trong những thuở có một mình họ được Mạc phủ rộng dung cho ra vô buôn bán, họ hay thân cận với đám học thức hữu chí ở Nhật Bản và có công chỉ dẫn cho đám này về học thuật Tây phương nhiều lắm. Đến năm 1854 trở đi, Nhật Bản khai quốc với Mỹ rồi, các nhà truyền đạo và các nhà bác học Mỹ bắt đầu sang Nhật, phần nhiều có lòng sốt sắng rộng rãi, giao tiếp với người Nhật một cách ôn hòa niềm nở, khiến cho bọn chí sĩ trong nước lân la thân cận mà được mở mang về trí thức mới rất nhiều. Hạng chí sĩ về sau ra hoạt động chính trị và có công lao lớn trong cuộc duy tân, được phong Bá tước, như Đại Ôi 大隈[Ookuma], như Phúc Đảo 福島 [Fukushima], như Hậu Đằng [後藤 Gotou], đều nhờ có sự tác thành ban đầu của người Mỹ nhiều lắm.

Ngoài ra, các ông cố đạo Thiên Chúa tầm ngầm giúp ích cho cuộc tấn hóa của Nhật Bản cũng nhiều. Ông thì chỉ vẽ khoa học, ông thì giúp đỡ giáo dục nọ kia, đều là làm ích dạy khôn cho người Nhật; biết bao thanh niên hữu chí, nhờ có công ơn khai đạo thế ấy mà hóa ra bực anh tài. Lại cũng vì đó mà thành ra người Nhật không còn nghi ngờ thù ghét đạo Thiên Chúa

như xưa nữa, rồi trở nên có tục tốt tự do tín ngưỡng và ít lâu nhảy vọt lên trên đài duy tân.

Ấy là cái thế biến ở ngoài biến vào, làm gốc nguồn mối manh cho lịch sử nước Nhật mới vậy.

# Chương V. CÔNG PHU GIÁO HÓA

*Giáo hóa của lịch sử dân tộc, giáo hóa của quan giỏi vua hiền, giáo hóa của các bậc chí sĩ tiên giác, mấy cái nguyên tố đó chồng chất lên nhau, kết thành tinh ba rồi sinh ra đứa con quý báu, tên là: Duy tân tự cường.*

**A**i nấy đã biết tới giữa thế kỷ XIX vừa qua, dân tộc Nhật Bản vẫn đang là một dân tộc còn hèn yếu quê mùa, bo bo thủ cựu, chẳng hơn gì những dân tộc khác ở Đông phương này cùng trong thời đó; thế mà chỉ có một mình Nhật Bản vụt chốc đổi mặt thay da, hăng hái nhảy vọt lên đài văn minh phú cường được, là tại sao vậy?

Chắc có nhiều người trả lời mau mắn:

Tại dân tộc họ biết thời thế mà tỉnh ngộ tự tân.

Chính phải vậy rồi, song tôi tưởng câu trả lời ấy chưa đủ tỏ hết ý nghĩa, tất chưa làm thỏa lòng những người muốn hiểu rộng biết xa được. Nếu có ai cắc cớ lại hỏi vặn ta: "Cùng ở trong cái trình độ thấp hèn gần giống như nhau, và cùng gặp cảnh ngộ đại khái như nhau, thế sao chỉ có một mình dân tộc Nhật Bản biết thời thế mà tỉnh ngộ tự tân, còn các dân tộc khác thì không?". Vậy thì ta liệu trả lời ra sao cho được đây? Thiệt vậy cùng trong cái thời gian xấp xỉ lối đó, Đông phương có mấy xứ cũng vì lẽ đóng cửa tuyệt giao, hay là vì lẽ chém giết tín đồ Thiên Chúa, mà gây nên cái cớ cho liệt cường Âu Mỹ đem súng đồng tàu trận tới hỏi tội ra oai, chớ nào phải riêng mình xứ Nhật mới có cái cảnh ngộ ấy đâu! Nhưng sao mấy dân tộc khác đều phải chìm đắm suy vong vào trong tay người, trừ ra một mình Nhật Bản là vẹn vẽ nguyên lành, lại mau mau đổi thay tấn tới cho kịp thời bằng người được, vậy thì ở trong tất nhiên họ phải có một cái gốc nguồn, một cái lực lượng sẵn sàng làm sao đó rồi tới nay họ mới nảy ra tỉnh ngộ tự tân được như thế chớ.

Ấy là một vấn đề quan hệ, chúng ta nên tìm tòi suy xét.

Chính là vấn đề giáo hóa.

Nhật Bản trở nên một quốc gia dân tộc như ta thấy ngày nay, có thể nói rút lại một câu, là chỉ nhờ cái thành hiệu của việc giáo hóa khôn khéo mà ra. Giáo hóa của lịch sử dân tộc, giáo hóa của quan giỏi vua hiền, giáo hóa của các bậc chí sĩ tiên giác, mấy cái nguyên tố đó chồng chất lên nhau, kết thành tinh ba rồi sinh ra đứa con quý báu, tên là: Duy tân tự cường.

Bởi vậy, nếu ta muốn biết rõ lịch sử duy tân của Nhật Bản có gốc nguồn từ đâu phát ra, thì ta phải xét tới công phu giáo hóa của dân tộc họ mới được.

Kể ra có hai phần quan hệ nhất:

Một phần là công phu từ trong lịch sử dân tộc.

Một phần là công phu của các bậc chí sĩ tiên giác.

Chủ ý chương này cốt đem những cái đặc sắc giáo hóa có dính dấp bồi bổ hơn hết cho cuộc duy tân của nước Nhật mà bày tỏ ra, để cho chúng ta phải nhìn biết rằng việc giáo hóa có quan hệ lớn lao cho cái vận mạng nhục, vinh, còn, mất của một dân tộc một nước ra thế nào? Còn có chủ ý thứ hai là để giải nghi cho ít nhiều người mình thường băn khoăn không hiểu tại sao bốn năm nước ở góc trời Đông phương này cũng là học trò văn hóa Trung Quốc, nhưng rốt cuộc lại Trung Quốc, Cao Ly và Việt Nam mình dính chùm với nhau một đám thấp kém đến nay, còn Nhật Bản kia thì trổ ra đi được một ngả khác hết sức oai vệ vẻ vang?

## VIỆC GIÁO DỤC TỪ ĐỜI MINH TRỊ TRỞ VỀ TRƯỚC

Ngay từ khi mới kết hợp nhau thành dân tộc, xây dựng lên quốc gia, Nhật Bản đã có cái gốc quốc dân giáo dục rồi.

Cái gốc ấy là Thần giáo.

Thần giáo là nền tôn giáo tự nhiên của dân tộc Nhật Bản, do nơi tư tưởng nhất định "nước là nước thần sáng tạo, vua là con thần trị vì" mà lập nên. Bởi đó từ xưa người Nhật lấy đạo thờ cúng tổ tiên, tôn vua yêu nước, làm cội rễ giáo dục. Tuy đời Thượng cổ chưa có chữ nghĩa sách vở chi để làm phương pháp giáo dục, chớ trong hương tộc gia đình, trong phong tục tập

quán, người ta vẫn lấy lời lẽ truyền dạy khuyên răn nhau về đạo xử thế lập thân cho đúng với Thần giáo. Trung hiếu, nhân nghĩa, trong sạch, thẳng ngay, kiên cường, vũ dũng, ấy đều là những tôn chỉ tinh ba của Thần giáo mà mỗi người Nhật nào cũng phải trau dồi gìn giữ ở đời.

Nhân vì tôn chỉ của Thần giáo như thế, cho nên về sau lần lần giao thông với đại lục rồi có Nho giáo và Phật giáo truyền sang Nhật Bản, càng giúp ích mở mang cho họ trở nên có văn hóa rực rỡ và có phương pháp giáo dục hẳn hoi chớ không có chống chọi trái nghịch với những tư tưởng sẵn có của họ một chút nào. Không như lúc sau, Cơ Đốc giáo ở Tây phương đem qua, gây ra đến sự xung đột đổ máu rồi tới đỗi Nhật Bản đóng cửa tuyệt giao.

Nho giáo sang Nhật nhằm đời vua Ứng Thần Thiên hoàng 応神天皇 [Oujin Tennou], vào khoảng năm 200 Tây lịch. Sau đó ít lâu thì tới Phật giáo.

Dưới xa, sẽ có một chương nói riêng về Nho giáo và Phật giáo ở nước Nhật, vì là một vấn đề cần dùng quan hệ, phải nói tách riêng mới được. Đây chỉ có ý kể sơ Nho giáo và Phật giáo có ảnh hưởng cho việc giáo dục của Nhật Bản thế nào mà thôi.

Người Nhật rất hoan nghênh Nho giáo Phật giáo truyền vào xứ họ, là vì họ thấy tôn chỉ đại cương của hai giáo ấy không khác xa gì tôn chỉ Thần giáo của họ xưa nay, nghĩa là đều dạy người ta về những đạo lý trung quân ái quốc, nhân nghĩa liêm sỉ như nhau. Nhất là Nho giáo đem chữ Hán qua cho họ có cách giáo dục bằng sách vở chữ nghĩa rất lợi tiện phân minh, chớ trước kia nước họ không có chữ riêng.

Bấy giờ trong nước mới mở ra trường học có đại học tiểu học, có công lập tư lập lấy Nho học làm chính học, và lấy Hán tự làm quốc văn.

Chủ ý giáo dục, với hạng dưới là cốt dạy dỗ những chuyện thông thường cần biết, còn với hạng trên là cốt rèn tập những người thông thái làm quan giúp nước.

Việc phổ thông giáo dục, tuy có một lúc bày ra hạn chế, chỉ có mấy ông thầy chùa tu đạo Phật mà giảng đạo Nho thì mới được mở trường dạy học,

nhưng sau rồi nhà nước để dân tự do, ai muốn mở trường dạy trẻ, nhà nào muốn nuôi thầy dạy học cũng đặng. Các trường phổ thông này gọi là Tự Tử ốc 寺子屋 [Terakoya], tức như mấy thầy đồ trong xóm ở xứ ta ngày xưa, mà đạo thầy trò nghiêm trang kính mến cũng thế. Duy có cách dạy ở Nhật Bản khác: Con trẻ vô học ở Tự Tử ốc từ tám, chín tuổi đến mười hai, mười ba tuổi, bắt đầu học Tam tự kinh trước rồi lần hồi học tới Tứ thư, song ngoài việc học sách tập chữ ra, còn phải học làm toán, học viết thơ, học nói chuyện và học buôn bán giao thiệp… tùy theo chức nghiệp gia đình của đứa trẻ ra sao thì thầy đồ dạy cho môn học thích dụng đó.

Té ra về mặt tiểu học của người Nhật đời xưa đã biết dạy lối chuyên khoa thích dụng rồi, chớ không phải ròng dạy hư văn như ta trước kia.

Đến như đại học giáo dục cũng đã chia riêng ra nhiều khoa: Văn chương, nghệ thuật, chính trị, pháp luật; ai học khoa nào chuyên riêng khoa nấy, nhà nước nuôi cơm may áo cho và học sinh có quyền mượn sách để đọc, vì đời xưa kinh sách chưa có bản in, nhà trường chỉ có ít bộ viết bằng tay, người học phải chuyền tay nhau mà coi.

Té ra về mặt đại học ở nước Nhật cổ thời cũng đã biết cách tổ chức hơi giống như đời nay rồi.

Dầu là bực học nào thì việc giáo dục cũng là thu vào trong một mục đích: Hòa hồn Hán tài 和魂漢才 [Wakon Kansai].

Thế nào là Hòa hồn 和魂 [Wakon]?

Hòa hồn là tinh thần sẵn có của quốc dân.

Thế nào là Hán tài 漢才 [Kansai]?

Hán tài là kiêm thông tri thức của ngoại quốc.

Tóm lại tôn chỉ giáo dục, phải lấy Hán văn Nho học làm lợi khí để mở mang học thuật, bồi bổ trí thức cho họ, nhưng họ là dòng dõi người Đại Hòa vốn có tinh thần đặc sắc rất quý báu tốt đẹp vậy thì tinh thần đặc sắc

ấy họ phải quý chuộng gìn giữ luôn luôn, không vì học khôn học chữ của người mà bỏ cái hay của mình đi được.

Thế là việc giáo dục ở nước Nhật đời xưa, tuy có thâu nhập Nho học của Tàu và triết lý của Phật làm cốt, nhưng đến cái gọi là tư tưởng tinh thần riêng của Nhật Bản đã có sẵn sàng, thì họ vẫn còn giữ, chớ không hề để cho bị xâm phạm tiêu tan đi.

Về việc võ, thì có phép giáo dục gọi là Võ sĩ đạo 武士道 [Bushido].

Muốn biết việc giáo dục ở nước Nhật cổ thời, không thể nào không nói đến Võ sĩ đạo; cũng như muốn biết giáo dục của Âu châu đời Trung cổ, thì ngoài giáo dục nhà tu ra, tất phải nghiên cứu đến giáo dục kỵ sĩ (chevalerie) của họ nữa.

Chuộng võ vốn là tinh thần cố cựu của dân tộc Nhật Bản, nguyên do từ trong sự tín ngưỡng Thần giáo, và lại bởi địa lý, bởi dân chủng buộc phải phấn đấu mà ra, ở chương thứ I đã có nói rõ. Đến giữa thế kỷ XII (Tây lịch) trở đi, có Võ sĩ đạo lập ra, tức là nền giáo dục về việc võ. Nhà võ sĩ phải giữ gìn bản lĩnh, trau dồi nhân cách của mình rất nghiêm rất khó; kính Thần, mộ Phật, tập võ nghệ, giảng văn học, lấy đức thẳng ngay kiệm ước làm tôn chỉ, coi lời nói mình nặng như Thái Sơn, không được sai chạy. Nhất là không biết tránh nguy sợ chết là gì, kẻ nào nhút nhát tránh nguy sợ chết là kẻ trái nghịch Võ sĩ đạo.

Lúc bấy giờ, khắp nước đều lấy việc vũ dũng khuyên răn tranh cạnh nhau, ai nấy gắng gổ làm cho rạng rỡ gia môn của mình. Tới lúc chúa Nguyên là Hốt Tất Liệt (忽必烈) từ đất Mông Cổ dấy lên, đã thôn tính được Trung Quốc mà làm vua rồi, liền thừa thắng đem binh ròng thuyền chiến tràn qua đánh Nhật Bản, bọn tướng sĩ hải phòng của Nhật tuy là yếu thế, mà cũng lăn nhào ra đánh binh Nguyên rất là can đảm, rốt lại phía Nhật chỉ còn có ba mạng sống sót. Trận này làm rúng động tấm lòng dân Nhật đối với việc chống giặc giữ nhà, thúc giục cho Võ sĩ đạo càng thêm phấn phát.

Từ đó, võ sĩ ráng sức tập rèn giáo dục, bên trong lấy quan niệm sống chết để trau dồi tinh thần, bên ngoài lấy những thuật cung mã đao kiếm để luyện tập gân cốt, trở nên hạng người đứng trên hết tứ dân, làm bức thành

đỡ ngăn che chở nhà nước. Võ sĩ tự gánh lấy công việc dẹp loạn an dân, coi là nghĩa vụ trách nhiệm của mình, hai cây gươm của võ sĩ đeo bên mình, là cái dấu tỏ về danh dự, sánh với sinh mạng, danh dự còn quý báu hơn. Võ sĩ mà bị tịch thu mất hai cây gươm đó, rồi cấm mang trọn đời, ấy là cực hình, chớ tử hình còn là hạng thứ. Nhưng đã là võ sĩ, thì ai cũng có tinh thần dũng cảm, thà chịu bay đầu nát thân, không khi nào chịu để cho mất song kiếm.

Võ sĩ đạo có cái cao phong bỏ mình vì nghĩa, gan dạ xông pha, khiến cho Nhật Bản lừng lẫy oai danh ở hải ngoại. Phong Thần Tú Cát 豊臣秀吉 [Toyotomi Hideyoshi] làm tướng quân đem binh vượt biển đánh Triều Tiên, tung hoành oanh liệt, làm cho vua nhà Minh nước Tàu phải giật mình, chính là cái công của Võ sĩ đạo. Lúc này người Tây dương đã bắt đầu qua Nhật, những người Nhật có chí đang muốn thâu thái văn minh Tây dương, chẳng may bọn ngoại nhân truyền đạo làm cho Mạc phủ sinh nghi, mới có chính sách khóa cửa từ lúc ấy mãi cho đến đời Minh Trị duy tân, ròng rã 300 năm, nếu không vậy thì Nhật Bản đã chịu ảnh hưởng giáo dục Tây phương sớm lắm rồi.

Tuy vậy, trận Phong Thần Tú Cát đánh Triều Tiên cũng có ảnh hưởng lợi ích cho quốc dân Nhật, là được văn hóa nghệ thuật của Trung Quốc do ngả Triều Tiên mà truyền sang.

Sau tới họ Đức Xuyên làm tướng quân, nhất thống toàn quốc, thiên hạ thái bình, không phải dùng tới vũ lực nữa, bèn ra sức mở mang về văn hóa. Thời kỳ này trải hơn hai thế kỷ rưỡi, việc học thuật giáo dục mở mang phát đạt lắm; chẳng những về mặt cổ học mà thôi, cho đến tân học cũng đã có một hạng người kiến thức để tâm nghiên cứu, khơi đào ra cái nguồn khai quốc duy tân sau này.

Việc giáo dục ở Nhật Bản hồi xưa lai lịch biến thiên đại khái là thế, ta chỉ xét sơ vậy cũng đủ, nhưng có một vài cái đặc sắc lạ lùng kể ra sau đây, ta nên chú ý.

## KHÔNG PHẢI NHƯ KHỈ THẤY AI LÀM GÌ CŨNG BẮT CHƯỚC Y

Sự thiệt, trước khi chưa có Hán tự truyền sang, Nhật Bản cổ thời không hề có văn tự riêng.

Có mấy nhà cổ học Nhật Bản nói rằng xứ họ thuở xưa đã có chữ riêng gọi là chữ A Tỳ Lưu 阿比留文字 [Abiru moji], có 47 âm, hình dáng gần giống như Ngạn văn 諺文 [Hanguru] là cổ tự nước Hàn (tức là Triều Tiên hay Cao Ly ngày nay). Người Nhật cho thứ chữ này là "Thần đại văn tự 神代文字 [Jindai moji hoặc Kamiyo moji]", nghĩa là thứ chữ ở đời Thần mới dựng nước trị vì, hiện nay không còn thấy dấu tích ở đâu nữa.

Song, một nhà bác học ở đời Duy tân là ông Đằng Cương Thắng Nhị 藤岡勝二 [Fujioka Katsuji], đã có công khảo cứu kỹ lưỡng về quốc ngữ Nhật Bản, nói rằng cổ thời Nhật Bản không có chữ riêng nào cả. Chẳng qua đời trước, khi đã có Hán tự truyền sang rồi, có mấy nhà học giả háo sự, lấy cớ Nhật Bản cổ thời không có chữ riêng là sự xấu hổ, bèn đoán chừng mà bày vẻ ra chữ A Tỳ Lưu cho có chuyện đó thôi. Dầu phải cổ thời thiệt có thứ chữ ấy đi nữa, thì nó cũng chưa được thông dụng cho dân, mà cũng chưa thành hình thể, chưa đúng tư cách một thứ chữ. Tóm lại, Đằng Cương nói quyết rằng thuở xưa Nhật Bản không có văn tự riêng của mình bao giờ.

Tôi muốn nhắc tích xa xôi như thế là để chỉ rõ ra rằng Nhật Bản bắt đầu có lịch sử trở đi, tới 900 năm không có chữ riêng mà dùng; việc giáo dục lúc ấy chỉ là một cách mẫu giáo khẩu truyền, đại khái cũng như nước Nam mình về đời Hùng Vương vậy. Đến lúc được 1000 năm dẫn tới (nhằm thế kỷ thứ II của Tây lịch), có Hán tự vượt biển truyền sang thì Nhật Bản mới có văn tự.

Từ đây, sự giáo dục trong xứ đã có phương pháp truyền bá: Họ lấy ngay Nho giáo làm quốc học, Hán tự làm quốc văn.

Nho giáo, Hán tự của ông thầy Trung Quốc có ba cậu học trò ruột: Cao Ly, Nhật Bản và nước Nam mình.

Nhưng mà giống người Nhật có cái đặc tính tự lập lạ lùng; họ cần phải bắt chước ai về chuyện gì thì cứ bắt chước, mà vẫn giữ nguyên cái đặc tính tự lập của họ, chớ không phải bắt chước như khỉ, thấy ai làm sao thì cũng làm theo y như vậy.

Người mình học theo đạo Nho chữ Hán, chỉ trừ ra đọc âm là khác Tàu một chút thôi, còn thì bao nhiêu chế độ văn vật của Tàu bày đặt thế nào, mình đều rước lấy và phỏng theo giống y như thế ấy. Từ áo mão phép tắc chốn triều đình, lễ nghĩa luật lệ giữa dân gian, cho đến mọi việc từ chương, khoa cử, tang tế, phẩm hàm… nhất thiết chuyện gì mình cũng in khuôn, ráp kiểu của Tàu, không sai một mảy. Trải mấy ngàn năm, hễ Tàu vẽ vời thay đổi cái gì, ta đều bắt chước đúng y cái đó, làm như theo đuôi dính gót người Tàu, không khác gì hình với bóng. Khổ nhất là cúi đầu nhắm mắt mà bắt chước cả cái học vấn luân lý của bọn Tống Nho và rước lấy cái độc hại mê mộng khoa cử, khiến cho dân khí hèn yếu, quốc vận suy vi, rồi thì thầy sao trò vậy, dính chùm với nhau một lũ hư hèn chìm đắm như ngày nay. Cao Ly cũng thế, vì họ cũng bắt chước Tàu một cách "chụp hình" như ta.

Nhật Bản đâu có phải vậy. Cũng thì học trò văn hóa Trung Quốc, nhưng mà họ biết lựa lọc điều hay, xa lánh mối tệ, để lập nên một tinh thần cốt cách riêng. Ta coi nội một chuyện học theo chữ Hán đạo Nho đủ tỏ ra giống người Nhật có đặc tính tự lập lớn lắm.

Một là không thèm chuộng hư văn.

Chỗ cốt yếu của họ trong sự lợi dụng Hán tự là để làm phương pháp giáo dục, mà giáo dục chỉ chuyên thực dụng, chớ không ham chuộng hư văn. Trong xã hội cũng có một hạng là bác học danh nho, ưa mài dũa văn chương, ngâm nga thơ phú bằng Hán tự; còn dân chúng thì chỉ cốt nhờ nơi Hán tự để học cho biết về lịch sử, về đạo lý, cùng là các việc nhật dụng thường thức, nghệ thuật, chức nghiệp mà thôi; đến việc văn chương đối với họ chỉ là dư sự, biết hay không biết cũng chẳng lấy làm khinh trọng gì.

Sự thiệt, Nhật Bản học chữ Hán mà không chịu nô lệ phục tòng nó quá lố như Cao Ly với nước Nam nhà mình. Bởi vậy, khi chữ Hán đã truyền rộng ở trong dân gian rồi, ngày nào người ta cũng phải thường viết thường dùng tới, có mấy nhà học thức cao kiến, thấy chữ Hán rằn ri nhiều nét quá, vừa khó đọc khó viết cho người ta, và e bất tiện cho việc học vấn giáo dục, nên chi mấy ông tìm cách sửa đổi cho giản tiện dễ dàng. Rồi đó có lối chữ gọi là Bình giả tự và Phiến giả tự ở trong trí riêng của họ đẻ ra. Nghĩa là họ nhân chữ Hán mà tạo thành một lối văn tự riêng của Nhật Bản vậy.

Bình giả tự 平仮字 [Hiragana] là mượn lối chữ viết tháu mà biến ra chữ thiệt, để viết cho đỡ tốn nét.

Phiến giả tự 片仮字 [Katakana] là lối chữ chỉ muợn lấy một "mảnh" của chữ Tàu, hoặc một bên, hoặc một góc, hoặc trên đầu, hoặc dưới cẳng, để viết cho được giản tiện, kẻo nguyên chữ rắc rối nhiều nét quá.

Hợp lối chữ mượn này với một phần Hán tự còn để y nguyên, lập thành ra lối văn tự riêng của Nhật Bản, gọi là Hòa văn 和文 [Wabun], nghĩa là chữ của dân tộc Đại Hòa. Có thể nói là "riêng" được hẳn hoi, là vì ta thấy ngoài Hòa văn ra, những chữ Hán nào họ còn để y nguyên mà dùng, thì khi viết ra mỗi chữ Hán ấy đều có thể chua theo âm Nhật ở bên cạnh. Vả lại chính Hán văn người Nhật cũng viết theo thể cách mẹo luật riêng của họ, chớ không giống như hơi văn kiểu đặc của người Tàu. Mình đây học chữ Hán, đã từng có các cụ thơ hay văn giỏi, bóc lấy cái giọng Hán Đường khiến cho người Tàu xem phải kính phục, nhìn nhận không thua gì họ; Nhật Bản thì khác, có người Nhật đã nói: "Chúng tôi có lắm ông chuyên trị Hán văn, viết ra dầu hay mấy mặc lòng, cũng vẫn có chứa cái khí vị Nhật Bản trong đó".

Có lần tôi được tiếp chuyện một ông lãnh sự Nhật ở Sài Gòn, là Cao Trạch Trinh Nghĩa 高沢貞義 Consul Takazawa, nhân hỏi tại sao văn pháp chữ Hán của người Nhật viết khác người Tàu? Ông Cao Trạch nói: "Có lẽ tại chúng tôi học chữ Hán từ đời cổ thế nào, sau vẫn tôn trọng giữ gìn thế ấy; còn chữ Hán ở bên Tàu thì trải nhiều lớp biến thiên sửa đổi về những lề lối dùng chữ đặt câu mới tới ngày nay, tự nhiên văn pháp hai đàng khác nhau nhiều".

Tôi tưởng lời ông Cao Trạch (Takazawa) có lý.

Ngay đến Hòa văn từ xưa truyền lại, cũng từng trải nhiều phen sửa sang bồi bổ cho tới nay, mới thành ra một thể văn hoàn toàn phổ thông. Sách văn báo chí đều biên chép bằng lối chữ riêng đó, xen lộn với ít nhiều Hán tự, nhưng thường bên cạnh Hán tự có chua quốc âm tức là Hòa văn, rất là lợi tiện, dễ hiểu cho dân, đã không mất lâu công phu học tập và cũng không phải viết quá phiền phức như là Hán tự để nguyên hình thể. Thử coi một

dân tộc có tính cách tự lập đến đỗi đi mượn chữ người ta cũng biến hóa thành ra chữ mình như thế, đáng phục biết bao!

Nói tới đây tôi chợt nhớ lại ông bà ta xưa cũng từng dựa theo Hán tự mà đặt ra lối chữ Nôm, nhưng chỉ vì cái óc mình quá sùng bái, quá nô lệ Hán tự, cho nên chữ Nôm không có thể biến hóa trọng dụng mà thành ra một thể quốc văn có lợi ích cho việc học vấn giáo dục như là Hòa văn của Nhật kia được, thật là đáng tiếc!

Hai là Nhật Bản không nhiễm cái độc khoa cử làm quan.

Nước Tàu, từ đời Hán đường trở đi, bày ra lề lối khoa cử thi đậu làm quan, là cốt để lung lạc cám dỗ đám văn nhân say mê cặm cụi vào đó cho dễ cai trị, không ai còn tâm tư trí não để nghiền ngẫm suy cứu hầu có nảy ra tư tưởng nào rộng xa, lý thuyết gì cao kỳ được nữa. Vì bọn làm vua hầu hết những kẻ sáng nghiệp quân chủ là hạng võ nhân rất sợ những tư tưởng cao, lý thuyết lạ, có thể làm rúng động dân tâm, bất lợi cho cái ngai vàng của họ. Như đời Chu về trước, là đời chưa có khoa cử nhử mồi, trói óc người ta, thành ra tư tưởng học vấn được tự do phát triển, có phải đời ấy đã nảy ra được lắm triết lý cao, nhiều học thuyết mới, và có những bực thánh triết hiền tài như Khổng, Mạnh, Trang, Mặc… kế tiếp nhau nổi lên đó. Thử hỏi từ Hán Đường trở xuống, có khoa cử bày ra rồi, nước Tàu có những tư tưởng và nhân tài như thế mọc ra nữa không?

Ai cũng phải trả lời: “Không!”

Xét nội chỗ đó đủ thấy nọc độc khoa cử là ghê gớm.

Nước Nam mình rước văn hóa Tàu và rước luôn cả nọc độc ấy nữa, lại còn khéo vẽ vời châm chế cho độc thêm, hèn chi suốt cả lịch sử dân tộc trải mấy ngàn năm, người mình không hề có ai sáng tác xây dựng ra được một thứ gì gọi là cốt riêng, vẻ lạ; rất đỗi tới lúc có những súng đồng tàu trận dàn ra ở trước cửa nhà mình rồi, thế mà các cụ danh nho học giả mình cũng còn mê mộng vào khoa bảng từ chương, còn ỷ y vào cái đạo trị quốc an dân của Nghiêu Thuấn Võ Thang mới khổ!

Đem minh chứng ra như vậy để tỏ cho biết người Nhật là khôn.

Thiệt, họ đón rước văn hóa chế độ của Tàu đủ thứ, chỉ trừ ra cái chế độ khoa cử là không. Nói cho phải, thuở xưa họ cũng có đặt ra phép thi để kén hiền tài, nhưng cách thi giản tiện tự nhiên, chớ không quá trương hoàng tô điểm như khoa cử bên Tàu để làm cho say đắm lòng người. Vả lại theo thường, họ trọng sự tấn hiền cử tri như lối kén chọn nhân tài đời xưa, và cũng gần giống như lối đầu phiếu tuyển cử đời nay, nghĩa là ai phải hiền tài, thế nào quan trưởng sở tại cũng phải tâu bày tấn cử để cho phiên chúa hay tướng quân bổ dụng.

Huống chi bản ý giáo dục của họ, bao giờ cũng có ý cốt huấn luyện cho dân có nhân cách trước, có học thức sau, hơn là có ý rèn tập người ta mai sau làm quan. Họ lấy tài vũ dũng ra tranh hành phấn đấu, để làm cho rạng tỏ gia môn, lập nên công nghiệp là phần nhiều. Có lẽ nhờ đó mà họ không vương nhầm cái độc hư văn khoa cử, và chính vì chỗ tránh khỏi cái độc này, nên chi ngay từ hồi xưa, nghệ thuật công thương của họ đã mở mang khá lắm.

Ba là sớm biết Hán học thiếu sót.

Dân Nhật vốn giàu cái khí tượng hăm hở tấn thủ luôn luôn, không chịu ngồi một nơi, đứng một chỗ. Nội một việc bóc lột Hán văn đặt ra thứ chữ riêng, như đoạn trên đã nói, chính là một cái khí tượng tấn thủ tỏ bày rõ ràng.

Đến đỗi sau khi Hán văn truyền bá tới một bực cao và lại có Hòa văn đặt ra, lợi tiện cho việc học vấn giáo dục lắm, nếu như dân tộc nào khác chắc lấy làm tự mãn tự túc rồi, nhưng dân tộc Nhật Bản lại có ý bất mãn về Hán học đã lâu, cho là Hán học hãy còn thiếu sót. Bởi bất mãn về Hán học, nên chi hồi xưa đã có những người chú ý chuyên tâm về sự học khác.

Buổi đầu Mạc phủ Đức Xuyên (trước đời Minh Trị duy tân lối 250 năm) đã có năm ba người Âu châu, nhất là người nước Hòa Lan, lần mò sang Đông phương buôn bán, nhiều nhà trí thức ở Nhật Bản cùng họ giao thiệp, xét biết cái học của Tây phương là hay, rồi cặm cụi học tập với mấy người Hòa Lan đó. Ấy là Lan học 蘭学 [Rangaku]. Chớ chi lúc sau đừng có mấy ông cố đạo làm cho Mạc phủ sinh nghi mà phải thi hành chính sách khóa

cửa, thì chắc học thuật Tây phương đã có thể tràn vô Nhật Bản từ sớm kia rồi.

Dầu sao mặc lòng, giữa đời Đức Xuyên là đời Hán học toàn thịnh và Tây phương bị nghi, thế mà trong nước vẫn có năm ba nhà học vấn đã sớm giác ngộ về chỗ hơn kém của hai thứ học Đông Tây, mà biết khuynh hướng về thứ hơn, rồi lần lần giác ngộ cảm hóa khắp nước, thành ra một nền dân gian giáo dục mới, mở đường đi và lên tiếng trước cho cuộc duy tân khai quốc sau này. Ta nên biết cái hạng học vấn tiên giác có ảnh hưởng lợi ích cho nước non nòi giống là vậy đó! Có đâu quá nô lệ phục tòng Hán học như nhà nho nước mình, hèn chi có lúc Phố hiến tụ tập ngoại nhân đông đảo, là lúc có kỹ sư Pháp đóng tàu đúc súng giùm cho vua Gia Long, chớ hề có nhà học vấn nào biết mở mắt dòm người, động lòng tự giác một chút!

Đó, ta coi dân tộc Nhật Bản từ xưa, về mặt văn hóa giáo dục vẫn giữ tinh thần bản chân và có tính cách tự lập, chẳng những là bắt chước người, mà khéo cân nhắc lợi hại, lựa chọn dở hay, lại còn mượn chữ người để đặt ra chữ riêng của mình được, ấy là một sự cổ lai hình như chẳng thấy dân tộc nào có. Cái cơ sở Minh Trị duy tân dựng lên được mau, chính là nhờ có sẵn cốt cách đời trước đó vậy.

## ĐẠI KHÁI VIỆC GIÁO DỤC TRONG ĐỜI MINH TRỊ

Trên đây đã có đoạn nói sơ về sự nghiệp giáo dục của Nhật Bản cựu thời cùng là chỉ tỏ ra mấy cái đặc sắc về văn hóa trước đời Minh Trị duy tân. Đoạn này nói về sự nghiệp giáo dục của chính đời Minh Trị, cố nhiên cũng chỉ nói lược những điều cốt yếu mà thôi.

Trước hết, có một điều ta nên nhìn biết ngay, là trong cái quy mô lớn lao của Minh Trị Thiên hoàng nhất định cải cách duy tân, việc giáo dục chính là việc chú trọng đầu hết. Bởi vậy, bữa hôm Thiên hoàng hạ chiếu duy tân, ngài ngự ra điện Tử Thần 紫宸殿 [Shishinden hoặc Shishiiden], hội các công khanh chư hầu làm lễ tế cáo trời đất và tổ thần, rồi thề nguyền năm điều, ta thấy hai điều quan hệ về giáo dục. Điều thứ tư thề bỏ hết những thói hư tục lệ ngày xưa, và điều thứ năm thề phải cầu học những tri thức

mới trong thế giới, mở mang tân học cho quốc dân. Thế là tỏ ra chủ tâm của vua Minh Trị chuyên trọng việc giáo dục lắm.

Việc giáo dục đã đành cần phải mở mang sắp đặt cho đủ các trường các khoa như bên Âu Mỹ, nhưng ý vua Minh Trị ân cần thứ nhất về chỗ giáo dục bình dân, hầu cho trong nước không sót một tên dân nào mà không có học, không biết chữ. Nguyên là việc giáo dục ở nước Nhật thuở xưa tuy có hồi đã tổ chức hẳn hoi, khá lắm, nhất là về đời cận kim, đời Mạc phủ Đức Xuyên, văn hóa giáo dục rực rỡ đáo để, nổi lên nhiều bậc danh nho bác học không phải là vừa, nhưng vậy mà công ơn giáo dục chỉ hạn ở trong đám hoa tộc và sĩ tộc được hưởng nhiều thôi, chớ đám thứ dân thì quanh quẩn có mấy trường học "thầy đồ lối xóm" gọi là "Tự Tử ốc" 寺子屋 [Terakoya] để học tập viết chữ đọc sách và làm toán, chỉ có ba món đó thôi, ngoài ra không học trí thức cao xa gì khác. Nay vua Minh Trị muốn cho hết thảy thứ dân đều có học thức như ai, cho nên ngài rất lưu tâm vun bón từ dưới gốc, nghĩa là mở mang tiểu học thật rộng.

Khi công bố thể lệ việc học ra, trong tờ dụ của Minh Trị Thiên hoàng có câu:

"Từ nay trở đi, chúng thứ nhân dân, không kể hoa tộc sĩ tộc cùng là các hạng cày ruộng, làm nghề, đi buôn, cho đến đàn bà con gái cũng vậy, tất sao trong làng đừng còn một nhà nào không học, trong nhà đừng còn một người nào không học 自今而後。衆庶人民。無論華士族與農工商。至其婦女子。必期邑無不學之月。家無不學之人".

Xuống tới chặng khác, có câu dụ này càng tỏ ra ý vua Minh Trị hết sức ân cần về việc tiểu học:

"Duy có môn học cao xa, là tùy theo tài năng của mỗi người, chớ như hạng tuổi nhỏ trẻ con, thì không hạn là trai gái, tất phải cho chúng theo học tiểu học hết thảy, nếu không thế thì trách lỗi ở những kẻ phụ huynh 惟高尚之學。各任其人之才能。至幼稚孩童。則不別男女。必當從事於小學。其不然者失在殳兄".

Nói rồi làm liền. Việc sắp đặt chỉ trong ít tháng, toàn quốc mở ra trường học lối mới đầy rẫy, cộng có 8 trường đại học, 256 trường trung học,

53.760 trường tiểu học. Tính ra mỗi chỗ có chừng 600 dân cư, là có một trường tiểu học. Nghĩ coi buổi đầu duy tân mới có năm sáu năm, mà bỗng chốc sáng lập ra trên năm muôn trường tiểu học như thế, đủ biết Minh Trị Thiên hoàng dốc lòng về việc giáo dục lắm vậy.

Từ đó trở đi, không năm nào chính phủ không lo mở thêm nhiều trường học, và sửa sang lại học chế (学制 [Gakusei], khuôn phép, thể lệ của việc học), lựa lọc những cái hay Tây phương giáo dục mà bồi bổ vào, càng ngày càng hoàn thiện. Rồi tới năm Minh Trị thứ 20, thì có các trường thực nghiệp chuyên khoa như trường dạy đào mỏ, trường dạy công nghệ, trường dạy cơ khí, trường dạy canh nông, thương mãi, cùng là trăm nghề ngàn nghiệp khác, mỗi mỗi đều có trường lập ra nhan nhản, như bên Âu Mỹ. Trước sau mới có vài chục năm, mà việc giáo dục tổ chức đầy đủ như thế, thiệt là mau chóng lạ đời!

Có một điều này ta nên chú ý, phải chú ý một cách đặc biệt là từ đời đó, cái đời Nhật Bản mới bắt đầu duy tân tự cường, họ đã sớm biết rằng thế giới mai sau, vấn đề kinh tế càng ngày càng sinh tử quan hệ, cho nên ngay từ đời đó, họ đã ra sức mở mang về kinh tế giáo dục lắm rồi. Sở dĩ trong một lúc họ lo sắp đặt phổ thông giáo dục, lại cho sắp đặt cả thực nghiệp chuyên khoa giáo dục nữa, ấy là vì nội tình cần dùng đã đành, mà cũng là vì biết trước đại thế thiên hạ nữa vậy.

Chắc có người không tin, muốn hỏi:

Chứng cớ của sự tiên giác ấy ở đâu?

Sao lại không có!

Sâm Hữu Lễ 森有礼 [Mori Arinori] làm Văn bộ đại thần (tức là Thượng thư bộ Học) ở triều Minh Trị duy tân, từ năm Minh Trị thứ 19 đến năm 23, vốn là tay có hoài bão xa kiến thức rộng về việc giáo dục; các trường thực nghiệp chuyên khoa mở ra nhan nhản lúc này, chính một tay ông ta chủ trương tổ chức. Có lần, họ Sâm nói với người ta như vầy:

"Nếu có ai cố hỏi cái chủ nghĩa giáo dục của nước nhà nên ra làm sao, thì tôi xin đáp rằng "kinh tế giáo dục" mà thôi".



Sâm Hữu Lễ 森有礼 [Mori Arinori] (1847 - 1889) - Công sứ Nhật Bản đầu tiên ở Hoa Kỳ

Đó, coi Nhật Bản có dòm trước đại thế thiên hạ hay là không? Hèn chi ngay từ lúc mới duy tân và nhất là từ lúc Âu chiến đến giờ, Nhật Bản cố sức mở mang kinh tế, cạnh tranh kịch liệt với các nước Âu Mỹ: Nào công thương, nào lý tài, nào cơ khí chế tạo, nào sản vật kinh doanh, không có thứ nào mà họ không mở mang ra có quy mô rộng lớn, có thực lực gớm ghê. Đến đỗi mấy năm nay họ đem các đồ chế tạo của họ bày đầy trên thị trường thế giới mà bán được cái giá rẻ mạt, làm cho các nhà chế tạo ở Âu Mỹ phải sợ, phải rèn. Tôi nhắm kinh tế nước Nhật tấn phát như ngày nay không lạ gì, bởi họ đã thấy trước và định trước từ 50 năm trước kia mà.

Một chỗ khác nữa, ta cũng nên chú ý, ấy là tôn chỉ của tiểu học giáo dục ở đời Minh Trị. Ông vua minh quân thánh chúa này xướng lên cái tôn chỉ lấy sự trau dồi đạo đức và chỉ bảo thực dụng cho trẻ con làm gốc. Bởi vậy hồi năm Minh Trị 23 và 24, sau khi Nhật Bản đã sửa sang lại chế độ giáo dục

theo kiểu Đức quốc rồi, Minh Trị Thiên hoàng hạ dụ đinh ninh khuyên bảo các thầy giáo tiểu học trong nước một điều quan hệ thứ nhất, như vầy:

"Việc giáo dục nên để ý hơn hết, là sự trau dồi uốn nắn đức tính của trẻ nhỏ. Phàm một chuyện gì quan hệ tới đạo đức cùng là nghĩa vụ quốc dân, thì nên dạy dỗ cho khéo, cho kỹ. Thường thường phải lựa chọn những công chuyện nào có dính líu và có lợi ích tới cuộc sinh hoạt hằng ngày cần dùng mà dạy bảo; rồi phải nhắc nhủ rèn tập hoài, kỳ cho thích hợp với thực dụng mới được".

Thiếu chút nữa tôi quên nói rằng vua Minh Trị định lệ giáo dục, rất trọng hậu cái địa vị của các thầy giáo tiểu học. Các thầy được đối đãi tử tế, lương bổng lãnh nhiều. Trái hẳn với nhiều nước khác, nhất là những nước bị cai trị, càng là hạng thầy giáo trường nhỏ, dạy trẻ nhỏ chừng nào, thì càng bị bạc đãi và ít lương chừng ấy mới kỳ!

Đời Minh Trị, nhất thiết việc gì cũng canh tân sáng tạo, kể từ việc giáo dục mà đi, cho nên công cuộc mở mang sắp đặt giáo dục ở đời Minh Trị là một công cuộc tổ chức to lớn bộn bề lắm, nói sao cho cùng được, ta chỉ nên biết ít nhiều điều cốt yếu đặc biệt như trên đây là đủ.

Còn việc tư học trong đời này cũng thịnh hành phát đạt rất mực. Tay chủ trương tư học đều là những bậc chí sĩ anh hùng, vì thấy cuộc duy tân quan hệ ở việc giáo dục, cho nên họ đứng ra lập nhiều trường tư, để giúp sức với nhà nước mà giáo hóa nhân dân cho mau hùng cường tấn hóa. Sự nghiệp tư học này là sự nghiệp "dân gian giáo dục", có công lao có ảnh hưởng với cuộc duy tân của nước Nhật Bản lớn lắm, lát nữa sẽ nói riêng một đoạn dưới đây.

Tư học lập ra ở đời Minh Trị chính là để bổ vào chỗ bất túc của chính phủ và tỏ ra sự cầu học tư lập của dân, cho nên chính phủ đối với tư học, chỉ khuyến khích thì có, chớ không hề kiếm cớ ngăn cản, mà kiểm đốc cũng có, nhưng không bắt buộc phải học theo chương trình nhà nước. Trừ ra chính phủ nào chẳng muốn cho dân mau khá thì mới cản ngăn thắt ngặt tư học mà thôi.

Để cho tư học tự do mở mang, đó cũng là một cái đặc sắc giáo dục của đời Minh Trị. Dưới đây, độc giả sẽ coi tư học có ảnh hưởng lợi ích cho bước tấn hóa của dân tộc Nhật Bản ra thế nào?

## SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CỦA DÂN CÒN LỚN HƠN

Ta nên biết cái lâu đài Nhật Bản duy tân, rất ngắn ngày giờ mà dựng lên được nguy nga đồ sộ, vốn không phải chỉ nhờ một mình sức "chính phủ giáo dục" của đời Minh Trị mà nên đâu; kỳ thiệt, xét tới cội nguồn, thì có nhờ cả sức "dân gian giáo dục" từ trước hồi khai quốc cho đến giữa lúc duy tân, đóng góp công phu đào tạo vào đó nhiều lắm.

Dân gian giáo dục là gì?

Dân gian giáo dục 民間教育 [Minkan kyoiku] là cuộc giáo dục của dân tự lo tự làm lấy, không đợi gì chính phủ phải chỉ bảo lo toan. Ngó thấy sự nào hay, việc nào phải, tự trong óc họ phát ra cái tính khôn trí sáng, chịu khó học hỏi bắt chước, rồi lo truyền thụ cảm hóa những người khác cũng được mở khôn sáng biết như mình, thế là tự dân họ dạy bảo khai hóa lẫn nhau; dân gian giáo dục tóm tắt là vậy đó. Một nước muốn tấn hóa, cần phải có dân gian giáo dục bổ thêm vào chỗ thiếu sót của chính phủ giáo dục, chớ một mình chính phủ giáo dục không khi nào đầy đủ trọn vẹn được.

Có khi dân gian giáo dục có công phu và có quan hệ lớn hơn là chính phủ giáo dục, tức như sự thiệt đã thấy ở nước Nhật mà tôi đang nói đây.

Đông phương mình có hai nước lớn là Trung Hoa và Ấn Độ, từng có văn minh rực rỡ lâu đời, thế mà ngày nay đều lụn bại hư hèn; còn Nhật Bản là nước nhỏ xíu lại trở nên hùng cường vĩ đại, là tại sao vậy? Tại hai cậu Trung, Ấn đều ỷ cái văn minh sẵn có lâu đời của mình, tưởng mình thành rồi, đủ rồi, không biết thu dụng những giáo hóa hay của ngoại quốc mới đem lại, chớ Nhật Bản thì không thế. Người họ từ xưa vốn có chí khí tấn thủ rất mạnh, luôn luôn biết lựa lọc đón rước những cái hay của nước khác, khiến cho hóa nên hồn nước thói nhà của họ, thành ra rốt lại họ lấy cái sức quốc dân đồng hóa, khác hẳn người hai nước Trung, Ấn, mà dựng lên được cái cảnh tốt đẹp vẻ vang như ngày nay. Ta có xét tới gốc nguồn, mới biết rằng không phải hết thảy do nơi chính phủ chỉ vẽ dìu dắt mà ra

đâu, chính thiệt nhờ có hạng chí sĩ cao minh khẳng khái đã ra tay sắp đặt gây dựng phần nhiều hơn; ấy đó là công cuộc dân gian giáo dục, hồi xưa đã vậy mà đến hồi khai quốc duy tân cũng vậy. Chủ ý đoạn này chỉ nói về dân gian giáo dục ở đời cận kim, cùng là giữa lúc khai quốc duy tân, cho biết cái chỗ công cao nỗi khổ của ít nhiều bậc tiền hiền chí sĩ nước Nhật đã đón rước Tây học và tô điểm nền lịch sử Nhật Bản tân thời ra thế nào?

## BỐN ÔNG TỔ ÂU HỌC CỦA NƯỚC NHẬT

Từ hồi thế kỷ XVI, Phong Thần Tú Cát 豊臣秀吉 [Toyotomi Hideyoshi] làm tướng quân đã nghi bọn truyền giáo Thiên Chúa mà cấm người Âu châu lui tới rồi, đến đời Đức Xuyên Gia Khang 德川家康 [Tokugawa Ieyasu] dựng Mạc phủ lại còn cấm gắt hơn nữa. Năm 1639 (Tây lịch), Mạc phủ Đức Xuyên ra lệnh "khóa nước" thật nghiêm:

Cấm chỉ ghe tàu của người các nước Tây dương vào đất nước Nhật Bản, trừ ra có người Hòa Lan thì được Mạc phủ rộng phép cho vô buôn bán tại Trường Kỳ mà thôi, chớ không được đi lung tung qua các nơi khác.

Cấm chỉ người trong nước học chữ đọc sách Âu châu, trừ ra có phép riêng của Mạc phủ và trừ ra y học Hòa Lan thì cho học tập.

Sau khi có lệnh nghiêm cấm như vậy rồi, có đến ngót một trăm năm, trong nước cũng chưa có ai biết Âu học là hay mà hòng phạm cấm, cầu học. Trong khoảng đó tuy có người làm chức Hòa Lan thông sự (tức là thông ngôn tiếng Hòa Lan) ở Trường Kỳ, nhưng kỳ thật không hiểu Âu văn là gì; lại có thầy thuốc xưng là biết ngoại khoa Hòa Lan, nhưng chẳng qua chỉ nghe lóng học mót vậy thôi, chứ thiệt chưa bao giờ từng nghiên cứu y học Hòa Lan bao giờ.

Mãi sau lâu lắm, mới có người bắt đầu học tập Lan học, mà công phu học tập của họ buổi đầu khốn khổ biết bao!

Khởi sự là năm 1716, hai viên Hòa Lan thông sự ở Trường Kỳ là Thiện Tam Lang 善三郎 [Zenzaburou] và Cát Hùng Hạnh Tác 吉雄幸作 [Yoshio Kougyuu], tiếng làm thông sự mà đều bất thông chữ Lan, bèn phát phẫn xin được Mạc phủ cho phép học tập. Rồi Thiện Tam Lang thì xin người

Lan cho một cuốn tự điển tóm tắt, về cặm cụi học đêm ngày và tính dịch ra để cho người sau, nhưng dịch dở dang thì chết già.

Còn Cát Hùng Hạnh Tác thì học làm thuốc với người Lan, tuy rành nghề thuốc, trở về dạy với 600 học trò, nhưng chính Hạnh Tác cũng chưa biết chữ Lan là gì, bởi khi học thuốc, người Lan lấy tiếng Nhật mà dạy cho.

Tới năm 1739, Mạc phủ cho phép hai vị thuộc quan của mình là Thanh Mộc Văn Tàng 青木文藏[Aoki Bunzou] và Dã Lữ Nguyên Trượng 野呂元丈 [Noro Genjou] học tập Lan học. Hai người cầu học một cách gian nan vô cùng! Mỗi khi nghe tin có tàu Hòa Lan tới Giang Hộ, thì rủ nhau xuống tàu kiếm người Lan mà hỏi dò từng tiếng rồi lẩm nhẩm học đi học lại hoài.

Học lạ buổi đầu, mà chữ Âu khó hiểu, vả lại lúc bấy giờ mỗi năm mới có tàu Lan ghé vào Giang Hộ một chuyến mà thôi, thành ra hai người học tập luôn ba bốn năm chỉ biết có mấy chữ số Hòa Lan là hết. Vừa tức vừa thẹn, nên qua năm 1744, hai người rủ nhau đến tận Trường Kỳ là chỗ có người Lan buôn bán mà dốc lòng học tập, có cả Cát Hùng Hạnh Tác cũng đi theo học cho có bạn nữa.

Ở học luôn vài năm, mới ghi nhớ được trên 400 tiếng Lan nhật dụng và biết điệu nói cách viết chút đỉnh, rồi phải bỏ về Giang Hộ, không được học thêm. Tuy vậy, mỗi người cũng viết ra một tập sách nhỏ về Lan học, hoặc về tiếng nói, hoặc dịch vị thuốc.

Người Nhật nói: "Có thể bảo Thiện Tam Lang, Hạnh Tác, Văn Tàng, Nguyên Trượng, là bốn ông tổ giảng cầu học thuật Âu châu trước hết ở nước Nhật vậy".

## MỘT NGÀY KỶ NIỆM VỀ CÔNG PHU HỌC TẬP TÂN HỌC KHÔN XIẾT GIAN NAN

Đã nói Mạc phủ không cấm sự học thuốc của Âu châu, vả lại, trong lúc này thầy lang nào học giỏi chữa tài, thì được Mạc phủ và chư hầu kính trọng tin dùng, cho nên những người có chí nghiên cứu học thuật Âu châu, đều đua nhau nghiên cứu y học hết thảy. Thế là học thuật Âu châu truyền sang Nhật

Bản, y khoa được đón rước trước hết, rồi sau mới lần lần tới các khoa học khác.

Các thầy lang Nhật lúc bấy giờ ráng học y khoa Tây phương, cốt bồi bổ vào chỗ bất cập của y khoa Trung Quốc, để chữa bệnh cho đồng bào trước mắt, mà chính là các thầy tìm phương kiếm thuốc chữa bệnh cho quốc gia sau này trở nên cường kiện đó vậy.

Trong hạng tiền bối đã gia tâm học tập y khoa Âu châu rất đông, có ba người xuất sắc dị thường và trong việc họ cầu học, có câu chuyện lạ lùng ngộ nghĩnh đáng nên thuật ra. Ấy là Tiền Dã Lương Trạch 前野良沢 [Maeno Ryoutaku], Bân Điền Huyền Bạch 杉田玄白 [Sugita Genbaku] và Trung Xuyên Thuần Am 中川淳庵 [Nakagawa Junan].

Ba người vớ được sách thuốc Hòa Lan mấy cuốn và một tấm hình vẽ cơ thể trong người, gọi là “Nhân thể nội cảnh đồ 人體内景圖”, biết là vật quý, có ích cho nghề thuốc và sự học của mình, nhưng khốn nỗi không có thầy nào chỉ vẽ, họ bèn rủ nhau gắng gổ công phu, tự nghiên cứu lấy được mới kỳ.

Nguyên là trong ba người, chỉ có Lương Trạch đã từng thụ nghiệp với Thanh Mộc Văn Tàng (một nhà Lan học đầu hết, nói ở đoạn trên) mà biết được năm sáu trăm tiếng Hòa Lan, còn Huyền Bạch và Thuần Am thì chưa biết. Cả ba đều là y sinh, bình nhật vốn không quen biết nhau, may sao bữa đó tại Giang Hộ có mổ thây một tên tù tử hình, ba ông cùng đến coi, mở tấm hình “nhân thể nội cảnh” đã mua của người Hòa Lan ra đối chiếu, thấy đúng từng ly từng chút, cùng nhau thán phục Lan học là tài, rồi đó làm quen nhau, Huyền Bạch và Thuần Am thở than rằng mình mua được sách thuốc và hình vẽ này, nhưng tiếc vì dốt chữ Lan, thành ra không nghiên cứu đặng, thật lấy làm tức. Lương Trạch nói:

“Tôi có chí nghiên cứu Lan học đã lâu, nhưng tiếc nỗi không có bè bạn cùng nhau rèn tập. Trước kia tôi có học chữ Lan chút ít, nay ba chúng ta hiệp sức nhau lại mà nghiên cứu, lý nào không thành công. Vậy thì ngày mai, tôi mời hai anh ở lại nhà tôi, để anh em ta ra sức rèn tập với nhau ít lâu, chắc là phải được. Hai anh nghĩ sao?”

Hai ông kia mừng rỡ lắm, chịu liền.

Người Nhật cho cái ngày ấy là một ngày tân học kỷ niệm; cuộc tấn hóa của nước Nhật, thiệt là phôi thai từ ngày ấy mà ra.

Sau Huyền Bạch viết sách tỏ bày sự Lan học buổi đầu gian nan ra thế nào, nghĩ mà đáng thương đáng phục; trong sách có đoạn thuật chuyện như vầy:

"Qua hôm sau, anh em tụ hội ở nhà Lương Trạch mở cuốn sách dạy sơ cách mổ xẻ ra xem, nghĩ mình đây chẳng khác nào một chiếc thuyền, sửa soạn chèo lái chưa đủ, mà đánh liều vượt biển ra khơi, ngó thấy trời biển mênh mông, bao xiết lo ngại. Song may có Lương Trạch trước kia đã học chữ Lan ít nhiều, hơi biết câu văn và cách đọc, vả lại lớn hơn anh em tới 10 tuổi, nên anh em đều tôn Lương Trạch làm chủ tịch và thờ làm thầy học.

Huyền Bạch hăm hở quyết học, nhưng mà 25 chữ cái cũng chưa biết hình thù kêu gọi ra sao; bây giờ phải gắng gổ học 25 chữ cái, rồi ít lâu mới học chữ một và năm ba tiếng nói bập bẹ. Dầu là một câu ngắn ngủi trong sách, Huyền Bạch cũng gắng công tìm tòi ngẫm nghĩ cho tới hiểu hết nghĩa lý mới thôi; nhiều khi một câu làm cho Huyền Bạch ngồi cặm cụi tối ngày sáng đêm, quên ăn bỏ ngủ.

Bữa kia, đọc sách tới khoảng nói về bộ phận cái mũi, có tiếng verheffen mà không hiểu là nghĩa gì. Thuở đó làm gì đã có tự điển lớn đâu, chỉ có một cuốn nho nhỏ, của Lương Trạch đã mua tại Trường Kỳ về. Chúng tôi liền mở ra tra, thấy chữ verheffen có nghĩa là cái dấu tích của những nhành cây chặt ra, lại quét sân mà tụ đất cát lại thành đống, cũng gọi là verheffen. Ngoài hai nghĩa này ra không thấy chua nghĩa gì khác nữa, giờ chúng tôi suy nghĩ không biết phải hiểu nghĩa chữ đó thế nào cho phải.

Huyền Bạch bèn tán rộng với anh em rằng: Nhành cây chặt ra, lâu ngày thành đống, mà quét nhà rồi, đất cát tụ lại cũng thành đống, vậy cái mũi nổi cao lên ở trên mặt người ta, thì chữ verheffen đây cắt nghĩa là đồng, anh em liệu có được chăng?

Chúng tôi suy nghĩ phải lẽ, rồi nhất định theo cái nghĩa đó. Lúc bấy giờ chúng tôi tự tìm tòi bàn tán ra nghĩa chữ này rồi, ai nấy hớn hở vui mừng,

xem như là khi không mà bắt được cục ngọc Liên Thành vậy…”

Ta coi như thế, thì biết ngày xưa bọn chí sĩ Nhật Bản nghiên cứu tân học thật là gian nan và dụng công khắc khổ biết sao mà nói cho cùng. Ấy vậy mà họ học thét phải thành công kết quả mới ghê! Về sau một nhà duy tân chí sĩ có danh vọng công lao nhất, là Phúc Trạch Dụ Cát 福澤諭吉 [Fukuzawa Yukichi], mỗi khi đem cuốn sách nói trên đây ra đọc, tới đoạn “nghĩ mình chẳng khác một chiếc thuyền sửa soạn chèo lái chưa đủ, mà đánh liều vượt biển ra khơi, ngó thấy trời biển mênh mông, bao xiết lo ngại” thì Phúc Trạch than rằng:

“Ta tưởng nhớ lại tiền nhân khổ tâm như thế, bắt ta phải ghê chỗ dũng cảm, phục tấm nhiệt thành của các cụ ngày xưa”.

Thở than vậy rồi Phúc Trạch nhỏ sa nước mắt khóc vùi.

Than ôi! Người khổ tâm học trước, kẻ cảm động khóc sau, chan chứa cái tinh thần và cái đặc sắc ái quốc của dân tộc Nhật Bản biết mấy!

## CÓ NGƯỜI NGỒI TÙ HAY MỔ BỤNG VÌ TÂN HỌC

Câu chuyện vừa thuật ra trên đây là câu chuyện tân học từ cuối thế kỷ XVIII, nghĩa là lúc tân học ở Nhật Bản mới phôi thai.

Từ đó trở đi, số người tiên giác nối gót nhau nghiên cứu Lan học càng ngày càng đông. Những người học trước, chịu khó dịch sách thuốc của Hòa Lan và làm sách dạy văn tự Hòa Lan, để truyền thụ cho những người học sau cũng nhiều.

Nhân vì giao tiếp người Lan, nghiên cứu học Lan, tự nhiên đám chí sĩ Nhật mỗi ngày thêm nghe biết những cái học hay sức mạnh của Tây phương, mà so sánh lo ngại cho cái thế nguy sức yếu của mình, nên chi phong trào tân học mở tung ra lớn rộng; bây giờ không phải chỉ có những người học tập làm thuốc lối mới như thuở nay mà thôi, lại có người xem xét học hỏi tới các khoa vật lý, hóa học, chính trị và binh cơ của Âu châu nữa.

Muốn nghiên cứu tân học, mà cứ học tập y khoa thì Mạc phủ dung, chớ động tới chính trị thời sự thì Mạc phủ vẫn cấm. Là vì bọn chấp chính lúc này còn là hạng hủ nho thủ cựu. Nhưng cấm thì cấm, vẫn có người nghiên cứu, không sợ. Cho biết thứ dân lúc họ muốn học, muốn mạnh, muốn khôn, thì quyền thế nào cũng không cản nổi. Dầu có người nọ chết, thì có kẻ kia nổi lên tiếp liền.

Hồi đó ở Nhật Bản có người bị lao tù hay phải mổ bụng vì ham hố tân học.

Ví dụ hồi năm 1792, có chí sĩ là Lâm Tử Bình (林子平 Hayashi Shihei] đến Trường Kỳ giao du dọ hỏi người Lan, biết được công việc các nước Tây phương có cái lối đi chiếm đất thực dân. Trở về, Lâm Tử Bình suy nghĩ tới việc nước mình không thể quên lãng phòng bị được, tức thời viết ra cuốn sách Hải quốc binh đàm (海国兵談 Kaikoku heidan] và một cuốn khác nói về chính trị, để thức tỉnh người trong nước. Mạc phủ cho là tà thuyết hoặc dân cũng như triều đình nước ta xưa cho là yêu thơ, yêu ngôn đó, nên chi cấm tuyệt hai cuốn sách của Lâm Tử Bình và giam cầm Lâm Tử Bình tới chết.

Bước qua đầu thế kỷ XIX, có hai nhà thanh niên chí sĩ là Cao Dã Trường Anh 高野長英 [Takano Chouei] và Độ Biên Hoa Sơn 渡辺華山 [Watanabe Kazan], viết ra nhiều sách nói về các vấn đề cứu quốc, luyện binh, chính trị, kinh tế và kêu gào nhà nước nên mở cửa ra cho ngoại nhân vô giao thông. Năm 1839, Mạc phủ ghét bọn Lan học dám nói động tới chính trị, bèn bắt Trường Anh và Hoa Sơn trị tội. Trường Anh bị xử chung thân cấm cố; Hoa Sơn ban đầu bị xử trảm, nhưng sau được giảm xuống chung thân cấm cố; ở trong ngục ít lâu, Hoa Sơn tự vẫn chết.

Còn Trường Anh bị giam trong ngục, bữa kia ngục phát cháy, liền thừa cơ trốn ra ngoài được. Sau lần mò trở về Giang Hộ, biến đổi họ tên hình dáng đi, vẫn ra sức dịch sách Tây và viết sách hô hào khai quốc. Đến năm 1850, bị lộ chuyện ra, Mạc phủ sắp nắm đầu được thì Trường Anh tự mổ bụng ra chết rồi!

Tuy có nhiều người vì cổ động tân học mà mang họa sát thân như ba người trên, nhưng vậy mà phong trào tân học và chủ nghĩa khai quốc cứ bồng bột

mãi.

Lòng dân đã muốn vậy, dầu Mạc phủ có quyền lực ngăn cản thế nào cũng không lại; có giết bất quá chỉ giết được ít nhiều người thôi, chớ cái tư tưởng ở trong đầu của cả bọn tiên giác khá đông, làm sao mà giết nổi. Rồi qua tới năm 1853, có tàu binh Mỹ tới bắn súng ra oai lôi đình ở Phố Hạ và sang năm sau, 1854, hai nước Nhật Mỹ ký tờ ước thông thương, kế tới ba nước Anh, Nga, Pháp cũng đòi ký ước như thế; bấy giờ Mạc phủ đã tỉnh ngộ, liền đổi chính sách: Trước kia "tỏa quốc nhương di" bao nhiêu, thì bây giờ hiểu biết sự "khai quốc ngoại giao" là cần dùng bấy nhiêu. Mặc dù có đám nhà nho thủ cựu sôi nổi phản đối, Mạc phủ cũng cứ hăng hái khai quốc, có bọn tân học tiên giác giúp sức vào cho. Bọn này tuy có ít, nhưng là một sức rất mạnh.

Tới đây, bọn tân học kế tiếp nhau mở ra trường tư để dạy học mới, và xướng lên "Thái Tây tân học" một cách công nhiên.

Ấy là những chí sĩ duy tân.

Trong đám này có những người như Thắng Lân Thái Lang 勝麟太郎 [Katsu Rintarou hay Katsu Kaishuu; Katsu Yasuyoshi], Tự Phương Hồng Am 緒方洪庵 [Ogata Kouan], Tá Đằng Thái Nhiên 佐藤泰然 [Satou Taizen]… đều là những bực anh tài xuất sắc, có công lao to lớn về việc dân gian giáo dục, tức là gốc nguồn của cuộc duy tân. Nhất là Tự Phương Hồng Am dạy học trò rất đông, nhiều người có công danh to lớn ở thời kỳ trước sau duy tân là học trò của Hồng Am đào tạo ra. Phúc Trạch Dụ Cát là một.

Người này, ta nên biết rõ: Không dự chính trị bao giờ, không có chức quyền gì hết, chỉ là ông thầy dân gian giáo dục thôi, thế mà chính là tay thợ khai quốc duy tân, được triều đình nhân dân đều kính tôn trọng vọng, có công nghiệp lớn với quốc gia, có thanh danh truyền về hậu thế; người này thiệt là một nhà giáo dục ảnh hưởng cho thế đạo nhân tâm, quan hệ tới quốc gia đại kế vậy.

## PHÚC TRẠCH DỤ CÁT



PHÚC TRẠCH DỤ CÁT 福沢諭吉 [Fukuzawa Yukichi] (1835 - 1901) - Nhà cải cách chính trị xã hội, nhà giáo dục tiên phong, nhà tư tưởng tiêu biểu của Nhật Bản.

Phúc Trạch Dụ Cát sinh ra năm 1853 ở nước phiên Trung Tân 中津 [Nakatsu]; thuở nhỏ học Hán văn tới tuổi trưởng thành, nảy ra cái chí muốn cho nước nhà được thoát chế độ Phong kiến và thống nhất tự cường, bèn bỏ Hán học mà đi cầu Lan học, tới Đại Bản vô thụ giáo ở trường tân học của Tự Phương Hồng Am. Phúc Trạch cố gắng công phu mấy năm, Lan học khá lắm.

Năm 1859, do theo điều ước, Hoành Tân trở nên một đô thị chung cho 5 nước Âu Mỹ buôn bán, Phúc Trạch tới xem sự tình buôn bán của người

Tây phương, xét thấy tiếng Anh rất thiết dụng, liền quyết ý học tiếng Anh. Nhờ sẵn thông minh, thêm có chí khí, nên chi vài năm ra công gắng sức, Phúc Trạch học được tiếng Anh ít nhiều.

Gặp dịp Mạc phủ Đức Xuyên sai sứ đi qua Mỹ, Phúc Trạch được cử đi theo (1860). Cách hai năm sau (1862), Mạc phủ lại sai sứ đi sang thông hảo với các nước Âu châu, Phúc Trạch cũng được đi theo nữa.

Hai lần được theo sứ thần như thế, chính là cơ hội tốt cho Phúc Trạch được xem xét và ngó thấy văn minh Âu Mỹ tận nơi. Sau khi ở Âu châu về nước, năm 1866, Phúc Trạch góp nhóp mọi sự kiến văn của mình mà viết ra cuốn sách Tây dương sự tình 西洋事情 [Seiyou Jijou].

Cuốn sách này ra đời, làm như một tiếng sét đánh rung động tâm hồn người Nhật. Thuở nay, trừ phái tân học hiếm hoi ra, không ai biết rõ văn hóa và tình thế phương Tây ra thế nào; nhờ cuốn Tây dương sự tình, người trong nước mới hiểu đại thế thiên hạ cùng là văn hóa Thái Tây. Lúc này trong triều ngoài quận, trên quan dưới dân, ai là hạng kiến thức, nếu bàn bạc tới những vấn đề văn minh khai quốc, thì trên án bên mình đều có một bản Tây dương sự tình để mở ra xem, coi như là lời vàng tiếng ngọc vậy.

Qua năm sau là năm 1867, Mạc phủ trả quyền chính về triều đình, rồi đức Minh Trị Thiên hoàng cả quyết duy tân cải cách. Lúc bấy giờ chính phủ Minh Trị sửa sang thi thố công việc gì cũng đều châm chước ở trong sách của Phúc Trạch. Bởi vậy, người Nhật thường nói chính sách duy tân của đời Minh Trị, có thể cho là phôi thai ở trong bộ sách Tây dương sự tình mà ra cũng đúng.

Tôi quên nói từ hồi năm 1858, sau khi Phúc Trạch đi nghiên cứu Lan học ở Trường Kỳ rồi trở về Giang Hộ, tự mở ra một trường tư để dạy tân học, gọi là Khánh Ứng nghĩa thục 慶応義塾 [Keiou Gijuku]. Lấy sự lâu bền mà nói, cùng là cách thức dạy học mới, khắp nước Nhật Bản không có trường công, trường tư nào sánh kịp trường Khánh Ứng của Phúc Trạch được.

Ban đầu mới lập ra, chuyên dạy Lan văn, đến khi Phúc Trạch biết Anh văn thông dụng mà tự cặm cụi học tập rồi, năm 1863 trở đi, nhà trường thay

đổi, dạy ròng Anh văn.

Mấy năm mới mở, có lối 100 học trò. Kịp đến năm 1867, Mạc phủ trả lại quyền chính, Minh Trị xuống chiếu duy tân, trong nước có việc biến loạn xôn xao (tức là chuyện phe đảng Mạc phủ nổi lên chống cự triều đình), vì đó mà một lúc trường Khánh Ứng giảm số học trò, chỉ còn vỏn vẹn có 18 mống. Tuy vậy, Phúc Trạch không ngã lòng chút nào, cứ việc dạy học như thường, lại đem cuốn Kinh tế học đã mua hồi qua Mỹ quốc mà giảng cho học trò, tỏ ý rằng mình chỉ dốc lòng mở mang giáo dục, un đúc nhân tài cho nước nhà mà thôi, chớ sự quyền chính đổi dời, nội tình rối loạn đi nữa, cũng không thể ngưng việc học lại một giờ nào đặng.

Thiệt, lúc đó có việc Mạc phủ trả quyền, Minh Trị cải cách, là một việc đại biến chưa từng thấy có ở trong lịch sử Nhật Bản, bởi vậy phần thì dân chúng còn đang sửng sốt lao xao, phần thì binh triều đang đánh binh loạn, thời cuộc ấy làm cho các trường công tư đều đóng cửa nghỉ học hết thảy. Duy có Khánh Ứng nghĩa thục vẫn đứng sững một mình, cứ việc giảng dạy tân học Thái Tây, chưa từng có một ngày nào ngưng bỏ; xem vậy thì biết Phúc Trạch nhiệt tâm về việc dân gian giáo dục ra thế nào?

Phúc Trạch chỉ cặm cụi lo toan hai việc: Một là làm sách để giáo dục tất cả xã hội, hai là dạy học để giáo dục đoàn em hậu tấn, tâm tư sự nghiệp trọn đời tiên sinh dồn cả vào hai việc đó. Từ năm 1854, mở ra Khánh Ứng nghĩa thục, cho đến năm 1897 (năm Minh Trị thứ 34) qua đời, trước sau 43 năm, cầm một cây viết, khua ba tấc lưỡi, tự nhận lấy công việc mở mang ra vận hội mới cho nòi giống nước non làm công việc thiêng liêng của mình phải gánh, phải làm, mà chỉ giữ vững cái bản lĩnh của mình là nhà giáo dục, chớ không hề bon chen vào con đường cầu danh vụ lợi một chút nào hết. Lúc mới khai quốc, lắm người khoe tài dựa thế, cho được có quan sang chức trọng, lấy thế làm vinh, thế mà Phúc Trạch dửng dưng, ngoài ra chỉ có hai lần đi theo sứ thần của Mạc phủ sang Âu Mỹ làm viên thông ngôn, chẳng khi nào dính líu tới việc chính trị. Đến đời Minh Trị duy tân trở đi, tuy là được trên triều đình dưới quốc dân đều tôn kính nhờ cậy mặc lòng, Phúc Trạch chẳng có giây phút nào dính tới chính quyền hay là cầu lấy danh lợi bao giờ. Phúc Trạch thật là một nhà giáo dục chân chính, thật là một nhà giáo dục cứu quốc!

Phúc Trạch làm sách nhiều lắm, góp lại có 50 bộ, cộng 105 cuốn, đều viết bằng lối văn rất bình thường giản dị, không ai coi không hiểu. Năm Minh Trị thứ 4, in ra một bộ sách nhỏ, tựa là Học văn chi khuyến (学聞之勸)[20] gồm 17 cuốn, quốc dân hoan nghênh hết chỗ nói, chỉ trong vài tháng mà bán hết 3 triệu 40 muôn bộ. Mở đầu, Phúc Trạch dạy: "Trời ở trên người, không giúp người, lại ở dưới người, không giúp người 天在人之上。不作人。吏天在人之下。不作人". Câu đó tỏ ý khuyên răn quốc dân nên biết nhân quyền trời phú cho mình là đáng tôn, đáng giữ. Muốn tôn giữ được nhân quyền ấy thì mình phải học cho bằng người ta.

Lần hồi, Phúc Trạch đem sự tích các anh hùng dũng sĩ ra viết sách đặt tuồng để cổ vũ nhân tâm, và bày đầu tổ chức ra các cuộc diễn thuyết trước hết. Đến năm Minh Trị thứ 15 (1881), Phúc Trạch sáng lập ra tờ báo Thời sự tân báo 時事新報 [Jiji shimpou], mỗi ngày xuất bản, tờ báo này tới nay vẫn còn.

Thế là Phúc Trạch tuy không phải người ở ngôi cao, nắm quyền lớn, nhưng vậy mà dạy học, làm sách, viết báo, là ba cơ quan trọng yếu trong xã hội, ông đều nắm đủ trong tay, cho nên có thế lực đối với triều đình và quốc dân, có oai vọng hơn là nhà đại chính trị nhiều. Năm Minh Trị thứ 23, ông nâng cao cái địa vị Khánh Ứng nghĩa thục lên hàng đại học đường, dạy kiêm bốn khoa văn học, lý tài, chính trị, pháp luật. Từ lúc mở trường này ra kể cho đến khoảng năm 1895 mà thôi, trước sau giáo dục được tới 2 muôn học sinh. Số học sinh tốt nghiệp rồi, hoặc ra làm quan to, hoặc được cử làm nghị viên trong hai viện Quý tộc và Chúng nghị, cùng là hạng làm tổng lý các công ty lớn, tính lại đông không biết bao nhiêu. Vả lại, Phúc Trạch vốn trọng tinh thần độc lập tự trị, cho nên học trò của ông bị cảm hóa nhiều, sau khi thành tài rồi phần nhiều để chân vào trong cõi thương mãi kỹ nghệ. Nhờ vậy mà lợi quyền thực nghiệp của Nhật Bản lúc đó tấn tới đáo để.

Mùng 3 tháng 2 năm Minh Trị thứ 34 (nhằm 1897), Phúc Trạch tạ thế. Chúng nghị viện (tức hạ nghị viện) hết thảy bỏ thăm chuẩn y lời ai điếu chung, để tỏ ra cả nước cảm mến thương tiếc ông là người có đại công giáo dục dìu dắt nước Nhật lên cõi duy tân. Nhà nước làm quốc tang, bữa tống táng có trên 2 muôn người đi đưa, ai nấy đều sụt sùi nhớ tiếc.

Trên kia đã nói sinh bình của Phúc Trạch chỉ ham lo có hai việc, là dạy học và làm sách. Trong hai việc đó có nhiều dật sự thú vị, nên nhắc lại một vài chuyện mà nghe.

Thường khi cùng ai bàn bạc về vấn đề giáo dục thì Phúc Trạch nói tối ngày không chán. Phúc Trạch chê cái lối giáo dục xưa nay ở Đông phương là lối "dạy trên xuống dưới" chỉ lo đào tạo ra một số ít thi đậu làm quan, còn dân chúng dốt nát thây kệ. Nay Phúc Trạch đổi lại: "Dạy dưới lên trên", nghĩa là lo dạy cho nhất ban dân chúng đều có tri thức, thì nước mới văn minh tấn hóa được, chớ một nước chỉ có nhắm mớ người giỏi mà phần đông vẫn ngu dốt, thì cuộc văn minh tấn hóa đặt lên trên cái cơ sở nào? Phúc Trạch có tư tưởng như thế, hèn chi cả đời cặm cụi về dân gian giáo dục.

Ngoài sự dạy học, Phúc Trạch cũng chuyên viết báo soạn sách. Mà lạ! Mỗi khi viết cuốc sách hay bài văn nào, Phúc Trạch cũng đọc cho bà vợ nghe và hỏi ý kiến ra sao; vì lối văn của Phúc Trạch bao giờ cũng viết rõ ràng giản dị, cho đàn bà con trẻ đều hiểu, hễ câu nào chữ nào, bà vợ nói chưa xuôi chưa đúng, thì Phúc Trạch cầm viết ghi ở dưới để sau sửa lại. Có người hỏi ông sao viết văn làm sách dạy đời, mà lại đi hỏi ý kiến đàn bà như thế, ông cười và đáp:

"Người ta có ai cùng mình ăn ở thân cận lâu dài và hiểu biết mình cho hơn vợ mình được chớ! Nếu một bài văn, một cuốn sách mình viết ra mà còn có chỗ chính ngay vợ mình phải chê, hay là không hiểu, thì bảo làm sao đời hiểu được mình và mình hòng dạy ai cho được?"

Tư tưởng của Phúc Trạch đại khái ngộ nghĩnh kỳ khôi như thế.

Trường Khánh Ứng của ông lập ra, sau khi ông khuất núi rồi, trường cũng vẫn còn khai giảng như thường, lại càng ngày càng mở rộng và thêm vô nhiều khoa học khác, ngày nay vẫn còn. Chính là Khánh Ứng đại học ở Đông Kinh bây giờ, một trường đại học có tiếng ở phương Đông ta. Mấy năm gần đây ra sao không rõ, chớ vài chục năm trước, trong đám chí sĩ Việt Nam qua cầu học bên Nhật, hình như có nhiều người học thành tài ở Khánh Ứng đại học ra.

Năm 1907, ở Hà Nội ta có một trường tư học do các cụ chí sĩ tiền bối lập ra, cũng lấy việc mở mang tân học, thức tỉnh quốc dân làm mục đích. Các cụ đặt tên trường là Đông Kinh nghĩa thục, chắc hẳn noi theo Khánh Ứng nghĩa thục 慶応義塾 của Phúc Trạch Dụ Cát để lo việc dân gian giáo dục. Thế mà cái vận mạng của Đông Kinh nghĩa thục vắn vỏi quá; chỉ được một năm mấy tháng thì bị cấm mất!

## MỖI NGƯỜI MỞ MANG DÂN GIAN GIÁO DỤC CÓ MỘT Ý NGHĨA

Đã nói việc dân gian giáo dục ở trong lịch sử Nhật Bản duy tân có địa vị to và có công phu lớn lắm. Cái ý nghĩa thứ nhất của nó, là dân tự giáo hóa cổ lệ nhau để tự cường.

Trong thời kỳ duy tân, sau Phúc Trạch Dụ Cát là người có công dân gian giáo dục thứ nhất, còn có nhiều người khác cũng có công với cuộc tấn hóa không phải là nhỏ.

Các trường tư học mở ra tứ tung; mà ngộ thiệt! Mỗi người mở ra một trường tư đều chuyên về một khoa giáo dục, có một ý nghĩa riêng, đến cái mục đích tối cao thì ai cũng như ai: Bồi bổ vào chỗ bất túc của chính phủ để rèn đúc nhân tài; giáo hóa quốc dân cho mau tự cường tấn hóa.

Bây giờ nếu muốn kể ra tường tận, thì không biết bao nhiêu giấy mục cho đủ, nên đây buộc tôi lại chỉ lược thuật đại khái mà thôi.

Tân Đảo Tương 新島襄 [Niijima Jou] vốn là người có tính cách võ sĩ Nhật Bản, mà theo đạo Gia tô tân giáo (Protestant), mở ra một trường học vừa cao đẳng, vừa phổ thông gọi là Đồng Chí xã 同志社 [Doushisha], cốt dung hiệp cả hai mối đạo nghĩa Đông Tây.



Tân Đảo Tương 新島襄 [Niijima Jou] (1843 - 1890) - Người sáng lập Đồng Chí xã.

Đại Ôi Trọng Tín 大隈重信 [Ookuma Shigenobu] mở ra Đông Kinh chuyên môn học hiệu 東京専門学校 [Toukyou Senmon Gakkou], để rèn đúc thanh niên về mặt chính trị ngay từ lúc đầu Minh Trị, hầu dự bị cho quốc dân có đủ tư cách hưởng lấy chính thể lập hiến của nhà vua sẽ ban cho vài chục năm sau. Trường này sau đổi tên là Tảo Đạo Điền đại học 早稲田大学 [Waseda Daigaku], hiện nay vẫn còn, vào hàng các đại học lớn ở Đông Kinh.

Trung Thôn Kính Vũ 中村敬宇 [Nakamura Keiu hay Nakamura Masanao] mở ra Đồng Nhân xã 同人社 [Doujinsha], vừa mở mang giáo dục cho phụ nữ nhi đồng, vừa giảng giải cho quốc dân biết Tây phương

cũng có đạo đức cao quý, kẻo lúc đó nhiều người hăm hở về văn minh vật chất, đến đỗi tưởng rằng sự tấn hóa có thể khinh thường đạo đức cũng được.



TRUNG THÔN KÍNH VŨ 中村敬宇 [Nakamura Kein] (1832-1891) - Người sáng lập Đồng Nhân xã.

Tân Điền Tiên 津田仙 [Tsuda Sen] mở ra Nông Học xã 農学社 [Nougakusha], và xuất bản Nông học tạp chí để dìu dắt nông dân cải lương về nghề cày cấy trồng tỉa.

Đó là kể sơ ra một vài cơ quan giáo dục để làm lệ chừng vậy thôi, ngoài ra còn nhiều nhà dân gian giáo dục khác và nhiều trường tư học khác, cũng có

quan hệ cho thời cuộc, công lao với quốc gia, nói sao cho hết. Rất đỗi có người như Cát Điền Tùng Âm 吉田松陰 [Yoshida Shouin] mở trường dạy học trong xóm mà un đúc nên nhiều nhân tài trong lúc duy tân; học trò Cát Điền sau làm đại tướng hay được phong chức công hầu vô số. Lại cũng có người như Tây Hương Long Thịnh 西鄉隆盛 [Saigou Takamori] đang làm tới chức tướng soái mà bỏ quan về làng mở trường dạy học. Ta có thể tóm lại một câu rằng: Nhật Bản duy tân, chính là nhờ giáo dục, mà giáo dục mau được kết quả tốt đẹp, là nhờ nơi chính phủ và nhân dân cùng ra tay gắng sức: Công học lo mặt phổ thông, ban bố thường thức cho dân, tư học lo mặt chuyên môn, rèn đúc nhân tài xuất sắc.

Nhưng ta nên biết các nhà dân gian giáo dục ở nước Nhật, có một cái tôn chỉ cao, ấy là "Học vấn độc lập".

Ông Đại Ôi Trọng Tín 大限重信 [Okuma Shigenobu] muốn bày tỏ cái chủ nghĩa tư học như vầy: "Muốn cho quốc dân có tinh thần độc lập tư trị, thì trước hết phải lo sao cho học vấn được độc lập. Muốn học vấn được độc lập vững vàng thì ta nên mở ra một trường tư học thật lớn, thoát hẳn sự trói buộc của quyền thế, để cho học sinh được tự do, muốn nghiên cứu về học thuật gì cũng đặng cả. 欲使國民有獨立自治之精神。必須圖學問之獨立。欲固學問之獨立。必宜興一大私學校。脱權勢之羈絆。俾學生自由妍求其所欲須之學術".

Ông lại chủ trương rằng học vấn nên dùng quốc ngữ trước hết, rồi học kiêm tới văn tự ngôn ngữ của ngoại quốc. Bởi vậy ông lại nói: "Phàm sự học vấn giáo dục của một nước, chẳng nên mỗi chuyện đều dựa nương nhờ cậy vào chế độ của nước người ta hết thảy. Nếu cái học vấn giáo dục không lấy quốc dân phẩm tính làm gốc, thì không thể bảo là độc lập được, 大凡一國之學問教欲不可專倚賴他國之苟無根基於其國民品性之學問教欲。不獨立".

Mấy câu nói thống thiết và lý thú thay! Chính là cái tinh thần chung của các nhà dân gian giáo dục nước Nhật từ trước khi khai quốc cho đến giữa lúc duy tân, do cửa miệng của họ Đại Ôi phát ra vậy.

# Chương VI. TRÊN ĐƯỜNG CHÍNH TRỊ

*Đừng thấy hạng dân vô quyền nằm dưới ở trong một xã hội mà cho là thường! Hạng ấy đã có óc khôn, nảy ra sức mạnh và ý muốn, thì sức mạnh ý muốn đó phăng phăng đi tới, dâu thành đồng núi sắt cũng không cản được. Bây giờ ta thử xem họ vùng vẫy trên đường chính trị, tức là xét cái lai lịch của chế độ Hiến pháp nước Nhật vậy.*

Đọc qua mấy chương ở trên rồi, chắc hẳn trong trí độc giả tự nhiên nảy ra cái cảm giác nhất định rằng Nhật Bản được duy tân tự cường, chính là do nơi dân chúng khua động thành phong trào xây dựng lên cơ sở. Đầu hết là sức dân, vua hiền quan sáng là sức thứ hai thôi.

Quả có như vậy thiệt.

Phàm một xã hội nhân quần được văn minh tấn hóa, phần nhiều khi là nhờ có một số ít người chí khí thức thời đứng lên kêu gào dìu dắt quần chúng mà ra. Hạng đó cũng như hột giống, nó có gieo vãi trước, mới có nẩy mầm đâm ngọn, cây xanh lá tốt sau. Đã cần có hạng tiên phong như thế phất cờ đi trước, song cũng lại cần họ phải có can đảm thiệt hành cái chủ nghĩa của họ cho kỳ được, cho tới cùng; chớ nếu có chí khí kiến thức mà chỉ nói rồi thôi, thì có ích lợi gì cho nhân quần xã hội đâu. Hạng người như Nguyễn Trường Tộ, Bùi Phủng của mình ở đời Tự Đức chẳng phải là bực chí khí thức thời đáng yêu đáng kính là gì; nhưng chỉ tiếc mấy ông biết dùng có một cách là dâng sớ điều trần mà thôi, ngoài ra không cố ráng làm sao giục lòng thức tỉnh quốc dân và tự mình hoạt động, thành ra rốt lại mấy ông uổng mạng, mà chỗ thức thời của mấy ông cũng vô ích cho việc đời. Nếu đám người chí khí thức thời ở Nhật Bản bảy tám chục năm trước cũng thế, thì làm gì có nước Nhật Bản như ngày nay!

Sự nghiệp duy tân nước họ sở dĩ xây dựng lên được, chính bởi cái sức của đám "Hạ ban Phiên sĩ" làm chủ chốt.

Thế nào là "Hạ ban Phiên sĩ"?

Khoảng trên đầu sách, đã có chỗ nói chế độ phong kiến ở Nhật từ thế kỷ XII (Tây lịch) trở đi, trên cao hết là Thiên hoàng chỉ làm vua hư vị vô quyền, trong nước có trên 260 chư hầu hay là Phiên chúa 藩主 [Hanshu], đều thuộc quyền thống trị của Tướng quân, là một võ gia có thế lực hơn hết, dựng ra Mạc phủ, truyền nối đời đời, nắm trọn quốc chính trong tay, như kiểu mấy ông bá chủ ở đời Chiến Quốc bên Tàu vậy. Xã hội có ba giai cấp, là quý tộc, sĩ tộc và bình dân. Bậc sĩ là những người có chức nghiệp hay là có học thức. Đây nói về hạng Hạ ban Phiên sĩ, (下班藩士) tức là chỉ vào bậc sĩ ở trong nước Phiên mà lại ở vào lớp dưới. Nguyên là mỗi phiên bang, có ông Phiên chúa (người trong quý tộc), làm vua cai trị, bầy tôi phò tá đều là lão thần và phiên sĩ, cha truyền con nối, làm thần thuộc đời đời. Phiên sĩ chia ra có thượng ban (上班) và hạ ban (下班), nghĩa là bực trên, bực dưới. Phiên sĩ bực trên là số ít mà nhà thì giàu, chức thì lớn, chỉ giúp đỡ chính quyền trong phiên bang, chớ họ không làm sinh nghiệp gì khác hết. Còn hạ ban bực dưới chiếm số rất đông, phần nhiều nhà nghèo, nhưng có học thức tài cán, có tâm chí siêng năng, nhưng vẫn phải khuất phục trước mặt đám thượng ban luôn luôn.

Người có tài năng học thức mà bị đè ép khuất phục, không được mở mặt dương mày, thì còn gì bất bình hơn? Bấy lâu, đám hạ ban phiên sĩ vẫn chứa lòng bất bình; thường ráng phấn đấu và tìm cơ hội để thi thố tài năng của họ. Từ giữa thế kỷ XVIII, họ giao tiếp người Lan, nghiên cứu sách Lan, biết được chỗ tài giỏi của học thuật Tây phương và tình thế các nước, liền vùng trỗi dậy ngay từ hồi bây giờ hoặc kêu gào sửa sang chính trị, hoặc truyền bá tân học cho dân; thế là cái mầm duy tân của Nhật nhờ có đám sĩ tộc thức thời đã ươm hột một trăm năm trước rồi vậy.

Dẫn mãi tới lúc đề đốc Bá Lý qua, Mạc phủ cả quyết khai quốc, cho đến khi Minh Trị Thiên hoàng thống nhất cả nước rồi thi hành công cuộc duy tân trong 30 năm, đem Nhật Bản đặt lên ngang hàng Âu Mỹ, bao nhiêu những người bôn tẩu quốc sự, sáng tạo duy tân, đều là hạ ban phiên sĩ hết thảy. Nhà giáo dục quốc dân như Phúc Trạch Dụ Cát 福澤諭吉 [Fukuzawa Yukichi], Trung Thôn Kính Vũ 中村敬宇 [Nakamura Keiu] mà độc giả đã biết, chính là hạ ban phiên sĩ, nhà chính trị đại danh như Đại Ôi Trọng Tín 大隈重信 [Okuma Shigenobu], Y Đằng Bác Văn 伊藤博文 [Ito Hirobumi], cũng là hạ ban phiên sĩ, anh hùng như Lục tướng Nãi Mộc 乃木

陸将 [Nogi Rikushou], Hải tướng Đông Hương 東郷海将 [Tougou Kaishou], cũng là hạ ban phiên sĩ nữa. Tóm lại, chính hạng người ở bực dưới của xã hội Nhật, đã đưa quốc gia Nhật lên cao.

Đừng thấy hạng dân vô quyền nằm dưới ở trong một xã hội mà cho là thường! Hạng ấy đã có óc khôn, nảy ra sức mạnh và ý muốn, thì sức mạnh ý muốn đó phăng phăng đi tới, dầu thành đồng núi sắt cũng không cản được. Thì Nhật Bản nhờ sức mạnh ý muốn của đám hạ cấp sĩ tộc mà trở nên văn minh hùng cường đó chớ gì?

Sức mạnh ý muốn của dân họ tràn lan bày tỏ ra đủ các phương diện: Chương trên, ta đã thấy họ sốt sắng tấn tới trong trường giáo dục; bây giờ ta thử xem họ vùng vẫy trên đường chính trị. Mà xem họ vùng vẫy trên đường chính trị, tức là xét cái lai lịch của chế độ Hiến pháp nước Nhật vậy.

## DÂN QUYỀN LÚC MỚI KHỞI SỰ DUY TÂN

Độc giả đã rõ sự tích hồi Minh Trị Thiên hoàng quyết ý duy tân, ngài dắt các vị công khanh chư hầu làm lễ tế cáo trời đất thần minh mà thề 5 điều, thì chính điều thứ nhất là thề "rộng mở hội nghị, muôn việc quyết định ở nơi công luận". Thế là rõ ràng vua Minh Trị tôn trọng dân quyền dư luận và ngay từ ban đầu đã có chủ tâm dựng lên chế độ Hiến pháp cho nước Nhật vậy.

Liền đó triều đình sắp đặt lại, gọi là Thái chính quan 太政官 [Daijoukan] tức là trung ương chính phủ, ở trong chia ra là 7 cục 局 [Kyoku]. Dưới thì đặt ra hai chức là Nghị định 議定 [Gijou] và Tham dự 参与 [Kinyo], dùng để hỏi han bàn định triều chính. Hạng này lựa chọn hoặc là phiên chúa, hoặc là phiên sĩ có tài năng danh vọng thì được, chớ không phân quý tiện gì. Thứ lại đặt ra Trưng sĩ 徴士 [Choushi] và Cống sĩ 貢士 [Koushi], do các phiên chúa kén chọn tấn cử về triều, phiên lớn 3 người, phiên nhỏ 2 người hay một người, triều đình dùng làm quan hạ cấp nghị sự, tức như hạ nghị viện sau này, còn hạng trên thì như thượng nghị viện.



BẢN VIÊN THOÁI TRỢ 板垣 退助 [Itagaki Taisuke] (1837-1919) - Một người vận động dân quyền rất hăng hái trong buổi đầu duy tân và tạo lập ra chính đảng trước hết

Đồng thời, vua Minh Trị lại định rõ 3 quyền riêng nhau. Ngài hạ dụ rằng: "Quyền lực trong nước từ đây nhất thiết đều thuộc về một mình Thái chính quan, khiến cho không có mối lệ chính lệnh do cả hai ngả ban ra như trước kia nữa. Còn quyền lực của Thái chính quan cũng chia riêng ba quyền Lập pháp 立法[Rippou], Hành pháp 行法 [Gyouhou] và Tư pháp 司法 [Shihou], để cho đứt hẳn chỗ lo thiên trọng chuyên chế".

Vậy là Minh Trị chính phủ khơi nguồn đắp móng Hiến pháp cho quốc dân Nhật từ đây, mà ở trong có ý noi theo cái thuyết "Tam quyền phân lập" của Montesquieu nước Pháp, rất là rõ ràng.

Qua năm Minh Trị thứ 2, có Tập nghị viện 集議院 [Shuugiin] mở ra, cũng là nơi nghị sự của các phiên sĩ do nhà nước chọn lựa sung vào. Sở dĩ

những người nghị sự mà do nhà nước chọn lựa, không có lẽ gì khác hơn là bởi dân chúng mới ở chế độ phong kiến chuyên chế vừa thoát ra khỏi, tự nhiên trong sự thay cũ đổi mới, đang còn bỡ ngỡ, chưa đủ ngày giờ rèn tập tư cách chính trị, cho nên chưa tập cách nhân dân bầu cử được.

Dầu sao mặc lòng, ngay từ lúc ban đầu, chính phủ Minh Trị sắp đặt như thế, kể ra cũng khéo tôn trọng dân quyền công nghị lắm. Nhờ lấy sự tôn trọng dân quyền công nghị làm bia, mà chính phủ thi hành được mọi việc cải cách rất là mạnh bạo. Ví dụ năm Minh Trị thứ 4, bỏ hẳn các phiên bang, đổi ra làm huyện; lại tuyên bố Tứ dân đồng quyền 四民同権 [Shimin Douken] (sĩ, nông, công, thương có quyền như nhau), ấy đều là việc cải cách mạnh bạo; vì nước Nhật vốn là nước phong kiến, có giai cấp sang hèn đã lâu đời rồi, mà nay bỗng chốc xóa bỏ đi được, thật là hay.

Lúc ấy có lắm kẻ thấy chính phủ cải cách táo bạo quá như thế, thì tỏ ý bất bình, nổi lên làm loạn. Nhưng chính phủ nhờ có những ông chúa phiên thế lực, tán thành duy tân, xúm lại giúp sức, thành ra công cuộc cải cách cứ việc tấn hành, mà mấy đám phản loạn cũng dẹp được mau.

Bởi nhờ cái oai của các ông cường phiên, chính phủ chế phục thiên hạ được, rồi lại bởi sự bãi phiên, nên chính phủ phải thâu dụng các ông vào những địa vị trọng yếu ở trong triều, trong nước. Trong số này, hai cường phiên Tát và Trường có thế lực lớn hơn hết. Sau khi cơ sở của chính phủ lần hồi vững vàng, vây cánh của hai cường phiên đó giữ lấy những ngôi thứ trọng yếu, rồi tác oai tác phúc, làm cho cái tinh thần ban đầu của chính phủ tôn trọng dân quyền công nghị, nay phải lần mòn tiêu mất đi. Bè đảng cường phiên người ta gọi là Phiên phiệt 藩閥 [Hanbatsu] lại muốn dựng cờ nổi trống, chuyên chế quốc chính triều cương, không coi dư luận ra gì nữa hết.

Bọn kiến thức bất bình lắm; họ khua dậy nhân tâm, để đòi dân quyền và hối thúc Hiến pháp. Đây là một thời kỳ dân Nhật hoạt động trên đường chính trị rất hay.

Năm Minh Trị thứ 6, triều đình bàn tính chính sách đối phó với nước Hàn (tức Cao Ly), thành ra trong triều có cuộc chia rẽ lung tung, kẻ đi người ở.

Cả bọn Tây Hương Long Thịnh 西郷隆盛 [Saigo Takamori], Phó Đảo Chủng Chần 副島種臣 [Soejima Taneomi], Bản Viên Thoái Trợ 板垣退助 [Itagaki Taisuke], Hậu Đằng Tượng Nhị Lang 後藤象二郎 [Gotou Shoujirou] và Giang Đằng Tân Bình 江藤新平 [Etou Shimpei] đang làm chức Tham dự tại triều, cùng rủ nhau từ chức, vì họ chủ trương nhất định đánh Hàn, nhưng triều đình không chịu nghe. (Ta coi Nhật mới khởi sự duy tân có sáu năm, mà muốn cử binh đánh người, cái dân khí hăng hái gan góc có ghê không?) Còn bọn Nham Thương Cụ Thị 岩倉具視 [Iwakura Tomomi], Đại Cửu Bảo Lợi Thông 大久保利通 [Ookubo Toshimichi], Mộc Hộ Hiếu Doãn 木戸孝允 [Kido Takayoshi] đều chủ trương hãy khoan sinh sự với ai, nên lo nội chính của mình sửa sang hẳn hoi đã rồi sẽ hay; bọn ấy ở lại trong triều như thường.

Trong bọn từ chức bỏ đi kia, có bốn ông vẫn ở luẩn quẩn tại Đông Kinh để hoạt động chính trị bên ngoài, duy có Tây Hương Long Thịnh trở về quê hương Lộc Nhi Đảo [Kagoshima] mở trường tư, rèn tập thanh niên về mặt chính trị. Vì sự yêu cầu dân quyền mà ba năm nữa Tây Hương cử binh đánh lại triều đình; câu chuyện ấy sẽ nói sau.

Giờ hãy nói tiếp theo câu chuyện trên. Giữa lúc trong triều mới xảy ra việc chia rẽ có kẻ ở người lui, thì có một người đi du học bên Anh bấy lâu, nay trở về triều, tâu bày sự tình Tây phương. Người đó hết sức ngợi khen chế độ nghị viên của Anh quốc, nói rằng Nhật Bản nên bắt chước; nếu không thì quyền chính cứ ở mãi trong tay chuyên chế của một hai ông cường phiên hoài. Chính phủ nên làm sao mở rộng cái tinh thần tôn trọng công nghị như hồi ban đầu ra, để cho quốc dân có quyền tham chính mới được.

Nhân đó, qua năm Minh Trị thứ 7, ngày 18 tháng Giêng, họ Bản Viên 板垣 [Itagaki] cùng bảy người bạn đồng chí, dâng tờ biểu lên triều đình, xin nhà vua mau mau mở ra nghị viện dân tuyển (nghị viện do dân bỏ thăm bầu cử). Lại đem tờ xướng nghị đó đăng báo, công bố cho quốc dân hay. Bản Viên đặt tên rõ ràng Dân tuyển nghị viện 民選議員 [Minsen Giin] là có chủ ý chỉ rõ cơ quan ấy thay mặt quốc dân, tự dân bầu cử ra, chớ không phải như Tập nghị viện kia là Quan tuyển nghị viện 官選議員 [Kansen Giin] do nhà nước lựa chọn cắt cử.

Lúc này bọn chí sĩ muốn hiệp nhau lại thành ra chính đảng 政党 [Seitou] như ở các nước Âu Mỹ, song còn e ngại một chút, là vì thuở đó hai tiếng "đồ đảng" còn phạm nhằm quốc cấm; nhà nước coi giống như nghĩa mưu phản, hễ ai phạm thì trị tội và nêu tên ra giữa chợ búa. Muốn tránh cái họa đó, nên chi bọn chí sĩ kết đảng, chỉ tự xưng là Ái quốc công đảng 愛国公党 [Aikoku Koutou], để chỉ tỏ ra mình chẳng phải là đồ đảng phi vi hay là đồ bất chính vậy.

Tới đây, trí thức dân Nhật đã mở ra lần lần và sự giáo dục hợp quần cũng tấn tới khá rồi. Nhất là nhờ có Phúc Trạch Dụ Cát (Fukuzawa Yukichi) chuyên việc dịch thuật, ra sức cổ động Chủ nghĩa Bình dân. Ngoài ra, lại có người dịch Xã hội khế ước (Contrat Social) của J. J. Rousseau và tờ Nhân quyền tuyên ngôn (Déclaration des Droits de l' Homme) của nước Pháp, để thức tỉnh quốc dân, cho biết tôn quý nhân quyền. Những sách ấy, dân nô nức mua đọc, thành ra cái phong trào Dân quyền tự do nổi lên mạnh lắm. Dầu cho trong chính phủ có những tay cường phiên chuyên chế, không trọng dư luận, nhưng dân sẽ bắt buộc phải trọng; không muốn cho lập chính đảng, nhưng rồi cũng có chính đảng cứ lập ra.

## CHÍ SĨ ĐỔ MÁU VÌ DÂN QUYỀN VÀ CHÍNH ĐẢNG

Đây bước vào cái thời kỳ dân Nhật hoạt động chính trị một cách hăng hái dữ tợn, vì dân quyền và chính đảng mà có nhiều chí sĩ đến đổ máu uổng mình.

Hồi này họ Mộc Hộ 木戸 [Kido] ở trong chính phủ (làm chức Tham dự), ngầm kín làm đầu cho một bọn theo chủ nghĩa "Tiệm tấn Lập hiến" (lần hồi tấn lên chính thể Lập hiến). Còn họ Bản Viên từ lúc bỏ chức Tham nghị trở về vườn, ở trong dân gian, thì công nhiên làm đầu của phe tự do cấp tấn, muốn có nghị viện dân tuyển cho mau.

Tháng 2 năm Minh Trị thứ 7, một người trong đám cùng Bản Viên từ chức Tham nghị (gọi là Tham dự cũng thế) hồi năm ngoái, là Giang Đằng Tân Bình 江藤新平 [Etou Shimpei], lật đật trở về quê quán ở Tá hạ 佐賀 [Saga]. Bọn sĩ tộc ở đây tôn Giang Đằng lên làm thủ tướng rồi cử binh chống lại chính phủ, đòi chính phủ phải gấp thi hành Hiến pháp. Chính phủ

thấy vậy, giận lắm, thành ra cả phe Bản Viên cùng chính phủ tuyệt tình, trở nên thù nghịch nhau.

Tức thời Bản Viên cũng từ giã Đông Kinh trở về quê hương ở Thổ Tá 土佐 [Tosa] mà tuyên truyền thức tỉnh quốc dân; luôn dịp ép đòi chính phủ mau mau thi hành chính sách tự do tấn bộ. Bấy giờ ở Tá Hạ và Thổ Tá có Lập Chí xã 立志社 [Risshisha] dậy lên, nương theo lời tuyên thệ của Ái quốc công đảng mà rèn tập tính cách tự trị cho dân. Lại giãi bày những lẽ dân quyền tự do rất là hăng hái. Đám thanh niên nhập xã có tới bốn năm ngàn người. Thành ra Lập Chí xã cùng với trường tư học của Tây Hương Long Thịnh lập ra tại Lộc Nhi Đảo, là hai đảng đồng chí, găng với chính phủ trung ương, làm cho chính phủ phải kiêng nể.

Nhờ có Ái quốc công đảng của Bản Viên xướng lập trước hết và truyền hịch trong nước, lần lần các nơi đều có những hội xã chính trị mở ra, có tính chất và tôn chỉ đại khái như Lập chí xã trên đây.

Qua năm Minh Trị thứ 8, phe Bản Viên và Mộc Hộ (lúc này Mộc Hộ cũng mới từ chức về vườn) mời các hội xã nhóm hội chung ở Đại Bản 大阪 [Oosaka], rồi công bố hai điều đại cương như vầy:

Cái thuyết của chúng tôi nhất định, là cầu có một chính phủ do nhà vua lập luật (nghĩa là tránh những mối tệ chuyên chế của một hai cường phiên).

Chúng tôi muốn thực hành cái thuyết ấy, cho nên phải đòi có chế độ Nghị viện, để cho minh bạch luật phép trong thiên hạ.

Rồi đó Mộc Hộ cùng Bản Viên lại trở vô chính phủ làm chức Tham nghị như cũ. Nhà vua sai ông cùng với Đại Cửu Bảo Lợi Thông và Y Đằng Bác Văn hợp nhau khảo cứu chính thể. Vua Minh Trị hạ chiếu, có câu: “Chính phủ Lập hiến lần hồi dựng lên, trẫm và chúng dân đều được nhờ phúc”. Liền khi ấy, chính phủ đặt ra Nguyên Lão viện 元老院 [Genrouin] và Đại Thẩm viện 大審院 [Daishinin]; bấy giờ là ba quyền thiệt và phân lập.

Từ đó, thuyết Dân quyền tự do càng thịnh; khắp nước chỗ nào cũng lập hội kết xã và nghị luận chính trị nổi lên rất cao.

Tháng 6 năm ấy (năm Minh Trị thứ 8), chính phủ mở ra hội nghị địa phương của nhà nước, cho mỗi phủ huyện có hai người thay mặt dân đi dự hội, và cho các nhà làm báo được dự nghe. Song hồi này có nhiều tờ báo nói giọng kịch liệt quá; họ công kích chính phủ chỉ kiếm chuyện chần chừ, không mau đặt nghị viện dân tuyển. Chính phủ phải giữ quyền mình cho nghiêm, liền ra điều lệ làm báo, trị tội phỉ báng và kiểm thúc ngôn luận.

Đồng thời, giữa chốn triều đình, cũng nổi lên chống nghịch nhau về chủ nghĩa. Ví dụ Đại Cửu Bảo vẫn chủ tiệm tấn, còn Bản Viên thì cứ chủ cấp tiến luôn luôn.

Vì chỗ bất đồng ý kiến đó nên chi qua tháng 10, Bản Viên lại từ chức Tham nghị, lui về dân gian, cho dễ ra sức thúc giục nhân tâm mở mang dư luận.

Bọn chí sĩ cấp tấn nôn nao đòi ban Hiến pháp mở nghị viện ngay, song chính phủ xét chưa phải thời, nên cứ ước hẹn dần dà mãi. Bởi vậy, đến tháng giêng năm Minh Trị thứ 10 (nhằm 1886), phe trường tư ở Lộc Nhi Đảo, tức là phe chính trị cấp tiến, đồ đảng của Tây Hương Long Thịnh, tôn Tây Hương lên làm tướng, cử binh làm loạn, hỏi tội chính phủ. Ta nên biết bây giờ Tây Hương làm ông chủ trường tư, làm một nhà hoạt động chính trị, chớ lúc cuối đời Mạc phủ cách mười mấy năm trước, ông ta đã từng làm tới Lục quân đại tướng rồi. Bọn bất bình thấy ông có tướng tài, nên họ tôn ông làm tướng, để cự với chính phủ. Song chúng quả bất địch, họ Tây Hương bại trận mà chết. Ban đầu chính phủ cho ông ta là phản thần, nhưng sau 12 năm, nhà vua nghĩ lại mà thương, bèn phong tước hầu cho con ông. Tại kinh thành Đông Kinh có dựng tượng đồng kỷ niệm, chính Tây Hương là người tử tiết vì chính trị đầu hết.

Tây Hương phẫn uất vì triều chính bị bọn Phiên phiệt chuyên quyền, nên khi cử binh khởi nghĩa, có phát ra mấy vần thơ rất hùng. Bài thơ truyền tụng qua tới nước Nam mình, không mấy ông nhà nho không ngâm nga thán phục; có ông khoái ý, dịch ra quốc văn. Ấy là bài:

大聲呼酒上高樓
雄気欲呑五大州

一片丹心三尺劍
揮拳先斬佞臣頭

*Đại thanh hô tửu thướng cao lâu,*
*Hùng khí dục thôn ngũ đại châu.*
*Nhất phiến đan tâm, tam xích kiếm,*
*Huy quyền tiên trảm nịnh thần đầu.*

Tôi thấy ông Á nam Trần Tuấn Khải dịch21:

*Hét lớn lên lầu đánh chén say,*
*Khí hùng như nuốt năm châu ngay.*
*Một mảnh lòng son ba thước kiếm,*
*Lấy đầu quân nịnh cho biết tay.*

Ông Nguyễn Bá Học dịch ra điệu lục bát:

*Năm châu ngon lắm ớ bay!*
*Rượu đâu? Cho mỗ bước ngay lên lầu.*
*Lòng son, ba thước lưu cầu,*
*Ra tay trước hãy chém đầu thằng gian.*

Trong lúc Tây Hương cử binh, bọn bất bình ở các nơi cũng túa lên hưởng ứng, thành ra trong nước có nội loạn lung tung.

Bấy giờ, Bản Viên liền thừa cơ hội thúc giục nhà nước nên gấp gấp thành lập chính thể Lập hiến, cho yên lòng dân. Bản Viên sai xã trưởng của Lập Chí xã là Phiến Cương Kiện Cát 片岡健吉 [Kataoka Kenkichi, sau làm Nghị trưởng Chúng nghị viện) lên tới kinh đô dâng tờ kiến nghị. Trong đó, đại ý xin chính phủ nên rộng xét công luận, để sửa sang những điều chính trị sai lầm, khiến cho ba quyền lập pháp, tư pháp và hành chính được vững vàng đúng đắn; vậy thì nên mau mau mở ra nghị viện dân tuyển, dựng lên cái nền Hiến pháp.

Kể ra lời lẽ của Bản Viên êm đềm mà thống thiết lắm; nhưng mà lúc ấy chính phủ đang lo dẹp loạn, không rảnh ngày giờ xem xét gì đặng, thành ra tờ kiến nghị của Bản Viên vừa dâng lên là bị xếp xó ngay.

Phe cấp tiến có gan dạ mưu mô dữ lắm; giữa lúc phe nội loạn nổi lên, chính phủ lo dẹp như thế, có mấy người chức sự ở trong Nguyên Lão viện, là Lục Áo Tông Quan 陸奥宗光 [Mutsu Munemitsu], về sau làm Ngoại giao đại thần), Lâm Hữu Tạo 林有造 [Hayashi Yuuzou], về sau làm Đệ tín đại thần, tức là làm Thượng thư bộ Bưu chính), cùng mấy bạn thanh niên đồng chí nữa, âm mưu sắp đặt cử binh ngay ở Đông Kinh toan đánh đổ chính phủ để dựng lên chính thể Lập hiến.

Nhưng rủi cơ mưu bại lộ ra, cả bọn đều bị bắt hạ ngục, cả Phiến Cương Kiện Cát, xã trưởng Lập Chí xã, khi dâng thư kiến nghị còn đang luẩn quẩn ở Đông Kinh đợi tin, nay cũng bị chính phủ hiềm nghi, bắt nhốt vô khám.

Giữa cuộc huyết đấu của chính phủ và nhân dân, chính phủ đại thắng. Không mấy chốc, việc loạn ở miền Tây Nam dẹp yên được rồi, bọn bất bình khắp cả trong nước đều nép tiếng, im hơi, không còn dám hó hé lấy võ lực ra để chống cự gì nữa. Chừng cái oai của chính phủ càng to, mà chính thể Lập hiến tới đây hình như muốn hỏng mất rồi.

Nhưng, may sao lại xảy ra một việc biến động, khiến cho cái vận của chính thể Lập hiến bỗng dưng lại xoay ra có thế hối hả rộn ràng: Ấy là việc hồi tháng 5 năm Minh Trị thứ 11, người trọng yếu của phe tiệm tấn là Đại Cửu Bảo Lợi Thông bị thích khách đón đường đâm cho mấy dao chết tốt. Vụ ám sát này càng tỏ ra lòng dân nóng nảy tấn hóa lắm vậy.

Chắc bởi thấy nhân tâm như thế, nên chi cách đó không bao lâu, chính phủ mở ra địa phương hội nghị ở các phủ huyện, tức là sắp đặt thứ tự để mở ra trung ương hội nghị về sau.

Luôn ba năm Minh Trị thứ 11, 12 và 13, bọn Bản Viên và Hà Dã Quảng Trung 河野広中 [Kouno Hironaka, sau cũng làm nghị trưởng Chúng nghị viện) hai ba lần mở ra toàn quốc đại hội ở Đại Bản, mục đích đều là thỉnh cầu chính phủ phải mở Nghị viện cho mau. Cả thảy có 96 đoàn thể chính trị ái quốc ở khắp trong nước, cộng hơn 9 muôn 8 ngàn hội viên, cử đại biểu đi dự hội.

Trước khi các phe dân quyền nhóm đại hội lần thứ ba, chính phủ thấy dân làm rộn quá, liền gấp đặt ra thể lệ nhóm hội, rồi tức tốc đánh dây thép

truyền lệnh cho quan quyền ở Đại Bản phải ngăn cản đại hội và giải tán Ái Quốc xã đi. Song, bọn chí sĩ hay được tin trước bèn lật đật nhóm hội sớm hơn và lập ra một đoàn thể chung, gọi là Quốc hội Kỳ thành Đồng minh 国会期成同盟 [Kokkai Kisei Doumei] nghĩa là thề nhau hiệp sức hoạt động kỳ cho đến lúc có Quốc hội (tức là Nghị viện) mở ra mới thôi.

Rồi Đồng minh này phái Phiến Cương Kiện cát cùng Hà Dã Quảng Trung thay mặt cho dân 2 phủ 22 huyện, đi lên Đông Kinh dâng tờ nguyện vọng. Chính phủ kiếm cớ, không xét tờ ấy. Hai người tổng đại biểu lại đưa lên Nguyên Lão viện, cũng bị cự nốt.

Đồng minh liền đặt trung ương tổng bộ của mình ở ngay Đông Kinh thề rằng phải kêu gào cho được quá phần nửa quốc dân ký tên đóng dấu vào tờ nguyện vọng, để đồng minh làm cho đạt mục đích mới nghe.

Hồi này, phong trào chính trị nổi rùm cả nước; người ta không ước hẹn nhau mà cũng theo đuổi chung một mục đích, có nhiều đại biểu khắp nơi, kế tiếp nhau về kinh, hoặc tới các nha môn, hoặc viếng các đại thần, ai nấy cùng bày tỏ kèo nài có một việc là thi hành Hiến pháp. Chính phủ lấy làm phiền về sự phải tiếp chuyện các đại biểu mỗi ngày, bèn ra một đạo pháp lệnh mới, định rằng từ nay phàm ai có dâng thư hiến kế gì, nhất thiết phải do quan địa phương xem xét rồi tâu về kinh mới được.

Bọn chí sĩ kêu gào dân quyền tự do thuở nay, cốt xúi người ta kéo nhau về kinh dâng tờ nguyện vọng cho đông, là để ra oai với chính phủ, nhưng giờ chính phủ ra lệ mới kia rồi, thì cái mưu cao của bọn chí sĩ không còn ăn thua được nữa. Từ nay, phong trào lại xoay ra thế khác. Bây giờ bọn chí sĩ lo gây dựng ra thế lực của dân chúng. Hoặc kết thành chính đảng; hoặc dạy dỗ nhân dân về việc chính trị, hoặc tổ chức các cuộc diễn thuyết khắp nơi. Cả nước hoạt động chính trị, có vẻ rầm rộ lạ lùng. Họ Bản Viên thật là hăng hái và chịu khó nhọc, tối ngày đi ngược về xuôi, du thuyết trong nước, làm kích thích nhân tâm dữ lắm.

## CHÍNH ĐẢNG TRƯỚC NHẤT VÀ TRIỀU ĐÌNH PHẢI HẸN KỲ MỞ RA QUỐC HỘI

Qua năm Minh Trị thứ 14, có một việc quan hệ về quốc gia lý tài, chính phủ tính làm, nhưng cách định xử trí không khéo, làm cho dư luận sôi nổi dữ. Các báo viết bài công kích chính phủ mỗi ngày. Lại có người tổ chức ra những cuộc diễn thuyết rất lớn để phản đối công nhiên.

Ngay giữa chính phủ, ý kiến của các ông Tham nghị cũng nghịch nhau, nhất là Đại Ôi Trọng Tín.

Ông này nguyên là phiên sĩ ở Tá Hạ, nổi tiếng anh tài tân học, nên được trào đình Minh Trị triệu vô kinh làm chức Tham nghị. Ở trong triều Đại Ôi giúp đỡ công việc duy tân cải cách rất nhiều; thứ nhất các việc ngoại giao tài chính ban đầu hết sức khó khăn rắc rối, mà Đại Ôi bàn tính sắp đặt hay lắm. Thế là bấy lâu Đại Ôi vẫn trung thành phù trợ chính phủ, nhưng đến khi có việc quan hệ lý tài nói đây, chính phủ tính làm, thì Đại Ôi gân cổ công kích đáo để.

Việc ấy một việc bán đất công ở Bắc Hải Đạo do đám Phiên phiệt ở trong triều đình làm ngang. Bởi vậy Đại Ôi nói rằng nếu muốn cho tuyệt cái mầm Phiên phiệt ỷ thế làm ngang đi, thì không có cách gì hay hơn là mau mau mở ra Quốc hội, để cho dư luận của dân cùng chính phủ được hiểu biết nương dựa vào nhau.

Không phải Đại Ôi chỉ nói suông mà thôi; nói rồi liền thảo ra một tờ biểu, sửa soạn dâng lên Thiên hoàng ngự lãm, trong đó Đại Ôi xin tới năm Minh Trị thứ 16 thì phải mở Quốc hội. Nội triều đều hoảng kinh về lời xướng nghị của Đại Ôi.

Lúc đó Minh Trị Thiên hoàng đang ngự giá tuần du ở miệt đông bắc. Đến hôm ngự về, liền đêm hôm ấy ngài triệu hết các đại thần và tham nghị vô nhóm trong cung, rồi lập tức bãi việc tính bán đất công kia đó, cho khỏi quốc dân đến năm Minh Trị thứ 22 thì mở Quốc hội.

Thuở giờ chính phủ chần chừ, dụ dự không nhất định đến năm nào mới mở Quốc hội. Nay nhờ có Đại Ôi dâng biểu thúc giục, nên mới có kỳ hẹn đến năm Minh Trị thứ 22. Nhưng vì Đại Ôi chủ trương gấp mở Quốc hội, có ý hối thúc triều đình như thế, triều đình bãi chức Tham nghị của Đại Ôi. Đồng thời có nhiều vị quan liêu và tham nghị cùng một ý với Đại Ôi, trong

đó có Khuyển Dưỡng Nghị, Thỉ Dã Văn Hùng 矢野文雄 [Yano Ryuukei], Vĩ Kỳ Hành Hùng 尾崎行雄 [Ozaki Yukiou]… cũng phải một lượt bãi chức nữa. Tóm lại, lúc ấy phàm những người nào có nhân duyên và đồng ý với họ Đại Ôi, đều bỏ chức về vườn, không còn ai ở lại trong hoạn lộ. Sau năm Minh Trị thứ 6, có vấn đề đánh Hàn mà triều đình chia rẽ tới nay có việc biến động này ở giữa chính phủ là việc lớn nhất.

Bước ra ngoài hoạn lộ rồi, Đại Ôi cùng với Bản Viên là hai tay thủ lĩnh chính trị hoạt động ở trong dân gian, ra sức hô hào kết lập chính đảng, đối đầu với chính phủ. Huống chi Đại Ôi từng ở trong triều lâu ngày, bao nhiêu chỗ thực tình và chỗ thiếu sót của chính phủ ra sao, Đại Ôi đều thấu rõ hết, thành ra chính phủ kiêng sợ, coi Đại Ôi và Bản Viên như hai địch quốc lớn.

Từ trước đến giờ, trong việc chính trị hoạt động tuy có những đoàn thể nọ, đồng minh kia lập ra rồi, nhưng đó chưa thiệt phải là chính đảng. Nay có sắc chỉ hẹn kỳ mở Quốc hội rồi, nhân muốn rèn tập nhân dân để nay mai đủ tư cách tham dự chính trị, nên chi Bản Viên bèn đứng ra tổ chức một chính đảng, có chủ nghĩa và kỷ luật hẳn hoi, gọi là Tự Do đảng 自由党 [Jiyuutou].

Nhật Bản có chính đảng, thiệt là khởi thủy từ đây.

Cùng trong một ngày (15 tháng 10 năm Minh Trị thứ 14), Đại Ôi lập ngay tại Đông Kinh một chính đảng, gọi là Lập hiến Cải tiến đảng 立憲改進党 [Rikken Kaishintou].

Ngoài ra còn có mấy đảng khác nữa, nhưng kể sự lâu bền và có hệ thống về lịch sử, thì chỉ có đảng Tự do của Bản Viên và đảng Cải tiến của Đại Ôi mà thôi.

Bản Viên lấy tư cách là Tổng lý đảng Tự do, đi dạo khắp trong nước để tuyên truyền diễn thuyết, cổ động lòng dân. Qua tháng 4 năm sau (Minh Trị thứ 15), Bản Viên ở Đông Kinh, tới dự một cuộc đại hội trong vườn Kỳ Phụ, bị thích khách là Tương Nguyên Thượng Cảnh thừa cơ đâm trúng vào bụng. Nhưng may phước Bản Viên không chết. Tương Nguyên bảo rằng Bản Viên quá khích, làm nhiễu hại quốc gia, cho nên va đâm; và

tưởng nếu đâm chết Bản Viên, thì phá đổ cả đảng Tự do cùng tiêu. Ngay sau khi bị đâm, Bản Viên vẫn tỉnh và nói cứng:

"Bản Viên này dầu có chết đi nữa, "tự do" không khi nào chết được đâu".

Nghe lời nói như thế, đủ rõ cái chí khí của những tay hoạt động chính trị trong hồi duy tân ra thế nào? Nhờ có những tay đó mà dân quyền chính đảng nước Nhật được mau vẻ vang tấn tới vậy.

## CON ĐƯỜNG ĐI TỚI HIẾN PHÁP CÒN NHIỀU CHÔNG GAI

Giữ lời ước hẹn với dân, Minh Trị Thiên hoàng lo dự bị việc mở Quốc hội. Tháng Hai năm Minh Trị thứ 15, ngài sai Y Đằng Bác Văn cùng mấy tay anh tài bác học qua Âu châu khảo cứu Hiến pháp, Y Đằng qua ở Âu châu xem xét đến một năm ngoài mới trở về. Sau lại đi Âu châu khảo cứu một lần nữa; lần này về nước mới thảo ra Hiến pháp dâng lên Thiên hoàng ngự lãm. Y Đằng dùng nhiều công phu tâm lực vào việc này. Đại khái Hiến pháp Nhật Bản gần giống như Hiến pháp nước Đức. Nguyên văn do Y Đằng thảo ra, có đôi chỗ chật hẹp cho dân, nhưng chính vua Minh Trị sửa lại vì ngài muốn chủ não Hiến pháp trọng về mục đích cho dân tự do tấn hóa.

Trong khi một mặt Minh Trị Thiên hoàng sai họ Y Đằng đi Âu châu khảo cứu Hiến pháp, một mặt chính phủ Phiên phiệt bày đặt thêm những thể lệ gắt gao về việc kết xã lập hội, để trở ngăn chính đảng khó phát đạt.

Đã vậy mà lúc này mấy chính đảng lại tranh giành lẫn nhau rồi vu vạ cho nhau, quên mất kẻ thù chung của bọn mình, là chính phủ Phiên phiệt kia, thành ra chính phủ thừa cơ hội đó mà dùng thủ đoạn cương ngạch để đè ép chính đảng.

Các chính đảng phải chịu mọi sự thắt ngặt không nổi cho nên phải rủ nhau giải đảng. Tới hai đảng mạnh thế nhất, là đảng Tự do của Bản Viên cùng đảng Cải tiến của Đại Ôi cũng vậy. Nhưng chỉ bên ngoài họ làm bộ giải đảng, chớ bên trong vẫn giao thông thinh khí với nhau và cứ bí mật hoạt động luôn.

Vì đó, mà luôn mấy năm, lòng dân bị bít mất đầu nọ, tất phải bung ra đầu kia: Có nhiều việc quá khích bạo động xảy ra, đến đỗi nhiều người ra tù vô khám vì tội quốc sự phạm, hay là bị xử đến tử hình cũng có. Nhất là hồi năm Minh Trị thứ 19, chính phủ cùng các nước bàn tính sửa lại các điều ước đã ký từ mấy chục năm trước, trong đó có khoản quan hệ về pháp luật, chính phủ chịu để quan tòa ngoại quốc hợp với quan tòa Nhật xử kiện. Khoản này làm cho dư luận nhân dân sôi nổi dữ. Ngoại giao đại thần là Tỉnh Thượng Hinh 井上馨 [Inoue Kaoru] phải bãi chức và cả Nội các Y Đằng phải nhào. (Ta nên biết từ cuối năm Minh Trị thứ 18, triều đình đã bỏ Thái chính quan mà đổi ra Nội các 内閣 [Naikaku] như các nước, có Nội các tổng lý và đại thần các bộ. Y Đằng Bác Văn lúc này làm Nội các tổng lý. Nước Nhật có Nội các bắt đầu từ đây).

Bây giờ, những chí sĩ đảng viên của các đảng cũ lại nhen nhúm nổi dậy, có Hậu Đằng Tượng Nhị Lang đứng ra liên kết hết thảy các phe đảng hợp lại cho có sức mạnh, Hậu Đằng nói:

"Ngày nay không còn phải là ngày anh em trong nhà chúng ta tranh giành xích mích nhau được nữa. Ta thử ngó qua đại lục, con đường xe lửa Tây Bá Lợi của Nga đang làm kia, không bao lâu nữa thì tới Mãn Châu, kéo dài tới muôn dặm, đó thật là việc có quan hệ tới sự sinh tử tồn vong của Đông dương mình. Vậy anh em chí sĩ trong nước, nên bỏ những điều tiểu dị, lấy nghĩa đại đồng, cùng nhau kết thành một đoàn thể lớn, đặng có thế lực mà dùng ở trong Quốc hội nay mai sắp mở ra đây. Nếu như gặp phải chính phủ chuyên chế thì chúng ta chỉ đá một cái là nhào chớ lo gì!"

Các đảng phái cũ nghe lấy làm phải, đều xúm theo ngọn cờ của Hậu Đằng mà trở nên một đoàn thể có thế lực rất lớn, bao vây cả chính phủ, khiến cho chính phủ e dè luýnh quýnh. Các chính đảng ở Nhật có lúc thành cuộc liên hiệp lại một cánh, là từ cuộc liên hiệp này của Hậu Đằng làm được trước hết.

Giữa ngày lễ mừng Minh Trị Thiên hoàng kỷ nguyên năm thứ 22 (1889), Thiên hoàng công bố Hiến pháp thi hành và ân xá cho các quốc sự phạm. Trải 22 năm, chí sĩ hoạt động chính trị, thúc đòi Hiến pháp, thế là nay đã đạt tới mục đích.

**16 NĂM THAY ĐỔI 23 NGHỊ VIỆN**

Ngày mùng 1 tháng 7 năm Minh Trị thứ 23 (1890), nước Nhật có cuộc tổng tuyển cử Chúng nghị viện thứ nhất (tức như Communes nước Anh hay Chambre des députés nước Pháp).

Các nước ở Đông phương, một nước có chính trị Hiến pháp trước nhất, chính là nước Nhật.

Phép tuyển cử ban đầu cũng lựa chọn kỹ lưỡng, trong số 42 triệu dân Nhật Bản lúc ấy chỉ có 46 muôn người đi bỏ thăm, nghĩa là chưa được 1% có quyền đầu phiếu.

Thuở đó phần nhiều dân chúng nước Nhật còn chưa biết yêu cầu lấy quyền tham chính; duy có số ít là hạng chí khí học thức biết sốt sắng lập thành chính đảng và hoạt động chính trị mà thôi. Bởi vậy lúc đầu, cái quyền đầu phiếu ít nhiều rộng hẹp thế nào, dân chúng không lấy làm vui buồn gì cả. Song cái số ít kia là cái sức mạnh gớm ghê, địa vị chính trị của dân Nhật mau tấn tới chỉ nhờ về cái số ít đó.

Giờ các chính đảng lại nổi dậy hoạt động tự do. Không đảng nào không ra sức phấn đấu với chính phủ, cái chỗ họ nghi nan phòng sợ là xem chính phủ có giữ đúng tinh thần Hiến pháp không? Hay là đặt dùng Nội các nào có xứng chức đúng tài hay không?

Rồi thì các đảng cũ tái khởi và nhiều đảng mới tổ chức ra, danh hiệu đã nhiều mà chính kiến cũng lắm. Hai đảng Hiến Chính đảng 憲政党 [Kenseitou], và Chính Hữu hội 政友会 [Seiyuukai] có thế lực ở nghị viện Nhật Bản ngày nay, thay đổi nhau tổ chức Nội các bấy lâu, chính là khai sinh từ hồi Minh Trị duy tân, sau khi ban hành Hiến pháp ít năm.

Thiệt vậy, có Hiến pháp ban hành rồi, phong trào chính trị càng thêm hoạt động; đã nói rằng lúc này có nhiều đảng mới lập ra, danh hiệu đã nhiều mà chính kiến cũng lắm. Có khi các chính đảng rời nhau ra mà phấn đấu tranh giành nhau về chính kiến dữ dội; có khi các chính đảng hiệp nhau lại công kích phản đối chính phủ cũng dữ dội. Vì đó mà chính phủ thường phải dùng cái quyền giải tán Nghị viện luôn. Từ Minh Trị thứ 23 đến Minh Trị

thứ 39, trước sau 16 năm mà đổi thay tới 22 Nghị viện. Ta xem như vậy, đủ thấy phong trào chính trị nước Nhật giữa hồi mới bãi cựu canh tân đã bồng bột tấn tới dường nào!

Tuy có lúc các chính đảng chia xé gây gổ nhau, nhưng không bao giờ họ quên chỗ quyền lợi tối cao của quốc gia. Khi quyền lợi tối cao đó cần dùng cả nước đồng tâm hiệp lực, thì tức khắc các chính đảng liên hiệp lại ngay. Ví dụ như hồi đánh Tàu năm 1894 và hồi đánh Nga năm 1904-1905, cả nước Nhật kết hiệp lại như một người để giúp đỡ chính phủ đến cùng; họ nghĩ mấy lúc có quốc gia đại sự, không phải là lúc nên có đảng phái tư tranh vậy.

## CHÍNH TRỊ HOẠT ĐỘNG TRƯỚC SAU CÓ BỐN THỜI KỲ

Phong trào chính trị nước Nhật có chỗ nhân quả tương sinh rõ ràng: Ta xét cuộc vận động dân quyền, tức là xét lịch sử chính đảng, mà xét lịch sử chính đảng tức là xét lịch sử Hiến pháp.

Thiệt vậy, ngay lúc đầu duy tân, có cuộc vận động dân quyền do những tay chí sĩ mạnh bạo chủ trương, mới có chính đảng lập ra để làm cơ quan hoạt động. Rồi có chính đảng xướng xuất, rèn tập chính trị cho quốc dân và thúc giục chính phủ, nên chi mới sớm có Hiến pháp thi hành, nếu không thì chưa chắc năm Minh Trị thứ 23, nước Nhật đã có Hiến pháp đâu.

Nay muốn tóm thâu cái lịch trình của dân quyền chính đảng nước Nhật ta có thể chia làm 4 kỳ:

1. Kỳ thứ nhất, khởi từ năm Minh Trị thứ 7 có bọn Bản Viên, Hậu Đằng, Phó Đảo, Giang Đằng dâng biểu xin mở ra Nghị viện dân tuyển, cho đến năm Minh Trị thứ 14, là lúc họ Đại Ôi thoát ly chính phủ, ra ngoài hoạt động. Trong thời kỳ này tuy chưa có chính đảng nào tổ chức ra, nhưng cũng đã có nảy mầm đắp móng lên rồi, mà Bản Viên chính là người sáng lập chính đảng đầu hết.
2. Năm Minh Trị thứ 14, có chiếu của Thiên hoàng kỳ hẹn với quốc dân đến năm thứ 23 thì mở Quốc hội. Lúc bấy giờ, Y Đằng Bác Văn cùng mấy vị quan liêu khác vâng chỉ nhà vua đi qua Âu châu xem xét để về thảo ra Hiến pháp; còn dân chúng thì có hai đảng Tự do và Cải tấn

thành lập. Nhưng mà chính phủ đè nén rất nghiêm, cho nên đảng Tự do phải đành giải tán một lúc, rồi đến năm trước khi sửa soạn mở ra Quốc hội thì đảng ấy lại dấy lên, xây dựng cái nền móng dân đảng liên hiệp về sau. Ấy là kỳ thứ hai.

3. Từ năm Minh Trị thứ 23, Quốc hội mở rồi trở đi, là kỳ thứ ba.

- Hồi này, hai đảng Tự do và Cải tiến, bề ngoài hiệp lại thành ra Dân đảng để phản đối chính phủ, và chính bên trong thì hai đảng xung đột lẫn nhau. Chính phủ ra sức đề phòng và chống trả lại; hoặc khi bắt giải tán Nghị viện, hoặc lúc phải can thiệp vào việc tuyển cử. Tuy chính phủ ra oai làm khó các đảng không còn thiếu cách gì, nhưng vậy mà bao giờ phe phản đối cũng chiếm được số đông ở trong Nghị viện để làm ngặt chính phủ luôn luôn.

- Tới năm 1894, sau trận Nhật - Thanh giao chiến trở đi, thì tình thế xoay đổi ra khác. Bây giờ chính phủ biết không thể đè nén các đảng được nữa; mà các đảng cũng hiểu rằng cứ thù nghịch phản đối chính phủ hoài, là sự bất lợi. Đảng Tự do bèn cùng chính phủ đề huề trước hết; thứ đến đảng Tiến bộ. Chừng đó hai đảng hiệp nhau lại tổ chức ra Nội các chính đảng. Trên đàn chính trị Nhật, có Nội các của đảng phái bắt đầu từ đây. Song bên trong đảng phái không được thuận hòa nhau, thành ra Nội các chính đảng phải giả một lúc, nhường cho những người không thuộc về chính đảng nào cả. Vậy đủ biết Nội các vô đảng, vốn khó đứng yên đã đành, mà đến Nội các chính đảng chưa tới ngày giờ chín chắn thì cũng không vững nào.

4. Đến kỳ thứ tư, khởi từ năm Minh Trị thứ 31 trở đi, lúc Nội các chính đảng, lúc Nội các vô đảng, đắp đổi lẫn nhau. Tới đây chính phủ và chính đảng khéo nhường nhịn dung hòa nhau để sửa sang quốc chính.

Tóm lại, chính trị nước Nhật được mau tấn tới mở mang, thiệt nhờ cái công phu của chính đảng gây dựng bồi đắp trong đó lớn lắm. Chính đảng có công khua động thức tỉnh người trong nước mau có giáo dục chính trị, mau hiểu dân quyền tự do; chính đảng có công kiềm chế những ngón chuyên quyền và cứu chữa những điều sai sót của chính phủ trong lúc quốc dân chưa có quyền tham chính, nhất là ở trong chính phủ ban đầu lại có cái thế lực ngang tàng của đám Phiên phiệt. Sau nữa là chính đảng có công hối thúc Hiến pháp được sớm ban hành, Quốc hội được mau thành lập.

Có một chỗ Nhật Bản khác lạ người ta, ta nên nhìn biết, là các nước Âu Mỹ, thường thường có Hiến pháp Quốc hội trước, rồi mới có chính đảng sinh đẻ ra sau. Ví dụ như nước Anh là nước có Hiến pháp làm kiểu mẫu cho Nhật bắt chước phần nhiều, xưa kia có Quốc hội mở ra đến mấy trăm năm rồi mới có chính đảng; Nhật lại trái hẳn: Trước có chính đảng rồi sau mới có Quốc hội đẻ ra. Quốc hội bên Anh là một nguyên do sản xuất chính đảng; còn chính đảng ở Nhật thì lại là một cái động lực làm mẹ của Quốc hội; đó là cái đặc sắc lạ lùng của chính trị nước Nhật vậy. Còn nói gì trong cái thời gian có vài chục năm, họ xông pha vùng vẫy trên đường chính trị không bao lâu mà có được Hiến pháp hẳn hoi như thế, kể ra mau chóng biết sao mà nói cho cùng.

Ta nên nhớ luôn luôn rằng: Trên con đường này hay là các con đường nào khác cũng thế, Nhật Bản đi tới mục đích quá mau, đều là do nơi quyết tâm và lực lượng của dân hết thảy.

# Chương VII. HIẾN PHÁP NHẬT BẢN

*Hiến pháp nước Nhật ban hành năm 1889, kể ra thật là đơn giản. Toàn văn chỉ có 76 điều; đầu hết nói về quyền vị của đức Thiên hoàng; thứ đến nghĩa vụ quyền lợi của nhân dân, rồi tới Đế quốc nghị hội, Quốc vụ đại thần, Khu mật viện, Tư pháp, Tài chính…*



Quang cảnh buổi lễ ban bố Hiến pháp Nhật Bản năm 1889.

**C**hương trên nói riêng về lai lịch từ khi có phong trào chính trị hoạt động nổi lên cho tới lúc có Hiến pháp ban hành; chương này nói riêng về Hiến pháp, đại khái nội dung và thực tế của nó ra thế nào, chắc hẳn cũng có ích cho những người ưa nghiên cứu chính trị. Nói chi một ngày kia thế nào xứ mình lại chẳng phải có Hiến pháp ra đời.

## TINH THẦN HIẾN PHÁP NHẬT BẢN

Đây nên nhắc sơ lại một câu chuyện đã nói ở chương trên, vì nó có ảnh hưởng tới gốc tích của Hiến pháp.

Ấy là câu chuyện xảy ra hồi tháng 7 năm Minh Trị thứ 14, chính phủ bàn tính đem bán những tài sản thuộc về của công ở Bắc Hải Đạo 北海道 [Hokkaidou]. Cách tính xử trí như thế làm cho dư luận nổi lên bất bình dữ dội. Nhất là Đại Ôi Trọng Tín đang làm Tham nghị trong triều, ra sức phản đối kịch liệt hơn hết. Đại Ôi thấy việc này, bèn suy nghĩ rằng nếu muốn cho dứt cái tệ Phiên phiệt làm ngang đi, thì không gì hơn là sớm mở Quốc hội. Tức thời ông thảo ra tờ biểu để dâng lên Thiên hoàng, một hai xướng nghị đến năm Minh Trị thứ 16 phải mở Quốc hội mới được, Minh Trị Thiên hoàng đi tuần du các tỉnh miền đông bắc trở về, nội đêm nhóm các đại thần và tham nghị lại, bỏ việc chánh phủ tính làm kia, rồi qua ngày hôm sau hạ chiếu hẹn kỳ mở Quốc hội vào năm Minh Trị thứ 23 (1890). Nhưng vì cái tội khởi xướng gấp mở Quốc hội, nên họ Đại Ôi cùng anh em đồng chí của ông ở trong triều, đều bị bãi chức về vườn hết.

Cuộc chính biến này có ảnh hưởng tới địa vị chính trị của dân Nhật nhiều lắm, ta nên chú ý ba điều:

1. Nếu không có Đại Ôi đánh bạo hối thúc, thì chắc chính phủ chưa quyết định năm nào mới ban Hiến pháp, e đến năm Minh Trị thứ 23 cũng chưa có Quốc hội mở ra đâu.

2. Cái kế hoạch của Đại Ôi bị thất bại, có ảnh hưởng tới sự khuynh hướng của nước Nhật chẳng nhỏ. Người Nhật nói nếu việc Đại Ôi chủ trương mà thành công, thì chẳng những là Nhật có Quốc hội mở ra sớm hơn, mà ngay chế độ Hiến pháp cũng không giống như chế độ thi hành bấy lâu nay.

Sao vậy?

Chỉ vì Đại Ôi vẫn hâm mộ muốn bắt chước cái lối nghị viện chính trị của nước Anh, vả lại bộ hạ của ông, nhiều hạng thanh niên học thức, cũng ham thích những học thuyết chính trị của Anh tự do hơn. Ví dụ Hiến pháp do tay Đại Ôi thảo ra, chắc là noi theo mẫu mực Hiến pháp Anh quốc, chớ không phải như Hiến pháp do Y Đằng noi theo Đức quốc vậy.

3. Đại Ôi về vườn rồi cùng Bản Viên hoạt động chính trị, làm cho thế lực của dân được nâng cao lên, chính phủ không dám khi thị như lúc trước nữa.

Năm Minh Trị thứ 14, sau khi Đại Ôi về vườn rồi, thì người trọng yếu ở triều là Y Đằng Bác Văn. Qua năm sau, Thiên hoàng sai Y Đằng lo thảo Hiến pháp.

Y Đằng qua Âu châu hai phen để nghiên cứu, rồi về mới thảo ra bản Hiến pháp dâng lên, được triều đình chuẩn y; ấy là bản Hiến pháp ban hành từ năm 1889, còn giữ tới nay.

Giờ muốn biết rõ tinh thần của Hiến pháp Nhật Bản thi hành từ năm 1889 ra thế nào, tưởng ta nên đọc một đoạn tự thuật của Y Đằng là người thảo ra Hiến pháp đó như vầy:

"Nước Nhật có tình hình riêng, không thể nào bốc lột trọn cả Hiến pháp của một nước ngoài nào đem về làm ép cho được. Ví dụ như ngôi vua có gốc nguồn sâu xa ở trong quốc sử, lòng dân bao giờ cũng khắng khít tôn sùng. Xưa kia là đời quốc gia còn lấy thần quyền làm chủ, chớ chưa thành ra cuộc phong kiến, thế mà ngôi vua đã là trụ chốt thể thống của nhà nước rồi.

Nay muốn khảo cứu để lập ra Hiến pháp mới, về chỗ cầm chừng cái đại quyền của vua, tất nhiên phải thận trọng cho lắm, mới được, cốt để ủng hộ cái quyền sẵn có từ xưa, hầu cho ngôi báu không phải là một cách chỉ đặt ra làm vì mà thôi.

Nhưng chính thể Lập hiến, điều cốt nhất là phải làm sao bảo hộ những sinh mạng, tài sản, danh dự, quyền lợi của chúng dân. Nếu muốn bảo hộ những cái đó của dân cho được hẳn hoi, thì quyền lớn của Thiên hoàng, cần phải có cách cầm chừng mới đặng. Ví bằng quyền ấy không có cách cầm chừng thì không kể là muốn làm chính thể Lập hiến ra thế nào đi nữa, nó cũng không đứng vững được.

Còn điều khác cũng phải lo liệu sắp đặt, là làm cho các chư hầu phong kiến xưa cùng với chế độ mới ngày nay được dung hiệp với nhau. Trong hàng chư hầu, có dòng họ bà con với nhà vua không phải là số ít; thuở xưa mấy ông vốn có thực quyền làm chúa một đất, cai trị một dân; đến nay tuy phong kiến đã bỏ, nhưng dân chúng đối với mấy ông, cũng vẫn có lòng tôn sùng, vả lại mấy ông cũng vẫn truyền nối nhau dùng những danh hiệu vua

phong cho đời trước. Vậy nay Hiến pháp mới bày ra, cũng phải sắp đặt làm sao cho mấy ông đó được có nơi có chốn tử tế.

Lại Hiến pháp mới, đem các thứ quyền lợi nọ kia phú cho dân chúng, ấy là tự đấng quân vương sẵn lòng ban cho quốc dân để cho quốc dân được hưởng mọi sự vẻ vang tốt đẹp, chớ không phải có dấu tích gì tỏ ra dân chí ép buộc dành cướp quân quyền; điều đó không bày tỏ ra cho rành rẽ không được".

Rút ở bài Đế quốc Hiến chính chi do lai 帝国憲政之由来 chính Y Đằng viết trong bộ Nhật Bản khai quốc ngũ thập niên sử của Đại Ôi Trọng Tín.

Ta nghe Y Đằng nói như vậy, thì ra cái chủ ý của Hiến pháp Nhật có bốn điều:

Ủng hộ cái đại quyền của vua sẵn có xưa nay;

Vì quyền lợi của dân mà phải hạn chế bớt cái quyền lực của Thiên hoàng;

Các phong kiến chư hầu thuở trước, nay ở trong Hiến pháp cũng có địa vị;

Nhân dân có quyền lợi nọ kia chiếu theo Hiến pháp, là tự vua sẵn lòng ban cho, chớ không phải tự dân đòi hỏi.

Xem Y Đằng lấy cái tinh thần thận trọng như thế làm gốc để soạn ra Hiến pháp, thì đủ rõ Hiến Pháp Nhật Bản thi hành từ 1889, chủ nghĩa của nó thật khác hẳn với chủ nghĩa Tự do tiến bộ của bọn Bản Viên, Đại Ôi. Vả lại ở trong Hiến pháp Y Đằng vẫn giữ cái màu mè bảo thủ của đám Phiên phiệt, nhắm không lạ gì.

Lấy toàn thể mà nói, thì Hiến pháp Nhật Bản dựa theo chế độ Quân chủ Lập hiến (君主立憲 [Kunshu Rikken], Monarchie constitutionnelle) của Đức quốc hồi trước phần nhiều, rồi châm chế theo lịch sử và quốc tục cùng là cách tổ chức riêng của xã hội Nhật Bản mà định ra. Đức quốc hồi xưa có cái thuyết đế vương thần quyền, với Nhật Bản có sự tín ngưỡng ngôi vua muôn đời một hệ; hai bên lý tưởng có khác gì nhau.

**HIẾN PHÁP SẮP ĐẶT QUYỀN HẠN CỦA VUA VỚI DÂN RA THẾ NÀO?**

Hiến pháp nước Nhật ban hành năm 1889, kể ra thật là đơn giản. Toàn văn chỉ có 76 điều; đầu hết nói về quyền vị của đức Thiên hoàng; thứ đến nghĩa vụ quyền lợi của nhân dân, rồi tới Đế quốc nghị hội, Quốc vụ đại thần, Khu mật viện, Tư pháp, Tài chính…

Đồng thời tuyên bố mấy đạo mệnh lệnh đặt ra Quý tộc viện, Chúng nghị viện, cùng là phép tắc bầu cử các viện ấy.

Bởi vậy, nay ta muốn biết qua cách thức sắp đặt chính trị ở nước Nhật thì ta phải xét qua mấy đạo mệnh lệnh nói đây mới rõ đặng. Trước xét về hình thức đã định ra theo phép; sau xét về thực tế ở ngoài.

Theo Hiến pháp 1889 đã định, thì cách thức sắp đặt chính trị của nước Nhật, làm theo lối tam quyền phân lập như các quốc gia văn minh gần đây. Tư pháp (pouvoir judiciaire) thì giao trọn cho các quan tòa một cách độc lập lâu dài, không có gì động phạm tới được. Lập pháp (pouvoir législatif), thì do Đế quốc nghị hội 帝国議会 [Teikokugikai], gồm hai viện Quý tộc 貴族 [Kizoku] và Chúng nghị 衆議 [Shugi] hiệp lại. Còn Hành chính 行政 [Gyousei] (pouvoir excécutif) thì ký thác trong tay Thiên hoàng cùng Quốc vụ đại thần 国務大臣 [Kokumu daijin] là các quan lớn trong triều thân cận phò tá Thiên hoàng.

Song, nội ba quyền, có quyền Hành chính rốt lại cao hơn hai quyền kia. Thiên hoàng làm đầu Hành chính, lại lấy tư cách là đấng quốc gia nguyên thủ tóm thâu cả quyền thống trị, y theo Hiến pháp mà thi hành mọi việc. Như thế là về quốc chính, Thiên hoàng nắm giữ cả hai quyền lớn Lập pháp và Hành chính (Tư pháp nằm ở trong Hành chính, điều đó khỏi nói), một tay ngài thi hành sai khiến nhất thiết. Trong Hiến pháp định rõ rằng: "Nhật Bản do đức Thiên hoàng muôn đời một hệ cầm quyền thống trị" (日本以萬世一系之天皇統治之). Chính Y Đằng có viết một cuốn sách bằng chữ Anh, sau có người dịch ra chữ Hán, trong đó, Y Đằng cắt nghĩa về Hiến pháp Nhật Bản, cũng nói rõ địa vị của Thiên hoàng Nhật, khác hẳn các

đấng nguyên thủ bên Âu châu: "Chẳng những ngài làm vua mà thôi, còn thống trị nữa".

## HÀNH CHÍNH

THIÊN HOÀNG - Đầu bộ Hành chính là Thiên hoàng, Thiên hoàng là đấng thống trị tối cao của quốc gia.

Quyền lực của Ngài không những coi sóc Hành chính, mà coi sóc cả Lập pháp nữa. Ngài có quyền xem xét, chuẩn y luật pháp để sai thi hành; ngài vời nhóm nghị hội; ngài tuyên bố khai hội, bế hội, đình hội và giải tán Chúng nghị viện khi nào ngài muốn. Trong lúc quốc gia có việc gì khẩn cấp, thì vì sự giữ gìn trị an hay là lo tránh tai họa, dầu trong khi ấy không nhằm kỳ nhóm nghị hội, Thiên hoàng có quyền ra những sắc lệnh cần dùng để thay thế pháp luật. Ngài có quyền định ra ngạch quan, lệ quan, lương quan văn võ và bổ dụng hay bãi chức quan viên văn võ lúc nào tùy ý.

Ngài thống đốc tất cả hải quân, lục quân, không quân trong nước; có quyền tuyên chiến, giảng hòa hay ký điều ước cùng các nước. Ngài ra lệnh giới nghiêm 戒厳 [Kaigen] (état de siège). Ngài phong tước vị cùng các vinh hàm. Ngài có quyền đại xá, ân xá, giảm tội, phục quyền.

Ta xem những chức quyền kể ra trên đây, thì biết Thiên hoàng Nhật Bản, về lập pháp, về hành chính cùng là nội trị ngoại giao, đều có quyền trọng đại độc lập đến thế nào! Nhất là có quyền ra sắc lệnh trong khi quốc gia có việc khẩn cấp, và một mình ngài tự ý quyết định những việc khai chiến, giảng hòa, ký ước như thế, nội hàng nguyên thủ các nước lập hiến đời nay, thật ít có ông nào được rộng quyền tới bực đó.

NỘI CÁC - Dưới Thiên hoàng thì có Quốc vụ đại thần 国務大臣 [Kokumu daijin] hay là Nội các phò tá Thiên hoàng, gánh vác trách nhiệm; nhất thiết giấy tờ gì thuộc về việc nước, phải có một vị đại thần Quốc vụ ký tên với Thiên hoàng mới có hiệu lực.

Kể theo phép nước, thì Quốc vụ đại thần là tay sai thân cận của Thiên hoàng, thay thế Thiên hoàng mà lo trách nhiệm; nhưng kể lẽ công, thì trách nhiệm của Quốc vụ đại thần phải chịu, chỉ là đối riêng với Thiên hoàng

thôi. Quốc vụ đại thần tức là Nội các (Cabinet), gồm tất cả các ông tổng trưởng các bộ, ông làm đầu hết gọi là Nội các tổng lý đại thần 内閣総理大臣 [Naikaku Souri Daijin] (premier ministre), quen kêu là thủ tướng.

KHU MẬT VIỆN - Ngoài Nội các, có Khu mật viện 枢密院 [Suumitsuin]. Cơ quan này để khi nhà nước có công việc gì trọng yếu, thì Thiên hoàng hỏi ý kiến. Khu mật viện đại thần cùng Quốc vụ đại thần đều là bực quan lớn thân cận phò tá Thiên hoàng.

Những lúc cần ra mệnh lệnh khẩn cấp, cần ra luật giới nghiêm, hay là phân xử về những việc tài chính quan hệ đặc biệt, Thiên hoàng phải hỏi ý kiến Khu mật viện, nhưng mà ý kiến đó ngài vẫn có quyền tự do nghe theo hay là bác bỏ cũng đặng.

Theo Hiến pháp định, nhất thiết quốc gia đại chính, Thiên hoàng phải hỏi ý kiến Khu mật viện đã đành, mà tự Khu mật viện cũng có quyền bàn soạn và xướng nghị nữa. Xem vậy thì biết Khu mật viện có địa vị lớn lao ở trên đàn chính trị Nhật Bản, nhất là bởi những người được sung vào viện này, nếu không là bậc quốc gia nguyên lão, thì cũng hạng danh vọng hưu quan và mấy tay học vấn uyên bác.

Khu mật viện ở Nhật là một cơ quan ít thấy nước nào có. Tuy Anh quốc có cơ quan hơi giống, gọi là Hội đồng tư mật (Privy Council), nhưng đến địa vị và quyền hạn so sánh với Khu mật viện của Nhật thì khác hẳn nhau.

**LẬP PHÁP**

ĐẾ QUỐC NGHỊ HỘI - Hiến pháp Nhật Bản đặt ra Đế quốc nghị hội 帝国議会 [Teikokugikai], gồm cả hai viện Quý tộc và Chúng nghị nhập chung lại mà thành lập. Lấy danh nghĩa mà nói, đại khái cũng như ở nước Pháp khi bầu tổng thống hay là khi nhà nước có đại sự, ví dụ như muốn sửa lại Hiến pháp thì cả Thượng nghị viện (Sénat) cùng Hạ nghị viện (Chambre des députés) nhóm chung lại ở đền Versailles thành ra Quốc gia hội nghị (Assemblée Nationale) vậy.

QUÝ TỘC VIỆN - Quý tộc viện 貴族院 [Kizokuin] ban đầu mới lập, định số nghị viên có trên 300 người; đến năm 1925, tăng lên 420 người.

Những người sau được sung vào viện Quý tộc:

1. Các ông hoàng thân đúng tuổi;
2. Hạng quý tộc được phong tước Công 公 [Kou] và tước Hầu 侯 [Kou];
3. Hạng quý tộc được phong tước Bá (伯 Haku], tước Tử 子 [Shi], tước Nam 男 [Dan], thì mỗi họ nhóm hội đồng tộc chọn lựa mỗi họ mấy người sung vào Quý tộc viện;
4. Nghị viên sắc tuyển là hạng có công lớn với quốc gia hay là có học thức danh vọng cao, bất cứ ở giai cấp nào, Thiên hoàng hạ sắc kén chọn và phong làm nghị viên trong viện Quý tộc.
5. Hạng người nạp thuế nhiều hơn hết ở các phủ huyện, cũng do Thiên hoàng hạ sắc kén chọn.

Gần đây lại chọn thêm bốn người ở trong Học sĩ viện 学士院 [Gakushiin] ra nữa.

Trong năm hạng trên đây, hạng 3 và hạng 5, kỳ hạn làm nghị viên 7 năm, còn ba hạng 1, 2 và 4 thì mãn đời.

Xem cách tổ chức Quý tộc viện thế ấy, hoàn toàn là một cơ quan đại biểu cho những bậc quý tộc, phú hào và quan liêu. Những bậc này đều là phần tử có đặc quyền trong xứ, và có cái tinh thần phong kiến như xưa.

CHÚNG NGHỊ VIỆN - Chúng nghị viện 衆議院 [Shugiin] ban đầu có trên 300 nghị viên, đến năm 1925 tăng lên 464. Tính ra trong 12 muôn người, có một người làm nghị viên.

Cách tổ chức viện này, có thể lệ riêng, chớ trong Hiến pháp không biên định rõ.

Phép tuyển cử đại khái là chia trong nước ra từng khu tuyển cử lớn; mỗi phủ huyện (nên biết phủ huyện bên Nhật tức là tỉnh ở các nước khác) là một khu, mỗi đô thị lớn cũng thành riêng một khu. Mỗi khu cử ra mấy nghị viên tùy theo dân số.

Nước Nhật cũng dùng cách tuyển cử có hạn chế. Mấy hạng người đúng lệ sau đây mới có quyền đầu phiếu:

1. Con trai đúng 25 tuổi;
2. Phải có chỗ ở luôn trong khu tuyển cử 1 năm trở lên;
3. Từ một năm trước và sau đó cũng thế, có nạp thuế chánh ngạch 15 yên (円 yen) trở lên.

Người ra ứng cử, cũng phải là hạng có tư cách và nạp khoản thuế như trên mới được.

Bởi vậy ban đầu cả nước Nhật chỉ có 45 muôn người có quyền tuyển cử mà thôi. Lệ ấy giữ mãi đến năm 1900 mới sửa lại; người ra ứng cử không bị hạn chế về mặt tài sản phải có bao nhiêu; còn người đầu phiếu thì sự hạn chế tài sản cũng giảm xuống, ai đóng thuế ruộng hay thuế khác 10 yên và đóng được một năm rồi, tức thị có quyền đi bỏ thăm.

Nhờ nới rộng ra như thế, nên số dân tuyển cử tăng lên được 150 muôn.

Tới năm 1919, lại nới rộng nữa: Ai nạp thuế 3 yên, đủ tư cách là người cử tri. Số dân tuyển cử tăng lối 300 vạn.

Từ đây trở về trước, chế độ tuyển cử ở Nhật hạn chế ít người như thế, rõ ràng Hiến pháp chỉ cho những người về giai cấp hữu sản nhiều ít mới được quyền bỏ thăm nhất là có ý thiên trọng về hạng địa chủ tài chủ, chớ chưa có tinh thần dân trị bao nhiêu. Mãi đến năm 1925, thì mới thi hành chế độ Phổ thông tuyển cử 普通選挙 [Futsuu Senkyo] (Suffrage universel).

Từ đó tới nay, phàm là đàn ông dân Nhật, 30 tuổi trở lên, chẳng kể có đóng thuế gì hay không, hết thảy đều có quyền tuyển cử Chúng nghị viện. Số dân bỏ thăm bèn lên đến 13 triệu người. Thế là từ năm 1925, dân Nhật mới thiệt là có quyền tham chính và chính trị Nhật mới bắt đầu ngả về con đường dân trị vậy. Ấy là nhờ nơi thế lực dân chúng khoảng 15 năm nay tiến lên mạnh lắm.

Theo lệ, những người làm quan lại trong triều ngoài quận, cùng là thầy tu, học trò, thầy giáo tiểu học, cho đến những người bao thầu công việc tạo tác của chính phủ, đều không được phép cử làm nghị viên.

Quý tộc viện và Chúng nghị viện, mỗi viện đều có chánh nghị trưởng, phó nghị trưởng. Với Quý tộc viện thì chánh phó nghị trưởng do Thiên hoàng chọn người sắc phong. Còn Chúng nghị viện cũng do Thiên hoàng kén chọn 3 người trong viện, để cho viện bỏ thăm cử lên làm nghị trưởng.

Cũng như Hạ nghị viện các nước, sổ dự toán công nho của nước Nhật mỗi năm, chính phủ phải đưa ra Chúng nghị viện xem xét, có công nhận mới được. Duy có nhiều khoản chi tiêu thuộc về đại quyền của Thiên hoàng (như lương quan văn võ, quân phí hải lục và mấy khoản do theo điều ước mà phải chi tiêu) cùng là các khoản phí dụng của chính phủ theo như nghĩa vụ pháp luật đã định, nếu không được chính phủ đồng ý, thì nghị viện không có quyền bác đi hay giảm bớt. Tóm lại, Hiến pháp cho Quốc hội có quyền về tài chính hẹp lắm.

Nhất thiết pháp luật gì cũng phải trải qua Đế quốc Nghị hội, nghĩa là hai viện Quý tộc và Chúng nghị họp chung lại bỏ thăm công nhận thi hành thì mới có hiệu lực. Hai viện Quý, Chúng, đều có thể trình ra những pháp án 法案 [Houan] (Projets de loi) để viện xét định. Lại được xướng nghị cùng chính phủ, tâu bày lên Thiên hoàng. Đánh thuế mới, giảm thuế cũ, cũng phải do Đế quốc Nghị hội đồng ý.

Còn Hiến pháp, khi muốn sửa sang thay đổi điều gì, duy có Thiên hoàng và chính phủ mới được xướng nghị, chớ Nghị hội không được, Nghị hội chỉ có quyền bàn bạc và quyết định thôi. Không như bên Pháp, chính Hạ nghị viện có quyền xướng nghị sửa sang Hiến pháp, rồi đưa ra Quốc gia hội nghị (Assemblée Nationale) quyết định. Té ra bộ Lập pháp ở các nước khác cao, mà ở nước Nhật lại có địa vị thấp kém.

## CÁC CỤ NGUYÊN LÃO

Hiến pháp Nhật Bản, trên đây là xét về hình thức, giờ ta thử xem qua thiệt tế, thấy có một đôi chỗ lạ lắm.

Cứ lấy hình thức của Hiến pháp mà nói, như đã bày tỏ ở trên, thì chính trị đại quyền nước Nhật, phó thác ở tay đức Thiên hoàng là đấng quốc gia nguyên thủ. Song, xem đến thực tế, thì chính quyền lại không ở Thiên hoàng mới kỳ. Thiên hoàng Nhật Bản tôn nghiêm vậy chớ, mà không có

quyền được như Mỹ quốc Tổng thống hay Đức quốc Hoàng đế lúc nọ đâu. Đến đỗi chính một nhà học giả chính trị ở Nhật đã nói:

"Kể về quyền lực, Thiên hoàng Nhật Bản là bậc nhỏ nhất trong hàng quân chủ ở thế giới. Quân chủ một nước chân chính Lập hiến là Anh hoàng kia, có quyền lớn hơn Nhật hoàng nhiều. Ở nước Nhật, đức Thiên hoàng tôn nghiêm, là theo hình thức về địa vị xã hội mà tôn nghiêm đó thôi, chớ không phải là ngài chiếm được địa vị trọng yếu bực nhất về chính trị đâu".

Chiếu theo điều khoản trong Hiến pháp thì Thiên hoàng Nhật Bản vừa làm vua vừa thống trị; nhưng xem đến thực trạng chính trị nước Nhật, thì Thiên hoàng là đấng nguyên thủ chỉ ở ngôi vua mà không thống trị.

Mà chính trị đại quyền, lại cũng không ở Nội các. Ai nấy đều biết vua nước Anh có cái danh thống trị, rứa mà chính trị Anh quốc thực ở trong tay Nội các có hoàn toàn trách nhiệm. Nội các Nhật Bản không được như thế. Tiếng là Quốc vụ đại thần hay Nội các lấy danh nghĩa Thiên hoàng và thay mặt vâng mệnh Thiên hoàng, nắm giữ hết thảy quyền hành, song mấy ông đó không phải hoàn toàn được độc lập hành động bao giờ. Kỳ thực, sự hành động của Nội các hay Nội các có chính sách gì, thường phải chịu một cái thế lực đặc biệt khác hoặc sai khiến hoặc cầm chừng; cho tới vận mệnh của Nội các cũng phải nằm ở trong cái thế lực đó mà còn, mất, nên, hư.

Thế lực gì vậy?

Ấy là thế lực các cụ nguyên lão.

Ta nên biết chính trị Nhật Bản có Nguyên lão viện là một cơ quan đặc biệt, không thấy nước nào có.

1. Nguyên lão viện là một cơ quan ở ngoài pháp luật và Hiến pháp, chỉ do thói quen mà có đó thôi. Thiên hoàng lựa mấy ông lão thần sung vô viện đó, vừa để thưởng tặng công lao, vừa để hỏi han quốc kế.
2. Bình thường, các cụ nguyên lão không có chức vụ gì nhất định. Trừ ra khi nào quốc gia có việc phi thường, thì bấy giờ nguyên lão có chia nhau gánh vác những chức vụ quan hệ. Như hồi Nhật Nga chiến tranh, nguyên lão Y Đằng Bác Văn chuyên lo ngoại giao; nguyên lão Tỉnh

Thượng Hinh, Tùng Phương Chính Nghĩa 松方正義 [Matsukata Masayoshi] chuyên lo lý tài, nguyên lão Sơn Huyện Hữu Bằng [山県有朋 Yamagata Aritomo], Đại Sơn Nham 大山巖 [Ooyama Iwao] chuyên lo quân sự.

3. Nguyên lão không nhất định số người là bao nhiêu ông, bởi vậy có lúc nhiều, có lúc ít. Hiện nay hình như càng ít lắm, mà có thực lực và oai quyền nhất hạng, là ông nguyên lão Tây Viên Tự 西園寺 [Saionji]; ta thấy mỗi khi Nhật Bản có chính cuộc biến động đổi thay, Thiên hoàng đều triệu ông Tây Viên về triều vấn kế.

Chỗ bày tỏ ra quyền lực Nguyên lão rất lớn, là lúc có việc thay đổi Nội các. Thiên hoàng hay hỏi nguyên lão để nhất định người nào có thể đứng ra tổ chức Nội các mới. Bởi vậy thiệt sự Nguyên lão có quyền quyết định tối hậu, là vì khi nào Thiên hoàng cũng y theo ý kiến của nguyên lão mà quyết định giao phó Nội các cho ai. Tức như ba bốn năm nay, Nội các Nhật Bản thay đổi từ Khuyển Dưỡng Nghị đến Trai Đằng 斉藤 [Saitou], tới Cương Điền 岡田 [Okada] bây giờ, mỗi lần ta đều thấy báo đăng tin Chiêu Hòa Thiên hoàng 昭和 [Shouwa] triệu ông nguyên lão Tây Viên Tự chống gậy lọm khọm về kinh hỏi han chính sự; mỗi lần Thiên hoàng giao phó việc tổ chức Nội các cho người nào cũng do ông Tây Viên Tự tấn cử.



KHUYỂN DƯỠNG NGHỊ 犬養毅 [Inukai Tsuyoshi] (1855-1932) - Một người có công to trong hồi duy tân năm 1932, khi đang làm Thủ tướng, bị bọn võ quan quá khích vô tận trong dinh bắn chết.

Bởi có sự vấn chính và sự tiến cử đó, nên chi vận mệnh Nội các và đến cả chính cuộc Nhật Bản nữa cũng thường quan hệ ở thế lực của nguyên lão. Tiếng rằng nguyên lão tấn cử người lập Nội các rồi thôi, sau không có quyền gì trực tiếp can thiệp vào chính sách của Nội các, nhưng kỳ thực vẫn là có quyền can thiệp gián tiếp. Tuy mấy ông nguyên lão ở xa một nơi, mà thế lực oai quyền của mấy ông vẫn quan hệ tới chính sách và sinh mạng của Nội các luôn luôn. Thuở nay thấy hiếm gì Nội các bị nguyên lão can thiệp mà vướng phải cơ nguy? Hiếm gì Nội các làm mấy cái chính sách bị

phái Nguyên lão không dung mà đến phải từ chức? Thế lực Nguyên lão là thế lực ngầm, nhưng mà lớn lắm.

Sở dĩ phái Nguyên lão ở trong chỗ vô hình mà có ảnh hưởng oai quyền đến chính cuộc Nhật Bản như thế, là bởi các cụ già đó đều là người đại biểu của cái thực lực chính trị nước Nhựt: Phiên phiệt.

Độc giả đã rõ công nghiệp duy tân xây dựng lên phần lớn nhờ nơi hai cường phiên là Tát phiên và Trường phiên, cho nên tự nhiên họ lũng đoạn cả chính quyền, bao nhiêu chức trọng quốc gia, đều là người vây cánh của hai cường phiên chia nhau nắm giữ hết. Ngoài chính trị ra, tới quyền hải quân và lục quân, cũng là ở trong tay của nhân sĩ hai phiên chia nhau nữa. Hồi vua Minh Trị đặt riêng hai bộ Lục quân và Hải quân, nhân sĩ Tát phiên giữ hải quân, nhân sĩ Trường phiên giữ lục quân. Một nước chỉ có chính trị và võ lực là hai cái sức mạnh nhất, mà nhân sĩ hai phiên Tát, Trường nắm cả, thì lẽ đương nhiên họ là phái thực lực trong nước, có thanh thế oai quyền đến cả toàn cuộc chính trị vậy.

Những ông khai quốc công thần hay là chính trị tiền bối, phần nhiều là nhân sĩ của phiên này hay phiên kia tin dùng cất nhắc ban đầu, đến sau già cả hưu quan, được lựa chọn lên bậc nguyên lão; cố nhiên các ông là đại biểu Phiên phiệt và dựa vô đó mà có quyền lực ngấm ngầm to lớn nhất nước, nhắm không lạ gì.

Nói tóm lại, thiệt tình chính trị Nhật Bản: Quân nhân cầm cốt chính trị, Phiên phiệt cầm cốt binh quyền, mà Nguyên lão là đại biểu của Phiên phiệt, vì các ông nguyên là bậc tiền bối, thế lực trong Phiên phiệt mà ra, cho nên trên đàn chính trị, nguyên lão có địa vị đặc biệt, có thế lực đặc biệt, không ai qua đặng.

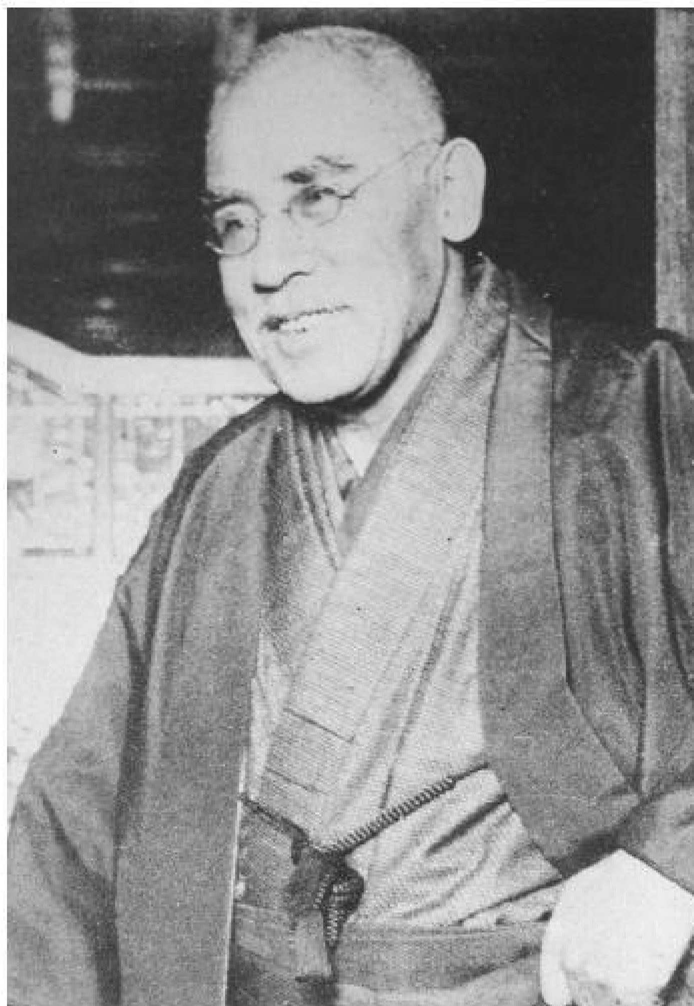
Xưa kia gọi là Phiên phiệt, tức nay gọi là Quân phiệt 軍閥 [Gunbatsu]; tuy danh hiệu có đổi dời, chớ đến thực lực oai quyền ở trong nước thì vẫn thế. Ta xem việc chinh phục Mãn Châu mấy năm nay đủ biết. Từ năm 1931 tới giờ, mấy lần thay đổi Nội các, Chiêu Hòa Thiên hoàng vời ông nguyên lão Tây Viên Tự Công Vọng 西園寺公望 [Saionji Kinmochi] về kinh đô hỏi ý kiến, lần nào ta cũng thấy ông tiến cử một người đồng tình với quân

giới và ông tán thành cái chính sách võ lực của phe Quân phiệt luôn luôn. Đến bậc khai quốc công thần, chính đảng lãnh tụ, như Khuyển Dưỡng Nghị, ra cầm chính quyền trong năm 1932, chỉ vì không chịu thế lực Quân phiệt sai khiến mà bị mấy viên tiểu tướng xông vào tận dinh bắn chết!

## CÓ NĂM VIỆC LÀM DẤU TỎ RA CHÍNH TRỊ NHẬT BẢN CÓ THẾ BIẾN HÓA

Tuy chủ não và giới hạn của cuốn sách này chỉ hạn định trong cái vòng 30 năm Nhật Bản duy tân, nhưng tôi thiết tưởng về vấn đề chính trị, sẵn dịp đang nói, nên nói cho luôn: ta có thể tạm thoát xa vòng hạn định mà nói rộng ra một chút cũng không sao.

Tính chất và thực trạng của chính trị Nhật Bản, như mấy đoạn trên đây đã nói, bắt đầu từ Minh Trị sơ niên, cho đến năm 1914 có Âu châu đại chiến phát sinh ra, đại thế trước sao sau vậy, không có biến động lớn lao mấy.



GIA ĐẰNG CAO MINH 加藤高明[Katou Kataaki] (1860-1926) - Người làm cho số dân có quyền tuyển cử được tăng lên nhiều.

Nhưng ta dòm xem sự tình nước Nhật từ lúc Âu chiến trở lại đây, hình như chính trị của họ đang ở trong hồi thay đổi. Cứ lấy mấy việc sau này mà xét, người ta có thể nói rằng chính trị Nhật Bản nay mai chắc có cái thế biến hóa lớn lắm, chẳng phải giữ y nguyên trạng được mãi đâu.

Một là thế lực của nguyên lão có vẻ lần hồi điêu tàn. Nguyên lão trải bao nhiêu năm cầm cốt chính trị nước Nhật, tới lúc qua đời Minh trị trở đi, thì oai thế nguyên lão kém đi lần lần. Nhất là hồi có một Nội các nhân vụ Hải quân hối lộ mà bị đổ nhào, rồi họ Đại Ôi (Độc giả đã biết ông này cùng Bản Viên là phe độc lập và giữ chủ nghĩa Tiến bộ Tự do, chớ không

thuộc về Phiên phiệt) lại dấy lên cầm quyền, thì oai thế các cụ nguyên lão hình như phải chịu ảnh hưởng mà kém sút đi nhiều.

Vả lại, sự thực trong khoảng mấy năm gần đây, nguyên lão kế tiếp nhau qua đời hết bộn, chẳng những đám già tiền bối là Tỉnh Thượng, Đại Sơn, Sơn Huyện rủ nhau thành ma, ngay đến mấy cụ hậu bối như Tự Nội 寺内 [Terauchi], cũng trước sau từ giã cõi đời nữa. Ngày nay, chẳng qua chỉ còn sót lại có Tây Viên Tự cùng một hai ông hậu tiến nữa thôi. Đã vậy mà danh vọng và thế lực của các ông già hậu bối kém thua các ông già tiền bối rất xa. Vì thế mà nguyên lão lần hồi sút mất cái thế lực cầm cốt ở trên đàn chính trị Nhật Bản đi. Tuy rằng hiện nay mỗi khi có quốc gia đại sự, nhất là lúc thay đổi Nội các, Thiên hoàng vẫn chiếu theo lệ xưa, vời mấy cụ già về kinh để hỏi ý kiến, nhưng đến thực sự, mấy cụ ít có cơ hội can thiệp vào chính sách của Nội các như là hồi trước, và lại lực lượng của mấy cụ cũng nhỏ bớt đi rồi.

Hai là thế lực dân chúng nổi dậy.

Sau trận Âu chiến, cuộc sinh hoạt của dân Nhật, vì tình thế thiên hạ nguy biến đổi dời mà phải chịu ảnh hưởng khá lớn. Hồi Âu chiến, Nhật Bản thừa cơ bán được hàng hóa vật liệu ra ngoài rất nhiều, công nghệ bỗng chốc mở mang rộng lớn, trong nước bày ra cảnh tượng phồn thịnh khác hồi trước xa, mà hạng "tân phú ông" một lúc phát lên giàu có đông lắm. Xã hội thình lình có vẻ thịnh vượng phong phú; vật sản trong nước lên giá cao hơn bội phần, nhưng được hưởng lợi, chẳng qua chỉ có một số ít người, còn sinh kế của phần đông nhân dân thì trở lại hóa ra khó khăn khốn khổ.

Chừng đó vì sự kinh tế ép bức, dân chúng ra mặt bất bình; tức như hồi tháng 8 năm 1918, khắp các đô thị lớn trong nước, giá gạo bỗng dưng vọt lên cao quá, dân chúng nhân dịp này nổi lên thị oai phản kháng một cách dữ dội xôn xao.

Cuộc xôn xao này từ ý nghĩa kinh tế mà tấn lên ý nghĩa chính trị; dân chúng phản kháng thị oai, hết sức công kích những thói xa xỉ của bọn quyền quý tư bản. Phong trào lúc đó, bắt đầu đã có pha trộn ít nhiều màu mè xã hội chủ nghĩa ở trong rồi.

Sau vụ bạo động lớn đó rồi thì kế tới chỗ này chỗ kia, có cuộc đình công xảy ra lung tung. Giữa năm 1919, Nội các Tự Nội là nội các thay mặt Phiên phiệt bị đánh đổ nhào, nhà bình dân chính trị là Nguyên Kính 原敬 [Hara Takashi] nghiễm nhiên đứng ra vâng mệnh tổ chức Nội các mới, thay mặt cho chính đảng Chính hữu hội. Ấy là lần thứ nhất có một nhà chính trị bình dân ra cầm quyền chính.

Việc biến động này có ý nghĩa và phạm vi rộng lớn, mà tính chất của nó rõ ràng là chống chọi với cái trật tự đã thành nền nếp bấy lâu. Ta xem việc đó đủ thấy dân chúng Nhật Bản gần đây đã tự giác nhiều; họ đối với chính phủ đã nhẹ bớt cái thói quen sợ sệt tôn trọng đi, vô số lại còn ra mặt bất bình với chế độ đang thi hành đó nữa. Vả chăng giữa lúc dân chúng rộn rực vận động thị oai, mà bỗng chốc có nhà lãnh tụ một chính đảng ròng là bình dân được Thiên hoàng vời ra giao phó quyền chính quốc gia cho như thế, chính là một việc phá lệ ở trong lịch sử Hiến pháp nước Nhật, vì cái trách nhiệm đó, địa vị đó, thuở nay thường chuyền tay nối gót nhau trong đám Phiên phiệt và quý tộc mà thôi. Như vậy chẳng phải chứng tỏ ra rằng chính trị Nhật Bản rục rịch có cơ thay đổi màu mè, chẳng phải thế lực dân chúng đã lần hồi trở nên to lớn là gì!

Thứ ba là oai thế của phe quân nhân cũng đã giảm bớt. Nước Nhật sau cuộc duy tân, lấy chủ nghĩa quân quốc 軍国主義 [Gunkoku Shugi] (militarisme) như kiểu người Đức, làm cơ sở lập quốc. Người trong nước tôn trọng sùng bái quân nhân không khác nào đối với thần thánh. Bởi vậy đám Quân phiệt được trớn mà chuyên chế ngang tàng, là sự thường thấy.

Song gần đây xem ra dân Nhật có một bộ phận quan hệ, không có vẻ quá trọng quân nhân như trước, thế lực của quân nhân cũng hết lừng lẫy quá như lúc xưa. Nhất là thời thế dồn dập, kinh tế nguy nan như mấy năm nay, chỉ riêng có phe quân nhân hay phùng mang trợn mắt, lăm le chiến tranh, chớ dân chúng thiệt tình không muốn.

Cũng vì quân nhân đã hơi kém thế, nên chi mấy năm trước ta mới được thấy có một Nội các dám đưa ra cái nghị án rút bớt niên hạn đi lính cho dân; vả lại, mấy chức trọng ở hải ngoại, như chức Tổng đốc thuộc địa Đài

Loan, Cao Ly, cũng có thể đổi dùng quan văn nhiều khi, chớ trước kia chức ấy luôn luôn về tay quan võ.

Mặc dầu có việc chiếm đoạt Mãn Châu mới rồi chính là thủ đoạn quân nhân, mặc dầu hiện nay đám quân nhân đang hăm he dự bị chiến tranh dữ lắm, nhưng sự thực thế lực quân nhân đối với dân chúng kém sút nhiều rồi, không quá lớn lao như trong đời Minh Trị nữa. Ta có thể nói rằng chính trị nước Nhật có cơ thoát ly cái thế lực quân nhân đi lần lần, cuộc dân trị chỉ trong nay mai chắc thực hiện được.

Thứ tư là quyền tuyển cử của dân được mở rộng.

Độc giả biết ban đầu Hiến pháp mới ban hành, số dân có quyền bỏ thăm ít lắm, duy có giai cấp tư sản mới được hưởng quyền ấy thôi. Các nhà chính trị hô hào dân quyền tự do, lớp trước như Đại Ôi, Bản Viên, lớp sau là Nguyên Kính, Gia Đằng, rất là hăng hái với chủ nghĩa dân trị. Sau cuộc Âu chiến rồi, phong trào dân chúng nổi lên tưng bừng, khiến cho vấn đề mở mang quyền lợi công dân càng thấy nao nức.



NGUYÊN KÍNH 原敬 [Hara Takashi] (1856-1921) - Người đầu tiên tổ chức một nội các bình dân.

Hồi năm 1919, nhà chính trị bình dân là Nguyên Kính vâng mạng tổ chức Nội các xong rồi, liền đưa ra cái pháp án mở rộng quyền tuyển cử. Từ ấy trở đi, dư luận sẵn trớn nổi lên xôn xao một hai đòi nhà nước phải sửa sang chế độ tuyển cử cho thật có tinh thần dân chủ mới nghe. Lúc trước, trong 60 triệu dân Nhật, chỉ có 160 vạn người được quyền tuyển cử; nhờ có Nguyên Kính yêu cầu cải cách, số người đó mới tăng lên tới 300 vạn.

Thế mà sự cải cách ấy dân còn chê là ít; họ trách nhà nước chỉ làm nửa chừng; họ bất bình ra mặt, gây nên náo động khắp cả trong ngoài nghị viện, đến đỗi qua tháng 2 năm sau (1920), Chúng nghị viện bị giải tán.

Sau lúc bầu cử Chúng nghị viện mới, tuy là phe của chính phủ chiếm được nhiều ghế hơn, nhưng mà dân chúng vẫn cứ hoạt động ồn ào dữ dội, một hai đòi cho được chế độ phổ thông đầu phiếu, mới thỏa lòng dân.

Rốt lại đến năm 1925, hồi Gia Đằng làm Nội các tổng lý, bấy giờ cái án phổ thông tuyển cử mới làm xong. Từ đây trở đi, phàm là dân đàn ông nước Nhật, hễ đúng 30 tuổi, tức thị có quyền bỏ thăm bầu cử Chúng nghị viện, chớ không hạn là có nạp thuế gì hay không. Nhân đó số dân đầu phiếu tăng lên 13 triệu.

Dân chúng Nhật Bản vận động kèo nài cho được cái quyền tham dự chính trị một cách rộng rãi như thế, lấy ngày giờ mà nói thật là tấn tới đáo để. Nhất là từ lúc khai quốc duy tân tới ban hành Hiến pháp cho đến lúc đang nói đây, ngày giờ chưa có bao nhiêu lâu. Ta xem đường đi nước bước của dân chúng Nhật Bản tấn tới mau lẹ thế ấy, chỉ tỏ cho ta thấy rằng hễ nào nay mai chính trị Nhật Bản cũng xoay về con đường dân trị hẳn hoi; bao nhiêu dấu vết phong kiến quý tộc, sẽ thành ra một cổ vật, cỏ dậy rêu phong!

Thứ năm là có cơ chính đảng nối gót nhau tổ chức Nội các.

Từ năm 1898, hai đảng của Đại Ôi và Bản Viên hợp nhau lại tổ chức Nội các mà bị thất bại trở đi, trong chính giới Nhật lâu lắm không có Nội các chính đảng nào dựng lên được, về sau tuy có nhiều phen, đảng Chính hữu hội ghé vai vào Nội các này kia nhưng đó chẳng qua là chính đảng phải chịu đầu hàng ở trước oai thế của Phiên phiệt, để chia hưởng một vài cái ghế "cụ thượng" vậy thôi, chớ không phải là chính đảng được đứng lên tổ chức Nội các một mình.

Mãi tới năm 1918, Nội các Tự Nội là vây cánh bộ hạ Phiên phiệt, gặp phải lúc giá gạo mắc mỏ, dân chúng làm dữ, mà bị đổ nhào; bấy giờ mới có một Nội các của chính đảng lập ra được lần thứ nhất. Ấy chính là Nội các Nguyên Kính. Ông này là lãnh tụ đảng Chính hữu hội lúc đó. Kế sau lại có những Nội các Phiên phiệt đắp đổi nhau. Cho tới năm 1924, Nội các Gia Đằng là Nội các chính đảng lần thứ hai. Tới khoảng năm sáu năm vừa qua, có lúc lãnh tụ đảng Hiến chính là Nhược Quy 若槻 [Wakatsuki] mấy phen

làm đầu Nội các, cũng là Nội các chính đảng. Năm 1932, Thủ tướng Khuyển Dưỡng Nghị bị đảng viên bạo động xông vô trong dinh bắn chết đó, nguyên là lãnh tụ đảng Chính hữu hội đứng ra tổ chức Nội các, ấy cũng là chính đảng Nội các. Mấy kẻ giết ông nào phải ai lạ: chính là quân nhân, quân nhân tức là Phiên phiệt mà!

Tuy hai năm nay, không thấy lãnh tụ chính đảng nào ra tổ chức Nội các, nhưng mà chính đảng vẫn có can dự vô phần nhiều và có quan hệ đến vận mệnh Nội các rất lớn. Chính đảng ở Nhật gần đây, đối với chính phủ và chính trị trong nước, càng ngày càng có thanh thế, ai muốn cầm quyền, không thể nào rời bỏ hay khinh thường chính đảng như mấy lúc xưa đặng.

Chúng ta cứ xét năm cái hiện tượng biến hóa kể ra trên đây, thì biết chính cuộc Nhật Bản từ hồi Âu chiến trở đi, rõ ràng có vẻ xoay về dân trị lần lần, không phải ròng rã một màu quý tộc phong kiến như 20 năm về trước nữa. Huống chi lâu nay các phe thuộc về giai cấp vô sản trong xã hội, đã lần lượt dựng ra chính đảng, hiệp thành đoàn thể hẳn hoi; mỗi việc gì họ cũng phấn đấu cạnh tranh với các phe có sản nghiệp to, có thế lực lớn, không chịu mềm mỏng nhường nhịn chút nào.

Vậy càng tỏ ra dân chúng Nhật Bản bị đè nén ở dưới oai quyền thế lực của chính phủ Phiên phiệt bao nhiêu lâu, bây giờ họ đã lần lần tự giác về địa vị chính trị của họ, cùng nhau kết phe hợp sức lại, sắp sửa trở nên một thế lực mạnh lớn ở giữa xã hội Nhật Bản. Chính trị nước Nhật sẽ bị cái thế lực đó xô đẩy, mà sẽ trải qua một cuộc biến hóa quan hệ, chớ không sao khỏi được. Hiến pháp năm 1889 tất phải thay hồn đổi xác, chắc không giữ hoài như cũ được đâu.

Nếu nay mai có cuộc chiến tranh với một liệt cường nào, thì nội tình chính trị Nhật Bản càng phải biến hóa mau lắm. Tôi nhớ hình như có một nhà chính trị nào ở Âu châu nói rằng "một mai Nhật Bản khai chiến với ai, tất nhiên trong nước họ có một cuộc cách mạng rất lớn"; lời nói ấy có lẽ là lời nói tiên tri về chính cuộc nước Nhật đó.

# Chương VIII. LỤC QUÂN VÀ HẢI QUÂN

*Tây phương lấy võ lực khiêu khích bắt buộc Nhật Bản phải tỉnh giấc mộng xưa mà đi vào con đường mới, hèn chi trong cuộc duy tân, chính phủ Nhật Bản lấy việc sửa sang binh bị, sắp đặt quốc phòng là việc quan hệ cấp bách thứ nhất cũng phải.*

Đã nói toàn cuộc "Nhật Bản duy tân" có thể gọi tắt là một cuộc tóm thâu bắt chước hết thảy những cái gì là mới, là hay, là tài, là lạ của Tây phương. Từ chính trị, giáo dục, võ bị, khoa học cho tới kỹ nghệ, công thương, cơ khí, mỹ thuật, không có thứ nào mà Nhật không đạp đổ cái cũ, cái dở của mình, để đổi lấy cái hay, cái mới của người. Trên đường văn minh tiến hóa, họ như người khách lữ hành có việc gấp, mà đi thâu đêm suốt sáng, rảo cẳng rút đường, hầu tới mục đích địa điểm cho mau, kẻo sợ chậm trễ hư việc.

Bởi vậy, bắt đầu từ 1868 trở đi, lối 30 năm sau, Nhật Bản nghiễm nhiên trở nên một nước văn minh phú cường, trừ cái quốc hồn ra thì bao nhiêu dấu cũ vết xưa ba chục năm về trước không còn thấy tăm hơi đâu hết.

Mấy tiếng súng của Tây phương thức tỉnh và thúc hối Nhật Bản mau quá!

Đã đọc một chương ở trên xa kia, độc giả tất đã biết rõ cái cớ khiến cho Nhật Bản văn minh tự cường mau, chính là do mấy tiếng súng của Tây phương hăm he, bắt buộc. Trước là mấy tiếng súng của đoàn tàu Mỹ bắn vào Phố Hạ; sau là mấy tiếng súng của hạm đội 4 nước Anh, Lan, Mỹ, Pháp, hiệp nhau bắn vào Lộc Nhi Đảo và Hạ Quan. Những tiếng súng đó chỉ tỏ cho người Nhật thấy cái mãnh lực của Tây phương cao hơn mình muôn phần; nếu mình muốn sinh tồn, thì phải làm sao cũng bắn được những tiếng súng long trời lở đất như họ vậy mới được.

Thế là Tây phương lấy võ lực khiêu khích bắt buộc Nhật Bản phải tỉnh giấc mộng xưa mà đi vào con đường mới, hèn chi trong cuộc duy tân, chính phủ Nhật Bản lấy việc sửa sang binh bị, sắp đặt quốc phòng là việc quan hệ cấp bách thứ nhất cũng phải.

Phải xem qua cái lịch trình của lục quân và hải quân nước Nhật, mới dễ thấy cuộc duy tân của họ bày tỏ ra sự thành công kết quả đã mau chóng lại tốt đẹp vẻ vang đến thế nào?

## CÓ NGƯỜI SỚM BIẾT NGHIÊN CỨU BINH PHÁP THÁI TÂY

Ai cũng biết Lục quân Nhật Bản nổi tiếng khắp thiên hạ là thứ quân có kỷ luật nghiêm minh và dũng mãnh liều chết lạ thường. Họ ngang hàng với lục quân của Pháp và của Đức chớ không phải vừa. Nhiều người Âu châu đi xem trận Nhật Nga chiến tranh 1904-1905, đều phải công nhận.

Có lạ gì dân tộc Nhật Bản sẵn có tính cách thượng võ từ trong trứng đẻ ra, trải qua con đường lịch sử dằng dặc hai ngàn mấy trăm năm, nào là vì lẽ phấn đấu sinh tồn mà phải đánh dẹp những bộ lạc ở xung quanh họ, nào là trong nước có những việc nội loạn chinh chiến luôn luôn, thành ra từ xưa, người Nhật đã từng biết sửa sang võ bị, rèn tập lục quân là thế nào rồi. Một dân tộc có Võ sĩ đạo là quốc túy, quốc hồn, tự nhiên ai cũng biết trọng võ, ai cũng là tên lính được cả. Có thể nói Nhật Bản từ khi có lịch sử cho đến lúc được chừng 2300 năm, không có mấy chương mà không biên chép việc võ.

Chỉ duy đến đời cận kim, họ Đức Xuyên làm tướng quân, ngoài thì đóng cửa tuyệt giao, trong thì thái bình vô sự, ròng rã hai trăm mấy chục năm như thế, việc văn hết sức tấn tới, mà việc võ ra chiều lãng quên đến đỗi hình như dân Nhật không còn có thứ máu hung hăng vũ dũng như tổ tiên thuở trước nữa. Bởi vậy hồi cuối thế kỷ XVIII, năm 1789, người Nga mở mang bờ cõi sang phương Đông, ỷ mạnh xâm lấn mất cù lao Thiên Đảo 千島 [Chishima] của Nhật, mà Nhật cam chịu ngó lơ; rồi từ đó về sau thường có lá buồm tàu Tây ra vô thấp thoáng ở biển gần kề Nhật Bản luôn luôn, nhưng cũng chưa đủ kêu gọi cái hồn thượng võ thủ thân của dân Nhật tỉnh dậy.

Mãi tới năm 1853, một đoàn tàu Mỹ kéo tới Phố Hạ bắn súng rầm rầm, bấy giờ trong nước Nhật, trên dưới mới rúng động hoảng hồn, coi như tiếng sét bể núi nghiêng trời thình lình giáng hạ! Cái hồn Đại Hòa dân tộc là cái hồn thượng võ trọng binh, hai trăm mấy chục năm bị uất kết trầm

kha, nay vùng tỉnh dậy, rồi những người mang cái hồn ấy ùn ùn phấn phát giống như cái thế núi lở nước tràn, không có thứ gì ngăn cản được. Bấy giờ, trên thì mấy nhà cầm quyền Mạc phủ, dưới thì hạng chí sĩ thức thời, đều xôn xao nhìn biết sức mạnh ghê gớm của Tây phương, và nhất định làm sao mình cũng phải có quân lính tập rèn như người Tây, súng đạn dữ dằn như người Tây, thì mới sinh tồn đặng.

Song, y như một đoạn trên xa kia tôi đã nói, nước Nhật có phúc, cho nên đối với văn hóa Tây phương, trong dân gian thường sản sinh ra những hạng chí sĩ có cái óc tỉnh ngộ thời thế sớm hơn nhà cầm quyền, sớm hơn cả dân chúng, dầu về phương diện nào cũng thế. Chính hạng ấy tỉnh ngủ dậy trước, rồi đánh thức nhà cầm quyền và dân chúng dậy theo.

Như đời Đức Xuyên cấm dân nghiên cứu Tây học, còn việc mua bán thì chỉ cho phép một mình người Hòa Lan là người Tây phương được ra vô buôn bán ở đất Trường Kỳ mà thôi, nhưng vậy mà trong đám sĩ dân Nhật Bản vẫn có năm mười học giả thầm lén xem xét văn minh Tây phương. Ngay đến quân học Tây phương đời ấy cũng đã truyền qua Nhật Bản chút ít được rồi. Ta coi một chứng cớ này đủ biết.

Năm 1840, tức là trước khi có đoàn tàu Mỹ vô bắn súng thị oai ở cửa Phố Hạ 13 năm, nước Nhật đã có người dân ở Trường Kỳ tên là Cao Đảo Tứ Lang 高島四郎 [Takashima Shirou] lần mò chơi bời với người Lan, xem kiểu súng Lan, tự nhiên trong óc nảy ra kiến thức về thời thế, về sức mạnh của quân lính súng đạn Tây phương. Rồi đó Cao Đảo chuyên tâm giảng cứu binh học Tây phương ngay chẳng dụ dự chút nào! Không bù với sĩ dân nước mình, từ hồi cuối thế kỷ XVIII, có đức thầy Bá Đa Lộc đem mấy chục tay kỹ sư quân gia Pháp qua đóng tàu đúc súng giùm cho vua Gia Long, có khí giới tân kỳ đó ngài mới thắng nổi Tây Sơn, ấy chính là dịp đáng cho ta có một hai Cao Đảo Tứ Lang sớm hơn Nhật Bản 50 năm rồi chớ! Vậy mà chẳng hề có một nho gia hay một võ sĩ nào của mình thấy cái sức mạnh đó mà biết tỉnh ngộ bắt chước!

Cao Đảo học rồi dâng thư lên Mạc phủ, đại khái nói rằng:

“Thanh quốc (青国 tức là nước Tàu lúc đó) bị Âu binh đánh phá tan tành, là vì binh khí của Thanh dùng theo kiểu xưa, quân lính tập rèn lối cũ, không có thế nào chống lại được với binh khí quân sĩ lối mới đời nay. Nếu như nước Nhật ta không mau mau sửa sang binh khí, quân đội và chiến pháp, thì việc quốc phòng của ta không có thế nào khỏi nguy được đâu. Vậy xin tướng quân nên mau thi hành cuộc đại cải cách về việc binh cơ võ bị mới đặng…”

Vừa nói vừa làm, Cao Đảo lại cậy người Hòa Lan mua một ít súng đạn ở nước Hòa Lan đem qua, rồi tự mình rèn tập võ nghệ tân thời cho một số em cháu học trò. Khi tập rèn thành thuộc đâu đó rồi, chính Cao Đảo dẫn toán lính mới, bồng súng mới đó, lên tới Giang Hộ, để phô bày trước mắt, hầu chỉ tỏ cho Mạc phủ thấy việc nghiên cứu Tây học là việc cần kíp dường nào. Tuy nhà cầm quyền chần chừ nghi ngại, chưa chịu nghe lời Cao Đảo mặc lòng, chớ Cao Đảo cũng đã làm cho Mạc phủ hơi tỉnh ngộ về thế lực Tây phương nhiều ít.

Trở về quê hương, Cao Đảo mở trường dạy học luyện binh đúc súng kiểu Tây. Có nhiều chí sĩ thức thời vẫn dốc lòng khâm phục binh pháp Tây phương, giờ kéo tới Trường Kỳ thờ kính Cao Đảo làm thầy càng ngày càng đông. Cao Đảo cùng người học trò giỏi nhất là Giang Xuyên Thái Lang 江川太郎 [Egawa Tarou], mở xưởng đúc súng đạn riêng mà tự thảo ra trận đồ phòng giữ đất nước. Tia sáng “binh pháp duy tân” của Nhật Bản, chính là từ trong nhà Cao Đảo mà bật lên chiếu rọi trước hết vậy.

Tội nghiệp Cao Đảo về sau bị nhà cầm quyền sinh nghi là có chi lạ sao đó, nên chi cuối năm 1842, Cao Đảo bị bắt hạ ngục rồi chết luôn trong ngục.

Tới đây, tôi động lòng vụt nhớ lại cảnh ngộ của ông Nguyễn Trường Tộ mình ở đời Tự Đức cũng dâng thư yêu cầu cải cách về học thuật võ bị, không được triều đình biết nghe, lại còn sinh nghi rồi giam cầm ông ta chết khô trong ngục. Thân thế Trường Tộ giống như Cao Đảo; chỉ khác nhau một chỗ, là Cao Đảo có thực nghiệm ít nhiều, còn Trường Tộ chỉ cao đàm trên giấy. Thành ra, cùng là vì việc quốc gia thời thế mà chết khô như nhau, nhưng mà một người có lưu lại ảnh hưởng với hậu nhân, một người thì vô bổ cho quốc sự!

Mặc lòng Cao Đảo gặp bước chẳng may cho đời mình, nhưng mà công nghiệp khởi sáng của Cao Đảo vẫn sống đời đời. Người Nhật đều nói: "Ông tổ Tây phương binh pháp ở nước Nhật, chính là Cao Đảo!".

Người nọ mang họa mà chết, tức thời có người kia nối chí mà dấy lên ngay, không sợ gì hết. Nội cái tinh thần vô úy của chí sĩ Nhật như thế, đủ khiến cho Nhật ít năm sau trở nên văn minh hùng cường tới bao nhiêu lần cũng đáng.

Nối chí Cao Đảo, chính là Giang Xuyên; học trò ra tay làm cái việc của thầy học để lại.

Giang Xuyên cứ mở trường dạy học trò tập binh đúc súng và lo việc quốc phòng như Cao Đảo trước. Một mặt Giang Xuyên khéo tỏ bày thời thế, mà được mấy cụ Các lão của Mạc phủ tin dùng. Mạc phủ giao cho Giang Xuyên xây hai pháo đài ở Hạ Điền 下田 [Shimoda] và Phẩm Xuyên 品川 [Shinagawa], làm như hai bức thành đá, hộ vệ Mạc phủ. Đến năm 1855, nghĩa là sau khi đoàn tàu Mỹ qua Phố Hạ 2 năm, thì Giang Xuyên mang bệnh qua đời.

Người Nhật đều nói: "Nhờ nơi Cao Đảo, Giang Xuyên, hai thầy trò sốt sắng gan dạ, mới mở ra đầu mối sửa sang binh pháp tân thời cho Mạc phủ, mà cũng chính là hai ông tổ sư của Lục quân Nhật Bản ngày nay".

## ĐẠI KHÁI LAI LỊCH CỦA LỤC QUÂN NHẬT TỪ MẠC PHỦ ĐẾN ĐỜI MINH TRỊ

Sau đó, cả về hải quân và lục quân, Mạc phủ đều lo sửa sang lại, và mua sắm binh khí tân thời để cho việc quốc phòng được vững vàng. Mạc phủ lại tự mở ra xưởng chế tạo súng đạn nữa. Các phiên bang cũng bắt chước; mỗi phiên đều mở ra xưởng súng đạn riêng của mình. Tự nhiên ban đầu súng đạn ấy chế tạo ra chưa tốt, nhưng mà nhờ có chỗ "lo thân và dè người" nó xui khiến, thúc giục, thành ra chỉ trong ít năm, công cuộc chế tạo binh khí lối mới ở nước Nhật được tấn bộ mau lắm.

Đến hồi tàu chiến của Anh bắn vào đảo Lộc Nhi 鹿児島 [Kagoshima) (1863) và năm sau hạm đội 4 nước Anh, Pháp, Mỹ, Lan, kéo

tới bắn vào Hạ Quan (1864), nước Nhật thêm cơ hội tỉnh ngộ ra rằng chỉ có súng bền đạn tốt cũng chưa đủ cho mình cự ai hay là đánh người được, tất nhiên phải khéo luyện tập binh đội nữa mới xong.

Rồi năm 1862, Mạc phủ theo kiểu Tây mà lập ra được 3 binh đội: Bộ binh 8.306 người; kỵ binh 1.068 người; pháo binh dã chiến (dùng đánh nhau ngoài đồng) 800 người; pháo binh yếu tắc (giữ chỗ hiểm yếu, ví dụ như pháo đài) 2.045 người; tướng sĩ 1.406 người; cộng lại mấy đạo lục quân được 13.625 người. Lại bắt chước Tây phương mà định ra thứ bậc danh hiệu các tướng tá ở lục quân và hải quân, rồi phái người đi Âu châu nghiên cứu binh chế.

Tới năm 1867, Mạc phủ mướn mấy vị võ quan Pháp sắp đặt và thao luyện lục quân cho mình. Các phiên bang cũng đua nhau sửa sang võ bị lối mới; có điều là mỗi phiên tự ý bắt chước cách thức của một nước Âu châu, chớ không nhất định một thứ. Nhưng cũng năm 1867 đó, Mạc phủ đem quyền chính dâng trả Thiên hoàng, rồi sang năm sau là Minh Trị nguyên niên, bắt đầu mở ra lịch sử duy tân cho nước Nhật.

Một hai năm đầu Minh Trị, tuy là chính quyền đã trả lại nhà vua, nhưng mà binh quyền thì chưa, vì còn ở trong tay các phiên, mỗi phiên, có quân đội riêng: phiên theo kiểu Anh, phiên theo lối Đức.

Minh Trị Thiên hoàng sai Sơn Huyện Hữu Bằng (37 năm sau làm đại tướng trong trận đánh Nga) và Tây Hương Tông Đạo cùng đi qua các nước Âu châu, xem xét binh chế. Tháng 8 năm Minh Trị thứ 3, hai ông này về nước, gánh vác công việc sửa sang quân chính.

Bấy giờ Nhật Bản mới nhất định lựa chọn theo kiểu Pháp quốc mà tổ chức lục quân của mình, các phiên cũng lần lần trả lại đất cát cùng binh quyền cho nhà vua thống nhất. Lúc này trở đi, lục quân Nhật Bản mới thiệt là bước vào thời kỳ tổ chức theo lối mới, huấn luyện theo lối mới.

Ta nghĩ coi quân đội một nước trải mấy ngàn năm quen đánh nhau bằng giáo mác gươm đao, vả lại kỷ luật không rành, giáo dục ít có; nay bỗng xóa bỏ hết lớp cũ, để tạo lập ra lớp mới tinh, lẽ tự nhiên công cuộc cải cách này vừa vất vả khó khăn, nhưng thật là công trình vĩ đại lắm vậy. Nhất là luyện

tập lục quân kiểu mới mà sau 37 năm nữa đã đem ra thử sức với lục quân của một đại cường quốc lâu đời là nước Nga, rốt cuộc binh Nhật toàn thắng, càng tỏ ra công cuộc cải cách mau lẹ rõ ràng biết sao mà nói cho cùng.

Tôi tiếc không thể nói kỹ về công cuộc cải cách binh pháp của đời Minh Trị từ ly từ chút, là vì giới hạn giấy mực hẹp hòi, mà dầu có nói kỹ chắc cũng là dư, vì giống người chúng ta vốn không thượng võ, không hào binh, tưởng nếu nói nhiều về công cuộc tổ chức này có lẽ lắm người đọc sinh chán!

Chúng ta chỉ nên biết rằng công cuộc cải cách binh bị của Nhật trong hồi duy tân đã làm một cách thấu triệt, hoàn toàn, không có một điều hay nào về binh cơ võ bị của Âu Mỹ mà Nhật Bản không thâu góp bắt chước. Từ việc giáo dục tướng sĩ, chế tạo khí giới, cho đến việc xây dựng pháo đài, sắp đặt binh chế, nhất nhất đều lần hồi sửa sang, kỳ cho tới có lục quân hẳn hoi như Âu Mỹ.

Mười mấy năm đầu, Nhật Bản còn phải mướn võ quan Âu Mỹ qua rèn tập và sở đúc súng đạn cũng mướn các nhà chuyên môn ngoại quốc chỉ vẽ trông nom. Nhưng từ năm Minh Trị thứ 15 trở đi, thì mọi việc luyện binh đúc súng gì, người Nhật cũng tự làm lấy hết, không phải mượn tay người ngoại quốc nào nữa. Là vì có những thanh niên đi du học Âu Mỹ trở về, đã rút nghề của Âu Mỹ mà tự chủ công việc luyện binh đúc súng được rồi. Học như họ vậy mới thiệt là học cứu nước.

Muốn biết hải quân và lục quân đời Minh Trị càng ngày càng tấn tới sửa sang thế nào, ta cứ xem nội số tiền công nho gia tăng cũng biết: mấy năm đầu chi phí 7 triệu yên có, 8 triệu yên có; 20 năm sau lên 13, 14 triệu, cho tới khoảng Minh Trị thứ 35, 36, thì số đó lên từ 50 đến 80 triệu, 100 triệu ngoài. Rõ ràng Nhật Bản chịu tốn hao sắp đặt quân đội khí giới lắm vậy.

Một việc có tổ chức mà không có thực nghiệm, thì cũng còn là việc thiếu sót, và không thực nghiệm thì làm sao biết chỗ dở hay? Hải quân và lục quân nước Nhật được kiêm cả hai cái lợi đó.

Trong khi quân đội hải lục cải cách theo mới, có mấy dịp tốt để cho tướng sĩ Nhật Bản thử sức của họ rất hay.

Trước hết, là hồi ban đầu Mạc phủ mới dâng trả quyền chính nhà vua, còn có số ít chư hầu bất phục, rủ nhau nổi loạn, ép nài Đức Xuyên Khánh Hỉ phải trở về Giang Hộ làm tướng quân lại. Dịp này, quân lính nhà vua trên bộ dưới thủy phải ra tay đánh dẹp hơn một năm mới êm. Tuy là nội loạn, nhưng tướng sĩ có cơ hội thao luyện chiến pháp lối mới của họ bắt đầu học được bấy lâu.

Năm Minh Trị thứ 10, có loạn ở miệt Tây Nam do Tây Hương Long Thịnh xướng lên, lại có dịp cho tướng sĩ nhà vua thử sức mình một lúc nữa.

Tới năm Giáp Ngọ (1894), Nhật Bản khởi sự đem binh ra thử sức ở ngoài, ấy là lúc chiếm cứ Đài Loan, đánh nhau với quân nhà Thanh của Trung Quốc. Trận này cả hai quân hải lục đánh đâu thắng đó, làm binh Thanh ngó thấy bóng cờ của Nhật đã chạy te. Rồi đến năm Canh Tý 1900, Trung Quốc có loạn Quyền phỉ, Nhật Bản đem quân sang cùng 7 nước Âu Mỹ, gọi là Bát quốc liên quân (八国連軍) vào Bắc kinh dẹp loạn ấy; cũng là dịp cho binh Nhật thực nghiệm tài lực của mình, mà cũng là dịp cho Tây phương ngó thấy phải lấy làm sửng sốt ngẩn ngơ: không hiểu sao Nhật Bản luyện quân lối mới quanh quẩn có ba chục năm, mà đã có được những quân đội thật là dũng mãnh thiện chiến và có kỷ luật nghiêm minh, không thua Tây phương chút nào.

Sau mấy kỳ thực nghiệm trên đây, tuy là binh Nhật được Tây phương khen ngợi và đánh ăn Trung Quốc, nhưng tướng sĩ Nhật không hề tự kiêu, cũng không cho là tự mãn tự túc. Trái lại, dầu đánh thắng được khen mặc lòng, họ vẫn xem xét lại mình còn thiếu sót những chỗ nào, rồi cố gắng được cải lương tấn bộ hơn nhiều nữa. Các thanh niên tướng sĩ xét mình chưa đủ học thuật làm lo, cho nên sau lúc chiến sự xong rồi, ai nấy trở về càng gia công luyện tập, vì họ thấy rõ binh sĩ Trung Quốc chỉ vì không có học thuật huấn luyện nên mới chọi ai thua nấy, chớ không chi lạ.

Lúc này những súng đạn cùng các thứ quân khí của Nhật tự chế tạo ra đã tấn tới lắm. Nhất là có kiểu súng bộ binh của một vị thanh niên đoàn

trưởng là Thôn Điền (村田 Murata, major Murata Tsuneyoshi) sáng chế ra, đạn bắn đi rất xa. Vậy là vừa mới bắt chước người ta, mà họ đã nảy ra cái óc tự chế binh khí rồi; tôi tưởng thiên hạ không có dân nào đi học người mà mau tự lập mình đến thế.

Quân khí đã tốt, tướng sĩ lại đêm ngày luyện tập; một nước có lục quân như vậy, không mạnh sao được? Lục quân đó, đến sau năm 1904-1905, Nhật Bản đem qua Mãn Châu đánh tan quân lính của đại cường quốc Nga-la-tư, làm cho thế giới kinh hoàng, rồi từ đó Nhật Bản được leo lên ngang hàng với liệt cường Âu Mỹ.

Phàm là dân Nhật, ai cũng phải có nghĩa vụ ra lính. Đến tuổi ra đứng dưới lá cờ nhà binh, thì ai cũng bình đẳng như ai, không phân sang hèn giàu nghèo gì cả. Về niên hạn ra lính, gần đây có sửa đổi thế nào, tôi chưa được biết, chớ theo như binh chế đời Minh Trị hồi mới duy tân cho đến hồi đánh thắng Nga, thì nhất thiết nam tử đúng 20 tuổi đến 40 tuổi, đều có nghĩa vụ binh dịch.

Có 4 hạng lính: Thường bị 常備 [Shoubi), Hậu bị 後備 [Atobi), Bổ sung 補充 [Houju), Quốc dân 国民 [Kokumin).

Hạng lính Thường bị chia ra làm hiện dịch và dự bị 2 kỳ. Lính hiện dịch thì lục quân 3 năm, hải quân 4 năm; lính dự bị thì lục quân 4 năm 4 tháng, hải quân 3 năm.

Ngạch lính Hậu bị, kỳ hạn ra lính định là 5 năm; mãn hạn thì tên mình thoát khỏi sổ lính.

Hễ con trai đến tuổi thành đinh tức là đúng 20 tuổi, buộc phải ra lính hiện dịch ngay, để chịu sự rèn tập nghề binh. Duy có học trò thì được rộng kỳ cho học xong rồi mới phải nhập ngũ. Còn những người đăng lính vào hạng dự bị, thì mỗi năm chỉ bị kêu ra tập rèn có một tháng.

Lính Hậu bị cũng như lính Dự bị nói trên đây, là những người bình thời vẫn có nghề nghiệp làm ăn, không buộc vô ở trong trại, nhưng tên họ có ghi trong sổ quân, khi có chiến sự thì nhà nước kêu ra đi lính.

Những người có vóc dáng kém sút, và sức khỏe không hợp cách quân nhân, thì đăng vào ngạch lính Bổ sung.

Đến như ngạch lính gọi là Quốc dân binh, ấy là những người ra lính đã mãn hạn rồi, nhưng xin đăng lại để phục dịch quốc gia mãi mãi.

Riêng với học sinh, nhà nước cho rộng rãi hơn: học sanh cao đẳng chỉ phải ra lính hiện dịch có 2 năm; học sinh đại học thì 1 năm. Còn trung học trở xuống vẫn phải ra lính hiện dịch 3 năm như thường. Những học trò bậc cao, sau khi làm tròn phận sự đi lính rồi, tình nguyện sung vào quân đội thì gọi là chí nguyện binh 志願兵 [Shiganhei], tức như ngạch lính gọi là les volontaires ở Pháp quốc vậy.

Kể đến hồi đánh Nga, khắp cả nước Nhật, số dân có thể ra làm nghĩa vụ binh dịch, lối chừng trên 700 muôn người.

Hiện thời, Lục quân Nhật Bản có cả thảy 17 sư đoàn 師団 [Shidan], ấy là kể số lính tại ngũ trong nước và trấn thủ ở Mãn Châu, Cao Ly, chớ còn những ngạch lính Hậu bị, Dự bị và Bổ sung có thực số bao nhiêu, không ai biết được. Ví dụ một mai đánh nhau với nước nào, mà chính phủ hạ lệnh động viên 動員令 [Douinrei] (Mobilisation), thực số tất cả ngạch lính bao nhiêu, chính phủ giữ bí mật lắm.

Chiếu theo Hiến pháp Nhật Bản, toàn quốc Hải quân, Lục quân và Không quân, đều ở dưới quyền tiết chế của đức Thiên hoàng. Chính ngài là Hải, Lục, Không quân Đại nguyên soái (海陸空軍大元師). Ngài có quyền độc tài về quân chính, chớ không phải qua tay Nội các ưng không mới được. Lúc có chiến sự, ví dụ như lúc đánh Nga, Đại bản doanh 大本営 (Quartier général) hay là Nguyên soái phủ 元師府 vẫn đặt tại thành Đông Kinh, do Đức Thiên hoàng làm đầu, có Nội các Thủ tướng cùng mấy vị Hải quân, Lục quân đại thần và mấy vị Đại tướng quân làm chức Tham nghị Đại bản doanh. Khi đức Thiên hoàng ngự tới Đại bản doanh bàn tính quân cơ, vẫn mang nhung phục Đại nguyên soái.

Chính ngài lựa chọn giao phó các tướng tá thay mặt ngài ra trận cầm quân, gọi là Tổng chỉ huy 総指揮 [Soushiki] hay là Tổng tư lệnh 総司令 [Soushirei]. Tức như hồi có chiến sự với Nga, đức Thiên hoàng

phong Đại Sơn Nham làm Lục quân Tổng tư lệnh, đánh bộ binh Nga ở Mãn châu, và phong Đông Hương Bình Bát Lang làm Hải quân Tổng tư lệnh, đánh thủy binh chiến hạm Nga ở cửa Lữ Thuận và Nhật Bản hải. Ra trận, hết thảy tướng sĩ ba quân đều phải vâng theo phương lược của quan Tổng tư lệnh, mà chính quan Tổng tư lệnh lại phải vâng theo huấn lệnh từ Đại bản doanh truyền cho. Trận đánh Nga, hai ông Đại Sơn và Đông Hương vốn là Trung tướng mà Thiên hoàng Minh Trị lựa chọn cất nhắc thăng cấp đại tướng, và đem cả vận mệnh Lục quân và Hải quân nước Nhật phú thác cho, là vì ngài biết rõ tài năng thao lược của hai ông, nên mới trọng dụng ủy thác như vậy. Quả thật, vua Minh Trị không lầm chút nào: bộ binh Nga đại bại vì tay Đại Sơn cũng như thủy binh Nga tan nát vì tay Đông Hương, một ông vua tri nhân thiện dụng, có lợi cho quốc gia là thế đó.

## NHẬT BẢN VỐN LÀ MỘT NƯỚC HẢI QUÂN LÂU ĐỜI



THẮNG AN PHÒNG 勝安房 [Katsu Awa] (1823-1899) - Người có công sáng tạo ra Hải quân Nhật.

Cứ lấy địa thế mà nói, Nhật Bản cũng như Anh quốc, là nước cù lao rời rạc, biển rộng bao quanh, vậy thì khỏi nói chắc ai cũng đoán biết rằng vì lẽ sinh tồn hộ thân, tự nhiên dân tộc họ từ xưa vốn giỏi nghề đi biển và cũng từng có tư tưởng về hải quân rồi, chớ không phải đợi đến ngày nay.

Thật vậy, ngày xưa vua chúa Nhật Bản thường dùng chiến thuyền kéo đi chinh phục những cù lao kế cận. Dân chúng trong nước phần nhiều ở ven biển phải sinh nhai đánh cá, tự nhiên nghề hàng hải họ đã gan dạ rành rẽ lắm. Lại nhiều thương gia chuyên nghề buôn bán từ biển này qua biển kia, cho nên họ biết đóng ra những chiếc ghe lớn, để đi biển rộng, trương buồm thuận gió, dám vượt đại hải mà qua buôn bán với Nam dương quần đảo và nước Nam mình rất sớm. Ai thuộc sử ta, chắc còn nhớ có một đoạn về đời Hậu Lê chép rằng có một chiếc ghe buôn Nhật Bản bị bão lớn đánh trôi vào địa phận nước ta, người sống mà ghe hư hết, không thể dùng được nữa. Quan ta vì nghĩa bang giao, muốn đóng cho bọn dân Nhật này một chiếc ghe lớn để họ về nước, nhưng đóng cả năm không xong, rồi sau đành thú thật cái dở của mình không đóng ghe đi biển được. Họ phải chờ đợi trút năm nữa mới có ghe khác ghé vào rước đi. Nước Nam ta, mặt ngoài ngó ra biển, bờ biển từ bắc vô nam, dài mấy muôn dặm đường, mà không đóng nổi một chiếc ghe đi biển lớn, thảm chưa?

Ta coi đại khái một vài việc như trên, đủ rõ Nhật Bản cổ thời đã biết dùng chiến thuyền và đã có gan hàng hải ra thế nào rồi.

Trong lịch sử họ thường có nhiều trận hải chiến lớn lao. Hoặc trong nước đánh lẫn nhau, như lúc hai võ gia Nguyên Lại Triều và Bình Thanh Thịnh giao chiến trên biển, họ Nguyên dùng một đội chiến thuyền tới trên 840 chiếc, để quyết thư hùng; ấy là trận hải chiến lớn nhất của Nhật Bản cổ thời. Hoặc hải chiến với ngoài, là hồi cuối thế kỷ XIII, binh Nguyên nước Tàu tức là binh Mông Cổ đã từng gầm thét bao lâu ở đại lục Âu Á, đem trên 10 muôn chiến thuyền qua đánh Nhật Bản, chiếc nào cũng to lớn kềnh càng, thế mà dân Nhật ở các phiên bang phía Tây cũng dám chống cự đáo để. Lúc này, hai đàng mạnh yếu cách xa, thiếu chút nữa Nhật thua to và mất nước về tay giặc Nguyên, nhưng may sao có trận bão tố nổi lên, làm cho chiến thuyền của Nguyên chìm ráo. Người Nhật tin đó là sức thần cứu

giúp, cho nên họ càng tin họ là "Thần quốc tử tôn", và rồi từ đó trở đi, Nhật Bản không bị tai nạn ngoại xâm nào nữa.

Chẳng những họ không bị ngoại xâm, mà chính họ lại có cái chí ngoại xâm người ta. Lúc Phong Thần Tú Cát làm Tướng quân, từng đem chiến thuyền sang đánh Triều Tiên; rồi sau đó có người dũng cảm, bày mưu lập kế, muốn cướp lấy Đài Loan và quần đảo Lữ Tống (tức là Phi Luật Tân) ngay từ bấy giờ.

Đến đời Đức Xuyên làm tướng quân, thi hành chính sách khóa cửa luôn 200 năm ngoài. Trong thời kỳ dằng dặc đó, quốc gia vô sự, thiên hạ thái bình, không ai để ý tới việc hải phòng, lại có một lúc, Tướng quân Đức Xuyên cấm dân trong nước đóng những ghe lớn để đi biển xa, vì sợ người ta giao thông với ngoại quốc.

Mãi sau cuối đời Mạc phủ Đức Xuyên, ghe tàu Âu Mỹ qua Thái Bình Dương nhiều, bọn chí sĩ thức thời ở nước Nhật mới xướng lên vấn đề hải phòng, làm cho trên dưới xao xuyến. Tới năm 1853, có đoàn tàu Mỹ của Đề đốc Bá Lý kéo qua, rồi Mạc phủ được thư của quốc vương Hòa Lan khuyên bảo Nhật Bản thế nào cũng phải mau mau sửa sang hải quân, theo lối Âu Mỹ, bấy giờ Mạc phủ mới tỉnh ngộ, quyết ý mở mang hải quân. Đầu hết (1855), mở ra trường dạy hải quân ở Trường Kỳ, dùng người Lan làm thầy. Rồi sau mở ra xưởng đóng tàu và cơ sở đúc sắt ở Giang Hộ nữa. Việc hải quân giáo dục khởi thủy từ đây.

Ngoài ra hai chiếc tàu chiến của chính phủ Hòa Lan và nữ hoàng Anh quốc gửi qua tặng cho, Mạc phủ lại xuất tiền mướn các nước Tây phương đóng nhiều chiếc tàu, lập thành một hạm đội riêng của mình. Năm 1860, Mạc phủ phái chiếc quân hạm tên là Hàm Lâm chở sứ thần qua Mỹ quốc; ấy là lần trước hết Nhật Bản có quân hạm đi xa.

Trong khoảng có 5 năm mà Mạc phủ tổ chức ra được hải quân hạm đội và mở mang hải quân giáo dục như thế, tuy chưa ra gì, nhưng kể cũng là sốt sắng mau lẹ quá. Bấy giờ các phiên bang cũng bắt chước, hoặc phái người đi cầu học hải quân ở Âu Mỹ, hoặc mua sắm chiến hạm tân thời, phiên thì một vài chiếc, phiên thì mươi lăm chiếc; hiệp cộng lại số chiến hạm của

Mạc phủ (44 chiếc) cùng các phiên bang, lúc này Nhật Bản đã có trút trăm chiếc tàu binh chớ không phải ít.

Đến lúc Minh Trị duy tân thì bao nhiêu chiếc tàu trận đó đều thống thuộc về tay trung ương chính phủ hết.

Ta nên biết tàu trận của Mạc phủ và phiên bang, hầu hết là thứ tàu nhỏ; sau Minh Trị Thiên hoàng thu về, mới thiệt là ra sức khuếch trương cho Nhật Bản có hải quân thiệt lớn, chiến hạm thiệt hùng, vì ngài rõ biết rằng: "Việc sắp đặt hải quân là việc rất gấp của nước Nhật, nước Nhật tất phải dựng lên cái cơ sở hải quân cho thiệt đúng mới được". Hải quân Nhật Bản bước vào con đường phấn khởi từ đó.

Trước hết mở trường Hải quân học hiệu ở Đông Kinh, kén chọn thanh niên tuấn tú trong nước để học tập thủy chiến. Vệ hải quân, Nhật Bản ròng mướn người Anh làm thầy huấn luyện; học sinh tới kỳ thực nghiệm, tàu trận nước mình không chứa hết, thì nhà nước cũng gửi họ sang mấy chiếc tàu trận của Anh mà tập rèn công việc trong tàu và nghiên cứu về cơ khí.

Một mặt tạo lập ra mấy xưởng tự đóng lấy tàu binh; chỉnh đốn nhất là xưởng ở Hoành Tu Hạ (横須賀 Yokosuka). Năm Minh Trị thứ 6 khởi công đóng lấy hai chiếc tàu, 1540 tấn và 897 tấn, đến năm thứ tám hạ thủy. Lúc đầu còn mướn kỹ sư chuyên môn ở bên Tây sang làm đốc công; nhưng từ Minh Trị thứ 9 trở đi, Nhật Bản đã có những tay chuyên môn đóng lấy được rồi, chẳng cần phải người ngoại bang giúp sức.

Tuy vậy vua Minh Trị muốn cho nước mình mau có hạm đội lớn, nên chi mỗi năm đều xuất công nho ra mướn xưởng đóng tàu ở Anh, ở Đức, ở Pháp, ở Mỹ, đóng những chiếc chiến hạm lớn. Chính ngài mỗi năm tự giảm số tiền chi tiêu trong nội cung lấy 30 muôn yên để bỏ vào khoản chế tạo quân hạm. Quốc dân thấy vậy cảm động, nhiều người quyên giúp tiền muôn bạc triệu để cho nhà nước đóng tàu.

Bởi vậy đến năm Minh Trị thứ 16, Nhật Bản đã có một đội chiến hạm đủ các hạng tuần dương, thiết giáp, ngư lôi, thủy lôi… cộng tới một trăm mấy chục chiếc.

Trong những lúc số chiến hạm mỗi ngày một tăng gia, thì các pháo đài và quân cảng trong nước cũng lần lượt hoàn thành. Cho tới súng đạn lớn nhỏ, người Nhật đã tự chế ra rất là tinh xảo. Nhất thiết những việc gì quan hệ về hải quân, giờ cũng có trường giáo dục huấn luyện hết thảy.

Năm Minh Trị thứ 27 (tức năm Giáp Ngọ, 1894), vì việc Triều Tiên mà Nhật Bản đem hải quân khai chiến với Trung Quốc. Bao nhiêu năm Nhật Bản kinh doanh hải quân, trận Trung Nhật giao chiến này có dịp cho Nhật đọ tài thử sức coi hải quân mình kết quả ra thế nào. Nhật chỉ đem ra có 27 chiếc tàu, đánh hạm đội tí hon của nhà Thanh trận nào cũng thua; Nhật bắt được của Thanh 17 chiếc.

Trận này Nhật Bản đại thắng, chẳng những khiến cho thế giới phải kính phục, mà chính Nhật Bản cũng tự biết hải quân mình cần phải mở mang nhiều nữa mới đủ.

Từ đó Nhật lại lo đóng thêm nhiều tàu mới, chế tạo ra những kiểu súng mới, và ngày đêm thao luyện hải quân, cho nên đến đầu năm 1905 mới đánh phá tan tành cả hai hạm đội hùng cường của Nga ở cửa Lữ Thuận và trên Nhật Bản hải, gồm có gần 80 chiếc tàu. Dưới đây có đoạn nói riêng về trận ở Đối Mã, Đông Hương đại tướng phá tan hạm đội Ban-tích (Escadre de la Mer Baltique) tại đây, tỏ ra hải quân Nhật Bản trải qua một thời kỳ huấn luyện chỉ có 30 năm, mà trở nên dũng mãnh đến thế nào?

Luôn dịp, ta nên biết trong khi chính phủ Minh Trị lo khuếch trương hải quân thì nhân dân Nhật Bản đua nhau chế tạo thương thuyền. Cũng trong cái thời gian như hải quân, bóng cờ thương thuyền của Nhật Bản bay phấp phới khắp cả năm châu bốn biển. Cái giống Đại Hòa sẵn có nghề nghiệp tài năng đi biển từ xưa, ngày nay trên mặt biển không chịu thua ai, nghĩ cũng xứng đáng lắm vậy. Chỉ lạ một điều là về hải nghiệp cũng như các phương diện học thuật khác, họ đổi cũ thay mới, mở mang tấn tới quá mau, ai cũng kinh dị bái phục là phải lắm.

## KHÍ KHÁI VÀ VÕ CÔNG CỦA TÊN LÍNH NHẬT

Quân đội nước Nhật, hải vậy mà lục cũng vậy, bỏ cũ theo mới trong vòng 30 năm, đã thu được kết quả tốt đẹp rực rỡ, nổi oai danh lẫm liệt vẻ vang,

ta nên biết một phần lớn là do nơi tinh thần thượng võ của dân tộc Nhật Bản sẵn có lâu đời mà ra.

Từ xưa, họ có tinh thần thượng võ, đến đỗi kết tụ thành như một tín ngưỡng, một luân lý, một quốc hồn, ai nấy đua nhau gìn giữ trau dồi, lấy đó làm mực thước xử thế lập thân, và tự nhận cái nghĩa vụ "cứu dân báo quốc" là nghĩa vụ mình, làm được nghĩa vụ ấy là sự vinh diệu đệ nhất.

Chính là "Võ sĩ đạo".

Ở chương đầu hết, tôi đã có một đoạn nói về lai lịch và tôn chỉ của Võ sĩ đạo rồi, khỏi cần nhắc lại nữa. Đây, nhân dịp nói về cuộc cải cách quân đội Nhật trong hồi duy tân, nên tôi muốn tóm góp lược thuật một vài chuyện khí khái cương dũng của nhà võ sĩ Nhật, tên lính Nhật, hay nói chung là người dân nước Nhật. Ta sẽ thấy rằng võ sự của Nhật ngày nay tuy là đổi cách khác hình, chớ cái thể chất của nó là tính khí khái cương dũng thì vẫn là từ cái nguồn Võ sĩ đạo đời xưa dồi dào lai láng mà phát ra vậy.

Võ sĩ Nhật có cái đặc biệt, là nhiều người có phong thể nho nhã ung dung, mà trong cái phong thể đó vẫn không mất khí khái cương dũng.

Thật, võ sĩ họ xưa nay không phải chỉ ròng chuộng sự giỏi nghề mạnh sức mà thôi, hầu hết kiêm học cả văn, cho nên có hạng võ gia mà giỏi văn học, hay thơ ca, không phải là ít. Ai nấy đều có lòng nhân ái nghĩa hiệp, tính ý một mực khiêm nhường, rất trọng danh dự. Ngày xưa võ sĩ ra trận gặp kẻ đối địch với mình, hai bên cùng đem tên họ và quê hương ra tỏ cho nhau biết, rồi bấy giờ mới nghiêm chỉnh oai dung, lấy nghề võ ra tranh cao hạ với nhau. Khi đã phân cao hạ thì kẻ thắng không bao giờ làm nhục bên thua, hành xác kẻ chết. Họ cho là cái lễ giao chiến phải vậy mới đúng. Đến sự đánh trùng giết lén, thì võ sĩ lấy làm xấu hổ, không thèm làm, dầu được thắng trận thành công gì đi nữa cũng vậy.

Đã có một câu chuyện hồi giữa thế kỷ XI, đến nay người Nhật còn truyền làm giai thoại.

Nguyên Nghĩa Gia 源義家 [Minamoto no Yoshiie] cầm binh đi đánh Áo châu [Oshu], thình lình giữa đường bắt gặp tướng giặc là An Bồi Trịnh

Nhiệm 安部貞任 [Abe no Sadatou] liền phóng ngựa rượt theo, toan bắn một mũi tên cho tướng giặc chết tốt. Song trước khi bắn, họ Nguyên nghĩ ra một bài ca, rồi hát lớn tiếng để ngỏ ý cho tướng giặc biết rằng mình sắp bắn đây. An Bồi Trịnh Nhiệm nghe ca, kiềm ngựa quay đầu ngó lại, rồi ứng khẩu đọc một bài ca để đối đáp, trong bài ca bày tỏ nông nỗi của mình giữ thành cực khổ bấy lâu.

Nghĩa Gia nghe bắt mủi lòng, lập tức thu cây tên cất vào trong bao, không nỡ nào bắn cho đành, để mặc cho Trịnh Nhiệm chạy trốn.

Một võ sĩ chân chính, chẳng thèm đánh trùng giết lén người ta, và có phong thể nho nhã tới như vậy đó.

Đời Thượng cổ, Thần Công hoàng hậu 神功皇后 [Jinguu Kougou] đem binh đánh Hàn, có lệnh truyền cho tướng sĩ: "Kẻ đã đầu hàng chớ có giết; kẻ đã bị vít, chớ làm nặng thêm 降勿殺, 傷勿使重". Chắc câu cổ huấn đó, võ sĩ Nhật vâng giữ đời đời, nên chi ta thấy trong trận Nhật Nga chiến tranh; bữa nọ trước cửa Lữ Thuận, một chiếc chiến hạm Nga bị bắn chìm, tướng sĩ Nga trôi nổi lúp ngúp trên mặt biển, quan tư lệnh ở chiến hạm Nhật là Trung tướng Thượng Thôn ngó thấy, liền hô binh sĩ của mình mà nói: "Giờ họ là người bị nạn chết trôi, chớ không phải là kẻ thù nữa, ta phải hết lòng cứu vớt cho mau!" Tức thời binh Nhật thả xuồng bơi lại cứu vớt, được tướng sĩ Nga trên 300 người khỏi chết. Tướng sĩ Nga cảm động quá, khen phục binh Nhật có lượng bác ái, chớ kẻ khác thì mặc kệ chết chìm, dễ chịu cứu vớt chưa!

Một đặc tính của võ sĩ Nhật là có máu công phẫn lạ lùng. Trời ơi! Hễ khi họ thấy một chuyện gì thiệt thòi nhục nhã cho quốc gia chủng tộc họ, thì máu công phẫn của họ sôi lên sục sục, không có cái sức mạnh nào làm cho nguội lạnh đi được. Nhất là họ tự nghĩ mình đây là võ sĩ vẫn có nghĩa vụ xông pha khói lửa, da ngựa bọc thây, để hộ vệ nòi giống nước non, mà nay có chuyện tổn hại bất bình cho nòi giống nước non, thì mình làm sao chịu nổi! Bộ mình đây là giá áo túi cơm, vô tâm vô dụng sao? Nếu mình không lo báo phục, không rửa sạch chỗ bất bình ấy đi, chẳng hóa ra mình thư sinh vô dụng lắm; vậy dầu sống hay chết, mất hay còn, tất nhiên mình phải có một phen quyết đấu mới được. Lòng công phẫn đó chẳng phải riêng của

một vài cá nhân, mà thiệt là chung cả hạng người vác súng mang gươm sẵn có tinh thần chuộng võ, có nghĩa vụ giúp nước. Tôi muốn thuật ra một chuyện rất gần để làm chứng.

Hồi năm 1894 (tức năm Minh Trị thứ 27), vì vụ can thiệp nội chính nước Cao Ly, mà Nhật cử binh đánh nhau với Tàu. Chỉ giao phong có mấy trận, cả binh lục và binh thủy của nhà Thanh đều đại bại; nhà Thanh phải lật đật xin đình chiến giảng hòa. Qua năm sau (1895), Lý Hồng Chương 李鴻章 [Ri Koushou] phụng mệnh vua Thanh (lúc này là vua Quang Tự 光緒 [Kousho]) phong làm toàn quyền đại sứ, sang tới đất Mã Quan 馬関 [Bakan] nước Nhật, để cùng toàn quyền Nhật là Y Đằng Bác Văn ký tờ hòa ước.

Phàm nước thua trận, bao giờ chẳng phải chịu thiệt thòi, cũng như nước thắng trận bao giờ lại không đòi ăn miếng sướng? Theo hòa ước Mã Quan 6 khoản, có một khoản Tàu phải nhường đất bán đảo Liêu Đông 遼東 [Ryoutou] lại cho Nhật, cùng 2 đảo Đài Loan 台湾 [Taiwan], Bành Hồ澎湖 [Houko] nữa.

Hòa ước này vừa mới ký tên đóng dấu được 6 ngày, thì Nga lấy oai thế mình khuyên Nhật trả Liêu Đông cho Tàu, đừng lấy. Hoàng đế Ni-cô-la thứ nhì (Tsar Nicolas II) nước Nga gửi điện văn qua Minh Trị Thiên hoàng; đại ý nói Nga thấy trong hòa ước Mã Quan có khoản Nhật đòi nhượng Liêu Đông, cốt để có chỗ dòm ngó uy hiếp Bắc Kinh rất tiện, như vậy e có hại cho cuộc hòa bình lâu dài ở Đông phương, nên Nga lấy tình thân ái, xin khuyên Nhật chớ lấy Liêu Đông…

Tiếng nói là khuyên, chớ kỳ thiệt là Nga ép Nhật không được lấy, vì lúc bấy giờ Nga là nước lớn, oai to thế mạnh lắm, Nhật phải xét mình mà kiêng nể ngay. Huống chi ở trong vụ đó lại có nước Đức nước Pháp, tán thành đồng ý với Nga nữa, thành ra thế lực ba nước dồn ép Nhật ta phải nhả Liêu Đông trả Tàu.

Vụ này làm cho nhân tâm ở Nhật sôi nổi tức tối lạ thường. Bọn võ nhân đều nghiến răng trợn mắt, đấm ngực giậm chân, tỏ lòng phẫn khích đối với danh dự quốc gia và hết sức oán hận anh Nga lấy cường oai can thiệp, làm

cho Nhật Bản hụt mất một cái lợi quyền chính bởi bọn họ là võ nhân đã xông pha khói lửa mới có. Lòng phẫn khích bày tỏ ra ở ngôn ngữ hành động hằng ngày: nào là nhiếc Nga ngang tàng, chê bai chính phủ mình nhút nhát, cái giọng đó thấy đầy trên báo chương, chẳng bữa nào không; nào là rình đón kiều dân Nga mà ẩu đả hay ám sát, cốt làm sao cho sinh cuộc chiến tranh hai nước mới thôi.

Tuy những chuyện ngôn ngữ bạo động này không phải "tác giả" đều là võ nhân, nhưng mà chính là ảnh hưởng của võ nhân và chính võ nhân xúi ngầm. Chính phủ Nhật e khiêu khích sinh biến với Nga, nên phải ra tay đàn áp, vì chân tình lúc này Nhật chưa có đủ cái thực lực để chống chọi với Nga đâu được. Nhiều võ nhân phẫn khích mặc lòng, chớ cũng tự lượng sức mình như thế. Song, họ coi mối thù lớn như trời biển, trước sau thế nào cũng có một phen đánh Nga rửa thù mới xong.

Một vị lão tướng ở Nhật bây giờ là Đại Đảo Kiện Nhất 大島健一 [Ooshima Kenichi] mới đây thuật chuyện lại rằng cùng lớp mang gươm vác súng với ông ta hồi đó, nghe cái tin tổ quốc bị ba nước kia can thiệp mà phải trả Liêu Đông, thì ai nấy tức giận dầy gan ói mật. Chính ông ta cũng vì tức giận quá mà phát ra thơ cảm khái, có câu:

遺恨十年磨一劍

流星光底逸長蛇

Di hận thập niên ma nhứt kiếm,

Lưu tinh quang để dật trường xà.

Hai câu thơ của Đại Đảo Kiện Nhất có thể đại biểu chung cả tấm lòng công phẫn báo cừu của tướng sĩ Nhật Bản ở đời bấy giờ. Từ tướng soái đến sĩ tốt, ai nấy cùng một cách nồng nàn, hăm hở, lo dùi mài binh thư, tập rèn võ thuật, để một ngày kia có thể tuốt gươm xách súng ra thử tài rửa hận với Nga cho được thì mới hả lòng. Cái chí báo Nga như đinh đóng chặt trong tâm não của mỗi con nhà võ, giúp cho sự thao luyện kỹ thuật của họ càng được mau thành công phu kết quả. Họ thề với cây gươm đeo ở bên mình rằng sống chết thế nào cũng có một ngày họ cho nó tắm máu người Nga;

không 5 năm thì 10 năm, không 10 năm thì 20 năm, cái ngày đó sao cũng phải có!

Mà quả nhiên như câu thơ sấm của Đại Đảo Kiện Nhất ở trên đây: tướng sĩ Nhật Bản luyện nghề tập trận, nếm mật nằm gai trong vòng 10 năm, từ 1895 đến 1905 là họ đủ thực lực và có cơ hội đánh mọp binh Nga ở đồng bằng cũng như ở trên mặt biển, trả được cái thù thị oai bắt trả Liêu Đông năm xưa. Chính Đại Đảo Kiện Nhất cũng là một viên tướng đánh Nga hồi 1905; mà ông ta quyết mài một lưỡi gươm ròng rã 10 năm cho thiệt bén, để nửa chém đầu người Nga cho đã nguôi giận, thế là đúng kỳ và như nguyện đó vậy. Không ngờ cái khẩu khí anh hùng linh đến như thế.

Ta coi võ sĩ Nhật giàu lòng công phẫn đồng cừu, có cái kết quả vẻ vang là đem tổ quốc họ đặt lên ngang hàng liệt cường thế giới, vì sự thật Nhật Bản chiếm được địa vị ấy, chính là sau trận thắng Nga mà đi.

Có trận Nhật Nga, Tây phương mới bừng mắt ngó thấy tướng sĩ Nhật Bản có sức chiến đấu lạ thường, không sợ hiểm nguy, không kể tính mạng, không nài đau đớn. Tấm lòng họ ái quốc nồng nàn, mà không bộc lộ ra bên ngoài có một vẻ gì là hầm hừ, nóng nảy; trái lại, họ ái quốc một cách bình tĩnh, thâm trầm, đã đem thân hứa cho nhà nước thì họ thái nhiên sấn sổ vào mọi cảnh nguy hiểm, gian nan; trái tim họ đối với nước cứng như sắt đá, không có sức nào làm tan rã đổi dời đi được.

Đầu năm 1904, hồi Nhật Nga rục rịch khai chiến, dư luận Âu châu đều tin chắc thế nào Nhật cũng phải thua, bất quá Nhật chỉ giao phong với Nga một vài trận, là đủ thấy nhức nhối mềm xương, không chịu nổi đâu. Trừ ra có mấy vị quân quan Âu châu dự vào (Bát quốc liên quân) đánh giặc Quyền phỉ ở nước Tàu hồi năm 1900, nhân đó mà được chứng kiến cách hành quân của Nhật Bản, thì mới tin rằng chưa chắc Nga thắng nổi Nhật mà có thắng cũng là trần ai khổ sở, chớ không dễ gì.

Đến khi tuyên chiến rồi, ngay mấy phát súng đầu tiên mà đi, binh Nga thấy cái sức chiến đấu của binh Nhật mà kinh hoàng sửng sốt. Thứ binh gì mà đánh đâu cũng lăn nhào vô trong vòng khói lửa, coi cái chết như không. Trên bộ đã vậy, dưới thủy cũng chẳng khác gì: hễ gặp tàu trận bên giặc là

họ sấn tới mà đánh, còn có một tên quân một viên đạn là còn đánh, chớ không chịu lui trước bao giờ. Rất đỗi là cửa biển Lữ Thuận (Port Arthur) mà họ muốn lấy sức người để bít lại, thật võ sĩ họ kiên dũng đến thế là cùng!

Làm cách nào mà bít được cửa biển?

Nguyên là hạm đội Thái Bình Dương của Nga đóng ở Lữ Thuận, sau mấy trận thò ra đánh nhau với hải quân Nhật bị thất lợi, bèn trốn núp ở trong cửa biển không dám ló ra nữa. Hải quân Tổng tư lệnh Nhật là Đông Hương đại tướng liền nghĩ ra cách "bít cửa" Lữ Thuận, nếu thành công thì nhốt cả hạm đội Nga nằm cứng trong cửa, không có ngõ ra; bằng không vậy thì cũng là cách chọc cho tàu Nga phải ra ngoài biển khơi để mà đánh.

Hải quân Nhật mua rất nhiều tàu đò cũ, để dùng vào việc bít cửa. Mỗi chiếc tàu đều chở cốt mìn và năm bảy viên tướng sĩ để chỉ huy chiếc tàu, rồi thì cả đoàn cùng nhắm cửa Lữ Thuận mà chạy thẳng vào. Nếu pháo đài của Nga ngó thấy mà bắn chìm càng tốt, không thì mỗi chiếc tàu cũng tự châm lửa vào cốt mìn cho phát nổ lên, để tàu chìm xuống nằm ngổn ngang một đống ở ngay cửa biển, làm mắc nghẹt đường lối ra vào của hạm đội Nga.

Cuộc bít cửa như thế, Nhật Bản làm tới năm bảy lần, chớ không phải một. Mỗi lần bảy tám chiếc tàu đi tự tử cách này, Hải quân Tư lệnh bộ phải cần mấy chục viên tướng sĩ dẫn đi; mà tướng sĩ dẫn đi như thế cũng là đi tự tử, chớ trăm phần không có lấy một phần may sống sót, lội về bản trận được. Thế mà lần nào cũng vậy, vừa có một tiếng hô của Tư lệnh bộ, tức thời có cả ngàn người trong hải quân giành nhau biên tên vào sổ ứng nghĩa liều mình, đến đỗi Tư lệnh bộ phải dùng cách bắt thăm, ai trúng thì đi. Những người bắt thăm trật, rầu buồn tức tối lắm.

Nói chuyện bít cửa, không thể nào không nhắc tới Quảng Lại Võ Phu.

Quảng Lại Võ Phu, chức Hải quân trung tá, làm trưởng quan chiếc tàu thủy lôi (torpilleur) hiệu là Triều Nhật (朝日 Asahi) đã mấy phen có công đánh thắng hạm đội Nga ở trước Lữ Thuận rồi. Sau đó trút tháng, hạm đội Nga nằm lỳ trong cửa không thấy thò ra. Quảng Lại hăm hở đánh giặc mà

không được đánh, tức quá, bèn cùng 70 tử sĩ, dẫn năm chiếc tàu cũ, xông pha vào mũi đạn của pháo đài Nga, để toan lấp cửa Lữ Thuận. Song lần này không thành công.

Cách một tháng sau, Quảng Lại dẫn bốn chiếc tàu đò cũ khác, đi bít cửa nữa.

Trong bốn chiếc tàu, Quảng Lại tự cầm đầu chiếc tên là Phước Tỉnh; và một người bạn là Sam Dã Tôn Thất 杉野孫七 [Sugino Magoshichi] làm phó. Khi đoàn tàu chạy gần tới cửa Lữ Thuận, Quảng Lại bảo Sam Dã xuống dưới bụng tàu sắp đặt cốt mìn, sửa soạn việc tự bắn cho tàu chìm, còn mình thì ở trên coi chỉ huy chiếc tàu chạy phăng phăng vô trong cửa. Thình lình bị một viên đạn thần công của Nga bắn tới, trúng giữa bụng tàu, thành ra cốt mìn chưa đốt đã nổ, Sam Dã chết tươi. Tàu gần chìm, Quảng Lại cùng bọn lính xuống thuyền nhỏ bơi đi. Chừng ngó lại không thấy bạn Sam Dã ở đâu, Quảng Lại biểu tốp lính bơi về trước, rồi mình tự quay lại leo lên chiếc tàu đang chìm kia mà tìm kiếm Sam Dã. Lúc bấy giờ trong chiếc tàu đã bị nước ngập tới từng trên rồi, mà Quảng Lại chạy từ mũi xuống lái ba lần, cũng không tìm thấy bạn, lúc ấy mới chịu xuống thuyền bơi về. Bơi chưa được bao xa, bỗng một viên đạn Nga bay tới, trúng ngay giữa đầu Quảng Lại, làm cho tan nát thân thể.

Tin buồn đưa về Đông Kinh, trong triều ngoài quận, trên vua dưới dân, ai cũng thương tiếc kính phục; bởi Quảng Lại vì nước quyên sinh, nặng tình với bạn mà chết như thế, nên cả nước Nhật đều tôn là "Quân thần", lại làm lễ chiêu hồn rất lớn.

Lúc sắp đi bít cửa lần thứ hai, Quảng Lại cầm bút đề một bài thơ ở trên tàu Triều Nhật như vầy:

七生報国

一死心堅

再期成效

含笑上船

Thất sinh báo quốc,

Nhất tử tâm kiên.

Tái kỳ thành hiệu,

Hàm tiếu thượng thuyền.

Ý nói mình là đời thằng nam tử, thân hình bảy thước, đã hứa đem ra báo bổ quốc gia, thì một cái chết đã nhất định trong lòng rồi; lần này là lần thứ hai mình đi làm việc bít cửa, mong sao được thành công, thì mình chết cũng vui. Bây giờ ta tươi cười bước lên tàu để đi.

Ta xem mấy câu thơ trên đó, đủ thấy một người võ sĩ Nhật khảng khái quyết tử hết sức!

Cái gương quyết tử của Quảng Lại Võ Phu, có vô số người sau noi theo.

Chắc ai cũng nhớ đầu năm 1932, binh Nhật đánh Thượng hải, gặp nhằm tay cường địch là đạo binh 19 của Tàu chống cự lại hẳn hoi, binh Nhật đánh rất hăng, thế mà dây dưa trút tháng, vẫn chưa phá nổi mặt trận binh Tàu. Bấy giờ trong binh đội Nhật, có ba tên lính dũng được nhảy ra hiến mình để phá tan hầm lũy của bên nghịch. Ba người cùng ôm một viên đạn cốt mìn dài, xăm xăm xông thẳng vào trận địa Tàu; cốt mìn nổ tứ tung; cố nhiên thân thể ba người lính đều nát như tương, nhưng mà hầm lũy phía trước mặt trận của binh Tàu bị phá tan tành, nhờ đó Nhật mới tấn binh được, rốt lại đạo binh của Thái Đình Giai phải lui.

Ba người lính liều chết kiểu đó, người Nhật gọi là “nhục đạn” 肉弾 [Nikudan] (viên đạn thịt). Hiện nay ở Đông Kinh có đài kỷ niệm ba người liệt sĩ này; nhà nước đúc tượng đồng tả chân như lúc ở Thượng Hải vậy.

Còn câu chuyện này, cũng tỏ ra tính khí cương dũng khinh sinh của võ sĩ Nhật, thấy trong sách Le Japon dans le Monde của Antoine Zischka tả một cách đối chiếu ngộ lắm: Hồi năm 1933, hạm đội Mỹ tập trận ở Thái Bình Dương, có thả một viên đạn thủy lôi xuống biển để thử, nhưng viên đạn ấy

chưa nổ, nên bộ hải quân muốn lấy lên, bèn rao hơi có cậu lính nào tình nguyện làm việc đó, nhưng chẳng có một cậu nào dám lãnh mệnh hết. Họ nghĩ viên đạn của nhà nước đáng giá 300.000 quan, tuy là nhiều tiền thật, nhưng mà giá trị tấm thân họ còn quý hơn, mắc hơn số tiền ấy nhiều, dại gì họ xuống biển lặn mò rủi chết oan mạng. Trái lại, đồng thời bộ hải quân Nhật Bản mới chế ra được một kiểu ngư lôi (torpille) có máy riêng, cho người ngồi vô trong đó rồi phóng ra, để người ngắm đúng tàu nghịch mà vặn máy cho ngư lôi đánh ngay mục đích, thì tàu nghịch thế nào cũng phải bị bắn chìm, không thoát đâu khỏi. Có điều muốn thí nghiệm sức mạnh của ngư lôi mới chế, bộ hải quân rao hỏi mấy người tình nguyện cảm tử, trong vài ba ngày tiếp được đơn tình nguyện của bốn năm ngàn người liều mình chịu chết. Nghĩ coi, một đàng là viên đạn chưa nổ, mà lặn đem lên, không chắc có rủi ro gì, thế mà chẳng có một người dám chịu; còn một đàng là mạng chết nắm chắc cả trăm phần trăm, thì có mấy ngàn người hiến thân cảm tử; vậy ai khí khái cương dũng hơn, ta cứ xét cũng rõ. Thế mới biết sự ái quốc khinh sinh, người Nhật cho là cái danh dự đệ nhất trên đời, nên ai cũng nô nức nhau để cầu lấy.

Sau nữa, võ sĩ Nhật Bản xưa nay còn có cái tập tục lạ lùng này, càng tỏ ra họ khí khái cương dũng đến cực điểm; ấy là tập tục mổ bụng tự tử, tiếng Nhật gọi là Harakiri hay seppuku.

Từ khi Nhật Bản có Võ sĩ đạo dựng lên, liền có tập tục này, do ở quan niệm danh dự mà ra. Bởi võ sĩ Nhật thờ chuộng danh dự thứ nhất. Một võ sĩ đã cầm gươm ra trận thì chỉ có nước một là thắng hai là chết, chớ bại trận là điều nhục nhã cho võ sĩ, hay là để cho giặc bắt sống được mình, danh dự võ sĩ cũng cấm ngặt lắm. Lâm vào cảnh đó, võ sĩ phải có gan tự giết mình đi, để bảo toàn danh dự.

Song nếu tự giết mình bằng chén thuốc độc, bằng sợi dây thắt cổ, hay là nhào xuống sông xuống hồ, võ sĩ đều cho là những cách hèn nhát, không xứng đáng với hạng người có can đảm anh hùng. Lấy dao cắt cổ, họ cũng cho là cách chết theo đàn bà. Người võ sĩ anh hùng tất phải tự chết một cách thung dung, chậm rãi, thong thả, tự nhiên, không mất vẻ tươi cười mà cũng không rên la đau đớn. Đã vậy mà phải chết trước mặt người ta và phải giữ lễ nghĩa hẳn hoi cho tới khi tắt hơi ngã xuống mới thôi. Nhà võ sĩ

Nhật bèn lựa cách mổ bụng, chỉ có vậy mới là chết có gan, chết sang trọng, hợp với tư cách của con nhà võ.

Người định harakiri ngồi trước bàn thờ ông bà, làm lễ cúng bái hẳn hoi, chung quanh có mấy người bạn hữu hay họ hàng đứng chứng kiến, trong đó có một người cầm sẵn thanh kiếm nơi tay. Rồi đó người tự tử rút lấy con dao đựng trong hộp để trước mặt, một tay cầm dao tự mổ bụng mình, một tay kéo lấy ruột ra ngoài, nét mặt cứ tự nhiên, nụ cười cứ hiện ra luôn luôn ở cửa miệng, không được rên la nhúc nhích chút nào. Trước khi người mổ bụng sắp xỉu xuống thì người cầm thanh kiếm đứng bên chém giùm một kiếm cho ngã chết hẳn. Thế là xong lễ mổ bụng.

Bởi có tập tục và thành lễ như thế, nên chi mỗi người võ sĩ nào ban đầu cũng học cách dùng thanh kiếm cho đúng phép lịch sự, phòng mai sau có lúc cần phải mổ bụng mình không biết chừng. Thuở xưa, võ sĩ Nhật tập rèn kiếm thuật hết sức trang trọng, tinh vi, không khác gì nhà thi sĩ cặm cụi về nghề đẽo chữ gọt vần, hay là những chốn ngoại giao, triều đình, người ta gò gẫm về lối y phục giao tế vậy.

Cái tục tự tử anh hùng can đảm này xưa nay ở nước Nhật thấy có rất thường; ngoài võ sĩ ra, hạng người khác cũng có nữa. Mỗi khi một vị Thiên hoàng qua đời, thế nào cũng có ít nhiều người mổ bụng để chết theo, vì là thương vua quá. Ví dụ Nãi Mộc đại tướng mổ bụng tự tử liền sau khi vua Minh Trị thăng hà. Năm 1924, có một người thường dân, ngồi ngay trước cửa dinh công sứ Mỹ quốc tại Đông Kinh mà mổ bụng tự tử, là cốt để tỏ ý phản đối cái chính sách của Mỹ quốc bạc đãi dân Nhật kiều ngụ ở hạt Californie. Từ đó tới nay, còn thiếu gì đám harakiri khác. Trận Nhật Hoa giao chiến ở Thượng Hải, cũng có một vị tiểu tướng mổ bụng, vì đã lỡ để binh Tàu bắt sống rồi thả về. Sau cuộc thao diễn hải quân ở Thái Bình Dương năm kia, có một viên đội trưởng cùng mổ bụng xử mình, vì tự xét mình hơi lỗi phận sự chút đỉnh.

Chuyện Nãi Mộc Hy Điển 乃木希典 [Nogi Maresuke] mổ bụng chết theo vua Minh Trị, nên thuật sơ lại cho độc giả nghe.



Nãi Mộc Đại Tướng 乃木大将 [Nogi Taishou] (1849 - 1912) - Có võ công nổi tiếng hoàn cầu năm 1905 vì trận đại thắng quân Nga ở Lữ Thuận (Port Arthur).

Hồi Nhật Nga chiến tranh, Nãi Mộc làm Lục quân đại tướng, cầm mấy đạo binh vây đánh Lữ Thuận dữ quá, mấy ngàn binh Nga đành phải đầu hàng. Chiến công và oai võ của Nãi Mộc nổi vang thế giới, có nhà thế tộc ở Âu châu, lấy một thanh bửu kiếm của hoàng đế Nã-phá-luân ngày xưa gửi qua tặng Nãi Mộc. Sau trận phá Lữ Thuận rồi, Nãi Mộc có câu danh ngôn này: "Phàm cách dùng binh, bao giờ cũng quyết thắng bại ở 15 phút đồng hồ sau cùng, hễ bên nào cứ quyết chiến và giữ vững trận thế trong 15 phút chót, đó là bên ấy thắng trận". Bởi vậy bên Âu châu người ta gọi là "un quart d'heure de Nogi" (một khắc đồng hồ của Nãi Mộc). Nhà viết tiểu thuyết đại danh ở Paris, được cử vô Pháp quốc Hàn lâm viện cách nay mấy

tháng, là Claude Farrère tiên sinh, viết sách thường lấy võ sĩ Nhật Bản làm đề mục và năm trước có bài diễn văn nói về Nhật Bản, khen ngợi Nãi Mộc dữ lắm.

Theo như tiên sinh, sở dĩ Nãi Mộc mổ bụng chết theo Minh Trị Thiên hoàng, là vì có một chuyện hồi nhỏ, cũng là danh dự võ sĩ làm nguyên nhân. Lúc vua tôi đều còn nhỏ tuổi, cùng học một trường; bữa kia Nãi Mộc vì việc học lỗi lầm mà bị ông thầy quở trách sao đó, Nãi Mộc nghĩ sự danh dự, nhất định tự tử. Song vua Minh trị (lúc đó còn là Đông Cung thái tử) can ngăn, ngài nói:

“Ta là vua của ngươi: sự lỗi lầm đó ta gánh vác giùm cho, ta biểu ngươi cứ việc sống”.

Vì bấy giờ vua Minh Trị đã biết tài của Nãi Mộc sau này có thể làm rường cột cho quốc gia, nên chi ngài gánh lỗi, để cho Nãi Mộc đừng chết vậy.

Quả thiệt về sau Nãi Mộc cầm binh đối nghịch với Nga ở Mãn Châu, đánh đâu thắng đó, nổi tiếng anh hùng. Vua Minh Trị có đức sáng tri nhân thiện dụng như thế, gọi là minh quân anh chúa phải lắm.

Một chuyện từ hồi còn nhỏ, ai cũng tưởng Nãi Mộc quên rồi. Nhất là Nãi Mộc lập đại công với quốc gia thế đó, mấy cái lầm lỗi lúc trước cũng đền bù có dư. Nhưng mà không; việc phạm danh dự thuở nhỏ Nãi Mộc chẳng quên; nay vua Minh Trị thăng hà, Nãi Mộc mổ bụng chết theo, là vì Nãi Mộc nghĩ vua mình đã qua đời rồi, không còn người nhận giùm sự lỗi xưa kia cho mình nữa, vậy thì mình phải chết để bảo toàn danh dự mới được.

Một bậc người phú quý hiển vinh, anh hùng oanh liệt như Nãi Mộc, không chịu hưởng sự vẻ vang sung sướng, mà còn nhớ lại việc danh dự từ năm bảy chục năm trước, cam bỏ hết một đời phú quý hiển vinh để cứu lấy danh dự; thật võ sĩ Nhật Bản có cái tinh thần quý trọng danh dự đến thế là tuyệt phẩm vậy.

## TRẬN Ở ĐỐI MÃ HẢI GIÁP, ĐÔNG HƯƠNG NGUYÊN SOÁI PHÁ TAN HẠM ĐỘI CỦA NGA

Muốn biết cuộc duy tân của Nhật Bản khởi sự từ năm 1868 trở đi cho tới ngoài 30 năm sau, có cái thành hiệu đến đâu rồi, thì cứ xem cái thành hiệu về binh lực võ bị của họ là thấy rõ ràng hơn hết.



ĐÔNG HƯƠNG BÌNH BÁT LANG 東郷平八郎 [Tougou Heihachirou] (1848 - 1934) - Hải quân Nguyên soái đã phá tan cả đoàn tàu của Nga ở eo biển Đối Mã năm 1905.

Tôi muốn nói cái thành hiệu đó là trận Nhật thắng Nga năm 1905, thắng cả trên bộ lẫn dưới thủy. Một nước, hồi nào muôn việc cũ mèm, bỗng chốc

muôn việc đổi mới, mà thấm thoát có 37 năm, hải quân và lục quân của họ đem ra chiến thắng một đại cường quốc phương Tây, bảo đó không phải là cái thành hiệu duy tân thì là gì?

Vì sao có trận Nhật Nga chiến tranh 1904-1905?

Tóm tắt là vì Nga mở mang thế lực sang phương Đông lớn quá, làm ngăn trở con đường tấn phát của Nhật, cho nên Nhật phải sinh tử tương tranh để tìm lấy mạch sống. Bắt đầu từ cuối thế kỷ XVIII, Nga ỷ mạnh xí mất một miếng đất tổ truyền của Nhật làm của mình, ấy là cù lao Hoa Thái 樺太島 [22] [Karafutotou]. Nhật vẫn căm tức nhưng vì thế yếu, không làm sao được. Lần lần về sau Nga mở mang thế lực, trên bộ thì khắp Mãn Châu tới Triều Tiên, dưới nước thì có hạm đội đóng ở Hải Sâm Uy 海參威 (Vladivostok) và ở Lữ Thuận 旅順 (Port Arthur), nắm giữ cái hải quyền ở trên Nhật Bản hải 日本海 [Nihonkai] (Mer du Japon), làm trở ngăn khó chịu cho con đường tấn phát của Nhật Bản qua đại lục, tức là cái ngõ sống cho Nhật tất nhiên phải đi. Đại khái cái nguyên nhân cốt yếu của trận Nhật Nga chiến tranh 1904-1905 là ở đó, chớ việc nội chính của nước Triều Tiên làm cớ cho hai bên khai chiến, chỉ là một cái nút chỉ nhỏ ở trong nùi tơ rối lớn mà thôi.

Vì chuyện thâm thù là một, vì lẽ sinh tồn là hai, cho nên tướng sĩ Nhật cùng Nga giao chiến có cái tráng khí hùng tâm, không viết mực nào tả ra cho hết. Trên bộ dưới thủy cũng vậy, con muỗi Nhật tấn lên đến đâu là con cọp Nga thối lui đến đó, làm cho dư luận thế giới sửng sốt không ngờ, và bày tỏ ra việc cải cách võ bị của Nhật Bản chỉ có ba chục năm thành hiệu lớn quá. Song, đây không phải có ý viết Nhật Nga chiến sử, mà chỉ riêng nói về trận Đối Mã hải giáp 対馬海峡 (Détroit de Tsushima), là vì trận này có nhiều ý nghĩa:

Một là nó kết thúc Nhật Nga chiến tranh, bởi đến lúc Nga đem hạm đội Ban-tích (Escadre de la Mer Baltique) sang cứu viện mà bị phá tan, thì Nga phải ngã cờ cuốn giáp ngay, không dám đánh với Nhật nữa; đành bỏ quyền lợi ở Nam Mãn, ở Tiều Tiên, cho tới hải quyền của Nga ở Nhật Bản bấy lâu cũng tiêu nữa. Nhật bắt đầu tiến phát qua đại lục từ đây.

Hai là trận này làm cho Nhật từ bữa nay qua bữa mai nhảy lên ngang hàng liệt cường thế giới và có thanh thế, có địa vị trọng yếu, trên Thái Bình Dương.

Ba là trận này Nhật Bản lấy số ít đánh với số nhiều mà thắng, tỏ ra nhân tài hải quân nước Nhật mới tập rèn đổi mới không bao lâu mà có thao lược lạ lùng. Người Tây phương ngợi khen so sánh Đông Hương nguyên soái với Đề đốc Nen-sôn (Amiral Nelson) của Anh quốc khi xưa, vì Nhật thắng trận này là trận rất to mà tự mình hao tốn rất nhỏ mới kỳ.

Vào hồi tháng 8 tháng 9 năm 1904, Nga hoàng Ni-cô-la II (Tsar Nicolas II) được tin cấp báo của quân mình ở phương Đông: dưới nước thì hạm đội Thái Bình Dương23 bị đánh gần tiêu, trên bộ thì Lữ Thuận sắp mất mà Liêu Dương và Phụng Thiên cũng nguy. Thấy binh tình nguy cấp như thế, Nga hoàng liền mở quân sự hội nghị, quyết định lựa chọn những chiếc tàu chiến tốt nhất ở trong hạm đội Ban-tích mà lập ra hạm đội Thái Bình Dương thứ hai, giao cho Thủy sư Đề đốc Rô-dê-văng-ky (Amiral Zinovi Petrovitch Rojestvenski) làm tổng tư lệnh, để qua Đông phương cứu viện.

Ngày 4 tháng 10 năm đó, cả đoàn tàu trận lớn nhỏ gần 40 chiếc đậu dài ở cửa biển, khói lên nghi ngút, che bóng mặt trời, ngó oai phong thật là lẫm liệt đường hoàng, ai cũng phải sợ. Khi đoàn tàu sắp nhổ neo đi, Nga hoàng cùng hoàng hậu, thái tử, ngự giá xuống coi rồi phán rằng:

“Đem đoàn tàu như vầy đi đánh giặc, giặc nào không tan; hãm trận, trận nào không phá! Trẫm phái hạm đội này sang Đông, trong ý chẳng phải là cốt mong vào cửa biển Hải Sâm Uy của ta bên đó mà thôi, ý trẫm còn trông tướng sĩ các ngươi phen này cùng giặc Nhật quyết chiến, để rửa thù cho hạm đội Thái Bình Dương và làm rỡ ràng cho nước nhà; vậy tướng sĩ các ngươi nên cố gắng!”

Rồi đó hạm đội Ban-tích lục đục khởi hành.

Đề đốc Rô-dê-văng-ky chia ra làm hai toán: một toán do ngả Địa Trung Hải qua kênh đào Suy-ê (Canal de Suez) mà sang Ấn Độ Dương; còn một toán tự mình thống lãnh thì bao vòng châu Phi, rồi qua mũi biển Hảo Vọng (Cap de Bonne Expérance) rồi cũng băng qua Ấn Độ Dương mà sang Đông.

Sau khi hạm đội này đi được ít ngày, kế có tin rằng hạm đội Thái Bình Dương ở Lữ Thuận bị Nhật Bản đánh chìm hết rồi, Nga hoàng lo sợ quá, vội vàng sai thêm một đoàn tàu nữa đi, gọi là hạm đội Thái Bình Dương thứ ba.

Hạm đội trước đang đi nửa đường hay tin Lữ Thuận đã bị binh Nhật hãm mất rồi, mà binh Nga đánh nhau ở Phụng Thiên cũng thua, thành ra tướng sĩ trên hạm đội lo buồn, nay đi mai nghỉ, rất là chần chừ chậm chạp. Mãi đến ngày 12 tháng 4 năm sau 1905 mới đi qua Sài Gòn, ghé vào đậu ở vịnh Cam Ranh nước ta để chờ hạm đội Thái Bình Dương thứ ba tới nơi rồi cùng đi.

Song lúc đó nước Pháp trung lập, theo phép không được cho tàu trận của bên nào đậu nhờ trong đường nước của mình. Nhật hay tin có tàu Nga đậu ở vịnh Cam Ranh, liền đánh điện văn trách hỏi nước Pháp, và xin chiếu theo điều ước trung lập mà tống cổ tàu Nga đi. Bởi vậy hạm đội Nga phải nhổ neo ra khơi, chớ không được đậu ở Cam Ranh nữa. Ra biển chạy được ít lâu thì gặp hạm đội Thái Bình Dương thứ ba cũng vừa qua tới, nhập lại với nhau, cả thảy trên 40 chiếc. Hôm nay là ngày 5 tháng 5 năm 1905. Tính ra hai hạm đội Nga khởi hành ở biển Ban-tích bên Nga từ đầu tháng 10 năm ngoái, thế là hết 7 tháng mới đến phía ngoài hải phận Trung kỳ ta.

Nói về hải quân Nhật Bản, từ tháng Chạp năm trước (1904), đánh phá tan nát hạm đội Nga ở cửa Lữ Thuận rồi, thì hạm đội Nhật đều rút về quân cảng Tá Thế Bảo 佐世保 [Sasebo], sửa máy sơn tàu, lau chùi súng ống lại, và cho tướng sĩ nghỉ ngơi trên 60 ngày. Trong dịp đó, xưởng đóng chiến hạm của Nhật cũng vừa đóng xong 38 chiếc tàu trận mới.

Đông Hương nguyên soái cùng các viên bộ tướng là Thượng Thôn, Xuất Vũ, Qua Sinh… thắng trận khải hoàn, về Đông Kinh bái yết Thiên hoàng, rồi đến ngày 6 tháng 2 năm 1905, lại vâng mệnh xuất chinh, sửa soạn đâu đó, chờ hạm đội Ban-tích của Nga sang tới nơi là đánh. Nguyên soái Đông Hương bài binh bố trận, chia hải quân ra làm 7 đội, mỗi đội tuần phòng một ngả ở trong Nhật Bản hải và Trung Quốc hải, còn chính ngài thì thống suất đội chiến hạm thứ 7, phòng bị quanh miệt quần đảo Lưu Cầu (琉

球 Iles Ryuukyuu) và eo biển Đối Mã, vì ngài đã định trước thế nào hạm đội Nga cũng phải đi qua ngả này mà lên Hải Sâm Uy của họ.

Lúc này là ngày 14 tháng 5, hạm đội Nga đang còn lênh đênh trên mặt biển ở phía ngoài hải phận Trung kỳ ta, mà vẫn chưa biết hạm đội của Đông Hương bố trí thế nào, trấn thủ ở đâu. Bấy giờ, Đềđốc Rô-dê-văng-ky bèn hội tất cả các bộ tướng và hạm trưởng các tàu tềtựu ở tàu kỳ hạm[24] để bàn tính phương lược, coi giờ nên đi ngả nào. Các tướng bàn bạc phân vân chia rẽ. Một viên bộ tướng nói:

"Bên giặc thế nào cũng giữ chặt lấy ngả Nhật Bản hải, hạm đội ta chớ nên đi lên ngả đó mà nguy. Chi bằng ta vòng ra Thái Bình Dương, dựa theo mé biển phía ngoài Nhật Bản mà dông cho mau, rồi băng qua eo biển Tông Cốc 宗谷 [Souya] của Nhật mà lên Hải Sâm Uy thì mới toàn vẹn được".

Một viên hạm trưởng vùng vằng tức tối, đứng phắt dậy nói lớn:

"Chúng ta đây, cả đoàn tàu hùng tráng trên 40 chiếc, che mây rẽ nước từ Tây sang Đông, phí ngày giờ trải 8 tháng nay, đi băng ngang một nửa trái đất, là cốt để tìm lấy giặc mà đánh cho hả lòng, hầu lập nên đại công như Đềđốc Nen-sôn (Nelson) thuở trước. Nay lại định trốn tránh quân giặc mà bao vòng ngả Thái Bình Dương, thật là vô lý. Theo ý tiểu tướng định kế bây giờ, không có gì hơn là trước hết chúng ta đánh lấy Đài Loan làm nơi căn cứ cho hạm đội Ban-tích của ta, ấy là thượng sách, rồi thì thừa cơ đánh giặc sau".

Các tướng thanh niên cường tráng, đều khen kế đó là phải. Đềđốc Rô-dê-văng-ky suy nghĩ lẳng lặng một lát rồi đứng dậy bảo chư tướng:

"Ta quyết định đưa cả hạm đội do ngả Đối Mã hải giáp mà lên Hải Sâm Uy".

Chư tướng vỗ tay, tung hô vạn tuế.

Đoạn, Đềđốc lại ra hiệu lệnh cho tất cả đoàn tàu như vầy:

"Quân giặc sắp gần kề trước mắt ta rồi. Hạm đội chúng ta ăn thua vinh nhục, chỉ ở trong khoảng ít ngày nữa đây, vậy tướng sĩ các ngươi phải nỗ lực để báo đền tổ quốc".

Đến ngày 25, hạm đội Nga do phía đông Đài Loan mà ra Trung Quốc hải, chỉ sai vài chiếc tàu vận tải ghé vào Thượng Hải lấy thêm than dầu vật thực, còn thì toàn đội nhắm ngay eo biển Đối Mã mà phăng phăng thẳng tới.

Phía bên quân Nhật, nguyên soái Đông Hương hay tin hạm đội Ban-tích đã chạy ngang qua quần đảo Lưu Cầu, thì định chắc sớm tối ngày 26 hay 27, thế nào cũng đi qua hải giáp Đối Mã, cho nên hạm đội Nhật hờm sẵn ở đấy chờ đánh.

Nói cho ngay, Đông Hương nguyên soái dư biết rằng đề đốc Nga, tay cừu địch với mình, là một vị sĩ quan hải quân cao cấp, đã nổi tiếng thông minh, can đảm và có tài thao lược ghê gớm lắm. Đông Hương lại cũng dư biết rằng lấy số tàu binh mà kể, thì hạm đội Nga nhiều hơn hạm đội mình. Vậy thì Nhật khó làm sao thắng Nga cho nổi. Tuy nhiên, Đông Hương đã suy tính hư thiệt kỹ lưỡng, biết rõ hạm đội của Đề đốc Rô-dê-văng-ky thiếu thốn về binh lực và thuốc đạn; nhất là cả đoàn tàu đi từ Âu sang Á, ròng rã 8 tháng nay, tự nhiên máy móc phải tròng trành, tướng sĩ phải mỏi mệt, mà tàu lại không chở đủ số than để lên tới Hải Sâm Uy mà qua mắt Nhật Bản cho được; thế nào giữa đường tránh khỏi đánh nhau? Nga yếu thế e thua là ở chỗ đó. Trái lại, tàu Nhật thì vừa mới sơn phết, sửa sang máy móc và tích trữ đạn dược rất sung, còn tướng sĩ ai nấy đều tỉnh táo hăng hái, chỉ đợi có giặc lại mà đánh.

Lấy tình trạng hai bên về binh lực và sĩ khí như thế mà suy xét so đo, cho nên Đông Hương nguyên soái vững lòng chờ đợi hạm đội Nga tới chỗ eo biển chỉ rộng có 122 hải lý là eo biển Đối Mã để cùng giao chiến một phen sống mái, chớ không vì thấy tàu Nga đông, tướng Nga giỏi, mà kiêng sợ chút nào!

Ngày 26, Đông Hương nguyên soái ra lệnh cho chiếc tàu do thám, hiệu là Tín Nùng 信濃 [Shinano] phải cẩn thận tuần phòng ở quanh biển Đối Mã,

hễ thấy bóng tàu Nga, phải đánh điện tín cấp báo cho đại đội hay. Chiếc tàu này đi tuần biển đến 2 giờ khuya thì thấy đoàn tàu Nga, liền phi báo cho hạm đội Nhật hay. Các nhà quân sự chuyên môn của Âu Mỹ nói rằng chớ chi chiếc tàu Tín Nùng của Nhật đi tuần chậm trễ 5 phút đồng hồ sau, thì hạm đội Nga vượt khỏi Đối Mã rồi, không đến đỗi phải chôn thây ở đó.

Tảng sáng 27, mặc dầu biển dậy sóng to, trời có sa mù bịt bùng, hạm đội tiên phong của Nhật được tin hạm đội Nga sắp tới, tướng sĩ Nhật hăm hở nghênh chiến. Xuất Vũ trung tướng truyền bảo bộ hạ như vầy:

“Anh em ta đêm ngày chờ đợi hạm đội Ban-tích tới để đánh; ngày nay may mắn làm sao tàu giặc đã tới trước mắt, cái giờ sinh tử quyết chiến của anh em ta đến rồi. Song binh gia thắng bại, không biết đâu trước mà lường; nói ví dụ như tàu chúng ta bị bắn nặng lắm, thì anh em ta cũng thề đánh tới chết chớ không thèm lui. Còn một viên đạn, cứ đánh; còn một tên quân, cứ đánh. Ai nấy đều nên nỗ lực tận tâm mà đánh giặc, rủi như tàu chúng ta chìm thì trước khi chun vô bụng cá, chúng ta đem hết thảy vật dụng quân cơ trong tàu mà tự hủy đi ráo, chớ để lọt qua tay bên giặc nghe”.

Rồi đó Xuất Vũ trung tướng dàn trận, xông vào giao chiến với hạm đội Nga. Trong lúc sa mù tối tăm, tàu Nga không biết tàu Nhật nhiều ít thế nào, chỉ thấy bên Nhật bắn mình thì mình bắn lại, rồi thì phân hạm đội ra làm hai hàng tả hữu, kéo dài trên 20 dặm, phăng phăng chạy vào eo biển Đối Mã. Lúc này mà đề đốc Nga còn chưa thấy rõ thiệt tình bên Nhật, trong trí vẫn tưởng rằng mấy chiếc tàu Nhật mà mình ngó thấy đây là thứ tàu hư cũ không thể chiến đấu gì được; còn đại đội hải quân Nhật thì đang đón hạm đội mình ở eo biển Tôn Cốc là phía trên kia, thế là Nhật mắc mưu mình rồi, thôi mình có thể thừa hư mà thắng lên Hải Sâm Uy dễ dàng như chơi. Than ôi! Đề đốc Nga không biết có hạm đội của Đông Hương đang hờm sẵn ở Đối Mã hải giáp, lát nữa coi mà!

Quả thiệt Đông Hương nguyên soái được tin hạm đội Nga sắp qua Đối Mã hải giáp liền ra lệnh cho cả hạm đội bộ hạ mình gồm 20 chiếc tàu, dàn trận như hình tràng xà, xông ra nghênh địch. Cờ hiệu giao chiến kéo lên bay phấp phới ở trên kỳ hạm Tam Lạp 三笠 [Mikasa] Đông Hương nguyên soái truyền lệnh cho toàn đội rằng: “Tổ quốc vinh nhục ở một trận này,

tướng sĩ các ngươi đều phải gắng sức”. Lệnh này làm cho hùng tâm tráng khí của chư tướng sĩ thêm phấn chấn trăm phần.

Hạm đội Nhật phân hai, một nửa đánh vào sau lưng hạm đội Nga, một nửa thì chạy hàng dài ở phía tả, chận ở mặt trước. Lúc hai bên còn cách xa nhau 10 ngàn thước, tàu Nga bắn trước, nhưng tàu Nhật làm thinh, chờ khi còn cách chừng 5 ngàn thước, thì tàu Nhật mới thử bắn 6 phát. Súng Nhật bắn hay quá, trong 6 phát mới bắn đó, có 3 phát trúng ngay vào một chiếc tàu Nga, mà một phát trúng giữa tướng đài, viên đề đốc chiếc tàu ấy bể sọ chết tốt.

Nga muốn biến thế trận để đối địch cho dễ, nhưng bị Nhật xông vào đánh riết quá, nên biến thế trận không kịp. Đã vậy mà súng Nhật bắn 10 phát trúng đến 6, 7; còn súng Nga bắn trả thì xuống nước gần hết. Hồi 2 giờ chiều, hai bên đánh nhau càng hăng, súng nổ vang trời, khói lên mù mịt. Tuy binh Nga chống cự hăng hái can đảm cũng dữ, nhưng mà tàu nào tàu nấy bị đạn Nhật bắn phá nhừ tử, thành ra lòng quân đã hơi rúng động.

Đến 2 giờ rưỡi, hạm đội Nga bị khốn trong vòng vây, trận thế rối loạn tứ tung, muốn phá vây chạy trốn, nhưng mà tàu Nhật áp tới bao phủ như bức tường dày, không có ngả nào cho tàu Nga thoát ra được. Lúc này tàu Nga có mấy chiếc bị bắn chìm rồi, tàu Nhật lại nhắm vào kỳ hạm của Đề đốc Rô-dê-văng-ky mà bắn dữ dội. Đề đốc đứng trơ trên tướng đài, tay cầm thanh gươm ra hiệu cho tướng sĩ; bỗng chốc tàu cháy ngùn ngụt, cháy tới tướng đài, làm cho Đề đốc Nga bị thương nặng lắm, vội vàng cùng bộ tướng sang qua tàu khác vừa xong, thì chiếc kỳ hạm chìm nghỉm.

Bây giờ chiếc tàu Nga hiệu Nicolas 1er thay làm kỳ hạm, cùng chiếc Alexandre III đánh lại tàu Nhật rất là dũng mãnh, vì tướng sĩ ở hai tàu này đều là hạng tinh nhuệ trong hải quân Nga.

Song, rủi cho Nga, hết tàu này tới tàu khác, bị trúng đạn Nhật mà nổ chìm liền. Thét tàu Nga phải đành liều, phá vòng vây mà chạy; tàu Nhật rượt theo bén gót.

Tối lại, trên biển u ám, không sao ngó thấy rõ đường mà đánh, nên chi Đông Hương nguyên soái truyền hiệu lệnh cho hạm đội mình đều tụ ở

phía ngoài cù lao Uất Lăng 鬱陵島 [Ururundo], chỉ sai một đoàn tàu ngư lôi và tàu khu trục theo đánh tàu Nga. Hồi 8 giờ tối, biển nổi sóng ầm ầm mà trời đen như mực, tàu Nga lênh đênh trên biển không biết lối nào mà đi, vì sợ đi bậy, gặp tàu Nhật thì khốn. Nhờ vậy mà tàu ngư lôi và tàu khu trục của Nhật theo dõi tới nơi, lại xông vào đánh tàu Nga, chiếc thì bị chìm, chiếc thì hư máy, không cử động gì được nữa.

Chính một chiếc tàu có Đề đốc Rô-dê-văng-ky và tham mưu bộ tướng cũng bị hết than hư máy, đứng sững trên biển, nên phải kéo cờ hàng, để cho binh Nhật bắt sống cả mấy thầy trò; còn chiếc tàu Nga thì Nhật dắt về Tá Thế Bảo quân cảng.

Có 5 chiếc khác thừa lúc đêm tối, định dông thẳng lên Hải Sâm Uy, không dè tới sáng, bị một hạm đội Nhật lù lù chặn ngang trước mặt. Chính là hạm đội của Đông Hương, Đông Hương ra hiệu khuyên hàng; 5 chiếc tàu Nga biết thế chống cự không nổi, kéo cờ trắng lên hàng ngay.

Nội buổi sáng 28 tàu Nhật còn lùng kiếm tàu Nga, hoặc bắn chìm, hoặc bắt sống. Thế là cả hạm đội Ban-tích của Nga trên 40 chiếc, đến đây không còn sót lại chiếc nào toàn vẹn. Tính ra Nhật bắn chìm của Nga 21 chiếc; bắt sống 5 chiếc; 3 chiếc mắc cạn bị hư; 8 chiếc trốn thoát; 1 chiếc chạy mất tung tích nơi nào không biết. Có lẽ nó là chiếc chạy lạc vào cửa Ô Cấp ta rồi chìm ở khoảng trên Nhà Bè mà mấy chục năm nay còn thấy cột buồm trồi lên mặt nước đó chăng?

Phía Nga, hạm đội Ban-tích tan nát như đã kể trên đây, còn tướng sĩ thì 4.000 người bị hoặc bị đạn mà tử trận, hoặc đắm tàu mà chết chìm; 7.000 người bị Nhật bắt sống, trong số đó có Đề đốc Rô-dê-văng-ky và nhiều danh tướng khác nữa. Thế mà phía Nhật, thì chỉ mất ba chiếc tàu ngư lôi, chết 116 người và bị thương tích 350 người thôi.

Trận hải chiến ở eo biển Đối Mã này kết thúc cuộc thắng bại giữa hai nước Nhật Nga, từ đó Nga bị đuổi ra khỏi phía đông Thái Bình Dương để nhường cho Nhật trở nên hải thượng bá chủ. Vả lại trận Đối Mã đánh xong hôm nay, thì ngày mai oai danh Nhật Bản lừng lẫy toàn cầu, nhảy vọt lên ngang hàng với liệt cường Âu Mỹ. Ai cũng nói rằng thiên hạ cổ kim, không

tiền tuyệt hậu, chẳng thấy có một trận hải quân chiến thắng nào mà cái giá nó ít tốn hao quá như là trận Nhật chiến thắng Nga ở Đối Mã hải giáp vậy.

Thắng trận khải hoàn, Đông Hương nguyên soái trở nên một bậc dân tộc anh hùng, thế giới vĩ nhân. Người thắng trận đã nâng cao địa vị của quốc gia dân tộc Nhật Bản đó, thọ gần 80 tuổi, mới mất ở Đông Kinh hồi tháng 6 năm 1934, Nhật Bản làm lễ quốc táng hết sức long trọng. Nhân dịp đó, ta thấy vô số báo chí Âu Mỹ tự thuật lai lịch và ca tụng chiến công của Đông Hương.

Đông Hương, hồi đầu duy tân, là một chàng thanh niên do vua Minh Trị lựa chọn phái đi qua học hải quân ở Anh quốc giữa năm 1868. Đông hương lưu học tại Anh quốc luôn 7 năm, đã nghiên cứu về binh pháp hải quân lại tinh thông cả về cơ khí hải quân nữa. Lúc bấy giờ Âu châu gọi Đông Hương là "cậu học trò Nhật Bản" (écolier Japonais). Cách sau vừa đúng 30 năm, tảng sáng ngày 27 tháng 5 năm 1905, cậu học trò Nhật Bản làm Hải quân nguyên soái. Phá tan hạm đội của một cường quốc Âu châu ở Đối Mã hải giáp đó.

Giữa lúc đánh trận, Đông Hương cầm thanh bửu kiếm đứng trên tướng đài của chiếc kỳ hạm Tam Lạp, chỉ huy quân sĩ từ sáng sớm đến tối mịt, bỏ cả ăn uống, quên hết hiểm nguy. Đạn Nga bay ngang trước mặt vù vù, mà Đông Hương không hề núc nhích, cái thái độ dũng cảm tự nhiên của Đông Hương như thế, càng làm cho mạnh khí nức lòng tướng sĩ Nhật Bản bội phần. Ai nấy reo hò hăng hái, quyết chiến cho đến lúc toàn thắng mới thôi. Có tướng ấy, tất nhiên có quân ấy là phải lắm.

Tuy thắng đại trận, lập đại công thế ấy, mà Đông Hương chẳng lấy làm đắc chí tự kiêu chút nào. Ai khen công trận thì Đông Hương chỉ nói đó là nhờ có oai linh của Thiên hoàng, dũng khí của ba quân, hồng phúc của tổ quốc. Ngày khải hoàn về Đông Kinh, cái cử chỉ trước hết của Đông Hương là vô nhà thương thăm viếng Đề đốc Rô-dê-văng-ky, nắm tay đề đốc mà nói:

"Tôi rất lấy làm vinh hạnh được gặp một tay đối địch hết sức dũng cảm như ông."

Cái cử chỉ này càng tỏ ra võ sĩ Nhật Bản có tính nho nhã di truyền từ xưa, như một đoạn trên kia đã nói vậy.

## CHÚNG TÔI HỌC THEO TÂY PHƯƠNG CÁC ÔNG MÀ

Xét qua công cuộc cải cách võ bị của Nhật đã thành công mau lẹ và có kết quả rỡ ràng như thế rồi, luôn dịp ta nên nhìn biết một điều này nữa. Điều này, chẳng phải ý tôi muốn nói ra đặng ngợi khen gì Nhật Bản, nhưng mà nó chính là một sự thật, không nên bỏ qua.

Hồi duy tân, Nhật Bản hối hả sửa sang võ bị theo như Tây phương, chẳng phải chỉ cốt lo "giữ mình" mà thôi đâu, kỳ thiệt họ đã lập chí "ăn người" rồi. Đã không muốn tiến hóa tự tân thì thôi, chớ nếu tiến hóa tự tân, thì tất nhiên phải có những vấn đề công nghệ phát đạt, vấn đề nhân khẩu gia tăng, bắt buộc họ có cái tình thế riêng phải lấy võ lực để tìm lấy hơi thở, mưu lấy đường sống.

Bởi vậy, ông tướng tên quân nọ mới ngày hôm nào hãy còn mang giáp múa đao, cầm cung ra trận, không khác gì tướng sĩ Trung Quốc thuở xưa, thế mà bỗng chốc duy tân, bao nhiêu thói xưa lối cũ xóa đi hết, nhất thiết đổi dùng từ binh cơ đồ trận cho tới nhung trang khí giới của Tây phương, sự biến hóa ấy thấm thoát chưa được bao lâu, thì họ đã đem ra thực nghiệm "ăn người" rồi. Nào đánh Trung Quốc chiếm lấy Đài Loan, Bành Hồ, nào mượn tiếng sửa sang nội chính giùm cho Cao Ly rồi sau bảo hộ luôn, lại nào là cố đánh thắng Nga để nắm lấy hải quyền ở miệt đông Thái Bình Dương và đuổi Nga ra khỏi Mãn Châu để khuếch trương thế lực mình sang đại lục, ấy đều là những sự hiển nhiên Nhật Bản đã dùng võ lực sửa đổi theo Tây phương mà thiệt hành "ăn người" cả đó.

Sau lúc thắng Nga trở đi, võ bị của Nhật ngày càng thêm mở mang tấn tới. Đến giờ, thôi thì quá rồi: hải quân và lục quân của họ đã đứng ngang hàng với mấy nước đệ nhất hùng cường trong thế giới; võ nhân họ, ở bên trong có thế lực lớn lao bên đàn chính trị, ngó ra ngoài muốn hầm hừ nhai nuốt cả những Úc châu của Anh, Phi Luật Tân của Mỹ, Nam Dương quần đảo của Hòa Lan, chớ không phải muốn vừa. Mãn Châu chưa đủ no bụng họ

đâu, họ còn đang dòm qua dĩa thịt liền một bên, muốn nhai luôn cả Tây-bá-lợi-á (Xibia) của Nga luôn một miếng cho gọn!

Tuy ngoài miệng hay nói hòa bình ngọt xớt, nhưng kỳ thực Nhật Bản chính là một nước "quân quốc chủ nghĩa" (Nation militariste) rõ ràng không còn phải nghi gì nữa.

Có người Âu Mỹ nào trách thiện Nhật về chỗ đó thì Nhật cười và nói:

"Ủa! Chúng tôi học theo Tây phương các ông chớ ai!"

Thì chính là lời nói thật.

Như trên xa kia đã nói, thiệt là trước nhờ mấy tiếng súng của Đề đốc Bá Lý, sau nhờ có những hiệp súng của 4 nước Âu Mỹ hiệp nhau bắn nổ rầm rầm ở Lộc Nhi đảo và Hạ Quan, làm cho người Nhật vùng tỉnh giấc mê mộng mấy ngàn năm mà vội vàng cải cách duy tân. Việc thứ nhất là họ đã ngó thấy Tây phương mạnh ở súng gang tàu sắt, thì trước hết họ phải lo sao cho họ cũng có những vật cần kíp đó. Antoine Zischka[25] viết câu này thực là đúng với tư tưởng tâm lý người Nhật hồi năm 1868: "Nếu người ta sống theo cách Âu châu thì cũng phải biết bắn giết theo cách Âu châu mới được", (Si on vivait à l'européenne, il fallait aussi tuez à l'européenne).

Võ bị nước Nhật hồi duy tân sửa sang tấn tới quá mau, cho đến đỗi cách sau 37 năm đem ra thực nghiệm chiến thắng được Nga, tóm lại chỉ gốc ở một chỗ giác ngộ và định kiến có bấy nhiêu đó!

Lại cũng vì chỗ giác ngộ định kiến đó mà Nhật Bản phải trở nên một nước quân quốc chủ nghĩa, soi gương nối gót thầy học Tây phương. Thử hỏi xưa nay trong thiên hạ có một nước nào, hoặc mở thêm đất cát, hoặc mưu lấy lợi quyền, mà khỏi dùng đến võ lực? Nước mạnh nào lại không là nước quân quốc chủ nghĩa? Tây phương bắt đầu từ thế kỷ XVII sang mở mang đất cát, kinh doanh quyền lợi ở Đông phương, chẳng nhờ có binh ròng tướng mạnh, tàu sắt súng gang, thì nhờ ở sức nào khác hơn? Chính Tây phương qua bắn súng vào Phù Tang tam đảo rầm rầm, mới đánh thức Nhật Bản tỉnh ngộ tự cường đó chớ ai! Cũng chính Tây phương chỉ tỏ cho Nhật biết sức mạnh của súng đạn tân thời và biết mối lợi của võ lực sung túc,

cho nên Nhật phải bắt chước đó. Ngày nay họ trở nên quân quốc chủ nghĩa mà thú thật rằng học bài chung sách của ông thầy Tây phương là phải lắm.

Danh sĩ Pháp là Maurice Dekobra năm ngoái qua chơi Nhật Bản trở về viết cuốn sách Samourai huit cylindres rất ngộ, có nhắc lại câu nói của ông giáo sư Nitobe Inazou ở trường Đông Kinh Đế quốc đại học như vầy:

"Hồi Nhật Bản tự bỏ cái thú tịch mịch phong lưu của mình từ xưa mà để mắt dòm ra thiên hạ, ngó thấy trên biển Trung Quốc phấp phới nhiều lá cờ lạ, thuở nay mình không biết, thì ai nấy đều sửng sốt lạ lùng: nào cờ tam tài, nào cờ có băng đỏ của Hồng Mao, nào cờ điểm sao lốm đốm của Mỹ quốc.

Chớ chi lúc nọ ở dưới những lá cờ đó, có một đạo binh toàn là thi gia và mỹ thuật gia kéo tới bờ biển chúng tôi, thì không chừng chúng tôi đã cao hứng vì lẽ cạnh tranh tinh thần, mà cùng họ phấn đấu ở trong vòng nghệ thuật văn chương một cách rất là ôn tồn thân ái. Song cơ khổ thay! Lúc chúng tôi dòm thấy dưới những bóng cờ đó tua tủa lên vô số là đầu gươm mũi súng chói mắt sáng lòa, thì chúng tôi hiểu ngay rằng chúng tôi đây phải đúc súng rèn binh để giữ lấy thân chúng tôi mới được. Bởi vậy, ngay từ khi chúng tôi bắt đầu tiếp xúc với Tây phương, thì chủ nghĩa quân quốc đưa tới cho chúng tôi bắt chước đầu hết mọi sự. Thiệt, công cuộc tổ chức hải quân và lục quân của Nhật ngày nay, có phải là Nhật phát minh ra đâu; Nhật chỉ chép y kiểu cách của Âu châu thôi mà".

# Chương IX. VĂN HÓA ĐÔNG TÂY

*Về văn hóa tư tưởng, Nhật Bản có chứa cái kết thai lâu đời chẳng phải tầm thường, văn hóa tư tưởng nào họ cũng thâu góp, cảm thụ của người, nhưng rất khéo lựa chọn, khéo dung hòa, khéo lọc hay bỏ dở để cho thích hợp và hữu dụng với mình, thành ra đến lúc văn hóa tư tưởng Thái Tây sang Đông, họ biết đón rước vồ vập lấy liền.*

**N**hiều người ngó thấy Nhật Bản sinh ra được đứa con duy tân tự cường giống Âu châu như đúc khuôn, tưởng vậy là Nhật Bản nhờ công ơn khí bẩm của Âu châu truyền cho hết thảy.

Mà người ta không tưởng vậy sao được; vì chứng cớ hình tích là những cơ khí, cửa nhà, xe tàu, y phục cho đến chính trị, lý tài, kinh tế, quân sự kia, nhất thiết là của Âu châu sản sinh, vậy thì đứa con Nhật Bản duy tân, chẳng phải con của Âu châu thì còn ai?

Nếu chỉ xét người ở ngoài da, thì vậy đó là phải rồi. Nhưng, chưa chắc mỗi ai có khí bẩm Âu châu truyền cho, cũng duy tân tự cường được, Trung Quốc từ thế kỷ XVIII, đã có nhiều người Tây phương lui tới, đem những cái hay của họ sang cho mà thấy, sao Trung Quốc không văn minh hùng cường đi? Cũng như nước Nam mình đời Gia Long, có những người Pháp tài nghề chuyên môn là Olivier, là Chaigneau, qua đây đóng tàu đúc súng, xây thành luyện quân ở ngay trước con mắt mình, sao mình không giỏi văn minh hùng cường đi?

Tại sao?

Chỉ tại Trung Quốc với mình như chị đàn bà khô khan yếu đuối, trong mình không có những cái tính chất có thể cảm thọ khí bẩm tốt lành của người ta để sinh sản ra tốt lành.

Trái hẳn lại, Nhật Bản từ xưa chẳng những đã chứa sẵn nhiều tính chất phát dục chín chắn tốt lành, mà ngay đứa con văn minh hùng cường cũng đã nằm sẵn trong thai nghén của họ rồi, vừa đúng lúc ngày đầy tháng, thì Âu

hóa tới rước nó ra, chớ không phải Âu hóa đem trọn đứa con đẻ sẵn cho Nhật Bản đâu! Khác nào hột giống cây quý tự người Nhật đã gieo nó dưới đất rồi, Âu hóa như trận mưa phải thời, tự nhiên nó nảy mầm đâm nhánh lên vậy.

Một bậc danh nhân trong thời đại Minh Trị, nông học kiêm pháp học bác sĩ là Tân Độ Hộ Đạo Tạo 新渡戸稲造 Nitobe Inazou ví dụ Âu hóa có công như là cô mụ, rất có ý vị:

"Âu hóa đối với nước Nhật chúng tôi không khác gì chuyện cô mụ hộ sinh đối với một đứa nhỏ trong thai, đến ngày đến tháng, cô mụ tới đỡ cho nó chui ra đời. Nếu Âu châu có công với sự tiến hóa duy tân của chúng tôi, tức là cái công của cô mụ hộ sinh đó. Nghĩa là đứa nhỏ cứng cáp tốt lành đã có sẵn trong thai nghén của chúng tôi rồi, chỉ nhờ Âu hóa tới làm người hộ sinh, khiến cho người mẹ sinh ra đứa nhỏ được mau chóng hơn, dễ dàng hơn, và ít quằn quại đau đớn. Bảo rằng đứa nhỏ do chúng tôi sinh ra đó là của Âu châu ban cho hết thảy thì sai lắm. Rút lại mà nói: Nhật Bản có nhờ Âu châu là để cho cái sức có sẵn nơi mình, được mau phấn phát, tấn tới theo thời vậy".

Câu nói nghe như hơi quá tự phụ, nhưng quả là chứa đầy sự thật.

Về văn hóa tư tưởng, Nhật Bản có chứa cái kết thai lâu đời chẳng phải tầm thường. Nhất là văn hóa tư tưởng nào họ cũng thâu góp, cảm thụ của người, nhưng rất khéo lựa chọn, khéo dung hòa, khéo lọc hay bỏ dở để cho thích hợp và hữu dụng với mình, thành ra đến lúc văn hóa tư tưởng Thái Tây sang Đông, họ biết đón rước về vập lấy liền. Trên con đường này, trước khi muốn thấy dấu chân họ ở chặng sau, ta dòm sơ lại bước đi của họ ở mấy chặng trước thử xem.

Sự thật, Nhật Bản đã sẵn có một cái thai văn hóa kết tinh lâu rồi.

Muốn xét cái thai văn hóa của Nhật Bản, đầu hết phải xét từ tôn giáo mà đi.

Thật, quả như lời của ông giáo sư Félicien Challaye đã nói: "Chính là tôn giáo đã vạch rõ ra những tính chất cốt yếu của nền văn hóa ấy, khiến cho nó có vẻ lạ khác người ta, có linh hồn riêng của nó. Nó ảnh hưởng tới tư

tưởng, tính tình và công việc của người Nhật làm một cách rất sâu xa; chính tôn giáo đã giúp ý tưởng cho họ nảy ra văn chương, ra mỹ thuật, làm nên khuôn mẫu cho tất cả những điển chương phép tắc tổ truyền; chính tôn giáo đã làm cho rung động và ngày nay cũng vẫn còn rung động sự sống bề ngoài cũng như sự sống bề trong của người Nhật." (Ce sont les religions qui ont déterminé les caractères essentiels de cette civilisation, lui ont donné son originalité, son âme. Elles ont profondément agi sur les idées, les sentiments et les actes de Japonais; elles ont inspiré leur lictérature et leurs arts, modelé toutes les institutions traditionnelles; elles ont animé et elles animent encore leur vie extérieuse comme leur vie intérieuse).

Từ thuở nước Nhật cổ, có ba nền đạo lớn, vẫn là những đạo cốt yếu của nước Nhật kim ngày nay: Thần đạo, Khổng giáo, Phật giáo.

**THẦN ĐẠO**

Ở chương thứ nhất, độc giả đã thấy một đoạn nói người Nhật tin tưởng nước họ là Thần quốc, do Thần dựng lên, đức Thiên hoàng là con cháu, dòng dõi của vị Thần tôn nghiêm cao quý hơn hết, đời đời truyền nối trị vì, không ai được xâm phạm, không hề có sự thay đổi bao giờ. Tự nhiên Thần đạo 神道 [Shindou] (shinstoisme) là đạo gốc, có từ lúc Nhật Bản mới thành dân tộc, mới lập quốc gia trở đi.

Đây, cần nói thêm về Thần đạo, nhất là những điều trước kia chưa nói, vì có quan hệ với vấn đề văn hóa.

Ta nên phân biệt: Thần của người Nhật, không phải Thần như của Tàu và nước Nam ta, phàm ai sống khôn thác thiêng, được người ta lập đình miếu thờ tự và có nhà vua sắc phong là Thần thì mới là Thần; cũng không đồng nghĩa với Thánh (Saint) ở đạo Gia-tô, thường là những người xưa kia tận trung với đạo Chúa hay là tử tiết vì đạo, về sau được Tòa thánh ở La Mã phong Thánh thì mới được là Thánh.

Thần đạo ở Nhật Bản cốt nhất là sự tưởng nhớ kính thờ các Gia Di 加彌 [Kami], tức là anh linh của những người qua đời. "Hết thảy những kẻ chết đều thành Thần", ấy là lời của nhà chí sĩ ái quốc 平田 篤胤 [Hirata Atsutane] (1776-1843), đứng ra xướng minh Thần đạo, gây nên một phong

trào vừa có chủ nghĩa tôn giáo quốc gia; vừa có tôn chỉ chính trị ái quốc; chính cái phong trào đó về sau kết cuộc là Mạc phủ phải dâng trả quyền chính của Thiên hoàng và mở ra thời kỳ Minh Trị duy tân vào năm 1868 vậy.

Căn bản của Thần đạo tóm tắt lại ở sự tin tưởng này: anh linh của kẻ chết vẫn quanh quất ở giữa kẻ sống; vẫn đi về lui tới nhà cửa con cháu; tuy ở trong cõi thiêng liêng vô hình mà vẫn kiểm xét tính hạnh đạo đức và dự phần vào những cảnh vinh nhục vui buồn của kẻ đang sống luôn luôn. Vẫn biết rằng cõi Thần cũng như cõi người, có hạng xấu tốt nên hư, nhưng mà hết thảy những kẻ đã chết, đều có quyền sức thiêng liêng tác oai tác phúc cho người sống được. Giữa người sống với kẻ chết vẫn có sợi dây quan hệ liên lạc với nhau.

Kẻ chết cần dùng người sống tưởng nhớ kính thờ để cho vong linh được yên ổn sung sướng trên cõi thiêng liêng. Còn người sống phải nhờ kẻ chết che chở phò trợ cho mình ở đời.

Có nhiều hạng Thần: Thần của gia đình là anh linh của cha mẹ, ông bà, tổ tiên, thờ tự bàn thờ trong nhà; Thần chung của làng xóm, thờ ở đình miếu hương thôn; tới Thần chung cả nước là anh linh của các đấng anh hùng hào kiệt, chí sĩ, danh nhân, mà trên hết là anh linh của tổ tiên đức Thiên hoàng. Cho đến trời, đất, cây, đá, các đồ dùng về nghề nghiệp, mỗi sự vật đều có Thần giám đốc chủ tể nữa.

Cái gốc luân lý ở xã hội Nhật Bản xưa nay cũng thế, là ở gia đình. Ông Lafcadio Hearn làm giáo sư ở Đông Kinh trong lúc Minh Trị duy tân, vô dân Nhật, ở nước Nhật luôn 40 năm, biết rõ người Nhật đến tận móng tay kẻ tóc, muốn chỉ tỏ cái đại cương của gia đình luân lý Nhật Bản bằng câu này đúng lắm: "Gia đình là một tôn giáo, nhà cửa con cháu ở là một đền thờ". (La famille est une religion, le home (la demeure familiale) un temple).

Xứ mình lâu nay, thấy có nhiều nhà ấy là nói những người không phải theo đạo Thiên Chúa đã dẹp bàn thờ ông bà đi, chớ ở Nhật Bản, nhà nào cũng có, từ nhà các ông tể tướng, nguyên nhung, cho đến nhà của thường dân

lao động. Vì đó là một dấu tỏ ra con cháu cung kính tưởng nhớ ông bà tổ tiên, thường thường khấn vái cúng kiến. Họ cho rằng mình đây có thân hình, cửa nhà, có sự nghiệp; hay là bất cứ sự vật gì, đều nhờ ông bà cha mẹ ban cho, nên mình phải luôn tưởng nhớ kính thờ mới được. Huống chi là tổ tiên vẫn dòm thấy công việc ta làm, vẫn nghe mỗi lời ta nói, vẫn thấu lòng dạ ta, vẫn xét đoán ta; nếu ta ở đời mà cư xử hành vi đến can danh phạm nghĩa, để cho anh linh tổ tiên sầu tủi, thật là ta mắc một tội rất lớn.

Trong gia đình, Thần đạo buộc có kỷ luật nghiêm minh: con phải hiếu thảo vâng lời cha mẹ, vợ phải kính nể chồng, em phải nghe lời anh, kẻ dưới phải phục tòng người trên. Luật nghiêm ấy phải có chỗ bù chế lại, là nghĩa vụ giúp đỡ lẫn nhau, buộc những kẻ trên phải lo lắng, phải cứu vớt, phải an ủi, phải tư trợ cho sự sống của kẻ dưới được thong thả êm đềm.

Ngoài luân lý gia đình, tới luân lý hương tộc, Thần đạo nghiêm cấm những kẻ cùng ở một làng xóm, cùng chung một họ hàng, không được gây gổ chửi rủa nhau. Lúc có hoạn nạn như trộm cướp cháy nhà thì phải tương cứu. Ai ở trong làng mà phạm tới luân lý hương tộc đại khái của Thần đạo như thế, đều bị người ta khinh khi, ruồng bỏ, đến đỗi muốn lập gia đình không được, rồi phải bỏ làng mà đi phiêu lưu.

Trên gia đình và hương tộc, là quốc gia. Thần đạo dạy người ta suy rộng tấm lòng con hiếu cha từ ra trung quân ái quốc, làm người phải biết trọng danh dự, trọng khí tiết, khinh tài trượng nghĩa, dầu phải vì danh dự vì quốc gia mà chết bỏ mình đi, cũng đừng thèm sợ tiếc. Võ sĩ đạo, độc giả xem trên xa kia đã biết, là đạo gì, chính là một chi nhánh nảy từ luân lý quốc gia của Thần đạo mà ra đó.

Sở dĩ Nhật Bản là một dân tộc chuộng sự thanh khiết nhất đời, cũng là do phận sự của Thần đạo bắt buộc. Họ nói Thần ưa sự thanh khiết, cho nên mỗi người nào kính thờ tưởng nhớ Thần, luôn luôn phải giữ tâm mình và thân mình cho thật trong sạch; không vậy thì Thần không gần gũi mình, không chứng giám phò trợ cho mình. Người Nhật vẫn lấy chỗ tập tục thanh khiết của Thần đạo bắt buộc họ mỗi ngày mỗi giờ mỗi giây mỗi phút như thế là chỗ đặc biệt tự cao; không như tục lệ người Tàu đến khi sắp có cúng tế mới lo trai giới mộc dục (ăn chay, kiêng cữ, tắm gội), bởi vậy là dấu tỏ

ra bình thường không thanh khiết. Người Ấn Độ lúc làm lễ Phật phải xông hương; đạo Gia Tô xức dầu thơm trước khi tụng kinh làm lễ, đều là cách mượn vật che thân.

Cái đặc sắc của Thần đạo, là một nền luân lý đạo đức, chớ không có những lễ nghi phiền phức như các đạo khác, mà chỉ cốt có một tấm lòng thành. Họ lấy lòng thành là nòng cốt mực thước của mọi đức hạnh; lấy đó mà thờ Thần, lấy đó mà ăn ở với người, tấm lòng lúc nào cũng như nước trong, như gương sáng.

Tấm lòng thành đó lúc gặp Nho giáo Phật giáo truyền tới, tức thời biết đón rước dung hòa và lựa lọc cái hay của người rồi đẽo gọt lại trở nên cái hay của mình; tới sau có văn hóa Thái Tây tràn sang, họ cũng tỉnh ngộ ngay về chỗ hay dở, về sự cần dùng mà tiếp lấy tức thời, không chần chờ do dự đến đỗi nguy vong như ai.

**NHO GIÁO**

Nho giáo ở bên Tàu truyền qua nước Nhật, vào khoảng Ứng Thần Thiên hoàng 応神天皇 [Oujin Tennou] năm thứ 16, chiếu theo Tây lịch, nhằm năm 285.

Ban đầu Nho giáo sang Nhật, xã hội Nhật chẳng hề bị xảy ra mảy may nhiễu loạn nào, không như lúc đầu của đạo Phật và đạo Gia Tô mới truyền bá, lòng người ngờ vực, mới cũ ganh nhau, đến đỗi đổ máu.

Tại sao?

Tại đạo Nho dạy những thuyết phần nhiều phù hợp với Thần đạo và tập tính của người Nhật.

Thiệt vậy, Thần đạo dạy người ta phải hiếu kính cha mẹ, thờ tưởng tổ tiên, phải trọng lễ nghĩa đạo đức, phải trung quân ái quốc… thì đạo Nho cũng vậy. Cho nên người Nhật đón rước đạo Nho một cách vui vẻ êm ái, để tô điểm thêm vẻ tốt đẹp cho nền văn hóa của họ.

Nguyên là đời Ưng Thần Thiên hoàng, có mấy vị sứ thần của nước Bách Tế (tức Cao Ly bây giờ) qua Nhật Bản, đem theo Ngũ kinh Tứ thư dạy cho người Nhật, đạo Nho truyền qua từ đó. Lần hồi nhà vua mở trường đại học ở kinh sư, và truyền lệnh mỗi nước chư hầu lập một quốc học, đặt ra những chức bác sĩ, trợ giáo để dạy Nho học cho dân. Nhờ vậy mà sức truyền bá của đạo Nho càng ngày càng thịnh.

Có một lúc Nho học ở Nhật đã suy vi, nhưng đến đầu thế kỷ XIII (theo Tây lịch) nhờ có mấy ông thầy chùa đem học thuyết Tống Nho truyền qua Nhật, bấy giờ Nho học ở Nhật lại bắt đầu phấn chấn. Nhờ họ Đức Xuyên lên làm tướng quân, thống nhất trong nước, là người trọng Nho, thành ra văn học và Nho giáo trở nên có thế lực.

Ở bên Tàu, khoảng giữa đời nhà Tùy, nhà Đường, Phật giáo thịnh hành quá, gần muốn làm tiêu Nho giáo. Sau nhờ Tống nho cứu vớt lại. Trong Tống Nho, lãnh tụ là Chu Tử (1130-1200), khéo lấy tinh thần của Phật giáo mà thay lông đổi cốt, xướng lên những thuyết lý khí tâm tính, khiến cho Nho giáo sắp nguy lại quật lên có thế lực. Thuở Hán Đường, nhà nho hay câu nệ với những câu nói của thánh nhân, thành ra Nho học thiếu mất khí sống; đến nhà nho đời Tống không vậy, cốt lấy tinh thần mà giải thích đạo Nho, nói rằng tấc lòng của thánh nhân mình không cần phải dò kiếm ở mấy ngàn năm trước làm gì; trái lại, chỉ nên dò kiếm ở ngay trong tim, trong óc mình là thấy. Nhờ Tống Nho phát minh cái thuyết tính lý như thế mà Nho giáo lại có hoạt khí, và Nhật Bản hoan nghênh Tống học là hoan nghênh thứ Tống học đó.

Học phái Chu Tử đẻ ra ở Nhật Bản có nhiều tay đại nho, có công to với nền giáo dục trong nước.

Song cũng có phái Cổ học nổi lên, chê Tống học xen lộn thuyết Phật vô, làm sái mất cái chân nghĩa của Khổng Tử đi, cho nên họ muốn tìm suốt đến nguồn Khổng giáo, để giữ hệ thống chính quyền. Phái này cũng nảy ra lắm bậc danh nho bác học.

Rồi có học phái Chiết trung, nghĩa là ở giữa hai phái trên đây.

Đến lúc bên Tàu có Vương Dương Minh 王陽明 [Ouyoumei] (1472-1528) xướng lên thuyết lương tri 良知 [Ryouchi], chính người Tàu không biết quý chuộng hoan nghênh, mà nhà nho ở Nhật lại đón rước một cách vui mừng nô nức. Đại khái học thuyết Dương Minh lấy lương tri làm gốc, hễ lương tri (tức là lương tâm) của con người ta tìm tòi suy xét một việc gì mà biết nó là hay, là phải, thì cứ việc mạnh bạo thực hành, không ngần ngại gì cả. Chính là một học thuyết chuộng sự thực hành, đào luyện cho người ta giàu về tinh thần thực hành vậy.

Người hoan nghênh học thuyết Dương Minh đầu hết ở Nhật Bản là Trung Giang Đằng Thụ 中江藤樹 [Nakae Touju] một bậc cự phách trong Chu Tử học phái. Đến lúc tuổi già ông ta mới biết học thuyết Dương Minh là hay, tức thời bỏ học thuyết Chu Tử rồi ở Cận Giang 近江 [Oumi] dạy học trò, hết sức xướng lên thuyết Lương tri, nói rằng con người ta chỉ học suông thì vô vị lắm, học phải lo chính mình thực hành mới là có ích, vậy thì chỉ duy có cái đức lương tri là có thể biết rõ năng tính của mỗi người và có thể thấy rõ sự thực tại của cõi đời.

Đằng Thụ nổi tiếng là Cận Giang thánh nhân 近江聖人 [Oumi Seijin], lôi kéo được số khá đông sĩ phu biết bỏ Chu học là cái học chỉ chuộng lý tưởng mà quay về Dương Minh học là cái học ganh đua thực hành.

Lúc Nhật Bản rục rịch khai quốc duy tân, đám chí sĩ trong nước xôn xao hoạt động, muốn mưu ích lợi cho quốc gia mà rủ nhau ra sức hô hào mở mang văn minh mới, trong đó nhà nho chiếm số rất nhiều. Nhà nho hào kiệt có tiếng lớn công to với cuộc duy tân, như Hoành Tỉnh Tiểu Nam 横井小楠 [Yokoi Shonan] (1809-1869), Tá Cửu Gian Tượng Sơn 佐久間像山 [Sakuma Shouzan] (1811-1864), Cát Điền Tùng Âm, Tây Hương Long Thịnh… đều là người của phái Dương Minh. Phái này tuy có số ít, nhưng đẻ ra được anh hùng hào kiệt nhiều hơn. Trong khi phái nho Chu học bo bo cố chấp và xướng lên những thuyết "tỏa quốc nhương di" (khóa các cửa biển lại, chống cự người Tây phương ra vô) thì phái nho Dương Minh biết sự mở cửa đón Tây, duy tân tự cường là sự cần dùng cấp bách. Vậy cho biết cùng là Nho giáo mà biết lựa chọn học thuyết hay dở, nó quan hệ đến cuộc mất còn suy thịnh của một quốc gia dân tộc lắm thay! Thiệt, dân tộc Nhật Bản biết đón rước văn hóa học thuật phương Tây, không phải không

nhờ có chỗ dưỡng dục sẵn sàng từ trước; chỗ đó Nho giáo chiếm một phần rất lớn, nhất là Nho giáo theo thuyết Dương minh.

Ta lại nên nhìn biết trong khoảng một ngàn mấy trăm năm, Nhật theo Nho giáo, là chỉ ham chuộng nghiên cứu những cái tinh ba triết lý của Khổng Tử, chớ không rước lấy những cặn bã là hư văn khoa cử của bọn nho Đường Tống bày ra. Đã vậy mà họ lại biết nhân Hán tự để chế tạo ra một thứ văn tự riêng của mình, không chịu làm nô lệ Nho học Hán văn một cách tuyệt đối như các đệ tử khác. Đó là hai cái đặc sắc học Nho của họ, mà chính hai cái đặc sắc ấy dự phần công lao rất lớn vô cuộc duy tân vậy.

Đến đời duy tân trở đi, Nho giáo bị học thuật Tây phương lật đổ, làm cho tiêu mòn, nhưng đó chẳng qua chỉ là hình thể Nho giáo mất đi mà thôi, chớ tinh thần Nho giáo thì người Nhật họ còn giữ mãi trong tâm não và sự giáo dục của họ, lấy cái tinh thần ấy để bù chế vào chỗ thái quá của văn minh vật chất Tây phương. Vả lại, Nho giáo là một dấu tích văn minh cổ thời của Đông phương, và chính Nhật Bản có chịu ảnh hưởng sâu xa, thành ra không khi nào họ bỏ tinh thần Nho giáo. Ta xem trong chương trình đại học của Nhật Bản, vẫn có một khoa Nho học Hán văn, và trong xã hội vẫn có những tay học vấn chuyên môn nghiên cứu và tuyên truyền những triết lý của Khổng Tử; mỗi năm ở văn miếu thờ Khổng Tử vẫn giữ lễ tế tự long trọng như thường. Họ ra sức chủ trương và dẫn nhiều chứng cớ bày tỏ ra rằng Nho giáo có lắm chỗ đi đôi với khoa học đời nay, mà không chống chọi nhau gì hết.

## PHẬT GIÁO

Phật giáo truyền sang Nhật Bản vào khoảng thế kỷ VI Tây lịch, tự Cao Ly truyền của Trung Quốc rồi đem qua Nhật.

Các tôn giáo khởi lên ở Ấn Độ, đại khái đều gốc ở quan niệm quốc gia và nhân dân; duy có Phật giáo là một tôn giáo rộng cả thế giới, tự phát lên một vẻ mới lạ tốt đẹp, thành ra nó dễ tràn lan truyền bá ra đến nửa phần thiên hạ.

Phật giáo truyền bá ra hai ngả khác nhau. Một là phái Tiểu thừa 小乗 [Shoujou] hay Hīnayāna, người ta cũng gọi là Nam tông 南宗

[Nanshuu], thịnh hành ở các xứ Tích Lan và Miến Điện. Một là phái Đại thừa 大乘 [Daijou] hay Mahāyāna, người ta cũng gọi là Bắc tông 北宗 [Hokushuu], thịnh hành ở nước Tàu và Trung bộ châu Á. Đại khái hai phái hơi khác nhau về chỗ tin tưởng niết bàn (nirvãna); Nam tông chủ trương rằng người ta có thể tới niết bàn do nơi công phu tu luyện và ý chí tự do của mình; nhưng Bắc tông chủ trương phải nhờ có sức thiêng liêng cứu độ giải thoát nhiều hơn là nhờ ý chí tự do.

Chính Phật giáo Đại thừa đó Cao Ly đem sang Nhật Bản hồi thế kỷ VI. Lúc mới truyền qua, Phật giáo bị Thần đạo chống chọi công kích dữ lắm. Nhưng sau những nhà thâu truyền Phật giáo khéo thay đổi một chút cho thích hợp và không động chạm tới lòng tín ngưỡng Thần đạo của người Nhật, bấy giờ Phật giáo mới thịnh hành truyền bá ở dân gian Nhật Bản.

Nhất là từ thế kỷ thứ IX trở đi, Phật giáo có ảnh hưởng sâu xa đến văn hóa Nhật Bản đủ các phương diện. Tư tưởng triết lý, chính trị, giáo dục, mỹ thuật, công nghệ, kiến trúc, công cuộc xã hội từ thiện… nhờ sức cảm hóa và sức thâu thập của Phật giáo mà mở mang tấn tới lạ thường.

Cho đến văn học thi ca cũng vậy. Thứ chữ riêng của Nhật Bản gọi là Phiến giả 仮名 [Kana], gồm có 50 âm, lấy gốc ở văn pháp của chữ Phạn; còn chữ mới là Bình giả 平仮 [Hiragana], sự sắp đặt có ngụ giáo lý của Phật giáo mà làm thành ra ca dao, tục ngữ, kịch bản, thi văn. Tóm lại, gọi là tinh túy của cổ văn học Nhật Bản đều nhờ đạo Phật cảm hóa mà ra.

Từ thế kỷ IX cho tới trước ngày duy tân 1868, Phật giáo rất có thế lực, hầu như quốc giáo của Nhật Bản; rồi sau đó Phật giáo mới tách riêng quốc gia và trở nên một Tôn giáo tự do quan hệ nhất ở xã hội Nhật Bản đến nay.

Phật giáo ngay từ khi mới vô nước Nhật trở đi, đã chia ra nhiều tôn phái, nhưng tôn phái nào cũng đóng góp vô cuộc xây dựng văn hóa tốt đẹp rất nhiều, và không nhiễm phải những cái lưu độc của bọn háo sự bày đặt ra như các nơi khác. Cũng như đón rước Nho giáo, người Nhật đón rước Phật giáo cũng chỉ cầu lấy cái chân tinh thần làm gốc, chính cái chân tinh thần đó phát huy ra văn hóa rực rỡ cho họ. Văn học bác sĩ Cao Nam Thuận Thứ Lang 高楠順次郎 [Takakusu Junjirou] đã nói không sai:

"Phật giáo qua Nhật không bao lâu mà phổ biến cả trên dưới, ai nấy đều hâm mộ quy hướng. Chẳng những Phật giáo cảm hóa đạo đức người Nhật mà thôi, lại có vang bóng rất sâu xa tới mọi việc chính trị, giáo dục, văn học, công nghệ, mỹ thuật. Tóm lại, nền văn hóa xưa của nước Nhật, do Phật giáo vun đắp mở mang cho phần nhiều.

Có một điều nên nói cho rõ, Phật giáo ở các nước trên đại lục kia, người ta đều quên sót cái tinh thần khởi nguyên của nó, chỉ vồ vập lấy những nọc đọc mối tệ là nhiều. Duy có Nhật Bản có cái tính riêng, đối với văn vật xứ ngoài truyền vào, biết lựa chọn tinh hoa, thảy bỏ cặn bã, rồi nhồi nắn lại, cho vừa hợp với quốc tình của mình. Thì tinh thần của Phật, gặp được sự lựa chọn nhồi nắn đó, mà nảy được chân tướng ra. Cho nên Phật giáo của Nhật không phải là Phật giáo của Ấn độ, cũng không như Phật giáo của các nước Trung Quốc, Miến điện, Xiêm La, Việt Nam. Các xứ này đều trúng độc, duy có Nhật là giữ được tinh thần khởi nguyên của Phật mà thôi".

## TÓM LẠI ẢNH HƯỞNG CỦA BA ĐẠO THẦN, NHO, PHẬT

Tới đây tưởng độc giả đã thấy rõ rằng: tư tưởng, luân lý, phong tục, tính tình, chính trị, học thuật, mỹ nghệ, nhất thiết những cái hợp lại thành ra một nền văn hóa riêng của Nhật Bản sẵn có từ xưa, đều lấy ở trong nguồn ba đạo lớn là Thần đạo và Nho giáo, Phật giáo mà ra.

Về văn học, kho sách xưa của Nhật chứa đầy những sách có giá trị của các bậc danh nho, cao tăng viết ra, đủ các môn loại: triết lý, tôn giáo, kịch bản, thi ca, sử ký... Có ông soạn tới sáu bảy chục bộ sách. Đời xưa, họ đã thịnh hành in sách truyền bá khắp trong dân gian, chớ không phải viết sách ra để dành làm riêng của mỗi nhà.

Về mỹ thuật, kiến trúc, hội họa và điêu khắc, những tay thợ khéo đời xưa lưu lại thiếu gì kiểu nhà đẹp, thiếu gì bức tranh vẽ tuyệt bút, thiếu gì đồ chạm trổ thêu dệt có công phu tinh tế lạ lùng. Nhà mỹ thuật Tây phương ngó thấy cũng phải thán phục.

Những vẻ đặc biệt về sự sống vật chất và sự sống tinh thần, như thanh khiết, giản dị, lễ phép, tình quyến luyến gia đình, yêu mến quốc gia nồng

nàn cực độ và cái thiên tính ưa cảnh tự nhiên, cũng là chịu ảnh hưởng ba đạo Thần, Nho, Phật.

Tập tục vệ sinh sạch sẽ của Nhật Bản, thật không phải là thứ nhập cảng từ Âu châu, cũng không phải ở bên Tàu truyền qua; nó là tập tục sẵn có tự nhiên ở dân tộc Nhật Bản, do nơi Thần đạo bắt buộc mỗi người tin Thần kính Thần phải giữ thân thể và tâm não trong sạch luôn luôn, thì Thần mới phù hộ, chứng giám.

Tính ăn ở giản dị, có phần tại lẽ kinh tế, vì Nhật vốn xứ nghèo, có phần tại vẻ mỹ quan của người Nhật rất ghét thói xa hoa, chỉ chuộng sự đẹp thanh tao, đơn giản, nhất là vì đạo Thần và đạo Nho đều dạy người ta phải quý trọng giữ gìn những sự sản của ông bà đã khó nhọc gây dựng lên mà lưu lại cho mình; mình không có quyền được hoang phí sự sản ấy đi một cách ích kỷ.

Nói gì sự lễ phép của người Nhật khắp thiên hạ đều biết. Còn tinh thần ái quốc của họ thôi thì tuyệt phẩm. Chính vì tấm lòng ái quốc nồng nàn, người Nhật buộc mình cái nghĩa vụ phải đóng góp tâm lực vô công cuộc duy tân nước mình để cho nước cũng mới mẻ, cũng hùng cường như Âu Mỹ. Ai được chứng kiến trận Nhật Nga chiến tranh đủ ghê tướng sĩ Nhật yêu nước đến đổi khinh sống liều chết ra thế nào. Sau hết, đến tấm lòng tự phụ nước non mình là Thần quốc và yêu mến phong cảnh thiên nhiên một cách thâm thiết, làm cho tâm não người Nhật cao thượng, đối với sự sống có vẻ hớn hở tươi cười hiện ra trên nét mặt luôn luôn. Ông giáo sư Lafcadio Hearn đã nói cái nụ cười của người Nhật là một sức mạnh lạ lùng, thiêng liêng. Thiệt vậy, nụ cười như hoa nở tối ngày trên môi; vui sướng mà cười đã đành, lúc rầu buồn giận dữ, lúc cầm dao tự mổ bụng mình mà nụ cười vẫn tươi vẫn có mới kỳ.

Thế là Nhật Bản sẵn có một nền văn hóa, sẵn có những cốt cách văn hóa lâu đời rồi, không phải mù mờ hèn thấp gì; đến lúc tư tưởng học thuật Thái Tây sang Đông, họ thấy cần dùng thì tự nhiên đón rước và cũng dung hóa như xưa kia đã đón rước dung hóa đạo Nho đạo Phật vậy. Hèn chi họ nói: “Đứa con văn minh, chúng tôi đã chửa sẵn nó trong thai, Âu châu các ông tới chỉ như cô mụ đỡ giùm cho nó ra đời, chớ không phải bản lai

chúng tôi tối tăm ngu dại, rồi nhờ có văn hóa các ông thì chúng tôi mới có văn hóa đâu".

## ÂU HÓA CỦA NHẬT BẢN

Nhật Bản bỗng chốc sửa sang thay đổi mọi việc, mới theo phương Tây, tự mắt người ngoài dòm vào cho là sự lạ lùng, còn chính họ là người trong cuộc, chỉ cho là sự tự nhiên. Nguyên lai dân tộc họ từ xưa vẫn có tính hăm hở mạnh bạo bắt chước những cái hay của người ta rồi khéo dung hòa uốn nắn cho hợp với chỗ cần dùng của mình, thành ra lúc trước ngó thấy Nho giáo, Phật giáo có chỗ hay, họ vội vàng đón rước cũng như bây giờ ngó thấy văn minh Âu châu hay, tự nhiên họ cũng vội vàng đón rước, không lạ gì.

Có điều ta nên nhìn biết rằng thuở xưa dân tộc Nhật Bản ở dưới chế độ phong kiến, có bị áp chế là áp chế về hình thức bề ngoài thôi, chớ về tư tưởng học thuật, dân họ vẫn tự do dùi mài lượm lặt theo ý họ muốn, nhà cầm quyền muốn ngăn cấm cũng chẳng ngăn cấm được. Thì đời Mạc phủ Đức Xuyên, đằng đẵng 300 năm khóa cửa tuyệt giao với người ngoài, nhất là với giáo sĩ Tây phương, tức là đời Đông là Đông, Tây là Tây chưa gặp nhau mấy, lại nghiêm cấm nhân dân cầu học ngoại nhân, thế mà cũng có những người Nhật, hoặc lén bỏ nhà vượt biển ra ngoài mà dọ xét sự tình thiên hạ, hoặc lò mò tới Trường Kỳ học hỏi nơi mấy người Hòa Lan mua bán tại đó mà biết chữ Hòa Lan, biết những thuật chữa bệnh, đúc súng, trị quân, xây thành của Âu châu. Thử xem giữa lúc nhà nước cấm học Âu học mà Nhật Bản còn cầu kỳ háo dị như thế, có lạ gì đến lúc chính nhà nước cần dùng đổi thay lối mới, nhân sĩ họ chẳng ùn ùn đổ theo Âu hóa, phát khởi chóng mà thành hiệu mau!

Cũng đem cái tinh thần khéo biết chọn lựa dung hóa là tinh thần sẵn có từ xưa, họ đón rước chọn lựa Âu hóa: nước nào ở Tây phương có món sở trường thì họ lọc lấy món sở trường ấy, mà tẩy đi món nào xem ra là sở đoản và không lợi cho quốc tình, không hợp cho gia dung của họ, chớ không phải vùa càn quơ bướng hết thảy. Ví dụ lục quân hóa theo Đức, tư tưởng dân quyền tự do hóa theo Pháp, hải quân và chế độ lập hiến hóa theo Anh, công nghệ kiến trúc hóa theo Mỹ. Nhiều môn khác, họ trộn chung

những cái hay của người ta, rồi lọc ra lấy một cái hay nào hơn hết để mà theo. Họ Âu hóa những triết học, chính trị, pháp luật, giáo dục, cơ khí… theo kiểu lọc bột vậy đó.

Cuối thế kỷ trước, Nhật Bản bắt đầu Âu hóa, nhiều người Âu châu nghe tiếng hay là ngó thấy, đều ra dáng kiêu ngạo, nhăn mặt phì cười. Có phái cho Nhật Bản là thứ người Đông phương lạc hậu, số phận đày vậy muốn ti toe Âu hóa sao cho nên thân. Một nhà ngoại giao, tên gì tôi quên, đã nói: "Nhật Bản kim thời là một bản dịch sơ sài. Le Japon moderne, c'est une traduction mal faite". Ngay danh sĩ Pierre Loti chớ phải ai không mắt tinh đời, cũng nói Nhật Bản Âu hóa như một tuồng hát khỉ của mấy chú khách Sơn Đông! Có một phái khác thì tưởng Nhật Bản Âu hóa một cách tuyệt đối đến làm tiêu hết dấu tích Nhật Bản cổ thời.

Cả hai phái đều tưởng sai sự thật.

Phái trên đợi đến kết quả Nhật Nga chiến tranh, tự biết mình bậy rồi: Nhật họ Âu hóa nên thân, chớ không phải là tuồng hát khỉ.

Còn phái dưới chỉ ngó bề ngoài mà nói, tới chừng dòm xa vô bề trong một chút, họ phải thấy sự thật hiển nhiên này: Những cái mà cậu Nhật kim thời muốn bảo tồn dấu tích nước Nhật xưa, còn nhiều hơn là những cái mà cậu đã mượn và muốn mượn của Âu châu đời nay.

Thật vậy, cũng như ngày họ Nho hóa, Phật hóa, ngày nay Nhật Bản không Âu hóa nhất thiết đâu.

Họ vẫn giữ cái cốt cách xưa của họ về sự sống vật chất, như nhà cửa, vật dụng, ẩm thực, y phục; cả cái cốt cách xưa về sự sống tâm linh, như phong tục, các thói quen, các cuộc giải trí… Cho đến nghệ thuật xưa, luân lý xưa, tôn giáo xưa, họ vẫn bảo thủ y nguyên mặc dầu Âu hóa.

Họ không trọn vẹn bắt chước văn minh Âu châu cho tới nhất thiết cái gì ngộ nghĩnh hơn hết, đặc biệt hơn hết, thâm thúy hơn hết. Không, không mặc dầu phải Âu hóa còn nhiều, người Nhật vẫn so sánh phán đoán mình Âu châu thô lỗ, không được sâu sắc lý thú bằng cổ văn minh của họ.

Thế mà họ vẫn phải Âu hóa, là vì sự cần dùng bắt buộc, thời thế bắt buộc, tấm lòng độc lập tự tôn của họ bắt buộc.

Coi mấy chương ở trên đầu sách, độc giả đã biết Nhật Bản khóa cửa tuyệt giao từ thế kỷ XVII, đến giữa thế kỷ XIX, người Tây phương đem sức mạnh tới hăm dọa, biểu họ phải mở cửa ra trước mặt của sức mạnh, Nhật Bản phải tuân lệnh. Bấy giờ cả nước rung động như sấm vang núi chuyển; họ biết rằng sống bằng lý tưởng thanh cao không đủ, sức mạnh tuy họ gớm ghiếc, nhưng mà cần dùng. Nước họ tuy có trình độ tinh thần, nghệ thuật và tôn giáo khá cao, nhưng không thể ỷ thị có bấy nhiêu đó mà sống đối với đời này; nếu họ không làm sao cũng có sức mạnh về quân sự, về kinh tế, về cơ khí, về công nghệ như người ta, thì bên nào cũng bị ngoại nhân mạnh hơn kéo tới lấy họ làm mồi để trên dao thớt; họ sẽ đứng vào hàng nô nhan thuộc địa của Âu châu.

Sự sống và cách sống của họ xưa nay họ quý chuộng mến yêu lắm, không thể nào rời bỏ; họ đoán biết thân mình nếu rủi để cho ngoại nhân tới nước họ làm chủ, họ sẽ buộc mình đổi thay mất sự sống và cách sống riêng đó, cho tới tính tình, phong tục của tổ tiên để lại cho, cũng không sao giữ nguyên vẹn được đâu. Huống chi non nước của Thần, dòng dõi của Thần, lẽ nào để ai xa lạ đâu tới nuốt sống và nhấn chìm xuống cho đành. Vậy thì, cho được giữ nguyên văn hóa tổ truyền, họ muốn họ vẫn tự do độc lập, cho được tự do độc lập, họ muốn trở nên hùng cường, cho được trở nên hùng cường, họ phải bắt chước phỏng theo ít nhiều món của cái văn minh Âu châu kia đã lấy sức mạnh mà ấn đại vô nhà họ.

Những chế độ học thuật gì của Âu châu mà họ xem ra Âu châu được hùng cường độc lập bởi đó thì họ bắt chước phỏng theo có bấy nhiêu thôi. Ngoài ra, chính họ cũng sẵn có những món không kém thua ai, còn hay hơn nữa không chừng.

Ta nên hiểu cái chủ nghĩa, cái thâm tâm của Nhật Bản Âu hóa là thế.

Trước hết, họ mượn của Âu châu những cơ quan mới lạ, cần dùng cho việc hộ vệ non nước, là lục quân và hải quân. Cho được giao thiệp bằng vai ngang bậc với các nước Âu Mỹ và chỉ tỏ ra họ cũng là một quốc gia văn

minh tân thời, họ bèn Âu hóa những chế độ chính trị và pháp luật. Cho được làm nên công cuộc duy tân lớn lao, về xã hội, về quân sự, về kinh tế, tất nhiên phải cần nhiều tiền, họ bèn vay mượn tiền bạc của các nước Tây phương để dựng lên đại thương mãi và đại công nghệ theo Âu hóa. Cho được Âu hóa các chế độ cơ quan trong nước, Âu hóa cả thương mãi, công nghệ, quân sự; cho được tự mình đào luyện ra cho mình có những tướng, những quân, những quan tòa, những thầy thuốc, những kỹ sư, mỗi mỗi như Âu châu, Nhật bèn mở mang sắp đặt một khuôn khổ giáo dục mới, một phần dựa vào khoa học Âu châu làm gốc.

Hết thảy những sự bắt chước đó đều phát động ra bởi cái ý chí kiên cường của người Nhật muốn trở nên mạnh để vẫn được tự do, vẫn được tự do để giữ lấy lối sinh hoạt riêng, tư tưởng riêng của mình từ xưa. Thì ra Nhật Bản chỉ Âu hóa để đương đầu với Âu Mỹ cho dễ và để vẫn là Nhật Bản cho dễ đó thôi.

Bởi vậy, phần nhiều cái họ Âu hóa chỉ như bao phủ lơ thơ một lớp bề ngoài; lắm người Âu Mỹ thật thà không biết, tưởng đâu là Nhật họ Âu hóa không nên thân, Âu hóa như hát khỉ; chớ kỳ thiệt họ chủ tâm Âu hóa một cách có chừng vậy đó. Đến nay cũng thế, Âu hóa trải 70 năm dư, mà nước Nhật kim thời vẫn ở bên cạnh với cổ Nhật Bản hơn là với kim Âu châu (En tout cas, aujourd'hui encore, le Japon moderne reste plus voisin du vieux Japon que de la moderne Europe. - Félicien Challaye).Có lẽ không một người Tây phương nào cho bằng ông giáo sư Lafcadio Hearn thấy rõ tới những lần xếp ở trong trái tim khối óc của dân tộc Nhật Bản, là vì như trên kia đã nói ông ta sống làm giáo sư ở Nhật tới 40 năm, lại vô dân tịch Nhật, lấy tên Nhật là Koizumi Yakumo. Chính ông đã lấy những sự kinh nghiệm và kiến văn tận gốc của mình mà nói: "Âu hóa mặc lòng, Nhật Bản vẫn là Đông phương như ngàn năm trước".

## MỘT NGƯỜI BẢO THỦ

Muốn hình dung ra cái hiện tượng "hóa Tây giữ Đông" của dân tộc Nhật Bản. Ông giáo sư Lafcadio Hearn chép truyện một chàng thanh niên con nhà Thần đạo võ sĩ của Nhật ở giữa thế kỷ XIX, mà ông đặt tên là "Một người bảo thủ".

Thuở nhỏ, anh này cũng phải chịu sự giáo dục nghiêm khắc như con nhà võ sĩ khác. Người ta rèn tập anh phải chịu đói chịu lạnh cho quen. Người ta dạy dỗ anh cái đạo lập thân xử thế, bất cứ gặp cảnh ngộ nào cũng phải ung dung trấn tĩnh, coi thường sự đau đớn khổ sở, xem khinh sự chết và đừng thèm sợ hãi gì hết. Bởi vậy, có bữa cách giáo dục lạ thay! người ta dẫn anh đi xem một vụ xử trảm, căn dặn khi ngó thấy gươm chém đầu rơi, không được rùng mình biến sắc chút nào. Trở về, anh phải ăn một chén cơm chan canh đỏ tươi như sắc máu. Đến đêm, người ta sai anh ra chỗ xử trảm ban ngày mà tìm cái đầu rụng đó đem về. Cả ngày, anh chàng hết giờ luyện tập võ nghệ, thì tới giờ nghiên cứu Hán văn, Nho học và những triết lý của Thần đạo, của Phật giáo. Không bao lâu, anh chàng trở nên một người vũ dũng, lễ độ, liêm khiết, hăm hở đem tấm thân của mình cống hiến cho nước, cho vua, cho đồng bào, cho danh dự.

Lúc này có đoàn tàu chiến của ngoại quốc ra vô phấp phới ở cửa biển Hoành Tân, Giang Hộ, hăm dọa bắt buộc Nhật Bản phải mở cửa thông thương. Chàng thiếu niên võ sĩ ta thấy tổ quốc bị khinh khi như thế, thì khí phẫn uất nổi lên đùng đùng. Nhưng không biết làm sao nhấn chìm cả đoàn tàu của kẻ nghịch đi, tối ngày chàng khấn vái Thần, Phật lấy phép linh xô đẩy ra khỏi bờ biển Phù Tang hay là dùng cách nào đánh chìm nó xuống đáy biển hết thảy. Cả dân tộc cũng đều một lời khấn vái như chàng vậy. Song đoàn tàu vẫn trơ trơ bất động; Thần, Phật làm ngơ. Liền đó, Mạc phủ tới. Triều đình, tự thú mình vô lực để chống lại sức mạnh của người Tây dương, bèn hạ lệnh cho nhân dân phải mau mau học lấy ngôn ngữ và học thuật Âu châu. Vì sự sinh tồn của quốc gia quan hệ ở đó; nếu không duy tân cải cách sớm lẹ, thì nguy cho nền độc lập của dân tộc quốc gia.

Chàng thanh niên võ sĩ ta liền đi học tiếng Anh ở một hải cảng bị buộc mở ra giao thông lúc bấy giờ; chàng háo kỳ, nên chăm chỉ nghiên cứu dọ hỏi cả những sự tình của các nước Tây phương. May sao gặp được một vị giáo sĩ Thiên Chúa thấy chàng là người chí sĩ, bèn đem lòng thương, dạy chàng học Thánh kinh. Chàng tự suy nghĩ trong trí, có lẽ tại người Âu châu có một nền luân lý rất cao, cho nên họ mới hùng cường quái lạ như thế kia chăng. Vì tấm lòng ái quốc sai khiến, chàng trở nên tín đồ Gia Tô và vẫn cặm cụi nghiên cứu những học thuật Âu Tây.

Lần hồi, chàng tự tỉnh ngộ và tin quyết rằng tinh thần khoa học chống chọi với đạo lý Gia-tô, và chống chọi với cả những tôn giáo tổ truyền Nhật Bản nữa. Bảo rằng có một ông Thượng đế chủ tể vũ trụ và linh hồn của mỗi người trường sinh bất diệt, thì làm sao mà tin cho được. Chàng nghĩ trong trời đất không có cái tính thiêng liêng nào hơn là cái tình người đối với người thì mới phải. Rồi đó chàng thôi không tín ngưỡng đạo Gia-tô nữa. Bây giờ, muốn phán đoán Âu châu cho đúng, chàng quyết đi du lịch quan sát Âu châu một phen.

Chàng qua ở quanh các nước Âu châu rất lâu năm, tự mưu lấy sự sống của mình, cho nên hết làm việc bằng tay thì làm việc bằng não, cốt để kinh nghiệm cho nhiều, và mắt ngó thấy mỗi sự vật gì, chàng cũng chịu khó tìm xét suy nghĩ đến nơi.

Thử hỏi sau cuộc du lịch quan sát đó, chàng thanh niên võ sĩ có cảm giác và phán đoán ra thế nào?

Té ra trước cặp mắt chàng xem xét, thì văn minh Âu châu có mở mang thông minh của con người ta một cách đáng sợ thật, nhưng nó vẫn thiếu giá trị về tinh thần. Cái chỉ tỏ ra đặc sắc của Âu Mỹ, chỉ là sức mạnh vật chất của họ tràn lan mở rộng ra một cách dữ dằn, do nơi một công cuộc cạnh tranh nhau gớm ghiếc mà ra. Sự sống là một đám vật lộn tranh ăn giữa đàn beo sói. Kẻ mạnh và kẻ khôn lanh làm cho thế giới thành ra địa ngục cho những kẻ hèn yếu. Thói xa hoa hoang phí vô độ của một bọn người bắt cả phần đông phải làm tôi mọi mà không biết thương hại một chút nào. Còn biết bao nhiêu con người ta khổ não tới nước những sự cần dùng thiết thân cho họ mà họ không có. Chỉ vì tính dâm lạc trong một vài giờ, mà thói kiêu căng của bọn giàu có nhai nuốt mất cả công lao nhọc nhằn hàng mấy chục năm. Rồi chàng nghĩ bụng: “Bọn ăn thịt người ở đời văn minh còn độc dữ bằng mấy bọn ăn thịt người ở chốn rừng rú, là vì chúng đòi thịt mãi, không biết bao nhiêu cho vừa!”

Mà hễ xã hội càng lớn lên chừng nào, thì vực thẳm hang sâu đau đớn khổ sở của xã hội đặt mình lên trên đó càng thêm sâu thẳm chừng nấy. Người Âu châu chỉ biết tôn trọng có sức mạnh mà thôi, coi sức mạnh như thần thánh; rõ ràng họ thờ phụng những vị thần bạo ngược đời xưa là Odin và

Thor, mà đổi tên khác đi đó thôi. Cái thế giới đó không còn có đức tín gì hết.

Rồi thì anh Nhật Bản này cả quyết xuống tàu trở về tổ quốc đứng lên hô hào đồng bào dìu dắt quần chúng. Chương trình hành động của anh ta rất là đơn giản:

"Anh em chúng ta chỉ nên mượn của Âu châu những cái gì cần dùng cho sự hộ vệ tổ quốc ta mà thôi, còn thì ta vẫn phải giữ những cái tinh hoa của văn minh nước Nhật cổ mới được".

Câu chuyện tóm tắt đại khái trên đây, thật khéo tả rõ ra cái chủ não Âu hóa của dân tộc Nhật Bản; nó không phải là tư tưởng cố chấp của một người đâu, chính là tấm gương chiếu rọi chung cả tinh thần dân Nhật vậy.

Quả thực, Nhật Bản họ chỉ cốt Âu hóa để cho dễ chống chọi với Âu châu và cho dễ còn y là người Nhật đó thôi.

## XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trong thời đại duy tân, văn hóa Thái Tây vang dội đến cuộc sinh hoạt chính trị và xã hội Nhật Bản, có hai cái sức mới, thế lực rộng lớn: Xã hội chủ nghĩa và Phụ nữ vận động.

Xã hội chủ nghĩa truyền vô nước Nhật vào khoảng 1890, nghĩa là sau lúc thực hành duy tân mới được 22 năm.

Những tín đồ xã hội chủ nghĩa trước hết ở nước Nhật chính là những người Nhật tín đồ Thiên Chúa. Lúc nào nước họ luôn mấy trăm năm ngờ vực cấm tuyệt đạo Thiên Chúa, tới chừng khai quốc duy tân, họ lại lợi dụng ngay đạo Thiên Chúa và các ông cố đạo làm xe chở học thuyết nọ chế độ kia của Âu Mỹ đem qua cho họ.

Katamaya - nhà viết báo, Kinoshita - nhà văn học, Abe - cựu giáo sĩ và giáo sư, đều là người truyền bá xã hội chủ nghĩa đầu hết. Nhưng họ là người xã hội chủ nghĩa ôn hòa, chịu ảnh hưởng Tolstoi.

Có nhiều người khác tư tưởng mạnh bạo hơn, như Sakai, chủ trương phổ thông đầu phiếu và Kotoku, cộng sản, chủ trương lấy tổng bãi công làm khí giới để đối phó với tư bản.

Các nhà xã hội chủ nghĩa Nhật Bản hoạt động cũng hăng hái: nào là dịch những sách của Marx, Engels và Kropotkine, nào là mở ra những báo chí làm cơ quan truyền bá chủ nghĩa xã hội, nào là tổ chức ra các cuộc mít tinh, nào là xướng khởi nhiều vụ bãi công. Kể tới tháng Chạp năm 1904, xã hội chủ nghĩa mới hoạt động có 14 năm, mà họ bán được 15.000 cuốn sách dịch của Âu châu, 200.000 tờ báo, 39.000 tập sách cổ động, 120 cuộc đại hội và lập ra nhiều chi bộ ở trong 11 nơi có thợ khai mỏ và xưởng công nghệ lớn lao.

Ban đầu chính phủ còn dung dưỡng, nhưng sau thấy chủ nghĩa xã hội có cái phong trào vận động cộng hòa, tức là có ý nghĩa phản đối, cách mạng, xâm phạm bất kính với quyền tuyệt đối của đức Thiên hoàng. Bấy giờ chính phủ mới ra tay trừng trị: tịch thu, hủy đốt những sách của Marx; các báo xã hội hơi nói quá một chút đều bị phạt vạ rất nặng, các ông trợ bút chủ nhiệm thường bị kêu án tù năm mười năm, còn nhà in thì bị tịch biên mất.

Sức đè xuống càng nặng, thì sức bùng lên càng nhiều. Năm 1910, vợ chồng Kotoku và mấy chục bạn đồng chí xã hội chủ nghĩa rủ nhau sắp đặt ám sát Minh Trị Thiên hoàng và khởi loạn. Nhưng cơ mưu bị bại lộ; họ đều bị bắt. Ngày 24 janvier năm 1911, hai vợ chồng Kotoku và mười người nữa bị xử tử.

Dầu bị trừng trị cấm ngăn mặc lòng, đảng viên xã hội Nhật Bản vẫn hoạt động, vẫn tuyên truyền, nhất là trong đám thợ thuyền, cho tới thanh niên học sinh và hạng trí thức vô sản cũng quy hướng chủ nghĩa xã hội rất nhiều.

Bắt đầu từ năm 1807, thợ mỏ ở Trường Kỳ bỏ việc, nắm đầu ông chủ và hai người lính cảnh sát mà đánh gần chết, từ đó trở đi thợ thuyền Nhật Bản, chịu ảnh hưởng xã hội chủ nghĩa, có tổ chức thành ra liên đoàn hẳn

hoi và tổ chức ra những cuộc đình công luôn luôn. Thợ thuyền đàn bà cũng vậy.

Tinh thần cách mạng càng ngày càng bồng bột.

Bởi vậy các nhà cầm quyền ở Nhật Bản vẫn lo sợ phong trào cộng sản tràn lan qua nước mình. Họ phải chiếm cứ Mãn Châu và tính xâm đoạt cả nội, ngoại Mông Cổ nữa, là cốt đóng đường chặn ngõ cộng sản qua nước Nhật đó.

Nhiều người Âu châu xem xét tình trạng Nhật Bản rồi nói trước rằng rồi đây thế nào cũng thực hành một chế độ cộng sản mới, chế độ cộng sản Thiên hoàng làm chủ, để cho được điều hòa tấm lòng người ta trung thành với cuộc dĩ vãng và tấm lòng hâm mộ những sự mới lạ đời nay.

Kỳ thực, dân Nhật chỉ mượn chủ nghĩa xã hội để làm khí giới đối phó với những tay quý phái, nghiệp chủ, phú gia, không đè nén ức hiếp họ được nữa thôi, chớ không khi nào trong tâm não họ mất được cái tinh thần trung nghĩa sùng bái Thiên hoàng. Vụ âm mưu của hai vợ chồng Kotoku đã nói sơ trên kia chỉ là chuyện muôn ngàn thuở vậy thôi. Từ đó tới nay gần ba chục năm trời, thỉnh thoảng vẫn có một vụ âm mưu hay ám sát có mục đích chính trị chớ chẳng không, nhưng chỉ là đối với quan liêu chính khách mà phát ra, còn đối với Thiên hoàng, dầu kẻ gây biến làm phản tới đâu cũng vẫn là đặt cao trên đầu, coi như "thần thánh bất khả xâm phạm".

## PHỤ NỮ VẬN ĐỘNG

Địa vị gia đình và xã hội của đàn bà Nhật xưa kia cũng bó buộc thấp thỏi như chị em nhà Nam chúng ta vậy. Cũng y như mình, sợi dây luân lý nghiêm khắc trói buộc họ không biết là mấy vòng: tứ đức, tam tòng, chức nghiệp, tiết tháo... vòng nào cũng riết chặt lạ lùng. Đến đỗi đàn bà phải thờ Trinh nữ đạo (貞女道) thiêng liêng như đàn ông phải thờ Võ sĩ đạo; một chương trên xa kia đã nói.

Song, tới lúc quốc gia dân tộc bước vào cõi duy tân, mọi việc ùn ùn sửa đổi theo ảnh hưởng văn hóa Thái Tây, tự nhiên địa vị phụ nữ cũng vậy.

Đồng thời với xã hội chủ nghĩa, phụ nữ vận động cũng xuất hiện ở Nhật. Nhờ nơi phụ nữ tự giác mạnh bạo, mà cũng nhờ nơi công cuộc Minh Trị giáo dục xô đẩy phần nhiều. Độc giả đã thấy trong tờ sắc lệnh thề nguyền duy tân của Minh Trị, việc quan hệ nhất là việc quốc dân giáo dục, trai gái cũng thế.

Phụ nữ giáo dục vừa mới gây dựng mở mang theo cách thức Thái Tây được mười lăm năm, liền có phụ nữ vận động nổi lên. Các cô có học thức mới, nhất là các cô đi du học Âu Mỹ về, xúm nhau tổ chức hoạt động, và có khi yêu cầu ra mặt nữa, cho địa vị và quyền lợi đàn bà được sửa đổi theo thời.

Họ muốn sửa đổi ít nhiều khoản ở trong luật pháp, phong tục, mà triều đình chính phủ phải chiều theo. Bởi vậy trong bộ Dân luật mới thảo giữa hồi duy tân, sự yêu cầu của đàn bà được thỏa mãn, như là nhất định một vợ một chồng, bỏ hẳn thói tục đa thê ngày trước, lại cho đàn bà cũng được có sản nghiệp riêng, và có quyền như đàn ông được đứng lên xin ly hôn vì lẽ chồng có ngoại tình.

Về mặt chức nghiệp, họ cũng được thỏa nguyện và được bình đẳng với đàn ông; nghĩa là các ty các sở, bất cứ công tư, đều mở rộng cửa cho viên chức đàn bà. Họ cũng đậu đốc tơ, mở bệnh viện, hay là làm trạng sư ngang vai đồng bậc với đàn ông.

Duy có về mặt sửa đổi phong tục và luân lý gia đình, chị em bên Nhật đã phải nhiều phen lao tâm khổ tứ, kêu gào chống chọi lắm mới được. Họ không chịu cái lối hôn nhân "cha mẹ đặt đâu ngồi đó" nữa. Nhiều cô ra mặt phản kháng gia đình, không chịu lấy anh chồng do cha mẹ hay gia đình lựa chọn, mà các cô không biết mặt mày tâm tính và không thể nào thương. Ngoài đường, người ta thấy nam nữ học sinh dắt tay nhau đi lại tự nhiên; cái luân lý "nam nữ thụ thụ bất thân 男女授受不親" của thói Nho xưa, các cô đã hất đi xa lắc. Trong nhà, kính chồng chiều chồng đã đành, nhưng anh chồng lăm le ràng buộc các cô bằng những sợi dây luân lý hà khắc như xưa, thì các cô "cách mạng" ngay, không chịu bị ép một bề.

Âu hóa vang dội thành ra phong trào phụ nữ vận động ở Nhật trong thời kỳ duy tân đại khái như vậy đó.

Phụ nữ vận động lúc bấy giờ có nhiều tay kiện tướng đứng ra xung phong đột trận, sốt sắng kêu gào. Nổi tiếng thứ nhất là cô Ume Tsuda, giáo sư trường Quý tộc nữ tử học hiệu, đã nhiều lần thay mặt chị em đi dự mấy cuộc Phụ nữ thế giới đại hội ở Âu châu và Mỹ châu.

Họ lập ra nhiều báo chí làm cơ quan cho phụ nữ vận động, làm chủ và viết bài toàn là đàn bà.

Có mấy cô có tư tưởng cấp tiến, muốn nhập phụ nữ vận động và xã hội chủ nghĩa làm một, để nâng cao địa vị của phụ nữ bình dân và sinh kế quyền lợi của họ; không phân giai cấp. Phụ nữ vận động trải qua thời gian không mấy, mà thâu được kết quả khá nhiều; ngoài ra những kết quả vật chất, người ta thấy tinh thần tự do và bác ái nhiễm sâu trong óc của các hạng phụ nữ Nhật, giàu sang nghèo hèn không còn là hàng rào cách biệt như xưa. Rất đỗi có những cô con gái quý tộc, thà bỏ địa vị sang giàu, thà bị bôi tên trong sổ quý phái, để tự do kết hôn với một anh học trò nghèo, hay là một chú thợ bình dân.

## KINH TẾ LÝ TÀI, CÔNG NGHỆ, THƯƠNG MÃI ĐỀU ÂU HÓA

Mấy việc kinh tế, lý tài, công nghệ, thương mãi, chẳng phải nhờ có ảnh hưởng Thái Tây dội qua Nhật Bản mới có, mới biết đâu. Chỉ có thể nói rằng nhờ ảnh hưởng Thái Tây khiến cho Nhật Bản mở mang sửa đổi những việc ấy trở nên mới mẻ rộng lớn, theo thời đại và theo Thái Tây.

Thật vậy, người Nhật thuở xưa đã từng sinh tồn về công nghệ, ham chuộng ganh đua về công nghệ. Họ có nhiều món công nghệ đặc biệt của họ. Nhất là mấy món đại công nghệ như dệt sơn, chạm, vẽ, họ vốn có căn cơ và đặc sắc lâu đời. Thương mãi cũng vậy.

Thì năm sáu trăm năm trước người Nhật đã vượt biển qua buôn bán ở Ấn Độ, Nam Dương quần đảo, Xiêm La, Việt Nam, các xứ ở quanh phương Đông, không mấy xứ không có dấu cẳng vết chân của chú lái buôn Nhật, ganh đua mạo hiểm và thương lợi với người Tàu. Nước ta, giữa đời nhà

Lê, miền Bắc có Phố hiến (thuộc tỉnh Hưng Yên bây giờ) là thành phố buôn bán tụ tập các ngoại thương, bên cạnh những tiệm buôn của người Hồng Mao, người Hòa Lan, người Tàu, có những tiệm buôn của người Nhật. Miền Nam, thuở họ Nguyễn làm chúa, ở Hội An (Faifo, tỉnh ly Quảng Nam bây giờ) cũng có người Nhật tới mở tiệm mua bán, nhiều cậu lấy vợ An Nam đẻ con rồi chết chôn ở đó, mồ mả đến nay vẫn còn dấu tích. Có lần một chiếc ghe buôn của họ gặp sóng gió đánh chìm ở hải phận ta, hình như Mạc phủ Nhật Bản lấy nghĩa bang giao tương trợ, viết thơ qua cầu triều đình nước Nam giúp sức đóng giùm cho những người sống sót kia một chiếc ghe để họ về xứ. Họ phải ở lại chầu chực cả năm, quan ta và thợ mộc ta không sao đóng nổi chiếc ghe to lớn để vượt biển khơi như họ được. Nhắc mấy chuyện này lại cho biết xưa kia người Nhật từng chuộng thương mãi và mạo hiểm thông thương ra thế nào rồi.

Cho đến cơ quan lý tài, ta gọi là nhà băng hay ngân hàng, không phải đợi tới giữa thế kỷ XIX, nước Nhật cổ thời đã có những nhà ngân hàng lớn, sắp đặt theo cách cha truyền con nối. Xưa gọi là Tiền trang (銭莊 Sensou), nghĩa là một nơi đổi chác gửi gắm tiền bạc để mua bán, thì chính công việc nhà băng ngày nay.

Nổi tiếng nhứt là Tiền trang nhà Tam Tỉnh 三井 [Mitsui], tổ tiên của nhà triệu triệu phú Tam Tỉnh ở nước Nhật bây giờ, làm chủ không biết bao nhiêu là nhà băng, xưởng tàu, mỏ than và những công ty buôn bán lớn, người ta gọi là ông vua lý tài ở nước Nhật, sản nghiệp có lẽ giàu hơn ông vua dầu hỏa Rockefeller ở Hoa Kỳ nhiều. Đường Chaigneau ở Sài Gòn ta đây, ai đi qua để ý chắc thấy một nhà treo bảng "Tam Tỉnh dương hàng" 三井洋行 [Mitsui Youkou] thì là một chi nhánh của nhà Mitsui, hầu khắp thế giới đều có chi nhánh.

Nhà Tam Tỉnh mở ra công cuộc buôn bán lớn lao ở kinh đô (Kyoto, nơi đóng đô của vua Nhật hồi xưa) từ thế kỷ XVI. Qua đến thế kỷ XVII, nhà này khéo sắp đặt cách thức giao dịch chở chuyên tiền bạc khắp trong nước Nhật. Cuối thế kỷ XVII, Mạc phủ Đức Xuyên phó thác việc kiểm soát lý tài cho nhà Tam Tỉnh. Tục lệ nhà này, cha truyền con nối, trông coi sản nghiệp và càng ngày mở mang thêm giàu thêm lớn ra mãi; sự kinh doanh và giàu lớn đã có trước khi Âu hóa sang Đông. Đến thời kỳ Minh Trị duy tân, nhà

Tam Tỉnh sắp đặt sửa sang lại công cuộc kinh doanh đồ sộ của nhà mình theo cách Âu Tây.

Xem sơ như vậy, là độc giả đủ thấy trước hồi Minh Trị duy tân, nước Nhật từng có trí thức riêng và căn cơ thực lực riêng của họ về kinh tế, lý tài, công nghệ, thương mãi rồi đó.

Nhờ có trí thức và căn cơ sẵn sàng đó, thành ra đến lúc Âu châu qua xông đại vô nhà Nhật Bản mà đánh thức họ vùng dậy, quanh quẩn không có bao nhiêu năm, đại công nghệ, đại thương mãi, đại lý tài của xứ họ mở mang xây dựng lên đồ sộ lạ lùng. Thì nền móng có sẵn rồi, họ chỉ có việc xây cao đắp rộng ra bằng vật liệu mới và nhân công mới thôi. Nếu như canh nông và tiểu công nghệ, tiểu thương mãi còn thấy những dấu tích quang cảnh Nhật Bản cổ thời, nhưng kể toàn thể, người ta có thể nói rằng tình hình kinh tế hoạt động ở nước Nhật đã Âu hóa, Mỹ hóa, tân thời hóa một cách sâu xa lắm.

Bởi sự thế không vậy không được; Nhật Bản phải Âu hóa từ kinh tế lý tài cho đến thương mãi công nghệ xứ họ, cũng như họ đã Âu hóa cả những lục quân hải quân, chính trị luật pháp vậy. Ngay lúc mới bắt tay vào cuộc duy tân, họ háo thắng và phấn phát lạ lùng: "Hễ Âu Mỹ có thứ gì thì ta cũng phải có thứ nấy, tổ chức như họ, hùng cường như họ, có thế mình mới tự lập và tranh hành với thiên hạ được".

Bấy giờ, phần nhiều là các ông phiên vương chư hầu trả đất nạp quyền lại nhà vua nhất thống rồi, đem vốn liếng tiền bạc ra lập những nhà máy nọ, hãng buôn kia, kinh doanh các cuộc thương mãi công nghệ lớn lao. Từ năm 1872 trở đi, nhà băng dựng lên như nấm mọc, để giúp vốn cho người ta mở mang chế tạo buôn bán. Nhưng ban đầu, mọi việc kinh tế lý tài do sức dân và của dân hùa nhau sắp đặt xây dựng mặc lòng, nhà nước vẫn có quyền xem xét, chỉ bảo, dìu dắt, tức là thực hành chính sách "Kinh tế chỉ huy" (Economie dirigée). Bên cạnh Minh Trị Thiên hoàng, có một hội đồng cố vấn làm việc đêm ngày, gồm những người cẩn thận sáng suốt và chuyên môn về các vấn đề kinh tế, ngồi đó suy nghĩ tìm tòi, làm như người cầm lái, để sai khiến cả bộ máy kinh tế trong nước.

Chủ ý nhà nước buổi đầu cốt trông nom chỉ dẫn cho dân, làm việc gì đều nên việc ấy, kẻo sợ có những người hấp tấp nóng nảy quá mà làm hư việc đi, không những hao tốn tài lực của mình đã đành, còn e tổn thương đến công cuộc duy tân của nhà nước nữa. Sau mười lăm năm kinh tế chỉ huy, nhà nước mới để dân tự do kinh doanh hoạt động. Một việc đó đủ chỉ tỏ cho người ta thấy công cuộc Minh Trị duy tân là một công cuộc sắp đặt, tính toán rất kỹ lưỡng chi li, không có một mảy nào bơ thờ quên sót vậy.

Trên kia đã nói Nhật phải nôn nao Âu hóa cả công nghệ thương mãi, là bởi sự thế bắt buộc không vậy không được. Sự thế bắt buộc để tranh hành với thiên hạ, mà cũng bắt buộc vì lẽ trăm công ngàn việc sửa đổi có liên lạc quan hệ với nhau, mà sự cần dùng hơn hết chính là tiền bạc. Thật vậy, cho được thực hành sửa đổi to lớn lạ lùng về quân bị, về chính trị, về giáo dục, như Nhật đã làm thành công kết quả đó, Nhật đã cần phải vung tay trút túi, xài những món tiền hao tốn gớm ghê, tự nhiên họ phải hối hả mở mang ra đại công nghệ và đại thương mãi theo như Âu châu, để có tiền bạc dồi dào làm việc duy tân.

Sự biến hóa cải cách như thế, chính là do nơi ý chí sắt đá của giống người Nhật muốn trở nên hùng cường như người ta cho mau, để mình vẫn được độc lập tự do như xưa vậy.

# Chương X. SỰ NGHIỆP VĂN HỌC QUỐC NGỮ VÀ VĂN TỰ

*Văn học cũng như quân bị, kinh tế, chính trị, công thương, nếu người Nhật Âu hóa là chỉ muốn cho được giữ y tính cách đặc biệt của mình. Giáo sư Félicien Challaye từng phát biểu rằng: " Ai tưởng về mặt văn chương, người Nhật muốn biến thành Âu hóa, thật là tư tưởng lầm lắm đó" .*

Quốc ngữ Nhật Bản với quốc ngữ các nước khác có dính dấp quan hệ ra thế nào, thuở xưa không có ai nghiên cứu. Mãi đến đời Minh Trị, văn hóa phương Tây truyền sang, bấy giờ Nhật mới bắt đầu giảng cứu gốc tích quốc ngữ. Năm Minh Trị thứ 19, trường Đế quốc Đại học đặt ra khoa học bác ngôn 博言学科, để tiện giảng cứu.

Lúc đó, đã từng có mấy nhà ngữ học ngoại quốc xét gốc định loài của quốc ngữ Nhật Bản. Mỗi người chủ trương một khác. Người này nói tiếng Nhật giống tiếng Mãn Châu. Người kia nói có bà con với tiếng Hàn (Cao Ly). Người khác nữa bảo rằng tiếng Nhật với tiếng Mông Cổ có chỗ thân tộc quan hệ. Gần đây, lại có người phát minh ra tiếng Nhật có hệ thống với loài tiếng "Ấn Độ - Nhật nhĩ man" (Indo Aryen), nghĩa là có bà con với tiếng Đức. Có lẽ vì đó mà Hitler nói giống người Nhật có pha máu giống người Đức chăng?

Kỳ thiệt, công việc giảng cứu này đến giờ cũng chưa quyết định được tiếng Nhật thuộc vào hệ thống nào. Mỗi thuyết cho là gốc này gốc kia chỉ là đoán chừng.

Chỉ biết rằng dân tộc Đại Hòa 大和 [Yamato] dựng nước ở Nhật Bản, vốn có một thứ tiếng riêng. Về sau văn hóa bên đại lục tràn qua, người Nhật đón rước Hán văn Nho học, tự nhiên có mượn nhiều tiếng Hán, tiếng Hàn pha trộn vô quốc ngữ. Phật giáo cũng đem nhiều tiếng Phạn tới cho Nhật mượn nữa.

Các nước Âu châu thông thương với Nhật Bản sớm hơn hết, là người Bồ Đào Nha. Kế tới người Y-pha-nho, người Hòa Lan, người Anh, người Pháp, người Đức… Nhật Bản cũng mượn tiếng của mấy nước này hóa làm tiếng mình vô số, nhất là những danh từ về y học, khoa học.

Còn văn tự, có ít nhiều người Nhật do tính tự ái, nói rằng trước khi chưa có chữ Hán truyền sang, Nhật Bản đã có Thần đại văn tự 神代文字 [Jindai Moji], nghĩa là ở đời Thần cũng có chữ riêng rồi. Nhưng, Đằng Cương Thắng Nhị 藤岡勝二 [Fujioka Katsuji] là nhà chuyên môn nghiên cứu nổi tiếng về quốc ngữ văn tự Nhật Bản bác hẳn cái thuyết trên đây, cho rằng những người chủ trương thuyết ấy tưởng dân Nhật Bản cổ thời không có một thứ văn tự riêng là sự đáng lấy làm xấu hổ, cho nên họ dò đoán cầm chừng mà bày vẽ Thần đại văn tự đó thôi. Nếu quả xưa kia đã có văn tự đó chăng nữa, chẳng qua chỉ riêng trong một khu vực nào, chớ dân chúng không dùng, mà nó cũng không đủ tư cách là một thứ văn tự.

Nhật Bản có văn tự, chính là thoát thai ở chữ Hán mà ra. Ấy là:

Bình giả tự 平仮字 [Hiragana], mượn ở lối chữ viết tháu của Tàu mà đặt ra cho được giản tiện, kẻo để nguyên cả Hán văn cho dân học thì phiền phức khó khăn quá. Tương truyền người đặt ra lối chữ này, một vị Thầy tu đạo Phật, là Hoằng Pháp đại sư 弘法大師 [Koubou Daishi] (774-835).

Phiến giả tự 片仮字 [Katakana] chỉ mượn một mảnh chữ Hán mà đặt ra, mà đọc theo âm quốc ngữ Nhật. Đại khái cũng như nhà nho ta xưa mượn gốc chữ Hán mà đặt ra chữ Nôm để đọc theo âm của tiếng mình vậy. Có người nói kiểu chữ này là bản đồ 50 âm, do Cát Bị Đại Thần 吉備大臣 [Kibi no Daijin] (693-775) sáng tạo.

Hai lối chữ mượn này dựng lên một nền văn tự riêng của Nhật, dùng pha trộn với chữ Hán để viết văn làm sách phổ thông. Duy có đám thượng lưu học thức mới chuyên dùng chữ Hán mà thôi. Nhưng họ viết chữ Hán theo như văn pháp riêng của họ, chớ không chịu theo văn pháp Tàu. Sự mượn chữ đặt chữ riêng viết văn theo phép riêng như thế, chứng tỏ ra người Nhật thuở xưa đi học của người, vẫn giữ tính cách độc lập của mình là dường nào.

Đến lúc Âu hóa sang Đông, thời thế cấp bách, trước hồi Minh Trị duy tân, đã có người dâng thư lên Mạc phủ xin bãi hẳn chữ Hán, để dùng chữ Bình giả, Phiến giả của mình thôi.

Kế đó, bước vào thời kỳ Minh Trị duy tân có nhiều thuyết kế nhau nổi lên. Năm Minh Trị thứ 16, có Giả danh hội 仮名会 [Kanakai] lập ra cũng xướng khởi ý kiến chuyên dùng chữ mượn, tức là chữ Bình giả và Phiến giả. Qua năm sau lại có La mã tự hội 羅馬字会 [Romajikai] chủ trương dùng chữ La tinh như các nước Âu Mỹ. Cả hai hội đều xướng bỏ chữ Hán. Có một phái Âu hóa cấp tiến, muốn dùng hẳn Anh văn làm quốc văn.

Nhưng, Hán văn đối với người Nhật tiếng Nhật có lịch sử lâu đời, có quan hệ thâm thiết, không thế nào bỏ hẳn đi được. Muốn cho việc học của dân được giản tiện, mau lẹ, nhà nước bèn lựa lọc chữ Hán lấy một số cần dùng còn lại vài ba ngàn chữ thôi. Sự trí thức về chữ Hán văn Hán của sĩ dân Nhật suy đi từ đó.

Trong đời Minh Trị, quan báo và công văn đều viết bằng chữ Hán xen vô chữ Phiến giả cho dân dễ hiểu, ấy là giữ thói quen từ đời trước.

Có một hồi tân văn tạp chí cũng dùng trộn cả chữ Phiến giả vô, nhưng được ít lâu rồi thôi, chỉ dùng chữ Bình giả xen lộn chữ Hán như ta thấy ở báo chí Nhật ngày nay, chữ Phiến giả chỉ dùng để dịch các danh từ của Âu Mỹ, cho được đọc theo như âm tiếng Âu Mỹ vậy.

Chữ Bình giả xưa kia viết ra lộn xộn bất nhất, ai muốn viết sao thì viết, cũng như nhà nho nước Nam ta viết chữ Nôm vậy. Nhưng đến năm Minh Trị thứ 33, Văn bộ (tức là bộ Giáo dục) định ra thể lệ hẳn hoi, mẹo luật rành rẽ.

Trước khi muốn xét về văn học và sách báo của Nhật Bản lúc mới duy tân, chúng ta nên biết qua quốc ngữ văn tự nước Nhật như thế.

## VĂN HỌC ĐỜI MINH TRỊ

Đời xưa, Nhật Bản đã có một nền văn học phát đạt và có đặc sắc lắm; họ tự phụ rằng không thua gì Âu châu. Tiểu thuyết, thi ca, hí kịch, đoản thiên, sử

ký, phong dao… môn loại nào cũng có những áng văn hay truyền tụng. Nhất là đời Đức Xuyên làm tướng quân, luôn mấy trăm năm, thái bình vô sự, người ta chỉ có việc chăm lo trau dồi văn học, thành ra văn hay sản sinh rất nhiều. Văn học Nhật Bản đến đời Đức Xuyên là đời toàn thịnh.

Người Nhật bắt đầu nếm mùi văn học Âu châu, là những truyện ngụ ngôn của Ésope, dịch ra tiếng Nhật từ thế kỷ XVI, chắc là do tay dịch thuật của một ông giáo sĩ nào đó. Đến phần dưới của thế kỷ XVIII, thêm có bản dịch Voyages de Gulliver (Tạm dịch: Những cuộc phiêu lưu của Gulliver). Lúc này có những người Hòa Lan, Bồ Đào Nha và Y Pha Nho sang Nhật mua bán, trong đám nhà nho Nhật, nhiều người nghiên cứu Hán văn tinh thông rồi, lại có hứng thú nghiên cứu văn tự ngoại quốc nữa, nhất là học chữ Hòa Lan để xem xét y khoa và sự tình Âu châu. Tuy là Mạc phủ có lệnh nghiêm cấm và có nhiều người vì học chữ ngoại bang mà bị chết chém, những hạng sĩ phu óc lớn nghĩ xa vẫn cứ mạo hiểm mà học. Nhờ vậy mà Nhật Bản đã sớm có những người hiểu biết qua loa về vật lý học và bác vật học của Thái Tây, chớ không riêng văn học mà thôi.

Sự học tiếng Hòa Lan đến cuối đời Đức Xuyên đã thịnh hành, lần hồi người ta học tới Anh văn, Pháp văn, Đức văn nữa. Mạc phủ lại đặt ra một sở chuyên dịch sách vở của Tây dương, gọi là “Phiên thư thủ điều xứ (番書取調處). Sở này về sau biến thành ra trường Đông Kinh Đại học lấy Anh văn làm gốc để giảng dạy các khoa.

Thế là trước khi chưa khai quốc duy tân, nước Nhật đã biết chú ý đến ngôn ngữ văn học phương Tây rồi. Họ không phải quá ư cố chấp như mình đây, đến đời Tự Đức mà sĩ phu ta không biết văn học nào khác hơn văn học Trung Quốc.

Tới lúc mở cuộc duy tân rồi, các nhà học vấn tiên giác từng học qua một thứ ngôn ngữ văn tự châu Âu, bây giờ ganh đua nhau làm sách, dịch sách, truyền bá tứ tung, để cho quốc dân mau biết những phong tục, tập quán, lễ nghĩa, chính trị, học vấn của Thái Tây. Người có công này lớn nhất là Phúc Trạch Dụ Cát 福澤諭吉 [Fukuzawa Yukichi] vừa lập trường, vừa dịch sách, vừa làm báo để rèn tập nhân tài cho cuộc duy tân và thức tỉnh quốc dân về việc sinh tồn, việc quyền lợi. Trước mắt người Nhật buổi đầu duy

tân, Phúc Trạch là ông thánh sống, có sự nghiệp giáo dục to lớn quan hệ như thế nào, một chương trên kia nói về "dân gian giáo dục" tôi đã nói rõ rồi, khỏi cần nhắc lại ở đây nữa.

Kế Phúc Trạch là Tân Đảo Tương 新島襄 [Nijima Jou], Trung Thôn Chính Trực 中村正直 [Nakamura Masanao], Trung Giang Đốc Giới 中江篤介 [Nakae Tokusuke]… đều là bậc anh tài có công nghiệp gieo mầm ngoại quốc văn học ở nước Nhật.

Sau lúc nhà vua đã bỏ chế độ phong kiến và cho tứ dân bình đẳng, bấy giờ người ta xôn xao bàn bạc về những chuyện dân quyền tự do; đã bàn bạc về những chuyện dân quyền tự do, lẽ tất nhiên người ta hâm mộ sùng bái những người như Montesquieu, Jean Jacques Rousseau của nuớc Pháp. Bởi vậy, lúc Trung Giang Đốc Giới ở Pháp quốc về, dịch sách Dân ước (Contrat Social) của Rousseau và xướng lên thuyết dân quyền tự do, làm cho nhân tâm rung động nồng nàn. Rồi đó phong trào dân quyền càng ngày càng thịnh. Năm Minh Trị thứ 14, nhà vua phải hạ chiếu kỳ hẹn với dân 10 năm nữa thi mở ra Quốc dân hội nghị thành ra dân càng đua nhau cầu học trí thức thế giới và tư tưởng dân chúng càng ngày càng mới mẻ thêm.

Ấy là tình thế vào khoảng năm Minh Trị thứ 15, 16 trở về trước, mặc dầu tiêm nhiễm ngoại quốc tư tưởng và phiên dịch sách vở Thái Tây đã nhiều, nhưng văn học mới vẫn chưa thiệt dấy lên. Duy có một hiện tượng, là có tân văn tạp chí nhân được phong trào mới mà đẻ ra thôi. Là bởi nhân tâm Nhật Bản hồi này đều dốc lòng gắng sức vào việc cải tạo quốc gia, cho nên sự cầu học trí thức Thái Tây, chỉ cốt những việc gì là việc thiết thực, chớ không ai rảnh rang để thưởng ngoạn văn học Thái Tây cho được. Huống chi trong khoảng 15 năm mới khởi cuộc duy tân này, số người biết ngôn ngữ văn tự Thái Tây còn ít lắm; dầu cho người biết cũng là chưa đủ tinh thông để thưởng ngoạn cái thú vị của văn học Thái Tây nữa kia.

Thời kỳ tân văn học mở ra thật từ năm Minh Trị thứ 15, 16 trở đi.

Khởi thủy là ba vị giáo sư đại học, Ngoại Sơn 外山 [Toyama], Thỉ Điền Bộ Lương Cát 矢田部良吉 [Yatabe Ryoukichi] và Tỉnh Thượng Hinh 井上

馨 [Inoue Kaoru] in ra lối thơ mới, gọi là Tân thể thi 新体詩 [Shintaishi]. Văn học phương Tây vang dội tới văn học Nhật Bản mở mối ra từ đó.

Nguyên là lối thi tả tình của Nhật thuở trước, thông dụng nhất là điệu ca bằng quốc âm và có tô điểm vô những tiếng ở đời Trung cổ, người ta mới cho là hay. Ba vị giáo sư trên đây cho lối quốc ca vắn quá không đủ tả hết tình tứ ra được; lại còn chêm tiếng Trung cổ vào cũng không hợp thời nữa. Rồi đó ba ông xúm nhau lại bắt chước điệu thi của Tây mà đặt ra ca, gọi là thi theo thể mới. Lại dịch nhiều thi ca hay của Tây phương cho quốc dân ngoạn thưởng. Về sau có nhiều tay dịch thi ca Tây phương còn hay hơn nhiều, song kể người thợ đầu hết, chính là ba ông, vả lại người Nhật được rảnh rang nếm mùi văn học Tây phương và biết là cân dùng, thật bắt đầu tự đó.

Lần hồi không mấy năm, những tay có tài phiên dịch đem sách của các danh sĩ Âu châu ra dịch tứ tung, nhiều nhất là tiểu thuyết và bi kịch. Cervantès, Shakespeare, Fénelon (truyện Télémaque), Daniel de Foe (Robinson Crusoe), Goethe, Dickens, và Alexandre Dumas (truyện Les Trois Mousquetaires, người Nhật khoái lắm), Victor Hugo, Maupassant, Zola, Loti, Tolstoi, Jules Verne, văn chương tiểu thuyết của các ông này đều dịch hết ra tiếng Nhật và người Nhật ngoạn thưởng hoan nghênh đáo để. Triết học thì họ dịch từ Platon cho đến Rousseau, Kant, Schopenhager, Auguste Comte, Stuart Mill và nhất là Herbert Spencer.

Lúc đang nói chuyện đây, văn đàn mới ở nước Nhật, có hai phái đứng đối nhau đánh trống phất cờ tân văn học:

Một là phái thanh niên văn khoa học sinh ở trường đại học Tảo Đạo điền; giáo sư văn khoa của trường này là Bình Nội Tiêu Dao 坪内逍遥 [Tsubochi Shouyou], một nhà lãnh tụ trên đàn văn học mới, rất tinh thông Anh văn, thường đem văn học nước Anh dịch thuật giới thiệu cho học giới Nhật Bản. Thụ nghiệp với ông lúc bấy giờ, có nhiều thanh niên học sinh còn đang ngồi trên ghế học đường mà đã viết tiểu thuyết và soạn kịch, tài hoa nổi tiếng.

Hai là hội Nghiễn hữu xã 硯友社 [Kenyusha] tụ họp những người kiện tướng của tân văn học, người dịch sách nước nọ, người dịch sách nước kia, gần có đủ mặt: nhà phê bình có, nhà sáng tác có, nhà văn học sử có, một thời hoạt động vang dậy trên đàn học mới.

Ngoài ra có hai làn sóng, tuy chống chọi nhau, mà đều có ích cho cuộc tấn hóa của Nhật Bản mới kỳ.

Một là làn sóng sùng bái Tây phương.

Một là làn sóng tỏ rạng quốc túy.

Năm Minh Trị thứ 20, Đức Phú Tô Phong 徳富蘇峰 [Tokutomi Sohou] mở ra tạp chí đặt tên là Quốc dân chi hữu 国民之友 [Kokumin no Tomo] đem các vấn đề văn học, tôn giáo, phong tục ra bàn bạc một cách rộng rãi ngang tàng, nhiều bài viết văn lập luận rất kỳ, cốt đem văn học Tây phương vô nước Nhật và chú ý về văn nghệ mới lạ. Trong báo ấy đầy rẫy bài vở hoặc sáng tác, hoặc phê bình, hoặc dịch thuật, bài nào cũng có vẻ làm rung động tai mắt người trong nước giữa lúc muốn đạp đổ văn học cũ, dựng lên văn học mới.

Đức Phú Tô Phong là tín đồ đạo Gia-tô, cho nên ông ta nghị luận về các vấn đề tôn giáo, chính trị, dân quyền nhất nhất đều có chủ nghĩa khuyên bảo người ta sùng bái Tây phương.

Những người chống cự chủ nghĩa ấy bèn mở ra tạp chí đặt tên là Nhật Bản nhân 日本人 [Nipponjin], lấy chủ nghĩa phát dương quốc hồn quốc túy làm gốc. Họ nói văn minh Tây phương cũng còn có nhiều chỗ thiếu sót, chớ phải hoàn toàn tốt đẹp gì sao; chẳng qua chỉ có võ lực là hơn, vì lẽ thời thế sinh tồn, mình bắt chước người ta thì bắt chước, nhưng không thể nào lãng quên hay là bỏ hẳn những cái tinh túy của văn minh Đông phương mình đi được.

Trong mấy năm Minh Trị từ 20 đến 23, 24, hai làn sóng trên đây đều có ảnh hưởng rất hay cho tư tưởng Nhật Bản. Một mặt này có chủ nghĩa Âu hóa rầm rộ thịnh hành, một mặt kia có tinh thần quốc túy nổi lên chống lại. Té ra những người từ Minh Trị buổi đầu tới đây, chuyên chú xem xét văn

vật phương Tây, chừng rõ biết được hết sự tình của người ta rồi, trở lại giật mình vì chỗ việc gì mình cũng nhắm mắt theo càn là bậy. Vì sự thiệt chính mình cũng có nhiều cái hay.

Đó là chỗ tự tỉnh của quốc dân Nhật Bản, nhờ sự tự tìm biết cái hay của người đánh thức giùm sự biết cái hay của mình.

Hai làn sóng này điều hòa lại với nhau, khiến cho người Nhật tấn hóa một cách có lương tri sáng suốt, và công nghiệp duy tân đến đó mới thiệt là chín chắn.

Trên kia nói hai làn sóng đều có ích cho cuộc tấn hóa của Nhật Bản là vậy đó. Còn một việc hiển nhiên khác nữa.

Buổi đầu duy tân, người trong nước ham mê vồ vập văn minh Tây phương quá đỗi, tới nước quên mất không nhớ lại rằng Đông phương có một nền mỹ thuật có vẻ tốt đẹp riêng, đáng quý đáng giữ. Thành ra bao nhiêu những bức tranh vẽ khéo, những đồ chạm trổ quý báu công phu, chính là vật báu của Nhật mà người Nhật đem bán rẻ cho người Âu Mỹ đem đi gần hết, chẳng biết tiếc là gì. Đến những miếu thần chùa Phật đồ quý vật xưa, có quan hệ về lịch sử lâu đời, người ta cũng để cỏ mọc rêu phong, trôi sông bỏ xó, không thèm sửa sang gìn giữ. Tới chừng có chủ nghĩa phát dương quốc túy nổi lên phừng phừng, bấy giờ người ta mới sực tỉnh, biết rằng văn vật phương Tây có những cái đáng theo thì theo, nhưng mà văn vật phương Đông mình cũng có những cái hay phải nên giữ gìn quý trọng mới được. Rồi đó, nhiều môn nghệ thuật riêng, mỹ tục riêng, ví dụ như múa kiếm, đánh vật, trồng hoa, múa nhạc, uống nước trà… hai mươi năm tấm lòng quá chuộng văn minh Tây phương cho khinh thường xem rẻ đi, bấy giờ nó lại lần hồi khôi phục cho tới ngày nay.

Đến văn học cũ cũng vậy, bị người ta phế khi mấy chục năm, tới đây có những người trở lại biết cái thú vị văn học xưa của mình, bèn gom góp lựa lọc lấy tinh túy cựu văn học mà dung hòa bằng tư tưởng mới của Tây phương. Thành ra họ nhồi cả văn học Đông Tây lại một cục, để nắn ra văn học mới. Vẫn biết là văn học mới đó có nhờ Tây phương văn học chế hóa

cho nhiều, nhưng ở bên trong vẫn có tinh hoa đặc sắc riêng của mình một phần.

Thế thì về văn học cũng như về quân bị, kinh tế, chính trị, công thương, nếu người Nhật Âu hóa là chỉ muốn cho được giữ y tính cách đặc biệt của mình. Đây, tôi muốn mượn câu của giáo sư Félicien Challaye làm câu kết đoạn này: "Ai tưởng về mặt văn chương, người Nhật muốn biến thành Âu hóa, thật là tư tưởng lầm lắm đó".

## NHẬT BÁO TẠP CHÍ

Nếu ai muốn bỏ hết các việc cải cách khác của Nhật Bản, mà chỉ xem nội một khoản báo chí thôi, cũng đủ thấy bước đường duy tân người Nhật rong ruổi mau lẹ đến thế nào. Từ lúc mới khởi duy tân trở đi, chưa đầy hai chục năm, báo chí của họ đã có cơ sắp sửa ngang vai chen gót với sự nghiệp ấy của Âu Mỹ rồi. Chẳng bù với báo chí xứ mình đẻ ra có lẽ trên ba mươi năm mà vẫn còn là thằng trẻ nít: một tờ báo chạy nhất ở tỉnh thành lớn xứ mình chưa bằng tờ báo nhỏ ở một xó châu quận người ta.

Trong lúc bắt đầu khai quốc, nghĩa là lúc chính quyền còn về tay Mạc phủ, bị Đề đốc Bá Lý tới ra oai buộc phải mở cửa thông thương, đám chí sĩ Nhật Bản đã dựng lên ít nhiều cơ quan ngôn luận để thúc giục nhà nước phải mau duy tân cải cách. Những báo này còn in chữ khắc bằng cây và chỉ ra mỗi tháng hay mỗi tuần một số, cách thức biên tập sắp đặt tờ báo còn lôi thôi lắm.

Lúc này cả thảy gồm chục hiệu báo chí chớ không phải ít, nhưng báo nào cũng khốn khổ về đồng tiền eo hẹp, thành ra không mấy tờ đứng vững. Ông Henry Dumolard, tác giả cuốn Le Japon politique, économique et social (Paris, Colin 1903) thuật lại một chuyện nghe tức cười chết: "Có báo xuất bản hai năm rồi vì hết tiền vốn mà phải đóng cửa, là vì trước sau chỉ vỏn vẹn có hai vị độc giả mà thôi".



Ông vua báo giới Nhật - TRUNG THÔN LONG BÌNH 中村龍平 [Nakamura Ryuuhei] - Người làm cho báo Triều Nhật có địa vị ngày nay. Ngoài ra còn làm chủ nhiều báo và in nhiều sách.

Bước qua thời đại Minh Trị duy tân, còn sót lại năm ba tờ tuần báo nguyệt san, trong đó chỉ có báo Giang Hồ tân văn 江湖新聞 [Koko Shimbun] ra vẻ đặc sắc hơn hết. Nhưng vì mỗi số báo ra, bài nào cũng xăm xoi công kích hai cường phiên Tát Ma và Trường Châu làm cho chính phủ tức mình sinh ghét, rồi cấm xuất bản, lại bỏ tù viên chủ bút báo ấy. Trước giờ chính phủ chưa nghĩ đến sự kiềm chế các báo, nay mới thấy sự đó là cần, bèn ra lệnh buộc tờ báo nào cũng phải xin phép nhà nước cho ra mới được, bài vở nếu thả giọng bạo động quá thì chủ nghiệm chủ bút ở tù.

Mãi tới năm Minh Trị thứ 4 (1871), Nhật Bản mới có tờ báo hằng ngày thứ nhất xuất bản, là Đông Kinh Hoành Tân tân văn 東京横浜新聞 [Tokyo Yokohama Shimbun], bắt đầu dùng chữ chì của người Nhật tự đúc lấy (thử

coi sớm chưa!) và in bằng máy in đặt mua ở Âu châu. Từ việc biên tập, việc in, việc bán, sắp đặt đã khá chỉnh bị. Báo này chẳng những làm ông tổ nhật báo mà thôi, lại làm khuôn mẫu cho những báo hằng ngày khác kế theo nữa.

Qua năm sau, 5 tờ báo hằng ngày lớn nối gót nhau ra đời:

- Đông Kinh nhật nhật tân văn 東京日日新聞
- Bưu tiện báo tri tân văn 郵便報知新聞
- Triều Dã tân văn 朝野新聞
- Độc mãi tân văn 読売新聞
- Thự tân văn 曙新聞

Mỗi tờ bày tỏ một chính kiến, hoặc muốn tấn hóa lần hồi, hoặc đòi duy tân cấp bách, mà tờ nào cũng có một vài tay danh nhân chí sĩ chấp bút, đua nhau bút chiến tung hoành, có ảnh hưởng đến thời cuộc một cách sâu xa, lừng tiếng là Ngũ đại tân văn (五大新聞 Godai Shimbun), chính phủ cũng phải kiêng nể.

Từ năm Minh Trị thứ 4 đến thứ 8, trước sau 5 năm, mà nhật báo, tuần báo, tạp chí dựng lên đến hơn 100 nhà. Sự tiến bộ của báo giới Nhật phát khởi đã mau mà rồi ngày càng tấn tới mau lẹ dị thường. Trong sự tấn bộ đó, nhiều chỗ bày tỏ ra công phu nhân lực mới quý. Thử xem một chuyện phát báo cũng biết. Các báo ban đầu đều in ra buổi trưa; việc phát hành đã có xe hơi xe đạp gì đâu, người ta chia nhau thủng thẳng đưa tay đến tận mỗi nhà độc giả. Mấy anh đưa báo còn khệnh khạng, chần chờ, đến mỗi nhà, ngồi uống chén nước trà, nói chuyện tán tỉnh con ở ngộ nghĩnh nhà người ta chê chán rồi mới chịu đem báo đến nhà khác cũng vậy, thành ra báo ra buổi trưa mà sự phát hành kéo mãi đến khuya mới xong. Mỗi nhà báo phải mướn cả trăm người đi phát tay như thế. Tội nghiệp có nhà báo mướn hạng người đó không đủ, thì chính các ông trợ bút tự đem phát lấy; báo để trong tay áo “kimono” rút ra mà đưa mỗi nhà.

Từ hồi báo giới Nhật Bản tạo lập ra đến lúc đang nói đây, tuy là đủ môn nọ loại kia và cách sắp đặt cũng gọi là tấn tới mới mẻ khá rồi, nhưng người ta chỉ ham bàn chính trị, sính múa văn chương, chớ tờ báo chưa có tư bản

tranh cạnh xen vô, chưa có tính chất thương mãi, cũng chưa có màu mè mỹ thuật.

Có chăng, là từ tờ Đại Bản triều nhật tân văn (大阪朝日新聞 Osaka Asahi Shimbun, Asahi Osaka) ra đời trở đi.

Thật vậy, lúc đầu chỉ là đám người văn gia chí sĩ chung đậu tiền bạc làm báo với nhau thôi, nhà tư bản chưa bước vô cõi tân văn. Đến năm Minh Trị thứ 12, có Đại Bản triều nhật tân văn mở ra, làm được vài năm rồi về tay Thôn Sơn Long Bình 村山龍平 [Murayama Ryouhei] kinh doanh, bấy giờ báo giới mới bắt đầu có tính chất tư bản. Mà từ đó báo giới mở mang rộng lớn, phải nhờ có sức tư bản như các công cuộc kinh doanh lớn lao khác vậy.

Thôn Sơn Long Bình là nhà giàu, không phải tay biết cầm bút viết văn nhưng mà biết cách làm một tờ báo thế nào cho được nhiều người ham đọc, cần đọc, phải đọc. Ông ta xuất một số tiền thật lớn để làm báo, chú trọng nhất là thông báo tin tức làm sao cho mau lẹ, bèn dồn cả toàn lực vào cơ quan thông tin, bày ra nào là điện tín trong nước ngoài nước, nào là thông tín viên đặc phái (correspondants spéciaux), để cho việc báo tin thật là mau chóng, dầu hao tốn bao nhiêu tiền cũng mặc. Tư bản cạnh tranh trong làng báo mở mối ra từ đây.

Mấy tờ báo khác, thấy tiếng tăm của Đại Bản triều nhật tân văn mỗi ngày bay lên cao như diều, cũng lấy sức tư bản ra để tranh cạnh, tiền bạc họ xài ra như nước, cầu lấy tin mau, in đẹp, báo lớn, bài nhiều. Nhưng phần đông vì sự tranh cạnh quá lố, đến phải đuối hơi trút túi mà chết. Duy có tờ Đại Bản mỗi nhật tân văn 大阪毎日新聞 [Osaka Mainichi Shimbun] là đứng lại tranh cạnh nổi mà thôi. Họ tranh cạnh luôn mỗi giờ, mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm, từ lúc ấy cho đến bây giờ, chính là hai tờ báo hằng ngày, lớn nhất nước Nhật. Sau đây có một đoạn riêng, nói về thủ đoạn cạnh tranh ghê gớm của hai nhà báo Triều nhật Asahi và Mỗi nhật Mainichi ra thế nào? Giờ để nói chuyện tuần tự về lịch sử báo giới đã.

Đến năm Minh Trị thứ 23, nhà vua ban bố Hiến pháp và mở Chúng nghị viện ra rồi, báo giới càng thêm phát đạt và có thanh thế về mặt chính trị.

Người ta nói lúc này về thế lực chính trị, chính phủ ở bậc nhất, nghị viện ở bậc nhì, tân văn ở bậc ba. Có lúc chính phủ sợ tân văn quá hơn là sợ nghị viện, cho nên thường khi tìm cách ngăn trở tân văn phát đạt, nhưng nó cũng cứ phát đạt như thường.

Sau cơ hội trên đây là cơ hội giúp cho báo giới bước cao lên một bước, tới trận Nhật Bản đánh nhau với nhà Thanh nước Tàu (1894), báo giới nhờ đó tăng số độc giả lên gấp đôi. Nhiều báo vì lẽ doanh nghiệp lợi tiện mà lập thêm chi nhánh riêng hai nơi: ví dụ Triều nhật và Mỗi nhật ở Đại Bản, lại lập ra tòa báo Triều nhật và Mỗi nhật ở Đông Kinh nữa, nơi nào in riêng tờ báo tại nơi đó. Nếu Đông Kinh là kinh đô chính trị, thì Đại Bản là kinh đô công nghệ. Muốn cho sự phát hành mau chóng, khỏi mất công gửi đi gửi lại lâu lắc lôi thôi, hai tờ báo lớn mới xuất bản hai nơi như thế. Mà nơi nào xuất bản cũng ghê, Triều nhật in ra 370.000 tờ ở Đại Bản và 180.000 ở Đông Kinh, hiệp cộng 550.000 tờ. Mỗi nhật cũng xuất bản cả hai nơi gần gần số ấy. Đó là nói số in hồi duy tân trải qua Nhật Nga đại chiến cho đến Âu châu đại chiến mà thôi. Chớ bây giờ hai tờ báo này in nhiều mấy lần hơn và kình địch với báo Anh, Mỹ kia. Độc giả sẽ thấy một đoạn nói riêng.

Trong khi tân văn phát đạt tấn tới lạ lùng như thế, thì tạp chí cũng không vừa gì. Khoa học, chính trị, giáo dục, triết học, mỹ thuật, phụ nữ, tôn giáo… môn loại nào cũng có tạp chí riêng để kêu gào, để giảng dạy, để dìu dắt người ta. Kể tới năm 1905, nghĩa là từ ngày Minh Trị bắt đầu duy tân đến đây được 38 năm, các thứ tạp chí khắp nước Nhật đến số 1.500 hiệu, mà riêng ở Đông Kinh có 380 hiệu. Độc giả là phụ nữ và học sinh nhiều nhất, thực nghiệp giới ở bậc thứ.

Cũng kể tới thời kỳ nói trên đây, khắp nước Nhật, số báo hằng ngày lớn nhỏ trên 700 nhà. Thời gian không bao lâu mà báo chí mở mang phát đạt đến thế, thật là tột bậc vậy.

## THỬ XEM SỰ CẠNH TRANH CỦA HAI TỜ BÁO LỚN NHẤT

Ấy là báo Triều nhật và Mỗi nhật như trên kia đã nói.

Cả hai đều có lịch sử trường cửu gần sáu chục năm nay, chẳng những là báo lớn ở nước Nhật hay là ở phương Đông này thôi, lại đứng vào hàng

một số ít tờ báo lớn nhất trong thế giới nữa.

Tôi muốn để một đoạn riêng nói về lai lịch và sự nghiệp kinh doanh của hai tờ báo này nhất là về Triều nhật nhiều hơn.

Báo Triều nhật sáng lập ở Đại Bản (Osaka) ngày 25 tháng Giêng năm 1879 (Minh Trị thứ 12). Lúc đầu báo quán chỉ là một cái nhà bé nhỏ, bởi là cơ quan của văn sĩ chung nhau, chớ chưa có nhà tư bản xen vô.

Đã nói hồi Minh Trị bắt đầu duy tân, không có một thứ văn hóa nghệ thuật nào của Tây phương mà người Nhật họ không bắt chước; bởi vậy nghề làm báo của Tây phương cũng phát hiện ở nước Nhật một cách mạnh bạo lớn lao như muôn vàn nghề nghiệp khác. Nhưng lúc bấy giờ có nhiều tờ báo dựng lên rồi đổ ụp xuống liền, là vì có nhiều nỗi khó khăn gay trở; nhất là vì mặt tài chính làm cho thất bại nhiều hơn hết; duy chỉ có báo Triều nhật chống chọi và qua lọt được cái cầu khó khăn gay trở đó.

Từ năm 1885, báo Triều nhật ở Đại Bản dời về chỗ báo quán bây giờ, song lúc ấy nhà cửa, máy móc và cách sắp đặt cũng còn lôi thôi sơ sài, chớ đâu phải được như ngày nay. Mãi đến năm 1890, kiểu máy in mới của nước Pháp chế tạo ra, hiệu Marinoni, truyền qua Nhật Bản; chừng đó nghề làm báo ở Nhật Bản mới bước vào cõi tiến hóa mới mẻ.

Hai trận chiến tranh Trung Nhật (1894) và Nhật Nga (1904-1905) cùng là vụ loạn Quyền phỉ ở Bắc Kinh, đều là những cơ hội tấn phát lạ lùng cho báo Triều nhật. Mấy lúc có chiến tranh đó, báo đều phái đi từng đoàn phóng viên ra tới chiến trường để lấy tin và chụp hình. Bọn phóng viên này cố sức làm cái chức vụ thông tin, lăn lóc vào giữa chỗ rừng gươm mưa đạn, lắm khi tính mạng nguy hiểm rất mực, mà họ cũng không kể gì, cứ việc liều mình lấy tin cho được mới thôi. Một nhà báo có những phóng viên như thế, thật không có cách quảng cáo nào cho bằng và không thể nào không phát đạt cho được. Chính nhờ vì đó mà báo Triều nhật càng ngày càng tấn tới phi thường, được quốc dân hoan nghênh tin cậy lắm. Từ lúc ấy trở đi, số độc giả càng ngày càng tăng, báo Triều nhật càng thấy sự sắp đặt của mình về mặt vật chất nội dung còn thiếu sót nhiều; vả lại, cần phải cạnh tranh với báo Mỗi nhật (Mainichi, cũng ở Đại Bản) dữ lắm, thành ra

báo Triều nhật hết sức mở mang. Sự cạnh tranh của hai nhà báo này, làm cho báo giới Nhật Bản leo lên một cái trình độ rất cao, ngang hàng với báo giới Hoa Kỳ, chớ báo giới Âu châu không bì kịp đâu.

Năm 1915, báo Triều nhật cất nhà báo mới, cao 8 từng lầu, thật là nguy nga rộng rãi, mà chỉ dựng có một năm là xong.

Đồng thời lại mở mang các cơ quan và khí cụ in báo, thông tin, thứ nào cũng tân thời hết thảy.

Báo này lúc khởi thủy là của một số anh em đồng chí viết văn nhà nghề, chung nhau lập ra; vài năm sau, nhà tư bản Thôn Thượng Long Bình xuất vốn mua lại làm chủ một mình, ra sức mở mang, càng ngày càng lớn, về vật chất và tinh thần cũng vậy. Cho đến năm 1919 trở đi, mới đổi ra công ty hữu hạn, số vốn đến 4 triệu yên, nhưng vẫn Thôn Thượng làm xã trưởng. Thôn thượng nổi tiếng là "vua báo" ở nước Nhật, cũng như Lord Northcliffe ở Hồng Mao mười năm trước và Hearst ở Hoa Kỳ bây giờ vậy. Vua báo Nhật Bản mới qua đời năm 1933, thọ 85 tuổi.

Nhà báo Triều nhật ở Đại Bản và ở Đông Kinh cũng vậy, xem hình thấy cảnh đồ sộ lạ thường, ta có thể tưởng tượng rằng nhà băng Đông Pháp ta ở Sài Gòn chỉ bằng phần nửa thôi.

Bề ngoài đã vậy, cách thức sắp đặt làm việc bề trong nhất nhất theo kiểu tối tân, không thiếu một sự cần dùng gì cho nghề nghiệp mà trong tòa báo không có. Đại khái tầng lầu thứ nhất là bộ doanh nghiệp (ta gọi là ty quản lý) và nhà in; tầng thứ hai là phòng việc của ông xã trưởng (ta gọi là chủ nhiệm) cùng các cơ quan viên chức thuộc về phần ông; tòa soạn cũng ở tầng này, lại có một phòng hội nghị rất lớn. Tầng thứ ba là nơi tiếp khách, có viện đồ thư, có phòng âm nhạc. Tầng thứ tư có hàng cơm và những phòng riêng cho các trợ bút và phóng viên nằm nghỉ; lại có nhà tắm cho họ nữa… Còn trên nóc nhà có sân rộng để cho thầy thợ trong tòa báo lên tập thể thao mỗi ngày và có chuồng nuôi 300 con chim bồ câu dùng vào việc thông tin hay đem bài từ Đại Bản lên Đông Kinh cho nhà báo Triều nhật chi quán [Tức chi nhánh của báo Triều nhật] ở đây. Các máy móc in báo và làm hình đều đặt trong hầm nhà ở dưới chót hết.

Tòa báo có ga ra xe hơi riêng, lúc nào cũng có mấy chục chiếc xe hơi sẵn sàng, để cho các trợ bút và phóng viên đi làm công việc nghĩa vụ. Ngoài ra, còn có sân máy bay riêng và mười mấy cái phi cơ, cũng dùng vào việc thông tin tức.

Máy in báo Triều nhật toàn là kiểu máy tối tân như ở bên Mỹ, mỗi giờ có thể in ra 8 muôn tờ. Hiện thời, trong nhà báo Triều nhật có 17 bộ máy kiểu đó, cho nên mỗi giờ in được 1 triệu 36 muôn tờ trở lên.

Kể số người làm ở tòa soạn, ở nhà in và ty quản lý bây giờ có đến 1.756 người, riêng phần tòa soạn, vừa trợ bút, vừa phóng viên, kể có 400 người rồi. Năm chục năm trước, hồi báo Triều nhật mới lập ra, vẻn vẹn chỉ có 20 người làm, thế mà trải qua có nửa thế kỷ, báo ấy mở mang phát đạt cho tới có số người làm đông đảo như thế, thật là một sự tiến bộ lạ lùng lắm vậy.

Những thợ này làm việc trong báo Triều nhật, hình như mỗi người đối với nhà báo đều có cảm tình gắn bó và có lòng tín ngưỡng cao xa, đến đỗi họ cặm cụi giúp việc nhà báo một cách thành tâm tận lực, chớ không mấy ai chịu bỏ đi làm nơi khác. Theo số điều tra tới cuối năm rồi, thì trong nhà báo Triều nhật, số người làm việc lâu bền 20 năm trở lên, có ngoài 50 người; còn có nhiều người giúp việc ròng rã trên 40 năm nữa.

Báo Triều nhật thường ngày xuất bản buổi sáng 8 trang lớn, buổi chiều 4 trang; nội dung chú trọng về công việc tin tức trong xứ trước, rồi bàn rộng tới công việc tin tức khắp các nước Âu Mỹ. Bởi vậy, phàm là những nơi đô hội kinh thành lớn trong thế giới, báo Triều nhật đều có đặt thông tin riêng.

Trong số báo mỗi ngày, trừ tin tức ra, các vấn đề chính trị, kinh tế, giáo dục, mỹ nghệ, thể dục… mỗi vấn đề có một địa vị riêng, chu đáo hoàn toàn lắm. Cầm tờ báo coi cách in của họ tốt đẹp kỹ lưỡng quá: chữ Hòa văn (nghĩa là chữ Nhật có xen chữ Tàu vô) sắp nhỏ như con muỗi, vậy mà nét in rõ ràng sạch sẽ hết sức, không có một chút nào có thể chê được. So sánh một tờ báo Nhật với một tờ báo Tàu vào hạng tốt nhất, như Thân báo ở Thượng Hải, sự khác xa nhau kể trời với vực. Người Nhật tự chế ra được cái máy sắp chữ theo kiểu monotype của Âu Mỹ để sắp chữ Hòa văn.

Báo Triều nhật vừa sắp chữ theo lối thường, vừa dùng máy sắp chữ kiểu riêng nói đây.

Không phải báo Triều nhật chỉ phát hành ở Đại Bản và ở Đông Kinh mà thôi, họ còn phát hành những tờ báo địa phương, rải rác có 29 nơi ở trong nước, mà nơi nào cũng mang cái tên báo đó và có máy in riêng cả.

Gặp khi có việc biến động gì quan hệ, ví dụ như lúc Nội các thay đổi, tức thời báo Triều nhật in ra số báo đặc biệt (numéro spécial), rồi cho mười mấy chiếc phi cơ của nhà báo bay đi phân phát khắp các phủ huyện. Họ cốt làm cho tin tức thông báo, cực kỳ mau lẹ hoàn toàn. Đội phi cơ của nhà báo phải bay đi ban đêm là sự thường lắm.

Ngoài ra số báo mỗi ngày, nhà báo Triều nhật còn xuất bản nhiều thứ tuần báo, về chính trị, về kinh tế, về thể dục, về phụ nữ, về nhi đồng, về nghệ thuật; còn có những tạp chí mỗi tháng ra một kỳ và mỗi mùa, mỗi năm cũng có một hiệu tạp chí riêng nữa. Ấy là các báo bằng chữ Nhật. Muốn làm quảng cáo cho nước Nhật khắp trong thế giới, báo Triều nhật phát hành mấy thứ tuần san tạp chí bằng chữ Anh, để gửi tặng các nước ngoài. Chắc ít người mình được ngó thấy mấy thứ báo này; ai ngó thấy tất phải ghê sợ cách in của Nhật Bản khéo léo tốt đẹp lạ lùng.

Luôn dịp, tưởng nên nói qua cho biết sự cạnh tranh của mấy tờ báo lớn ở Nhật ra thế nào?

Hai báo Triều nhật và Mỗi nhật[26] cạnh tranh nhau từ ly từ chút, không ai chịu thua ai; nhưng họ cạnh tranh một cách vĩ đại, hùng hồn, chớ không phải cạnh tranh bằng những ngón tiểu nhân đâu. Ví dụ năm 1914, báo Mỗi nhật cất tòa báo cao 5 tầng, thì năm sau, báo Triều nhật dựng lên báo quán cao ngất 8 tầng. Hay là năm 1924, Mỗi nhật phái một chiếc thủy phi cơ bay khắp nước Nhật để cổ động cho báo; tức thì Triều nhật cho một chiếc phi cơ cất cánh bay ngang Si-bê-ri (Sibérie) và Nga quốc rồi tuốt xuống tới kinh thành Ba-lê nước Pháp, để chụp hình và điều tra về phong cảnh nhân vật.

Mỗi nhật tức mình quá, vì thấy mình làm gì, Triều nhật cũng làm cho hơn, Mỗi nhật bèn mua một lúc năm chiếc máy bay dùng làm quảng cáo,

không dè mấy hôm sau, Triều nhật sắm 10 chiếc máy bay dùng để đem tin và chở báo đi lại trên không trung từ Đại Bản lên Đông Kinh.

Hai báo ganh hơi tức khí nhau đến đỗi nhà báo nào cũng in ra một số báo riêng để cho dân mù đọc.

Cuộc cạnh tranh từng nước của hai tờ báo này, có kết quả rất hay cho địa vị báo giới Nhật Bản được cao thêm lên hoài và người đọc báo được hưởng những sự lợi ích mới mẻ về mặt kiến văn tin tức luôn luôn.

Vì lẽ cạnh tranh, nhà báo nào cũng quăng tiền bạc ra như rác, không hề thập thò tiếc rẻ, miễn có tin tức mau chóng mà thôi. Tức như hồi năm 1923, có nạn động đất dữ dội ở thành Đông Kinh, ai nấy còn nhớ; kỳ đó báo Mỗi nhật xài hết tới 440.000 yên, là tiền phái người đi điều tra chụp hình và tiền đánh dây thép về nhà báo ở Đại Bản.

Sợ dùng những phương pháp thông tin thường dùng, e có khi bị chậm trễ hay hư hỏng gì chăng, nên chi hai nhà báo cạnh tranh, đều đặt ra nhà máy vô tuyến điện riêng, rất là hoàn hảo và nuôi nhiều chim bồ câu giúp việc cho các nhà phóng sự thông tin.

Hồi năm 1926, Đại Chính Thiên hoàng lâm bệnh, hai báo Triều nhật, Mỗi nhật cạnh tranh về cách thông tin mới ghê. Ngay lúc bệnh vua chưa lấy gì làm trầm trọng lắm, hai báo đã mướn nhà ở gần hoàng cung để cho phóng viên của mình ở luôn đêm ngày, dò la tin tức. Phóng viên hai báo giấu lén nhau ngộ quá, đến nỗi báo này tưởng báo kia không biết làm cách mướn nhà ở dọ tin như mình. Trong nhà đó, họ đặt máy nói, máy điện báo và sửa soạn máy chớp bóng sẵn sàng; lại dự bị những máy bay, những xe mô tô, chim bồ câu, để bất cứ giờ khắc nào, hễ phóng viên có bài vở hình ảnh gì, tức thời gửi về Đại Bản cho nhà báo in liền.

Chỉ vì nghe ngóng bệnh tình của vua, mà báo Triều nhật phái đi tới số 60 người ở bên hoàng cung ròng rã 4 tháng, kể cả trợ bút, phóng viên, cùng là sốp phơ, loong toong và đầy tớ của họ đem theo hầu hạ nấu ăn nữa.
Báo Mỗi nhật cũng phái đi một số người đông như thế. Hai báo làm vậy là chỉ cốt tranh nhau đăng tin tức về bệnh tình Thiên hoàng cho được sớm hơn các báo độ mươi lăm phút đồng hồ thôi.

Coi một việc mà họ phái đi nhiều người như vậy, đủ biết số người phục dịch của mỗi nhà báo đông đến thế nào. Số người làm trong báo Triều nhật trên kia đã nói; còn số người làm của báo Mỗi nhật còn đông hơn: cả thảy 2.465 người, trong đó có 405 trợ bút. Cách tổ chức bên trong của báo này đại khái cũng như báo kia.

Hoa lợi của hai báo đều lấy tiền lời rao và số báo bán ra làm gốc. Mỗi năm họ thu nhập về hai khoản đó lối 10 triệu tới 14 triệu. Trừ mọi việc chi phí rồi, năm nào mỗi báo cũng được lời 2 triệu yên.

Người làm hai nhà báo này lương bổng khá lắm. Chủ bút báo Mỗi nhật có số lương mỗi năm tới 30.000 yên, chớ số lương quan thượng thư chỉ có 12.000, và lương quan tri sự mỗi phủ huyện (cũng như chủ tỉnh hay tổng đốc mỗi tỉnh ở nước mình) có 7.000 thôi.

Khỏi phải nói rõ, chắc độc giả cũng lượng biết những cơ quan ngôn luận ở Nhật Bản tổ chức một cách lớn lao, mới mẻ, trọn vẹn như tờ báo nói đây, tự nhiên có ảnh hưởng tốt đẹp cho văn hóa, cho dư luận đã đành, lại còn có thế lực lớn đối với chính trị trong nước nữa.

Đến thế kỷ nào, nước Nam mình mới có một tờ báo như Triều nhật hay Mỗi nhật?

## NGHỀ IN TẤN PHÁT CŨNG GHÊ

Lấy thời gian và công việc mà so sánh thử chơi, cùng là khoảng đường 30 năm, kể từ chỗ cất bước phát đi, nghề báo nghề in ở nước Nhật chạy bằng hai cặp giò con thỏ, còn nghề in nghề báo của mình đi chậm quá con rùa.

Nói là 30 năm, chớ sự thật chưa hết cái thời gian ấy thì sự nghiệp báo chí và xuất bản của người Nhật đã sắp hàng với mấy anh chị bậc nhất trong thiên hạ rồi. Lời thề của họ cả quyết sửa sang mau lẹ cho bằng Âu Mỹ, thiệt họ đã làm đúng y, bất cứ phương diện nào.

Vào khoảng bắt đầu chúa Trịnh ở đời Lê nước ta, thì Đức Xuyên Gia Khang 德川家康 [Tokugawa Ieyasu] nổi lên làm chúa ở nước Nhật, sai thợ khắc ra 30 muôn chữ rời bằng cây để in Ngũ kinh, Tứ thư và các sách xưa

của bản quốc phát cho dân học. Tới khoảng đầu thế kỷ XVII (lối chừng 1614), họ lại biết đúc ra 20 muôn chữ bằng đồng nữa mới là kỳ hơn. Nhờ họ sớm biết khắc chữ cây rời, đúc chữ đồng rời như thế, thành ra nghề in đã có căn cơ vững vàng tốt đẹp và kinh kia sách nọ được rải trong dân gian được rộng lắm rồi.

Chắc hẳn "chữ rời" chẳng phải là việc phát minh của người Nhật đâu; thuở nay họ chỉ thánh bắt chước, chớ không phát minh được gì. Cụ Khổng ngày xưa nói mình "Thuật nhi bất tác, 述而不作"[27]; chính người Nhật cũng vậy đó. Tôi đoán chắc hồi thế kỷ XV, Gutenberg ở Đức phát minh ra máy in và chữ rời, về sau có những cố đạo Bồ Đào Nha hay mấy chú lái buôn Hòa Lan, mon men qua Nhật giảng đạo, buôn bán, đem việc phát minh của Gutenberg nói cho người Nhật nghe rồi họ bắt chước tức thời, chớ không chi lạ!

Đã sẵn có cốt cách lâu đời vậy rồi, tự nhiên đến thời kỳ duy tân vừa mở ra, nghề in phải theo thời thế mà Âu hóa, người Nhật tự biết đúc ra chữ chì mà in sách in báo ngay, không phải đặt làm ở Âu Mỹ. Mà nghề in tấn tới bồng bột, cũng là sự thường.

Thời kỳ duy tân đi tới chừng nào thì nghề in và số sách hoặc soạn hoặc dịch cũng đi tới chừng ấy. Chỉ xem hai con số sau đây cũng đủ thấy rõ:

Năm Minh Trị thứ 10, số sách in ra cộng 5.441 quyển trong đó 232 quyển là sách phiên dịch (dịch sách Âu Mỹ ra chữ bản quốc) và 464 quyển là sách phiên khắc (in lại y bản của người ta).

Tới năm Minh Trị 37, số sách in ra lên tới 26.610 quyển, mà trong đó chỉ có 28 quyển là sách phiên dịch, còn phiên khắc thì không có một quyển nào.

Là bởi nước Nhật sau 30 năm Minh Trị duy tân, được liệt cường Âu Mỹ xem ngang vai đồng bậc rồi, thì Nhật có vô hội đồng minh bảo hộ bản quyền của liệt cường, thành ra sự phiên dịch và phiên khắc sách ngoài, không phải tự do được như trước, sách vở người ta, mình muốn dịch của ai cứ dịch, muốn in lại của ai cứ in, chẳng phải xin phép tác giả hay nạp thuế bản quyền gì hết, mà cũng chẳng ai biết đó là đâu. Vả lại sau 30 năm duy

tân rồi, việc giáo dục tấn tới mở mang lắm, hạng văn nhân học sĩ tự viết sách soạn sách lấy khá nhiều, mà số độc giả có thể tự hiểu văn tự Thái Tây cũng thêm đông lên rồi, không cần phải nhờ sách dịch nữa vậy.

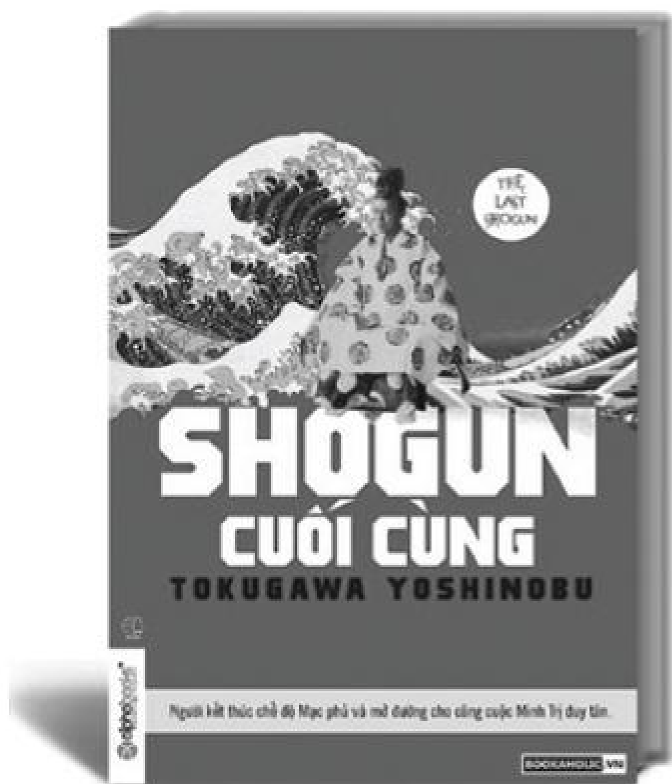
Nghề in mới, họ bắt chước Thái Tây tới cực điểm đã đành, nhưng có một nghề in cũ họ gìn giữ và sửa sang thêm, chính người Âu Mỹ cũng phải thưởng ngoạn. Ấy là lối in tranh vẽ nhiều màu sắc mà in bằng bản khắc cây, gọi là Đông cẩm hội 東錦繪 [Tounishikie], một món mỹ thuật tổ truyền. Lối này đã đem những bức tranh đẹp từ đời xưa của Nhật in ra khoe với thế giới. Nhưng tay thợ khắc cây tinh xảo đến đâu, mà mỗi bức tranh phải khắc từ 30 bản tới 100 bản cây riêng mỗi màu mỗi nét để sau in chồng lên nhau, công phu quá nhiều và giá vốn quá mắc, thành ra không bì được với mỹ nghệ màu bằng đá bằng điễn của đời nay vừa mau vừa khéo hơn. Dầu vậy mặc lòng, nó cũng tỏ ra nghề in của Nhật từ xưa đã có giá trị mỹ thuật riêng là thế nào rồi.

-- HẾT --

# PHỤ LỤC

Tủ sách đất nước, văn hóa, con người Nhật Bản do Alpha Books xuất bản

SHOGUN CUỐI CÙNG




Tên sách: *Shogun cuối cùng*

Tác giả: Tokugawa Yoshinobu

Khổ sách: 14x20,5

Số trang: 364 trang

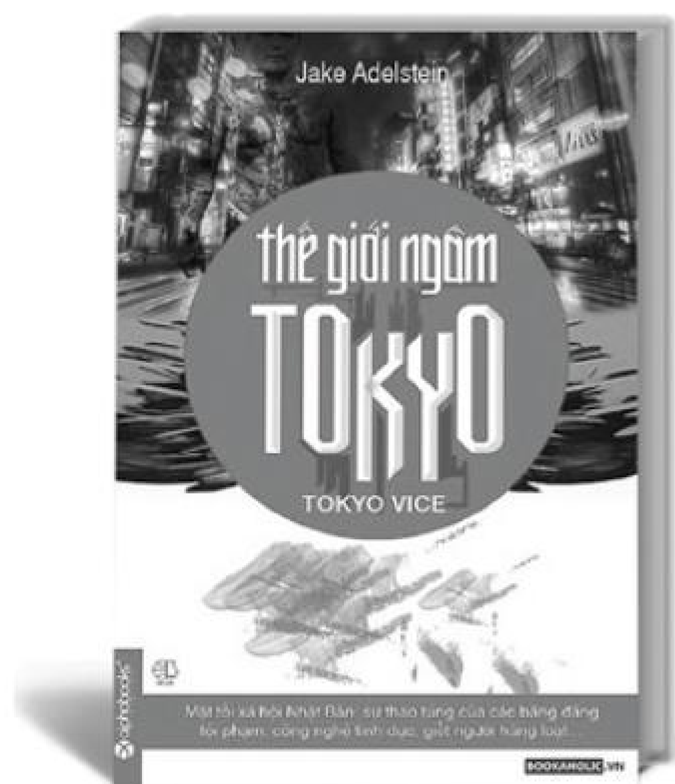
Nhà xuất bản Thế giới, 2014

Shogun cuối cùng, cuốn sách dễ khiến người ta liên tưởng đến một nước Nhật cổ xưa với những hình ảnh đặc trưng nhất của một nền văn hóa mang tinh thần võ sỹ đạo. Bạn ngỡ mình sẽ chìm đắm trong những lời văn miêu tả những đường gươm mũi kiếm tuyệt mỹ, những tiếng hét ra lửa của một Đại Tướng quân uy nghi lẫm liệt trong bộ giáp sắt cùng những mưu lược, toan tính để đối đầu với kẻ thù....?

Thế nhưng, bối cảnh lại diễn ra vào những năm giữa thế kỷ XIX, khi súng ống, đạn pháo, đại bác, máy ảnh, tàu hơi nước... đã có mặt ở Nhật Bản. Lúc ấy, dù là Thiên hoàng hay Đại Tướng quân, dù là Samurai hay thường dân, bất kỳ người Nhật nào cũng hiểu rõ đất nước đang đối mặt với một thời kỳ đầy biến động. Trong thời điểm "dầu sôi lửa bỏng ấy", cần có một cái đầu lạnh.

Và Shiba Ryotaro đã phác họa nên chân dung một trong những "cái đầu lạnh" thời bấy giờ trong lịch sử Nhật Bản. Bạn sẽ bắt gặp hình ảnh một Samurai vừa lạ, vừa quen với hình dung vốn có, để rồi nhận ra đâu đó trong cuốn tiểu thuyết này những lý giải cho sự phát triển và thành công lâu nay của nước Nhật.

THẾ GIỚI NGẦM TOKYO




**Tên sách:** ***Thế giới ngầm Tokyo***

**Tác giả: Jaka Adelstein**

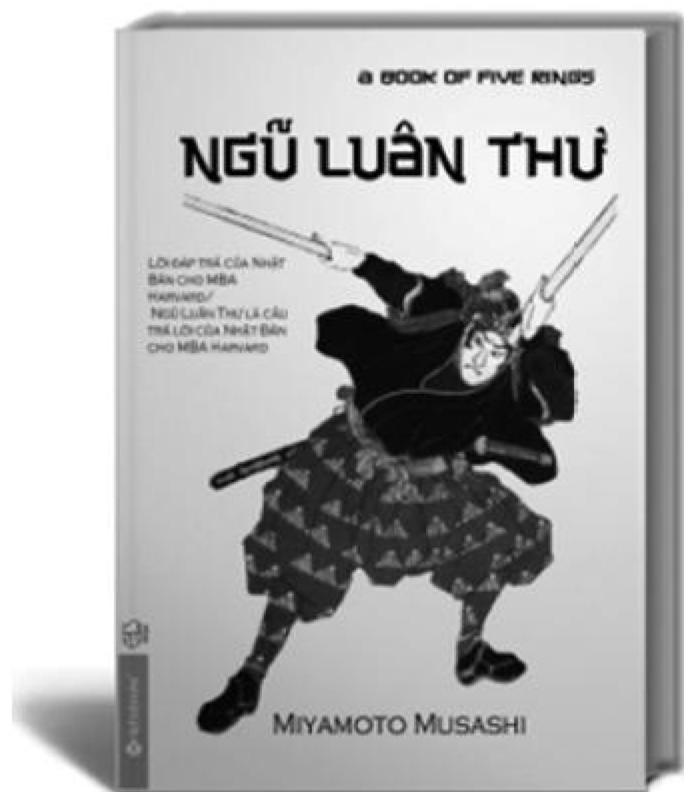
**Khổ sách: 14x20,5**

**Số trang: 544 trang**

**Nhà xuất bản Thế giới, 2014**

**T**hế giới ngầm ở Tokyo - là câu chuyện có thật đầy kịch tính của một phóng viên điều tra người Mỹ chuyên viết về tội phạm, và hầu như hoạt động chủ yếu trong báo giới Nhật. Năm 1993, ông trở thành nhân viên đầu tiên không phải người Nhật làm cho báo Yomiuri Shinbun. Trong suốt 12 năm điều tra, Jake Adelstein đã khám phá ra rất nhiều mảng tối của xã hội Nhật Bản: những hành vi thâm độc và sự thao túng của các băng đảng tội phạm đối với chính phủ và cả FBI... Sự chạm trán của thế lực này với bất cứ ai đều là một nỗi bất hạnh cho người đó.

# NGŨ LUÂN THƯ




Tên sách: *Ngũ luân thư*

Tác giả: Miyamoto Musashi

Khổ sách: 14x20,5

Số trang: 208 trang

Nhà xuất bản Thế giới, 2013

**N**gũ luân thư được nghiền ngẫm khắp nơi, từ giảng đường Harvard cho đến các doanh nhân và các chiến lược gia, và nó được coi là kim chỉ nam cho người đọc, giúp họ chiến thắng mục tiêu và đạt được thành công trong sự nghiệp nói chung, và là lời đáp trả của người Nhật cho MBA của Harvard nói riêng. Tạp chí Time đã ca ngợi quyển sách này rất ngắn gọn: "Ở Phố Wall, khi Musashi cất tiếng, tất cả phải lắng nghe".

# NHẬT HOÀNG HIROHITO VÀ CÔNG CUỘC XÂY DỰNG NƯỚC NHẬT BẢN HIỆN ĐẠI




Tên sách: *Nhật hoàng Hirohito và công cuộc xây dựng nước Nhật*

Bản hiện đại

Tác giả: Herbert P. Bix

Khổ sách: 16x24

Số trang: 704 trang

Nhà xuất bản Thế giới, 2013

**N**hật hoàng Hirohito và công cuộc kiến thiết nước Nhật Bản hiện đại, tác giả Herbert P.Bix đã mô tả về Thiên hoàng Chiêu Hòa, trong đó tập trung vào các quan hệ gần gũi của ông với các cận thần, quan chức, nhóm tinh

hoa chính trị của Nhật Bản cũng như quan hệ chặt chẽ với tướng MacArthur.

Cuốn sách viết về giai đoạn khó khăn nhất trong lịch sử phát triển Nhật Bản, vén lên bức màn bí ẩn về ảnh hưởng của Hirohito đối với Nhật Bản và thế giới. Những quyết sách xây dựng nhà nước Nhật Bản hiện đại của ông được phân tích tỉ mỉ, rõ ràng.

LỊCH SỬ TÔN GIÁO NHẬT BẢN




Tên sách: *Lịch sử tôn giáo* ***Nhật Bản***

Tác giả: Sueki Fumihiko

Khổ sách: 13x20,5

Số trang: 316 trang

Nhà xuất bản Thế giới, 2011

**C**uốn sách mà quý vị độc giả đang cầm trên tay được dịch từ trước tác của nhà nghiên cứu Sueki Fumihiko - chuyên gia hàng đầu của Nhật Bản trong lĩnh vực nghiên cứu lịch sử tư tưởng, đặc biệt là tư tưởng tôn giáo. Ông đã có một thời gian dài giảng dạy tại Đại học Tōkyō, sau đó chuyển sang công tác tại Trung tâm nghiên cứu văn hóa Nhật Bản Quốc tế (Nichibunken), nơi tập trung nhiều chuyên gia hàng đầu của Nhật Bản về các lĩnh vực trong ngành khoa học xã hội nhân văn. Lịch sử tôn giáo Nhật Bản là cuốn sách hiếm hoi đã tổng hợp được một cách logic toàn bộ lịch sử tôn giáo Nhật Bản mà người viết nếu không phải là người am hiểu về mối quan hệ đa chiều của tất cả các tôn giáo trong lịch sử của đất nước này thì khó có thể viết được.

ĐỂ TRỞ THÀNH SAMURAI TIẾNG NHẬT



Tên sách: *Để trở thành samurai*

tiếng Nhật

Tác giả: Abe Masayuki

Khổ sách: 13x20,5

Số trang: 280 trang

NXB Lao động - Xã hội, 2012

Đây chính là cuốn sách đầu tiên tại Việt Nam giúp bạn có thể vào làm tại các doanh nghiệp Nhật Bản hay đi du học tại Nhật Bản.

Nhật Bản không chỉ là quốc gia dẫn đầu thế giới về kinh tế và công nghệ, mà còn là đất nước kỳ diệu với những nét văn hóa đặc trưng cùng tính cách dân tộc độc đáo. Những năm qua, quốc đảo này là địa chỉ quen thuộc đối với các bạn trẻ trên khắp thế giới tìm đến để trau dồi kiến thức, học hỏi kinh nghiệm thông qua học tập và làm việc tại các công ty Nhật Bản. Không chỉ thu được kiến thức khoa học hay kinh nghiệm quản lý, các bạn trẻ chắc chắn sẽ còn được rèn luyện một trong những bí quyết thành công của người Nhật, nguồn gốc của "sự thần kỳ châu Á". Đó là tinh thần Samurai!

# Chú Thích

1. Công lệ: Cách thức chung được mọi người đều nhìn nhận, đánh giá. (BT)

2. Toàn bộ các chữ trong [ ] đều là của biên tập viên.

3. Tham lam cùng cực, không gì có thể ngăn trở được. (BT)

4. Bảo vệ thân mình. (BT)

5. Tức là trường Tảo Đạo Điền đại học 早稲田大学 – Waseda Daigaku ở Tokyo ngày nay.

6. Quân Nguyên thời ấy hùng cường vậy đó mà xâm lăng Nhật bị Nhật đánh thua, kéo qua đánh nước Nam ta cũng bị ta đuổi chạy. Hai phen vị anh hùng Trần Hưng Đạo ta đại thắng binh Nguyên, ấy là một việc võ công vẻ vang nhất cho lịch sử và nòi giống ta, chắc đồng bào đều ghi nhớ, mà cũng nên có chỗ cảm thán vô cùng.

7. Hồng Mao tức nước Anh (Theo cách gọi của người Trung Hoa).

8. Thát Đát 韃靼 một giống người Mãn Châu và Mông Cổ hồi xưa. Con cháu Thành Cát Tư Hãn chiếm cứ nước Tàu làm vua, dựng lên nhà Nguyên 元, chính là dòng dõi Thát Đát. Bởi vậy khi binh Nguyên qua xâm lấn nước ta, hồi vua nhà Trần, ông Trần Quốc Tuấn (Hưng Đạo Vương) ra tay quyết đánh, và muốn làm mạnh lòng quân, thề trừ giặc nước, nên chi ông bắt mỗi tên quân, đều thích vào tay hai chữ "sát thát" (殺韃), nghĩa là giết giặc Thát.

9. Ôm ấp ý đồ, âm mưu xấu xa. (BT)

10. 鎖国俳洋 Tỏa quốc bài dương: Khóa cửa biển lại không cho người Tây phương ra vào lui tới.

11. 大倭, bây giờ tức là thôn Bạch Cương 白橿, quận Cao Thị (高市), xưa gọi là Cương Nguyên 橿原. Đời xưa giống người Nhật có cái tên của Tàu đặt cho, gọi là giống người Nụy. Bởi vậy sử đời Nguyên nước Tàu chép về Nhật Bản, kêu là Nụy Nô quốc (倭奴國), nghĩa là nước người lùn thấp, do cái gốc của dân Ái nô (Ainos) mà ra. Chính người Nhật tự xưng là Đại Hòa (大和 Yamato).

12. Uất ức, tự nổi giận với chính mình. (BT)

13. Pierre Corneille (1606-1684), nhà viết kịch, nhà thơ lớn của Pháp. (BT)

14. Đến giờ con cháu họ Đức Xuyên vẫn được triều đình trọng đãi, quốc dân kính tôn. Con của Khánh Hỉ là Đức Xuyên Gia Đạt 德川家達 [Tokugawa Iesato] được lập tước công, hiện có một lúc làm Nghị trưởng viện Quý tộc.

15. Nhiếp quan 摂官 [sekkan] hay Quan bạch 官白 [kambaku], đều là chức phẩm rất cao của triều đình phong cho vị tướng quân Mạc phủ.

16. Tức cuộc nổi dậy của Nghĩa Hòa Đoàn năm 1900. (BT)

17. Nguyễn Thuật, làm chức Tán tương quân vụ ở đời vua Hàm Nghi, sau bỏ nước đi qua Nhật Bản rồi về ẩn cư bên Tàu; tạ thế chừng ngoài mười năm nay. Cụ chính là nhạc phụ của Tôn Thất Thuyết. [Có lẽ tác giả bị nhầm, ở đây phải là Nguyễn Thiện Thuật mới chính xác. (BT)]

18. Thực dân lược địa (殖民掠地): Dời dân mình đi ở nơi khác kiếm ăn và cướp lấy đất nước của người ta.

19. Phố hiến lúc đó là tỉnh Hưng Yên ở Bắc Hà bây giờ, nhiều người các nước Hòa Lan, Y Pha Nho, Bồ Đào Nha, Nhật Bản… tới lập tiệm bán buôn đông đảo vui vẻ. Sự phồn ba của Phố hiến chỉ thua có thành Thăng Long tức là kinh đô Hà Nội mà thôi, bởi vậy thuở ấy ta có câu phong dao: "Thứ nhất Kinh kỳ, thứ nhì Phố hiến".

20 Tên nguyên gốc của tác phẩm là 学問のすゝめ Gakumon no susume (Khuyến học). Ở đây có lẽ tác giả Đào Trinh Nhất đã chịu ảnh hưởng của

Hán học nên dịch tên tác phẩm thành Học văn chi khuyến. (BT)

21. Trần quân viết bài trong số báo Đuốc nhà Nam đặc biệt ngày 9 Février 1934, cho bài thi trên đây của Y Đằng Bác Văn, ấy là sai lầm. Chính của Tây Hương Long Thịnh. Chỉ Tây Hương với thủ đoạn cách mạng của Tây Hương mới phát ra bài thơ như thế. Ta nên nhớ hồi đang duy tân, phe đảng của hai phiên Tát và Trường chuyên quyền, nắm giữ hết các địa vị trọng yếu, ngăn trở dân quyền, nên chi Tây Hương phẫn uất mà khởi binh, mới phát ra cái khẩu khí như bài thơ đó. Còn Y Đằng lúc ấy đang làm quan lớn trong triều, cộng sự với phe đảng hai phiên Tát, Trường, thì làm gì có sự phẫn uất ấy đâu.

22. Có tên khác là Khố Hiệt đảo 庫頁島 hay Tát cáp liên 薩哈蓮 cũng thế, tức là cái cù lao ta thấy trên địa đồ đề tên là Sakhalin, nửa phần về Nga, nửa phần về Nhật. Nhật lấy lại được nửa phần sau trận thắng Nga 1905; còn nửa phần nữa bây giờ họ tính mua lại của Nga, cũng như là mua con đường xe lửa Đông Mãn kia.

23. Lúc đó hải quân nước Nga chia làm 4 hạm đội hay là 4 đoàn tàu chiến, đóng ở 4 nơi: một là hạm đội Ban tích (Escadre de la Mer Baltique); hai là hạm đội Hắc Hải (Escadre de la Mer Noire); ba là hạm đội Lý Hải (Escadre de la Mer Intérieuse); bốn là hạm đội Thái Bình Dương (Escadre du Pacifique). Hạm đội này đóng ở cửa Lữ Thuận, bị hạm đội Nhật phá tan, sau đem hạm đội Ban-tích sang cứu viện cũng bị phá tan nữa.

24. Đoàn tàu chiến khi ra trận, chiếc tàu có ông Hải quân nguyên soái ở trên, treo cờ hiệu lệnh nguyên soái, thì gọi là kỳ hạm 旗艦 [kikan], tiếng Tây kêu là Navire Amiral.

25. Tác giả cuốn Le Japon dans le Monde, 326 trang, nhà xuất bản Payot ở Paris.

26. Người sáng lập báo Mỗi nhật (Mainichi) là Bản Sơn Ngạn Nhất (Motoyama Hikoichi) cũng tạ thế hồi năm 1933.

27. Tạm dịch: Thuật lại mà không trước tác. (BT)